



2017

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**  
*ANNUAL REPORT*



Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh  
*Company Name: Refrigeration Electrical Engineering Corporation*

Tên viết tắt/*Abbreviated Name: REE CORP*

Số CNĐKDN/*Business Registration No.: 0300741143*

Mã chứng khoán/*Stock Code: REE*

Vốn điều lệ: 3.100.588.410.000 đồng

*Share Capital: VND 3,100,588,410,000*

Trụ sở chính: 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
*Head Office: 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City*

Tel: 84-8-3810 0017

Fax: 84-8-3810 0337

Email: [ree@reecorp.com.vn](mailto:ree@reecorp.com.vn)

Website: [www.reecorp.com](http://www.reecorp.com)

# Mục lục

---

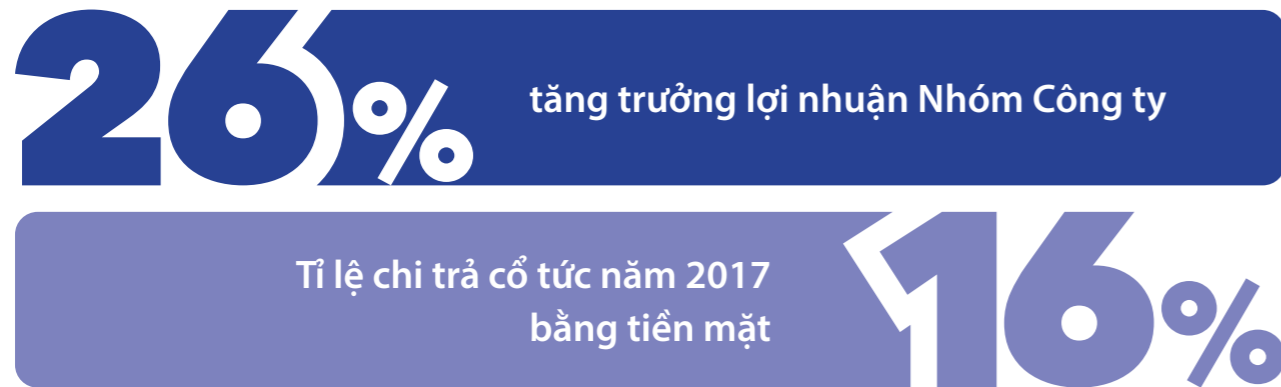
<b>Kết quả Kinh doanh Nổi bật</b>	<b>4</b>
<b>Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>	<b>6</b>
<b>Thông tin Doanh nghiệp</b>	<b>9</b>
Tổng quan về REE	10
Lịch sử Phát triển	12
Ngành nghề và Địa bàn Kinh doanh	14
Mô hình Quản trị, Cơ cấu Nhóm Công ty và Ban Lãnh đạo	15
Thông tin Cổ đông và Cổ phần	22
Quản trị Rủi ro	25
Định hướng Phát triển	27
<b>Tình hình Hoạt động Kinh doanh năm 2017</b>	<b>29</b>
Dịch vụ Cơ điện Công trình (M&E)	30
Sản phẩm mang Thương hiệu Reetech	31
Văn phòng Cho thuê	32
Phát triển Bất động sản	33
Cơ sở Hạ tầng Điện và Nước	34
Các Công ty Trực thuộc và Đầu tư Liên kết	35
<b>Các Báo cáo và Đánh giá</b>	<b>41</b>
Báo cáo và Đánh giá của Ban Giám Đốc	42
Đánh giá của Hội đồng Quản trị	48
Báo cáo Nhiệm kỳ 2013-2017 của Hội đồng Quản trị	50
<b>Quản trị Công ty</b>	
Tổng quan về Quản trị Công ty	54
Hội đồng Quản trị	56
Ban Kiểm soát	59
Các Giao dịch, Thù lao và các Khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	61
Việc Thực hiện các Quy định về Quản trị Công ty	63
<b>Báo cáo Phát triển Bền vững</b>	<b>65</b>
Thông điệp Phát triển Bền vững của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	66
Tổng quan về Báo cáo Phát triển Bền vững	68
Sự Tham gia của các Bên liên quan	70
Các Lĩnh vực Trọng yếu	72
Bảng Tham chiếu Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn GRI-G4	86
<b>Báo cáo Tài chính Kiểm toán</b>	<b>91</b>
Thông tin chung	92
Báo cáo của Ban Giám đốc	93
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	94
Báo cáo Tài chính Hợp nhất	96
<b>Địa chỉ Liên hệ</b>	<b>280</b>

# Content

---

<b>Highlights</b>	<b>142</b>
<b>Chairwoman's Statement</b>	<b>144</b>
<b>Group Overview</b>	<b>147</b>
About REE	148
History of REE	150
Business Activities and Geographies	152
Governance Model, Group Structure and Management Structure	153
Shareholders and Share Capital	160
Risk Management	163
Development Strategy	164
<b>Group Business Overview in 2017</b>	<b>167</b>
Mechanical & Electrical Engineering (M&E)	168
Reetech Air Conditioners	169
Office Leasing	170
Real estate Development	171
Power and Water Utilities	172
Subsidiaries and Associates	173
<b>Reports and Assessments</b>	<b>179</b>
Report and Assessments of the Management	180
Assessments of the Board of Directors	186
Report of Board of Directors in Term 2013-2017	188
<b>Corporate Governance</b>	
Corporate Governance Overview	192
Board of Directors	194
Inspection Committee	197
Transactions, Remuneration and Interests of the Board of Directors, Inspection Committee and Management	199
Implementation of Regulations on Corporate Governance	201
<b>Sustainability Report</b>	<b>203</b>
Sustainability Statement by The Chairwoman	204
Overview	206
Stakeholder's Engagement	208
Key Aspects	210
Gri-G4 Disclosures & Content Index	224
<b>Audited Financial Statements</b>	<b>229</b>
General Information	230
Report of Management	231
Independent Auditor's Report	232
Consolidated Financial Statement	234
<b>Contacts</b>	<b>280</b>

# Kết quả Kinh doanh Nổi bật

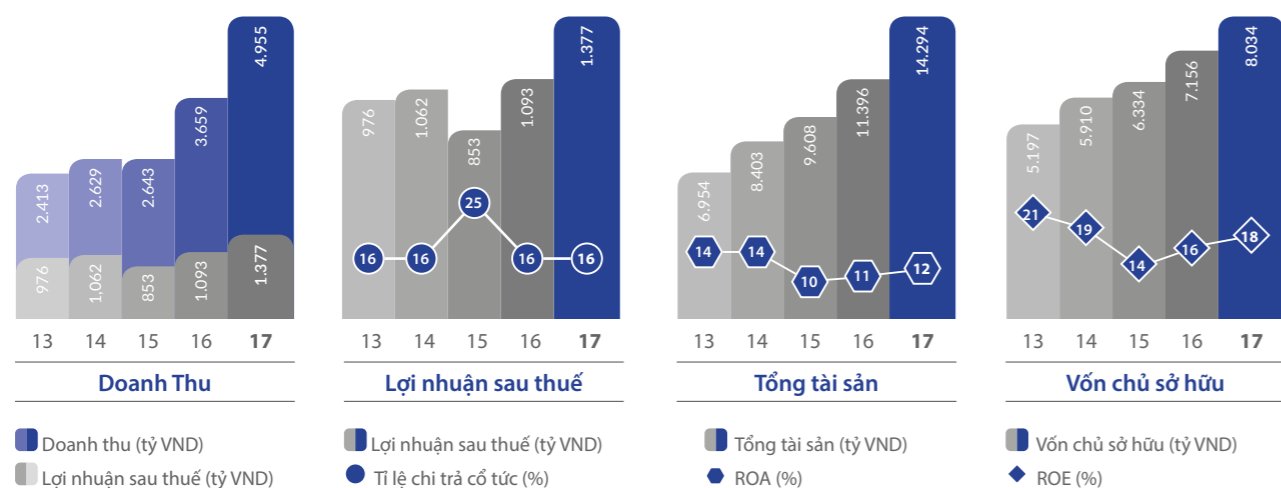


- Hoạt động M&E hưởng lợi từ sự phát triển mạnh mẽ của thị trường xây dựng các dự án
- Thu nhập cổ tức cải thiện trong danh mục đầu tư điện, dự án đầu tư mới trong ngành nước
- Hoạt động cho thuê văn phòng bổ sung thêm diện tích mới
- Đóng góp từ kết quả kinh doanh của VIID và SaigonRes

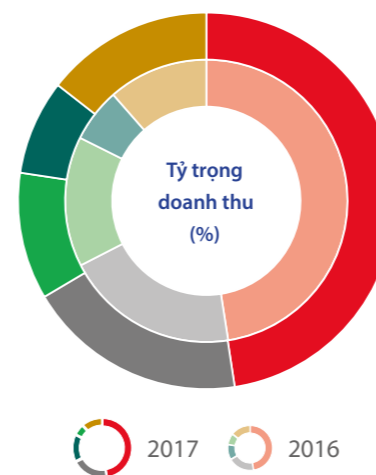
## Nội dung kết quả kinh doanh

	2017	2016	Thay đổi
	tỷ VND	tỷ VND	%
Doanh Thu	4.995	3.659	+36,5
Lợi nhuận Sau Thuế <sup>(1)</sup>	1.377	1.093	+26,0
Tổng Tài Sản	14.295	11.397	+25,4
Vốn Chủ Sở Hữu <sup>(1)</sup>	8.034	7.156	+12,3
	VND	VND	%
Lãi Cơ Bản trên 01 Cổ Phiếu	4.441	3.526	+26,0
Tỷ Lệ Chi Trả Cổ Tức (%)	16	16	0
Giá Trị Sổ Sách trên 01 Cổ Phiếu	25.913	23.080	+12,3

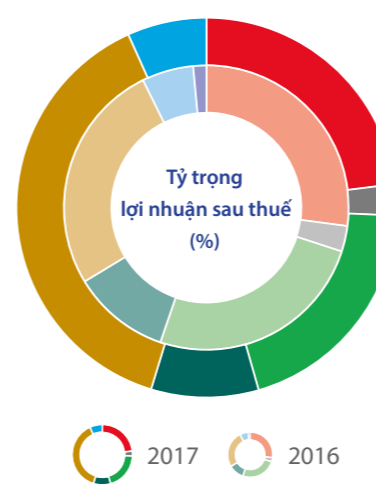
<sup>(1)</sup> Kết quả không bao gồm Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát.



## Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của các mảng kinh doanh



Doanh thu	2017		2016	
	tỷ VND	%	tỷ VND	%
REE M&E	2.377	48	1.739	48
Reetech	944	19	729	20
Cho thuê Văn phòng	545	11	546	15
Bất động sản	407	8	226	6
Điện	722	14	419	11
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.995</b>	<b>100</b>	<b>3.659</b>	<b>100</b>



Lợi nhuận sau thuế	2017		2016	
	tỷ VND	%	tỷ VND	%
REE M&E	322	23	296	27
Reetech	37	3	32	3
Cho thuê Văn phòng	278	21	276	25
Bất động sản	128	8	121	11
Điện & Than	539	40	288	27
Nước	94	7	64	6
Khác <sup>(2)</sup>	(21)	-2	16	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.377</b>	<b>100</b>	<b>1.093</b>	<b>100</b>

<sup>(2)</sup> Kết quả bao gồm thu nhập tài chính khác ròng

# Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị



“...Doanh thu Nhóm Công ty trong năm 2017 tăng 36,5% đạt 4.995 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.377 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước....

...Hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty được xây dựng dựa trên 3 động lực tăng trưởng chính: mảng dịch vụ cơ điện công trình M&E theo đuổi mô hình tự phát triển; mở rộng diện tích văn phòng cho thuê trong mảng bất động sản, phát triển dự án mới song song với hoạt động M&A trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng. REE M&E tiếp tục củng cố vị thế sẵn có. Công ty có sẵn quỹ đất để đẩy nhanh việc phát triển các dự án cao ốc văn phòng mới. Trong đầu tư điện, nước, REE sẵn sàng nguồn lực để triển khai các dự án mới và tìm kiếm các cơ hội đầu tư M&A chiến lược...

Kính thưa Quý Cổ đông và Nhà đầu tư,

Nhóm Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2017. Hoạt động M&E tăng trưởng về lợi nhuận trong khi đó mảng điện máy Reetech nỗ lực bám sát kế hoạch đề ra. Dịch vụ văn phòng cho thuê bổ sung thêm diện tích thuê mới với tòa cao ốc văn phòng e.town Central; kết quả hoạt động có sự đóng góp từ phân khúc căn hộ và chuyển nhượng dự án của các công ty liên kết bất động sản. Về đầu tư điện, các nhà máy thủy điện đạt được kết quả khả quan nhờ tình hình thủy văn diễn biến thuận lợi; sản lượng các nhà máy nhiệt điện được bao tiêu và thanh toán theo giá điện hợp đồng. REE tiếp tục mở rộng đầu tư trong ngành nước với khoản đầu tư mới vào một chuỗi nhà máy xử lý/ phân phối nước tiềm năng.

Doanh thu Nhóm Công ty trong năm 2017 tăng 36,5% đạt 4.995 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.377 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tăng 26% đạt 4.441 đồng. Vốn chủ sở hữu tăng 12,3% đạt 8.034 tỷ đồng. Nợ ròng hợp nhất cuối năm 2017 là 583 tỷ đồng, so với nợ ròng hợp nhất cuối năm 2016 là 533 tỷ đồng, thể hiện tỷ lệ nợ ròng trên vốn chủ sở hữu là 6,7%.

REE M&E ghi nhận giá trị hợp đồng ký mới cao nhất từ trước đến nay. Reetech mở rộng hoạt động kinh doanh sản phẩm cơ khí với các đơn hàng mới. Dịch vụ văn phòng cho thuê đưa vào khai thác tòa cao ốc e.town Central và sớm tiếp cận được các khách thuê quan tâm. Trong phân khúc căn hộ và nhà ở, VIID bàn giao nốt cho người mua những lô đất cuối cùng trong dự án Khu đô thị Nam Lê Lợi; SaigonRes bắt đầu triển khai các dự án căn hộ mới. Trong năm, REE thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch đầu tư dài hạn, tập trung danh mục vào những dự án hạ tầng trọng yếu đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

Hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty được xây dựng dựa trên 3 động lực tăng trưởng chính: mảng dịch vụ cơ điện công trình M&E theo đuổi mô hình tự phát triển; mở rộng diện tích văn phòng cho thuê trong mảng bất động sản, phát triển dự án mới song song với hoạt động M&A trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng. REE M&E tiếp tục củng cố vị thế sẵn có. Công ty có sẵn quỹ đất để đẩy nhanh việc phát triển các dự án cao ốc văn phòng mới. Trong đầu tư điện, nước, REE sẵn sàng nguồn lực để triển khai các dự án mới và tìm kiếm các cơ hội đầu tư M&A chiến lược.

Kết quả kinh doanh Nhóm Công ty đạt được là thành quả từ sự nỗ lực không ngừng và tận tụy làm việc của đội ngũ công nhân viên REE. Thay mặt cổ đông công ty, tôi xin gửi đến đội ngũ REE lời cảm ơn chân thành vì những đóng góp xuất sắc này. Cùng với sự đoàn kết quyết tâm cao hướng đến thành công, chúng ta sẵn sàng gặt hái nhiều thành quả hơn nữa trong năm 2018.

Nguyễn Thị Mai Thanh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 3 năm 2018



## Thông tin Doanh nghiệp

---

Tổng quan về REE	10
Lịch sử Phát triển	12
Ngành nghề và Địa bàn Kinh Doanh	14
Mô hình Quản trị	15
Cơ cấu Nhóm Công ty	16
Cơ cấu Ban Lãnh đạo	18
Thông tin Cổ đông và Cổ phần	22
Quản trị Rủi ro	25
Định hướng Phát triển	26

# Tổng quan về REE

Được thành lập từ năm 1977, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE) hiện là một Công ty niêm yết hoạt động đa ngành trong các lĩnh vực chính như dịch vụ cơ điện công trình (M&E); sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hòa không khí thương hiệu Reetech; phát triển, quản lý bất động sản; và cơ sở hạ tầng điện & nước.

Nhóm Công ty REE bao gồm:



**Công ty REE M&E** là nhà thầu cơ điện công trình hàng đầu tại Việt Nam



**Công ty REE Land, VIID và SaigonRes** hoạt động trong lĩnh vực phát triển các dự án bất động sản



**Công ty Điện máy REE** chuyên kinh doanh hệ thống điều hòa không khí mang thương hiệu Reetech



**Cơ sở hạ tầng điện và nước** với các khoản đầu tư vào các nhà máy điện và nhà máy cung cấp nước sạch



**Công ty REE Property** là nhà quản lý các cao ốc văn phòng cho thuê phát triển bởi REE

Là một trong những công ty niêm yết cổ phiếu đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, REE nằm trong Top 30 công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (tại thời điểm 31/12/2017, giá trị vốn hóa của REE là 12.867 tỷ đồng).



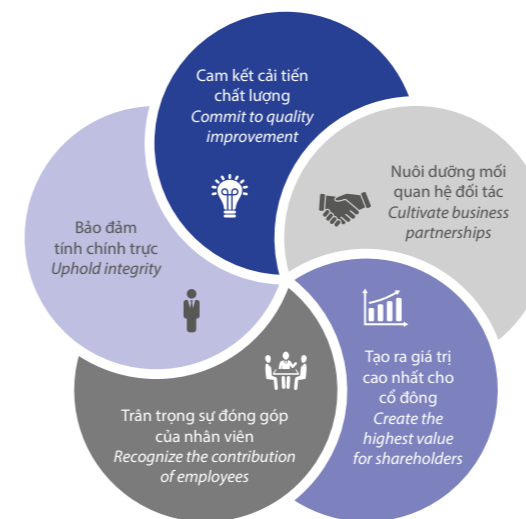
## Tầm nhìn

Trở thành một Công ty hoạt động đa ngành sở hữu, xây dựng và phát triển các doanh nghiệp hàng đầu trong ba lĩnh vực: cơ điện lạnh, bất động sản và cơ sở hạ tầng tiện ích tại Việt Nam.



## Chính sách chất lượng

- Cam kết cải tiến chất lượng
- Nuôi dưỡng mối quan hệ đối tác
- Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông
- Trân trọng sự đóng góp của nhân viên
- Bảo đảm tính chính trực



## Sứ mệnh

**Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư:** Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, đảm bảo sự bình đẳng, tăng cường tính minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

**Đối với Khách hàng:** Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

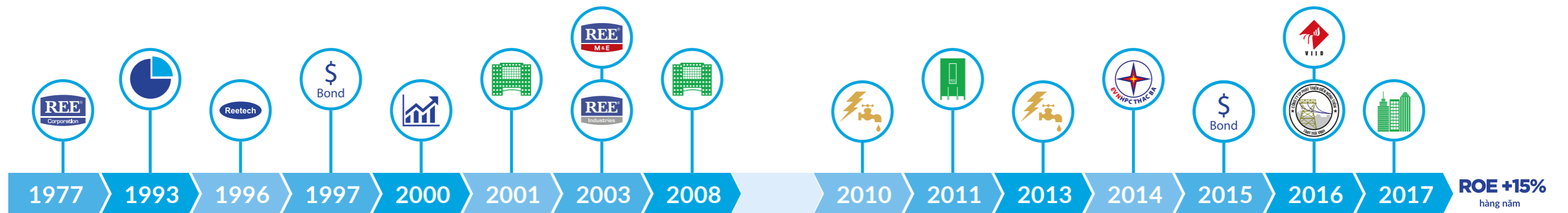
**Đối với Đối tác Kinh doanh:** Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

**Đối với Cộng đồng Xã hội:** REE vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

**Đối với Nhân viên:** Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần vào sự phát triển Công ty.



# Lịch sử Phát triển



## 1977

Công ty được thành lập dựa trên cơ sở là một đơn vị nhà nước mà sau này được đổi tên thành Công ty Cơ Điện Lạnh.

## 1993

REE là một trong những đơn vị đầu tiên thực hiện Cổ phần hóa, mở đường cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh.

## 1996

Công ty cho ra đời các sản phẩm Cơ Điện Lạnh mang thương hiệu Reetech.

## 1997

REE là Công ty đầu tiên phát hành trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư nước ngoài.

## 2000

REE trở thành Công ty đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## 2001

Khởi công xây dựng tòa nhà văn phòng e.town 1, là bước đi đầu tiên của REE vào lĩnh vực phát triển bất động sản.

## 2002-2003

Công ty cấu trúc hoạt động sản xuất và dịch vụ cơ điện công trình thành hai Công ty trực thuộc là Công ty REE M&E và Công ty Điện máy REE nhằm phát triển mạnh hơn nữa.

## 2008

Khu văn phòng cho thuê e.town đạt tổng diện tích cho thuê là 80.000m<sup>2</sup>.

## 2010

REE mở rộng đầu tư vào các ngành cơ sở hạ tầng điện và nước với mong muốn đáp ứng các nhu cầu xã hội thiết yếu này.

## 2011

Khai thác tòa nhà văn phòng REE Tower với tổng diện tích cho thuê là 20.000m<sup>2</sup>.

## 2012 - 2013

REE tiếp tục mở rộng đầu tư trong ngành cơ sở hạ tầng điện và nước, sẵn sàng để triển khai dự án bất động sản mới.

## 2014

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (TBC) trở thành công ty thành viên trực thuộc REE.

## 2015

Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu phát hành cho Platinum Victory Pte. Ltd. trong năm 2012, một Công ty thành viên thuộc sở hữu 100% của Jardine Cycle & Carriage, nâng tỷ lệ sở hữu của Platinum Victory Pte. Ltd. lên 22%. Khởi công xây dựng tòa nhà văn phòng e.town Central với tổng diện tích cho thuê là 34.000m<sup>2</sup>.

## 2016

Công ty Cổ phần Phát triển điện Nông thôn Trà Vinh (DTV) và

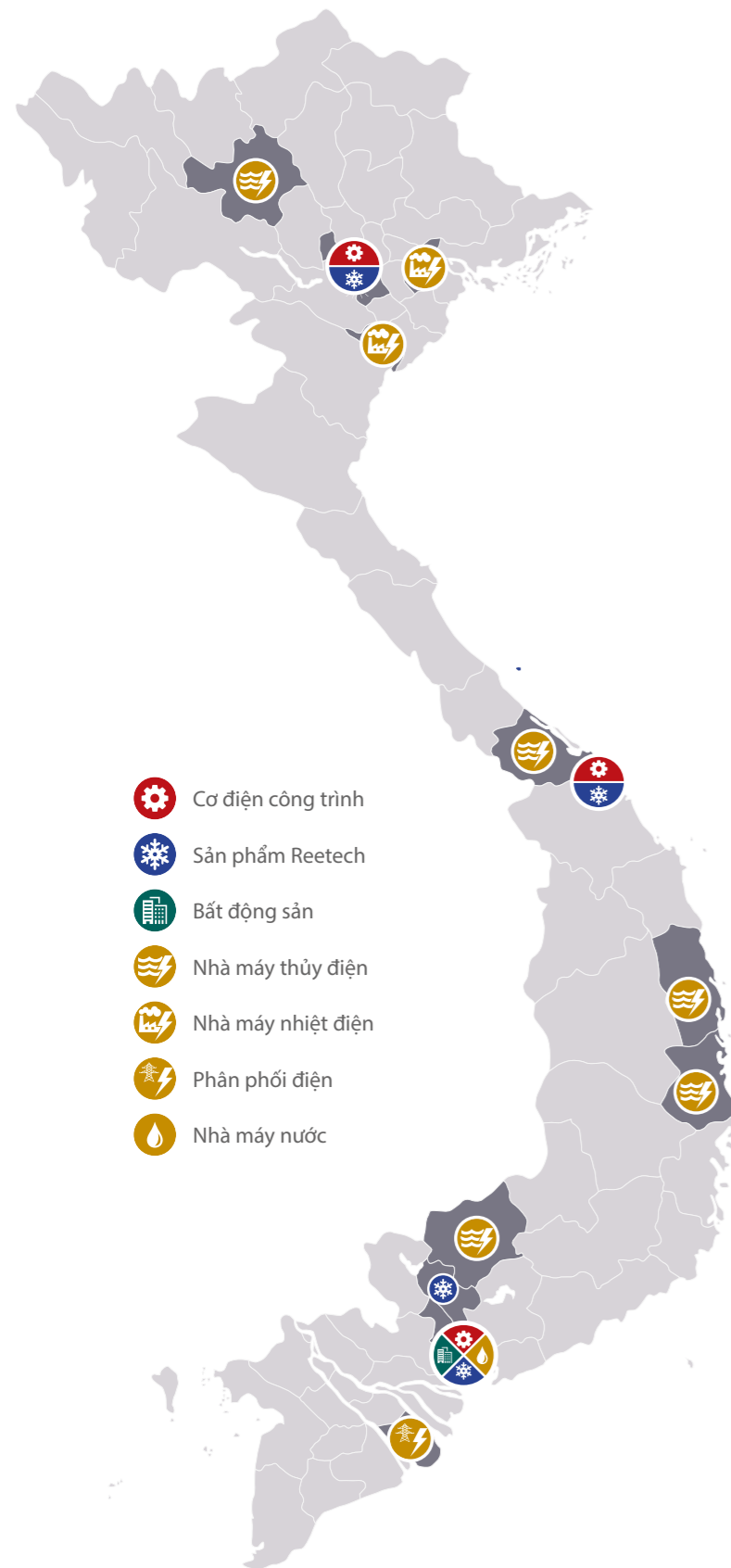
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam (VIID) trở thành Công ty thành viên trực thuộc REE.

## 2017

Khai thác tòa cao ốc văn phòng e.town Central với tổng diện tích cho thuê 34.000m<sup>2</sup>.

## ROE 15%

Hướng tới duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tối thiểu 15% hàng năm trong giai đoạn này.



## Ngành nghề Kinh doanh

REE hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300741143, đăng ký lần đầu ngày 29/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 03/06/2016.

Những hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2017 như sau:

- Dịch vụ cơ điện công trình (M&E);
- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu Reetech;
- Phát triển, quản lý, kinh doanh và khai thác bất động sản; và
- Cơ sở hạ tầng điện và nước với các khoản đầu tư vào các nhà máy điện và nhà máy cung cấp nước sạch.

QUẦN ĐẢO HOÀNG SA  
Paracel Islands  
(Vietnam)

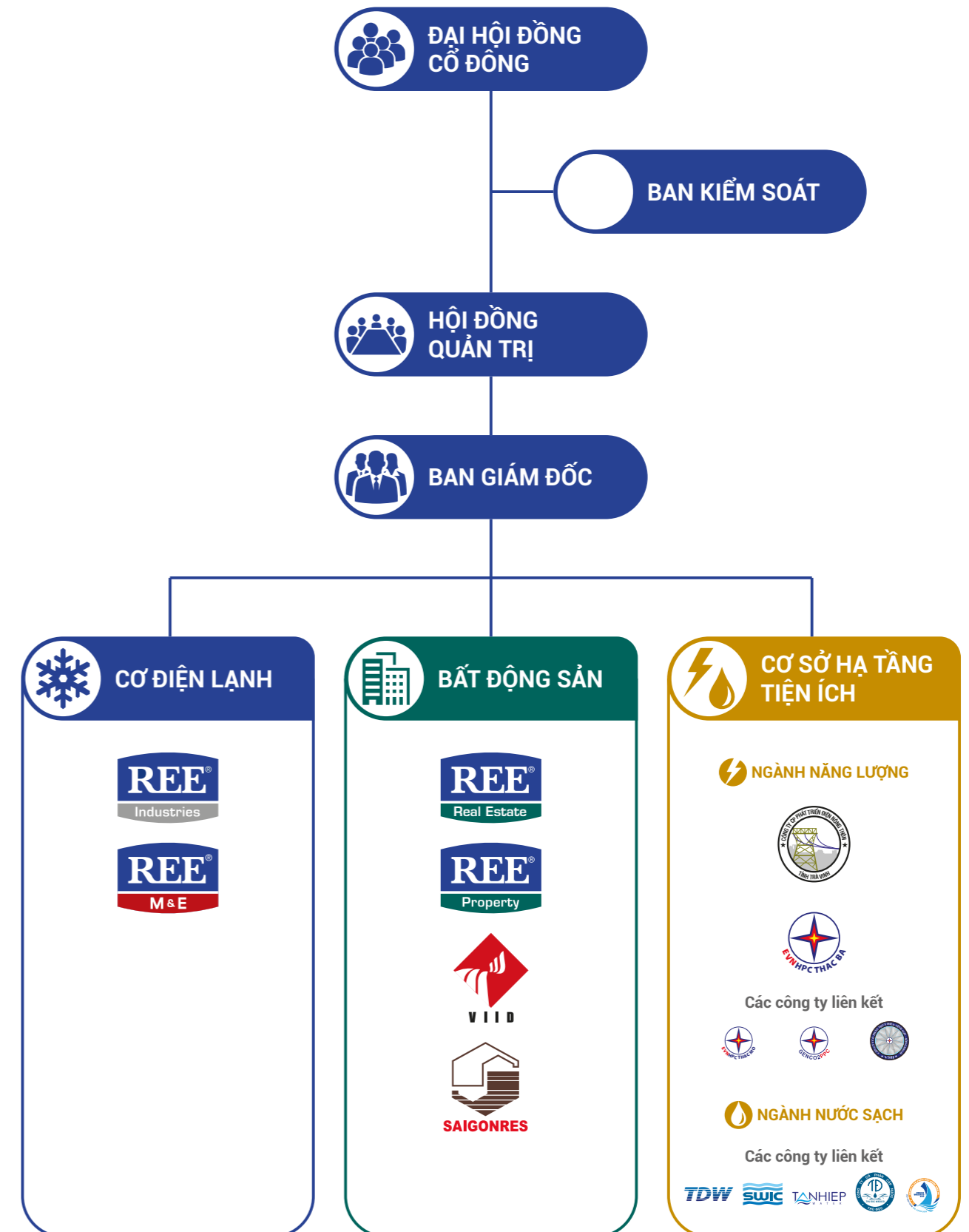
## Địa bàn Kinh doanh:

REE có trụ sở chính đặt tại 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Các công ty thành viên, công ty liên kết có địa bàn hoạt động chính tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Yên Bái, Quảng Ninh, Hải Dương, Ninh Bình, Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Phước, Bình Dương, Trà Vinh.

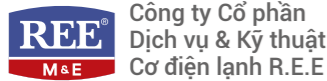
Dịch vụ cơ điện công trình (M&E) và sản phẩm mang thương hiệu Reetech được cung cấp trên khắp cả nước và xuất khẩu sang các thị trường Myanmar, Cuba.

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA  
Spratly Islands  
(Vietnam)



# Cơ cấu Nhóm Công ty

## Công ty Thành viên Trực thuộc



**Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E**

99,99% 150 tỷ VND

❗ Nhà thầu cơ điện công trình hàng đầu tại Việt Nam với kinh nghiệm thi công công trình M&E trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, thương mại và công nghiệp

📍 TP. Hồ Chí Minh

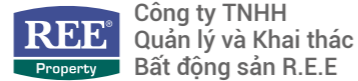


**Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E**

99,99% 150 tỷ VND

❗ Nhà sản xuất máy điều hòa không khí với thương hiệu Reetech đã trở nên quen thuộc với khách hàng qua các sản phẩm tiêu dùng và thương mại

📍 TP. Hồ Chí Minh



**Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E**

100% 6 tỷ VND

❗ Đơn vị kinh doanh và quản lý bất động sản cho thuê với diện tích văn phòng hơn 130.000m<sup>2</sup>

📍 TP. Hồ Chí Minh



**Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E**

99,97% 650 tỷ VND

❗ Nhà phát triển các dự án bất động sản

📍 TP. Hồ Chí Minh



**Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam**

50,61% 410 tỷ VND

❗ Công ty liên doanh phát triển bất động sản giữa REE và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

📍 Hà Nội



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

60,42% 635 tỷ VND

❗ Nhà máy thủy điện đầu tiên của Việt Nam tọa lạc tại tỉnh Yên Bái với công suất 120 MW

📍 Yên Bái



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

66,29% 52,8 tỷ VND

❗ Phân phối điện, quản lý, đầu tư, phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

📍 Trà Vinh

tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ

## Công ty Liên kết

Tên Công ty	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
CTCP Thủy điện Thác Mơ	Nhà máy thủy điện Thác Mơ công suất 150 MW tại tỉnh Bình Phước	700	42,63
CTCP Thủy điện IDICO Srok Phu Miêng	Nhà máy thủy điện công suất 51 MW tại tỉnh Bình Phước	450	34,30
CTCP Thủy điện Bình Điền	Nhà máy thủy điện công suất 44 MW tại tỉnh Thừa Thiên Huế	155	25,47
CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	Nhà máy thủy điện công suất 220 MW tại tỉnh Phú Yên	1.242	25,76
CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Gồm hai nhà máy thủy điện là Vĩnh Sơn công suất 66 MW tại tỉnh Bình Định và Sông Hinh 70 MW tại tỉnh Phú Yên	2.062	21,01
CTCP Thủy điện Miền Trung	Nhà máy thủy điện A Lưới công suất 170 MW tại Thừa Thiên Huế	1.260	20,07
CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình công suất 100 MW tại tỉnh Ninh Bình	129	29,45
CTCP Nhiệt điện Phả Lại	Nhà máy nhiệt điện Phả Lại công suất 1.040 MW tại tỉnh Hải Dương	3.262	23,36
CTCP Phong điện Thuận Bình	Nhà máy điện gió Phú Lạc công suất 24 MW tại Bình Thuận	163	25,00
CTCP B.O.O Nước Thủ Đức	Nhà máy sản xuất nước sạch công suất 300.000 m <sup>3</sup> /ngày tại TP. Hồ Chí Minh	558	42,07
CTCP Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Nhà máy sản xuất nước sạch công suất 300.000 m <sup>3</sup> /ngày tại TP. Hồ Chí Minh	150	40,00
CTCP Đầu tư Nước sạch Tân Hiệp	Nhà máy sản xuất nước sạch công suất 300.000 m <sup>3</sup> /ngày tại TP. Hồ Chí Minh	240	32,00
CTCP Cấp nước Thủ Đức	Cung cấp nước sạch trên địa bàn Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh	85	44,17
CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Nhà máy sản xuất nước sạch công suất 300.000 m <sup>3</sup> /ngày tại TP. Hà Nội	500	34,68
CTCP Cấp nước Gia Định	Cung cấp nước sạch trên địa bàn Quận Bình Thạnh và Quận Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh	95	20,05
CTCP Cấp nước Nhà Bè	Cung cấp nước sạch trên địa bàn Quận 4, Quận 7 và Huyện Nhà Bè TP. Hồ Chí Minh	109	20,02
CTCP Địa ốc Sài Gòn	Phát triển bất động sản với các dự án chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh	396	28,87

(số liệu% trên là tỷ lệ sở hữu của REE tính đến thời điểm 31/12/2017) (CTCP: Công ty Cổ phần)

# Cơ cấu Ban Lãnh đạo

## Hội đồng Quản trị



### Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Chủ tịch

Năm bổ nhiệm: 1993

Học vấn:

Kỹ sư ngành Điện lạnh  
(Đại học Kỹ thuật Karl-Marx-Stadt, Đức)

#### Kinh nghiệm làm việc

1993 - hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

1989 - 1992: Đại biểu Quốc hội khóa VIII

1987 - 1993: Giám đốc Xí nghiệp Cơ Điện Lạnh

1982 - 1987: Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ Điện Lạnh

#### Chức vụ khác đang đảm nhiệm

Tại Công ty niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT SaigonRes (HSX: SGR)

Tại Công ty khác: Thành viên HĐQT của VIID



### Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình

Thành viên

Năm bổ nhiệm: 2007

Học vấn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
(Đại học Hawaii, Mỹ)

#### Kinh nghiệm làm việc

2009 - hiện tại: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

2005 - 2009: Giám đốc Quan hệ Khách hàng Ngân hàng HSBC (Việt Nam)

#### Chức vụ khác đang đảm nhiệm

Tại Công ty niêm yết: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thủ Đức (HSX: TDW), CTCP Cấp nước Nhà Bè (HNX: NBW)

Tại Công ty khác: Thành viên HĐQT tại Nhà máy nước B.O.O Thủ Đức, Thủ Đức III, Tân Hiệp II



### Bà Đinh Thị Hoa

Thành viên không điều hành

Năm bổ nhiệm: 2015

Học vấn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
(Đại học Harvard, Mỹ)

#### Kinh nghiệm làm việc

1994 - hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân (Galaxy Studio)

1998 - 2007: Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

1992 - 1994: Thành lập Procter & Gamble Việt Nam

1988 - 1989: Chuyên viên dự án Chương trình Lương thực Thế giới, Liên Hợp Quốc

1987 - 1988: Làm việc tại Vụ Báo chí, Bộ Ngoại giao

1985 - 1987: Chuyên viên Bộ Ngoại giao

#### Chức vụ khác đang đảm nhiệm

Tại Công ty niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (HOSE: TVS) Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB)

Tại Công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Galaxy (Galaxy ME)

#### Các từ viết tắt

BKS	Ban Kiểm soát
CTCP	Công ty Cổ phần
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐUV	Hội đồng Ủy viên
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IDX	Sở Giao dịch Chứng khoán Indonesia
MINDSET	Mindset Care Limited - một tổ chức từ thiện của Jardine Matheson tại Singapore
SaigonRes	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn
SET	Sở Giao dịch Chứng khoán Thái Lan
SGX	Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore
TMCP	Thương mại Cổ phần
VIID	Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam



### Ông Alex Newbigging

Phó Chủ tịch không điều hành

Năm bổ nhiệm: 2013

Học vấn:

Thạc sỹ (Hạng ưu) ngành Triết học  
(Đại học Edinburgh, Anh)  
Chương trình Quản lý cao cấp  
(Đại học Harvard, Mỹ)  
Chương trình quản lý điều hành  
(Stanford Graduate School of Business, US)

#### Kinh nghiệm làm việc

2012 - hiện tại: Tổng Giám đốc Jardine Cycle & Carriage (SGX: C07)

2008 - 2012: Tổng Giám đốc Jardine Engineering Corporation

2006 - 2008: Giám đốc IKEA Hong Kong

2003 - 2005: Giám đốc Phát triển Kinh doanh IKEA Hong Kong & Taiwan

1995 - 2003: Đảm nhiệm nhiều vai trò tại Jardine Salmat, Jardine Aviation Services, Jardine Matheson

#### Chức vụ khác đang đảm nhiệm

Tại Công ty niêm yết: Thành viên HĐQT của Jardine Matheson Holdings (SGX: J36) Ủy viên của Astra International (IDX: ASII) Thành viên HĐQT Siam City Cement (SET: SCCC)

Tại Công ty khác: Chủ tịch MINDSET



### Ông Đặng Hồng Tân

Thành viên độc lập không điều hành

Năm bổ nhiệm: 2013

Học vấn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
(Chương trình Đào tạo Thạc sỹ Quản trị Việt - Bỉ)

#### Kinh nghiệm làm việc

2017 - hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (HSX: NLG)

2011 - hiện tại: Giám đốc hãng Tân Đặng & Công ty Công ty Ernst & Young Việt Nam

2008 - 2010: Giám đốc Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn Công ty Ernst & Young Việt Nam

1999 - 2008: Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh, Phó Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty Kiểm toán AFC

1997 - 1999: Trưởng phòng Tài chính & Hành chính Công ty Sân Golf Palm Sông Bé

1992 - 1997: Kế toán trưởng kiêm Kiểm toán viên chính và sau là Chủ nhiệm Kiểm toán Công ty Ernst & Young Việt Nam

1983 - 1992: Phó Kế toán trưởng Công ty Điện tử Bình Hòa

#### Chức vụ khác đang đảm nhiệm

Tại Công ty niêm yết: Không có

Tại Công ty khác: Không có

## Ban Kiểm soát



### Bà Đỗ Thị Trang

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm bổ nhiệm: 2005

Học vấn:

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán & Kiểm toán  
(Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Kinh nghiệm làm việc:

2005 - hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

2002 - 2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

1982 - 2002: Đảm nhiệm nhiều vai trò tại REE như Kế toán trưởng và Giám đốc Tài chính

Chức vụ khác đang đảm nhiệm: Không có



### Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm bổ nhiệm: 2013

Học vấn:

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán & Kiểm toán  
(Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Kinh nghiệm làm việc:

2009 - 2017: Kế toán trưởng Văn phòng Đại diện Jardine Matheson tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội

2004 - 2009: Giám sát viên Kiểm toán Công ty PwC Việt Nam

Chức vụ khác đang đảm nhiệm: Không có

# Cơ cấu Ban Lãnh đạo

## Ban Giám đốc Điều hành



### Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Chủ tịch

Năm bổ nhiệm: 1993

Học vấn:

Kỹ sư ngành Điện lạnh  
(Đại học Kỹ thuật Karl-Marx-Stadt, Đức)

#### Kinh nghiệm làm việc

Xem phần "Hội đồng Quản trị" ở trang 18



### Ông Trần Trọng Quý

Giám đốc Reetech

Năm bổ nhiệm: 2006

Học vấn:

Kỹ sư Cơ khí chuyên ngành Nhiệt lạnh  
(ĐH Bách khoa TP.HCM) và Cử nhân  
Quản trị Kinh doanh (ĐH Kinh tế TP.HCM)

#### Kinh nghiệm làm việc

Ông Trần Trọng Quý gia nhập REE vào năm 1994, đã từng nắm giữ các vị trí Trưởng phòng Vật tư, Phó Giám đốc, Giám đốc Sản xuất



### Ông Nguyễn Quang Quyền

Giám đốc Đầu tư

Năm bổ nhiệm: 2012

Học vấn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
(Đại học Columbia Southern, Mỹ)

#### Kinh nghiệm làm việc

Ông Nguyễn Quang Quyền gia nhập REE từ năm 2007 ở vị trí Trưởng phòng Đầu tư



### Ông Huỳnh Thanh Hải

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc REE M&E

Năm bổ nhiệm: 2013

Học vấn:

Kỹ sư ngành Điện khí hóa  
và Cung cấp điện  
(Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM)

#### Kinh nghiệm làm việc

2013 - hiện tại: Phó Tổng Giám đốc REE  
2008 - hiện tại: Giám đốc Điều hành REE M&E  
2003 - 2008: Phó Giám đốc Quản lý Dự án và sau là Giám đốc Quản lý Dự án REE M&E  
1994 - 2003: Kỹ sư công trường,  
Quản lý dự án phụ trách nhiều dự án lớn  
và sau là Phó Giám đốc Quản lý Dự án REE



### Ông Quách Vĩnh Hùng

Giám đốc REE Property

Năm bổ nhiệm: 2016

Học vấn:

Cử nhân Luật (ĐH Luật TP.HCM)  
Cử nhân ngành tiếng Anh  
(ĐH Ngoại ngữ Hà Nội)

#### Kinh nghiệm làm việc

Ông Quách Vĩnh Hùng gia nhập REE từ năm 1996, đã từng giữ các vị trí Trưởng phòng Hành chính Nhân sự, Giám đốc Hành chính và Pháp chế, Phó Giám đốc Quản lý tòa nhà REE Tower



### Ông Lục Chánh Trường

Giám đốc Phân tích Đầu tư

Năm bổ nhiệm: 2012

Học vấn:

Cử nhân Kinh tế  
(Đại học Kinh tế TP.HCM)

#### Kinh nghiệm làm việc

Ông Lục Chánh Trường gia nhập REE từ năm 1996, đã nắm giữ các vị trí Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tổng hợp, Giám đốc Đầu tư, Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ RNG



### Ông Phạm Quốc Thắng

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc REE Land

Năm bổ nhiệm: 2016

Học vấn:

Thạc sỹ Kinh tế Phát triển  
(Chương trình Hợp tác ĐH Kinh tế TP.HCM  
và Viện Nghiên cứu Xã hội học Hà Lan)

#### Kinh nghiệm làm việc

2016 - hiện tại: Phó Tổng Giám đốc REE  
2007 - hiện tại: Giám đốc điều hành REE Land  
2006 - 2007: Phó Giám đốc REE Land



### Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình

Giám đốc Tài chính

Năm bổ nhiệm: 2007

Học vấn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
(Đại học Hawaii, Mỹ)

#### Kinh nghiệm làm việc

Xem phần "Hội đồng Quản trị" ở trang 18



### Bà Hồ Trần Diệu Linh

Kế toán trưởng

Năm bổ nhiệm: 2006

Học vấn:

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán  
(Đại học Kinh tế TP.HCM)  
Chứng chỉ Kế toán trưởng  
do Bộ Tài chính cấp

#### Kinh nghiệm làm việc

Bà Hồ Trần Diệu Linh gia nhập REE từ năm 2001, đã trải qua quá trình công tác tại nhiều phòng ban trong Công ty

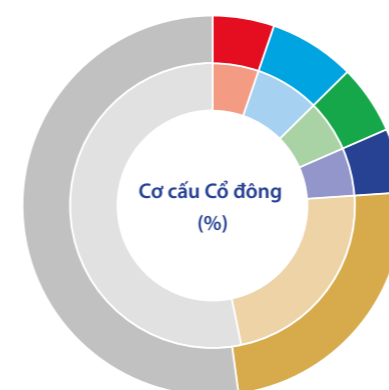
### Các từ viết tắt

ĐH	Đại học
HĐQT	Hội đồng Quản trị
REE	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
REE Land	Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E
REE M&E	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E
REE Property	Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E
Reetech	Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

# Thông tin Cổ đông và Cổ phần

Tại thời điểm ngày 31/12/2017, thông tin Cổ phần của Công ty như sau:

- **Vốn điều lệ của Công ty:** 3.100.588.410.000 đồng
- **Khối lượng cổ phiếu niêm yết:** 310.058.841 cổ phiếu
- **Khối lượng cổ phiếu lưu hành:** 310.050.926 cổ phiếu
- **Cổ phiếu quỹ:** 7.915 cổ phiếu
- **Mệnh giá 1 cổ phiếu:** 10.000 đồng



01/03/2018 01/03/2017

	01/03/2018		01/03/2017	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
● Nhà nước (HFIC)	16.341.949	5,3	16.341.949	5,3
● Nguyễn Thị Mai Thanh	22.711.925	7,3	22.711.925	7,3
● Apollo Asia Fund Ltd,	18.186.560	5,9	18.186.560	5,9
● Nguyễn Ngọc Hải	16.914.062	5,5	16.914.062	5,5
● Platinum Victory Pte Ltd	74.123.100	23,9	70.912.140	22,9
● Cổ đông khác	161.781.245	52,2	164.992.205	53,2
<b>Tổng cộng</b>	<b>310.058.841</b>	<b>100,0</b>	<b>310.058.841</b>	<b>100,0</b>

## Cơ cấu Cổ đông

Theo nhóm cổ đông	01/03/2018			01/03/2017		
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%
<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)</b>	5	148.277.596	47,8	5	145.066.636	46,8
Nhà nước (HFIC)	1	16.341.949	5,3	1	16.341.949	5,3
Trong nước	2	39.625.987	12,8	2	39.625.987	12,8
Nước ngoài	2	92.309.660	29,8	2	89.098.700	28,7
<b>Cổ đông khác</b>	<b>18.889</b>	<b>161.781.245</b>	<b>52,2</b>	<b>16.238</b>	<b>164.992.205</b>	<b>53,2</b>
Trong nước	18.336	102.163.223	32,9	15.669	102.162.075	32,9
Cá nhân trong nước	18.185	92.513.674	29,8	15.526	92.647.149	29,9
Tổ chức trong nước	151	9.649.549	3,1	143	9.514.926	3,1
Nước ngoài	553	59.618.022	19,2	569	62.830.130	20,3
Cá nhân nước ngoài	455	1.964.547	0,6	480	2.054.093	0,7
Tổ chức nước ngoài	98	57.653.475	18,6	89	60.776.037	19,6
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.894</b>	<b>310.058.841</b>	<b>100,0</b>	<b>16.243</b>	<b>310.058.841</b>	<b>100,0</b>

## Quá trình tăng vốn điều lệ giai đoạn năm 2013 – 2017

Thời điểm phát hành	Phương thức phát hành	Đối tượng	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn huy động từ đợt phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành
			VND	VND	VND
19/12/2013	Chuyển đổi trái phiếu REE-2012 thành cổ phiếu - Đợt 1	Platinum Victory Pte. Ltd.	2.446.433.850.000	190.430.000.000	2.636.863.850.000
29/04/2014	Phát hành cổ phiếu thường	Cán bộ công nhân viên chủ chốt	2.636.863.850.000	19.651.540.000	2.656.515.390.000
01/12/2014	Chuyển đổi trái phiếu REE-2012 thành cổ phiếu - Đợt 2	Platinum Victory Pte. Ltd.	2.656.515.390.000	34.190.000.000	2.690.705.390.000
19/12/2015	Chuyển đổi trái phiếu REE-2012 thành cổ phiếu - Đợt cuối cùng	Platinum Victory Pte. Ltd.	2.690.705.390.000	5.462.710.000	2.696.168.100.000
03/06/2016	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015	Cổ đông hiện hữu	2.696.168.100.000	404.420.310.000	3.100.588.410.000

Theo địa lý	01/03/2018			01/03/2017		
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%
<b>Trong nước</b>	<b>18.339</b>	<b>158.131.159</b>	<b>51,0</b>	<b>15.672</b>	<b>158.130.011</b>	<b>51,0</b>
Cá nhân	18.187	132.139.661	42,6	15.528	132.273.136	42,7
Tổ chức	152	25.991.498	8,4	144	25.856.875	8,3
<b>Nước ngoài</b>	<b>555</b>	<b>151.927.682</b>	<b>49,0</b>	<b>571</b>	<b>151.928.830</b>	<b>49,0</b>
Cá nhân	455	1.964.547	0,6	480	2.054.093	0,7
Tổ chức	100	149.963.135	48,4	91	149.874.737	48,3
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.894</b>	<b>310.058.841</b>	<b>100,0</b>	<b>16.243</b>	<b>310.058.841</b>	<b>100,0</b>

## Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông lớn, Cổ đông nội bộ và Người có liên quan

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Platinum Victory Pte. Ltd.	Tổ chức có liên quan đến ông Alex Newbigging - Phó Chủ tịch HĐQT	70.912.140	22,9	74.123.100	23,9	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Quý Đầu tư tăng trưởng TVAM	Tổ chức có liên quan đến Bà Đinh Thị Hoa - TV HĐQT	100.000	0,03	0	0	Cơ cấu danh mục đầu tư
3	Đình Dũng	Người có liên quan đến Bà Đinh Thị Hoa - TV HĐQT	1.380	0,00	0	0	Chi tiêu cá nhân
4	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	Tổ chức có liên quan đến Bà Đinh Thị Hoa - TV HĐQT	1.260.405	0,21	0	0	Cơ cấu danh mục đầu tư

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2017, Công ty không phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hay huy động vốn, và không giao dịch mua hoặc bán cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 01/01/2017: **7.915** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ tính đến ngày 31/12/2017: **7.915** cổ phiếu

## Rủi ro Kinh tế

Hoạt động của Nhóm Công ty chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như của thị trường tài chính tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng và tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Nhóm Công ty chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và tổ chức tín dụng của công ty.

## Rủi ro Thương mại và Tài chính

Nhóm Công ty chịu những rủi ro thương mại trong hoạt động kinh doanh của từng công ty thành viên.

Trong hoạt động dịch vụ cơ điện công trình, rủi ro nằm ở thời gian công trình thi công chậm trễ, khả năng tài chính dự án giới hạn. Đối với mảng kinh doanh sản phẩm điện máy mang thương hiệu Reetech là việc thu hồi nợ phải thu khách hàng. Hoạt động xây dựng cơ bản cho mảng văn phòng cho thuê và dự án bất động sản của Nhóm Công ty sẽ chịu rủi ro thương mại và biến động về thị trường khi thời gian triển khai, phát triển dự án kéo dài.

Rủi ro tài chính liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy, chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ở những lĩnh vực mà Nhóm Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh.

## Rủi ro Pháp lý

Nhóm Công ty điều hành các hoạt động kinh doanh dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về luật thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán, xây dựng và bất động sản yêu cầu Nhóm Công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Rủi ro Phát triển Bền vững

Nhóm Công ty luôn chú trọng đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững của REE cũng như các tác động của môi trường, xã hội đối với REE và các tác động từ hoạt động kinh doanh của REE đối với môi trường, xã hội. Thông qua Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp với Báo cáo Thường niên, Nhóm Công ty đánh giá và công bố thông tin về hiệu quả hoạt động kinh doanh và các tác động liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp.

## Bảng đánh giá mức độ rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty

		Cơ Điện Lạnh	Bất động sản	Hạ tầng tiện ích
Rủi ro Kinh tế	Rủi ro lãi suất			
	Rủi ro ngoại tệ			
	Rủi ro về giá			
Rủi ro Thương mại và Tài chính	Rủi ro thương mại			
	Rủi ro tín dụng			
	Rủi ro thanh khoản			
	Rủi ro pháp lý			
Rủi ro Phát triển Bền vững	Rủi ro chiến lược			
	Rủi ro bảo mật thông tin			
	Rủi ro nguồn lực			
	Tác động từ môi trường, xã hội			
	Tác động đối với môi trường, xã hội			

Cao Trung bình Thấp

# Định hướng Phát triển

## Chiến lược Phát triển:

Kiến tạo một cơ cấu kinh tế Công ty bền vững xoay quanh ba lĩnh vực: Cơ Điện Lạnh, bất động sản, cơ sở hạ tầng điện và nước.

Mục tiêu cơ bản cho 3 đến 5 năm tới vẫn là tiếp tục mở rộng thị phần và đầu tư, củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh đó REE đặt ra cho mình một trọng trách xã hội đặc biệt đó là giáo dục và trẻ em, tham gia tích cực giữ gìn và bảo vệ môi trường.

## Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao năng lực quản trị, tiếp tục cải tiến, hoàn thiện quy trình kinh doanh; xem đây là nhân tố quyết định cho việc thực thi chiến lược phát triển dài hạn.
- Tiếp tục nâng cao vị thế cạnh tranh, khả năng thích nghi với tình hình hội nhập và môi trường cạnh tranh sắp tới.
- Cương quyết loại bỏ các yếu tố kém cạnh tranh, bổ sung tích cực các thông lệ tốt nhất vào hệ thống điều hành hoạt động kinh doanh của REE.
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận một cách bền vững. Cam kết và đảm bảo lợi nhuận sau thuế toàn nhóm đạt mức tăng trưởng hơn 10%/năm và thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) tối thiểu 15%/năm.

### Dịch vụ Cơ điện Công trình (M&E)

- ❖ Tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường. Tận dụng lợi thế cạnh tranh của REE dưới góc độ kinh nghiệm và năng lực quản lý kỹ thuật, mua sắm thi công nhằm đem đến cho khách hàng sự thỏa mãn về chất lượng, tiến độ và giá thành hợp lý. REE M&E chủ trương hợp tác với các nhà thầu xây dựng nhằm đem đến cho khách hàng giải pháp trọn gói EPC (Thiết kế - Mua sắm - Thi công) cho cả công trình.
- ❖ Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực, củng cố tổ chức, hoàn thiện quy trình kinh doanh cần tiếp tục được coi trọng nhằm giữ vững vị thế cạnh tranh và đáp ứng một thị trường xây dựng ngày càng rộng lớn nhưng đòi hỏi chất lượng, tiến độ cũng như sự cạnh tranh khắc nghiệt hơn.

### Sản phẩm mang Thương hiệu Reetech

- ❖ Tiếp tục đà tăng trưởng năm ngoái, củng cố thị phần trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

### Lĩnh vực Bất động sản

- ❖ Duy trì tỷ lệ lấp đầy với diện tích sở hữu hơn 130.000m<sup>2</sup> đang được vận hành khai thác cho thuê.
- ❖ Tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ tại các tòa nhà cho thuê nhằm mang lại sự hài lòng cho khách thuê.
- ❖ Dự án tòa nhà văn phòng mới e.town 5 với tổng diện tích cho thuê dự kiến là 17.000m<sup>2</sup> được khởi công xây dựng vào Quý 1 năm 2018, dự kiến hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2019.
- ❖ Tiếp tục tìm kiếm dự án mới để bổ sung trong 3 năm tới đây một diện tích cho thuê 50.000m<sup>2</sup>. Mục tiêu mở rộng diện tích từ 30.000m<sup>2</sup> đến 50.000m<sup>2</sup> sàn xây dựng tại khu văn phòng e.town Cộng Hòa đang được triển khai.
- ❖ REE cũng đạt được những thành công gần đây trong việc hợp tác với các công ty bên ngoài cùng phát triển kinh doanh các dự án. Sử dụng các lợi thế của nhau về quỹ đất và kinh nghiệm quản trị tạo nên sức mạnh cộng hưởng đáng kể mà REE sẽ tiếp tục củng cố và phát triển. Các công ty như Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam (VIID) và Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn (SaigonRes) đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của REE trong những năm vừa qua.

### Cơ sở Hạ tầng Điện và Nước

#### Lĩnh vực Điện:

- ❖ REE hiện đang sở hữu tổng công suất điện là 696 MW với tổng vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 5.056 tỷ đồng.
- ❖ REE sở hữu và quyết tâm đưa vào các nhà máy điện một mô hình quản trị theo các thông lệ tốt, minh bạch và hướng đến hiệu quả. Việc thành công trong phối hợp với ban điều hành nhà máy thể hiện sự nhất quán trong phương pháp quản trị và vận hành nhà máy nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia.
- ❖ REE chủ trương tiếp tục mở rộng đầu tư vào ngành điện nhằm tăng tỷ lệ sở hữu, tăng công suất sở hữu và tăng hiệu quả đầu tư vào ngành điện một cách bền vững lâu dài.

#### Lĩnh vực Nước sạch:

- ❖ REE hiện đang sở hữu công suất phát nước 446.200m<sup>3</sup>/ngày tại 3 nhà máy nước nằm tại thành phố Hồ Chí Minh và 1 nhà máy nước tại Hà Nội. Công suất này có thể tăng thêm theo quy hoạch cấp nước của thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nước sạch tăng cao trong tương lai.
- ❖ REE cũng đầu tư sở hữu một số công ty phân phối nước sạch tại thành phố Hồ Chí Minh như Thủ Đức, Nhà Bè và Gia Định với nỗ lực giảm thất thoát nước và mở rộng mạng lưới cấp nước.
- ❖ Mục tiêu lâu dài của REE là tiếp tục mở rộng danh mục đầu tư nguồn và phân phối nước sạch.
- ❖ Nước sạch là ngành tiện ích quan trọng cung cấp cho người dân và REE đã chọn nước sạch là ngành đầu tư chiến lược lâu dài của mình.



2017

## Tình hình Hoạt động Kinh doanh năm 2017

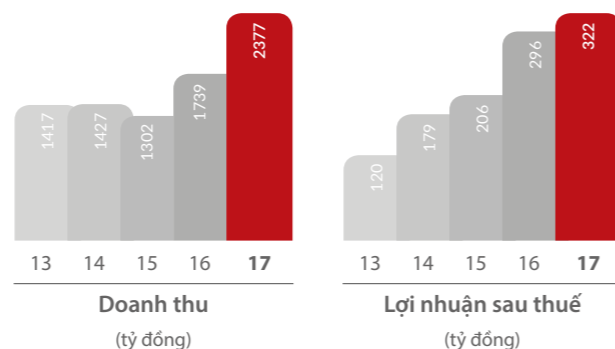
---

Dịch vụ Cơ điện Công trình (M&E)	30
Sản phẩm Mang Thương hiệu Reetech	31
Văn phòng Cho thuê	32
Phát triển Bất động sản	33
Cơ sở Hạ tầng Điện và Nước	34
Các Công ty Trực thuộc và Đầu tư Liên kết khác	35

REE M&E là nhà thầu cơ điện công trình hàng đầu tại Việt Nam với kinh nghiệm thi công M&E trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, thương mại và công nghiệp.



Dự án mở rộng nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất



- Lợi nhuận sau thuế tăng **8,7%**
- Tổng giá trị hợp đồng ký mới năm 2017 đạt **3.728 tỷ đồng**, nâng tổng giá trị hợp đồng lũy kế lên **5.405 tỷ đồng**
- REE M&E tái lập một năm kinh doanh vượt trội

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)	Kế hoạch 2018 (tỷ VND)
Tổng giá trị hợp đồng ký mới	3.728	2.058	+81,1	2.400
Doanh thu	2.377	1.739	+36,7	2.700
Lợi nhuận sau thuế	322	296	+8,7	240

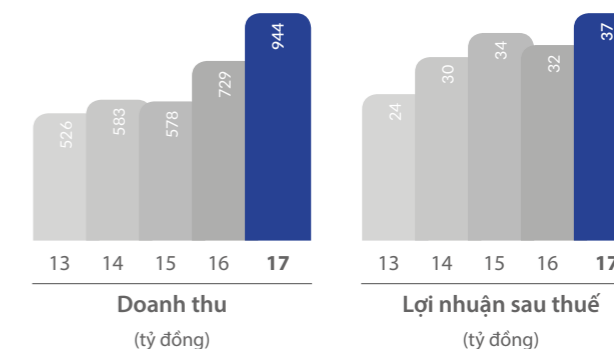
Doanh thu hoạt động M&E tăng trưởng 36,7% đạt 2.377 tỷ đồng với đóng góp doanh thu ghi nhận từ các dự án như cao ốc căn hộ Mipec Riverside Hà Nội, Trung tâm thương mại tài chính ngân hàng Vietinbank, Khách sạn Sheraton Đà Nẵng, Sân bay Cam Ranh, Ngôi Nhà Đức và dự án mở rộng nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất. Lợi nhuận đạt 322 tỷ đồng trong năm 2017, so với năm trước là 296 tỷ đồng.

Trong năm 2017, REE M&E trúng thầu hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện cho dự án nhà ga hành khách Cảng hàng không Quảng Ninh, là dự án về sân bay thứ ba sau nhà ga hành khách – Cảng hàng không Quốc tế

Cam Ranh và dự án mở rộng nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất. Các dự án nổi bật khác trong năm 2017 có thể kể đến tòa nhà căn hộ khách sạn Cocobay Đà Nẵng, cao ốc căn hộ Mỹ Đình Pearl, khách sạn Mai House và Bệnh viện quốc tế Mỹ.

Bước vào năm 2018, REE M&E sẵn sàng mọi nguồn lực để triển khai hiệu quả các dự án đang có, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng đồng thời tận dụng bề dày kinh nghiệm của mình trong năng lực quản lý, triển khai thi công nhằm theo đuổi các dự án tiềm năng và hướng đến những tâm cao mới. Trong năm 2018, REE M&E đặt kế hoạch doanh thu 2.700 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 240 tỷ đồng.

Công ty Điện máy REE là nhà sản xuất máy điều hòa không khí với thương hiệu Reetech đã trở nên quen thuộc với khách hàng qua các sản phẩm tiêu dùng và thương mại.



- Reetech kết thúc năm với kết quả như dự báo
- Kinh doanh sản phẩm cơ khí khả quan, thúc đẩy thị trường xuất khẩu

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)	Kế hoạch 2018 (tỷ VND)
Số lượng máy lạnh tiêu thụ (bộ)	38.911	42.308	-8,0	45.000
Doanh thu	944	729	+29,5	800
Lợi nhuận sau thuế	37	32	+16,0	43

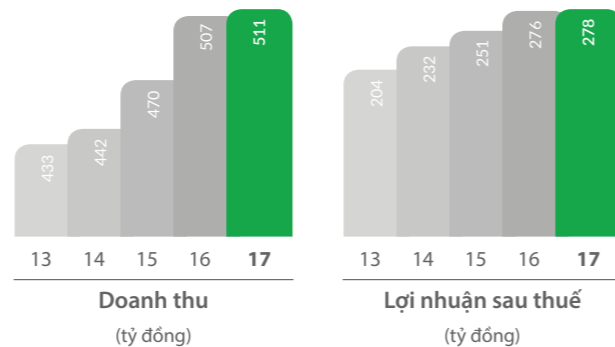
Doanh thu kinh doanh sản phẩm điện máy Reetech tăng 29,5% đạt 944 tỷ đồng trong năm 2017 do ghi nhận tăng trưởng doanh thu từ mảng dự án và sản phẩm cơ khí. Lợi nhuận tăng 16% đạt 37 tỷ đồng.

Trong năm 2017, Reetech mở thêm các xưởng cơ khí ở Đà Nẵng và Cam Ranh để đáp ứng các đơn hàng mới. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng máy điều hòa không khí

thấp dẫn đến sản lượng tiêu thụ giảm 8%. Nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, Reetech đẩy mạnh hợp tác với đối tác là đại lý phân phối ở Myanmar.

Năm 2018, Reetech đặt kế hoạch doanh thu 800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 43 tỷ đồng.

Công ty REE Property là đơn vị kinh doanh và quản lý bất động sản cho thuê với diện tích văn phòng hơn 130.000m<sup>2</sup>.



- Tỷ lệ cho thuê duy trì ở mức **100%**
- Tỷ lệ cho thuê tòa nhà **e.town Central** đạt **70%**
- Dự án tòa cao ốc e.town 5 trong khu văn phòng e.town đang được triển khai

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)	Kế hoạch 2018 (tỷ VND)
Doanh thu*	511	507	+0,8	656
Lợi nhuận sau thuế	278	276	+0,7	280

• Doanh thu không bao gồm tiền điện thu của khách thuê

Hoạt động cho thuê văn phòng đạt doanh thu 511 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 278 tỷ đồng trong năm 2017. Giá thuê văn phòng tăng bù đắp sụt giảm doanh thu từ việc tháo dỡ một tòa nhà văn phòng nhỏ để chuẩn bị mặt bằng phát triển dự án tòa văn phòng e.town 5

Tỷ lệ lấp đầy của gần 100.000m<sup>2</sup> văn phòng cho thuê được duy trì 100% đến cuối năm. Giá thuê văn phòng bình quân tăng nhẹ do chính sách điều chỉnh giá thuê nhằm cải thiện

mức giá cho thuê mặt bằng. Trong năm, tòa nhà văn phòng e.town Central đã hoàn thành và tỷ lệ cho thuê đạt 70% tại thời điểm phát hành Báo cáo thường niên.

Trong năm 2018, hoạt động văn phòng cho thuê đạt kế hoạch doanh thu 656 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 280 tỷ đồng.

Công ty REE Land, VIID và SaigonRes hoạt động trong lĩnh vực phát triển các dự án bất động sản.



- Đóng góp từ kinh doanh căn hộ và chuyển nhượng dự án của VIID và SaigonRes
- SaigonRes niêm yết trên sàn HOSE, lên kế hoạch huy động vốn cho các dự án mới

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)	Kế hoạch 2018 (tỷ VND)
Doanh thu	407	226	+80,1	790
Lợi nhuận sau thuế	128	121	+5,8	189

Hoạt động phát triển bất động sản đạt doanh thu 407 tỷ đồng trong năm 2017 nhờ vào sự đóng góp từ mảng kinh doanh căn hộ của VIID. Lợi nhuận tăng 5,8% đạt 128 tỷ đồng.

Trong năm 2017, VIID bàn giao nốt cho người mua những lô đất cuối cùng trong khu đô thị Nam Lê Lợi tại tỉnh

Quảng Ngãi. SaigonRes ghi nhận doanh thu từ dự án Khu căn hộ SaigonRes Plaza và dự án Khu chung cư An Phú 1 và An Phú 2.

Năm 2018, hoạt động phát triển bất động sản đạt kế hoạch doanh thu 790 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 189 tỷ đồng.

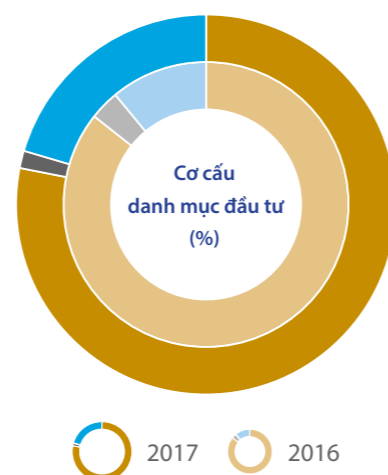
Thu nhập cổ tức tăng 18%

Tình hình hoạt động cải thiện trong danh mục đầu tư ngành điện

Đầu tư sở hữu 35% trong Nhà máy nước Sông Đà công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngày

Thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh mục cốt lõi

	2017		2016	
	tỷ VND	%	tỷ VND	%
Điện	5.056	78	4.798	86
Than	96	1	189	3
Nước	1.323	21	616	11
<b>Tổng vốn đầu tư*</b>	<b>6.475</b>	<b>100</b>	<b>5.603</b>	<b>100</b>



(\*) Tổng vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tổng vốn đầu tư theo giá gốc là 5.896 tỷ đồng.

Tổng giá trị vốn hóa thị trường của danh mục đầu tư trên tại thời điểm 31/12/2017 là 8.057 tỷ đồng.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)	Kế hoạch 2018 (tỷ VND)
Tổng vốn đầu tư ngành điện, nước	6.475	5.603	+15,6	-
Lợi nhuận sau thuế	633	352	+79,8	617

Danh mục đầu tư ngành Điện ghi nhận lợi nhuận sau thuế 539 tỷ đồng trong năm 2017, so với mức đạt được năm 2016 là 287 tỷ đồng, chủ yếu do đóng góp từ kết quả của các nhà máy thủy điện và nhà máy nhiệt điện Phả Lại được áp dụng giá bán điện theo hợp đồng cho cả năm đối với phần sản lượng được bao tiêu. Lợi nhuận sau thuế của danh mục đầu tư ngành nước tăng 46,4% đạt 94 tỷ đồng với Nhà máy nước Thủ Đức III và Tân Hiệp II tiếp tục nâng

sản lượng phát nước để đạt và duy trì sản xuất ở mức công suất phát nước thiết kế.

Trong ngành nước, REE đầu tư sở hữu 35% tại Nhà máy nước Sông Đà (VCW). VCW hiện đang triển khai đầu tư để nâng công suất hiện hữu từ 220.000m<sup>3</sup>/ngày lên 270.000m<sup>3</sup>/ngày đến 290.000m<sup>3</sup>/ngày.

Trong năm 2018, mảng cơ sở hạ tầng điện và nước đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 617 tỷ đồng.

## Các Công ty Trực thuộc và Đầu tư Liên kết

### CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC



#### Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (TBC)

TBC là nhà máy thủy điện đầu tiên của Việt Nam tọa lạc tại tỉnh Yên Bái với công suất 120 MW, sử dụng nguồn nước từ hồ Thác Bà, là một trong ba hồ nhân tạo lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2017, do tình hình thủy văn thuận lợi nên sản lượng điện thương phẩm đạt 485 triệu kWh, tăng 62% so với năm trước. Doanh thu thuần đạt 343 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán điện là 331 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 166 tỷ đồng, tăng 50,9% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	343	241	+42,3
Lợi nhuận sau thuế	166	110	+50,9
Tổng tài sản	888	880	+0,9
Vốn chủ sở hữu	861	838	+2,7

#### Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam (VIID)

VIID là công ty liên doanh phát triển bất động sản giữa REE và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Năm 2017, VIID bàn giao nốt cho người mua những lô đất cuối cùng trong dự án Khu đô thị Nam Lê Lợi. Trong năm, VIID đạt 407 tỷ đồng doanh thu và 148 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	407	232	+75,4
Lợi nhuận sau thuế	148	56	+164,3
Tổng tài sản	914	629	+45,3
Vốn chủ sở hữu	581	415	+40,0

#### Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh (DTV)

DTV là đơn vị phân phối điện được cổ phần hóa năm 2006 với chức năng hoạt động chính là mua bán điện, quản lý, đầu tư và phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh với khoảng 123.600 khách hàng. Năm 2017, sản lượng điện phân phối của DTV tăng 11,0% đạt 222 triệu kWh. DTV ghi nhận doanh thu 379 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 20 tỷ đồng, tăng lần lượt 9,5% và 53,8% so với năm 2016

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	379	346	+9,5
Lợi nhuận sau thuế	20	13	+53,8
Tổng tài sản	101	106	- 4,7
Vốn chủ sở hữu	91	82	+11,0

## CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ LIÊN KẾT

### Nhà máy Thủy điện Thác Mơ (TMP)



TMP là nhà máy thủy điện nằm ở bậc thang đầu tiên trên sông Bé thuộc địa phận tỉnh Bình Phước với công suất 150 MW. Trong năm 2017, với điều kiện thủy văn thuận lợi; sản lượng điện thương phẩm đạt 792 triệu kWh. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong năm lần lượt đạt 700 tỷ đồng và 311 tỷ đồng, tăng 55,9% và 199,0% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	700	449	+55,9
Lợi nhuận sau thuế	311	104	+199,0
Tổng tài sản	1.347	1.299	+3,7
Vốn chủ sở hữu	1.055	977	+8,0

### Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng (ISH)



ISH là nhà máy thủy điện nằm ở bậc thang thứ ba trên sông Bé (Thác Mơ – Cán Đơn – Srok Phu Miêng) thuộc địa phận tỉnh Bình Phước với công suất 51 MW. Năm 2017, sản lượng điện thương phẩm của ISH đạt 284 triệu kWh. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 261 tỷ đồng và 74 tỷ đồng, tăng 60,1% và 270,0% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	261	163	+60,1
Lợi nhuận sau thuế	74	20	+270,0
Tổng tài sản	867	901	-3,8
Vốn chủ sở hữu	544	488	+11,5

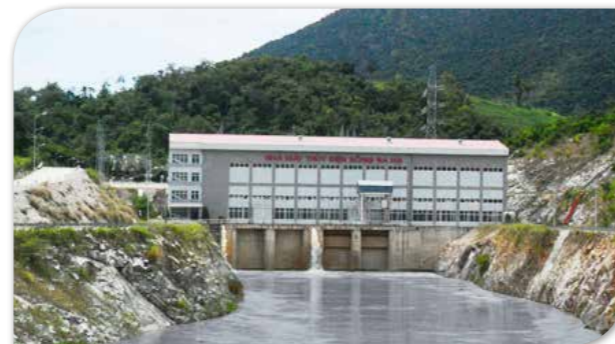
### Nhà máy Thủy điện Bình Điền (BDH)



Nhà máy thủy điện Bình Điền nằm trên nhánh sông Hữu Trạch của sông Hương thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế với công suất 44 MW. Năm 2017, sản lượng điện của BDH đạt 244 triệu kWh. BDH ghi nhận doanh thu 188 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 81 tỷ đồng, tăng lần lượt 48,0% và 252,2% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	188	127	+48,0
Lợi nhuận sau thuế	81	23	+252,2
Tổng tài sản	721	718	+0,4
Vốn chủ sở hữu	201	143	+40,6

### Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH)



Nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ nằm ở bậc thang cuối cùng trên sông Ba thuộc địa phận tỉnh Phú Yên và là một trong những nhà máy thủy điện lớn nhất ở miền Trung Việt Nam với công suất 220 MW. Năm 2017, sản lượng điện thương phẩm tăng 61% đạt 945 triệu kWh nhờ lượng mưa lớn trong khu vực. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong năm lần lượt đạt 1.150 tỷ đồng và 665 tỷ đồng.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	1.150	727	+58,2
Lợi nhuận sau thuế	665	298	+123,2
Tổng tài sản	2.521	2.493	+1,1
Vốn chủ sở hữu	1.883	1.518	+24,0

## CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ LIÊN KẾT (tiếp theo)

### Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH)



VSH gồm hai nhà máy thủy điện đang vận hành là Vĩnh Sơn công suất 66 MW trên sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và Sông Hinh công suất 70 MW trên sông Hinh thuộc tỉnh Phú Yên. Năm 2017, sản lượng điện thương phẩm của VSH đạt 856 triệu kWh; doanh thu tăng 17,6% đạt 526 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 10,9% đạt 286 tỷ đồng.

VSH hiện đang xây dựng nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum (TKT) công suất 220 MW nằm ở bậc thang đầu tiên trên nhánh sông Đăk Nghé thượng nguồn sông Đăk Bla (một nhánh chính của sông Sê San) thuộc tỉnh Kon Tum, nâng tổng công suất sở hữu lên 356 MW. VSH dự kiến cung cấp cho hệ thống điện quốc gia khoảng 1,7 tỷ kWh hàng năm khi TKT vận hành vào năm 2019.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	526	448	+17,4
Lợi nhuận sau thuế	286	258	+10,9
Tổng tài sản	6.748	6.110	+10,4
Vốn chủ sở hữu	2.912	2.833	+2,8

### CTCP Thủy điện Miền Trung (CHP)

CHP sở hữu nhà máy Thủy điện A Lưới được xây dựng ở tỉnh Thừa Thiên Huế với công suất 170 MW. Năm 2017, sản lượng thương phẩm đạt 872 triệu kWh, mức cao nhất từ khi đi vào hoạt động năm 2012, do điều kiện thủy văn thuận lợi. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế tương ứng là 861 tỷ VND và 410 tỷ VND, tăng 32,5% và 58,9% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	861	650	+32,5
Lợi nhuận sau thuế	410	258	+58,9
Tổng tài sản	3.106	3.084	+0,7
Vốn chủ sở hữu	1.879	1.670	+12,5

### Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (PPC)



Nhà máy nhiệt điện Phả Lại có công suất 1.040 MW nằm tại tỉnh Hải Dương. Năm 2017, sản lượng điện thương phẩm của PPC đạt 4,5 tỷ kWh; doanh thu bán điện đạt 6.236 tỷ đồng, tăng 6,3% so với năm 2016. Đồng yên Nhật tăng giá 4,5% so với tiền đồng Việt Nam làm phát sinh một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 137 tỷ đồng. Tại 31/12/2017, dư nợ cuối kỳ là 5 tỷ yên, tương đương 1.012 tỷ đồng theo tỷ giá JPY/VND = 202,57.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	6.236	5.866	+6,3
Lợi nhuận sau thuế	836	599	+39,6
Tổng tài sản	7.548	10.725	-29,6
Vốn chủ sở hữu	5.459	5.352	+2,0



## CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ LIÊN KẾT (tiếp theo)

### Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình (NBP)



NBP là nhà máy nhiệt điện đầu tiên tại Việt Nam với công suất là 100 MW. Năm 2017, sản lượng điện thương phẩm của NBP đạt 328 triệu kWh. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 703 tỷ đồng và 44 tỷ đồng, tăng 5,6% và 100,0% so với năm 2016

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	703	666	+5,6
Lợi nhuận sau thuế	44	22	+100,0
Tổng tài sản	395	377	+4,8
Vốn chủ sở hữu	279	262	+6,5

### CTCP Phong điện Thuận Bình (TBWP)



Nhà máy điện gió Phú Lạc, được đầu tư và phát triển bởi TBWP ở tỉnh Bình Thuận, bắt đầu đi vào hoạt động tháng 9/2016 với công suất thiết kế 24 MW. Sản lượng thương mại năm 2017 là 64,7 triệu kWh. Dự án được tài trợ bởi Ngân hàng phát triển KfW (Đức). Trong năm 2017, do ảnh hưởng mạnh lên của đồng EUR so với đồng VND, TBWP ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá 83 tỷ đồng

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	114	28	+307,1
Lợi nhuận sau thuế	(65)	40	-
Tổng tài sản	838	877	-4,4
Vốn chủ sở hữu	139	198	-29,8

### Nhà máy nước B.O.O Thủ Đức (B.O.O Thủ Đức)



Nhà máy nước B.O.O Thủ Đức có công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngày tại Tp. Hồ Chí Minh. Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động năm 2009, cung cấp nước sinh hoạt cho quận 2, 7, 9, Nhà Bè và Thủ Đức. Công suất của nhà máy dự kiến mở rộng lên 600.000m<sup>3</sup>/ngày để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nước sạch tăng cao trong tương lai. Năm 2017, B.O.O Thủ Đức ghi nhận 329 tỷ đồng doanh thu và 104 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng lần lượt 2,8% và 3,0% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	329	320	+2,8
Lợi nhuận sau thuế	104	101	+3,0
Tổng tài sản	1.173	1.200	- 2,3
Vốn chủ sở hữu	679	676	+0,4

### Nhà máy nước Thủ Đức III (Thủ Đức III)



Nhà máy nước Thủ Đức III có công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngày nằm tại Tp. Hồ Chí Minh với công nghệ, thiết bị do nhà thầu Passavant-Roediger (Đức) cung cấp. Nhà máy bắt đầu vận hành thương mại vào cuối năm 2015 với công suất năm đầu đạt 150.000m<sup>3</sup>/ngày cung cấp si nước sạch cho mạng lưới phân phối nước của thành phố phục vụ nhu cầu tiêu thụ của các hộ gia đình và doanh nghiệp. Công suất nhà máy đạt 300.000m<sup>3</sup>/ngày từ năm 2017 và có khả năng mở rộng lên 600.000m<sup>3</sup>/ngày để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch nhiều hơn của người dân trong những năm tới.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	372	200	+86,0
Lợi nhuận sau thuế	110	(19)	-
Tổng tài sản	1.105	1.179	- 6,3
Vốn chủ sở hữu	209	99	+111,1

## CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ LIÊN KẾT (tiếp theo)

### Nhà máy nước Tân Hiệp II (Tân Hiệp II)



Nhà máy nước Tân Hiệp II có công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngày tại Tp. Hồ Chí Minh. Nhà máy bắt đầu vận hành thương mại vào đầu năm 2017 với công suất ban đầu đạt 150.000m<sup>3</sup>/ngày cung cấp nước sạch cho các quận phía Tây của thành phố. Theo lộ trình, công suất của nhà máy sẽ đạt mức thiết kế kể từ năm thứ 3 hoạt động. Các hạng mục xây dựng nhà máy đã bao gồm đường ống chuyển tải nước thô dài 10 km để đưa nguồn nước sông với khu vực xử lý nước của nhà máy. Năm 2017, doanh thu và lợi nhuận ròng đạt tương ứng 199 tỷ và 9 tỷ VND

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	199	0	-
Lợi nhuận sau thuế	9	0	-
Tổng tài sản	1.105	1.142	-3,2
Vốn chủ sở hữu	249	241	+3,3

### CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà (VCW)



VCW là chủ đầu tư Nhà máy nước Sông Đà tại tỉnh Hòa Bình có công suất 300.000m<sup>3</sup>/ngày. Nhà máy bắt đầu hoạt động từ tháng 04/2009 và cung cấp nước sạch cho các khu vực nội đô Hà Nội. VCW được cấp phép khai thác nguồn nước thô từ sông Đà với công suất 650.000m<sup>3</sup>/ngày và hiện công ty đang triển khai nâng công suất nhà máy xử lý nước lên 600.000m<sup>3</sup>/ngày.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	414	407	+1,7
Lợi nhuận sau thuế	168	161	+4,3
Tổng tài sản	1.100	1.116	-1,4
Vốn chủ sở hữu	854	765	+11,6

### Công ty Cấp nước Thủ Đức (TDW)

TDW là một trong những công ty cấp nước được cổ phần hóa đầu tiên trong cả nước với chức năng hoạt động chính là quản lý, thi công, tu bổ sửa chữa, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh; Khu công nghiệp Biên Hòa và một phần của huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Năm 2017, sản lượng nước tiêu thụ của TDW là 74,8 triệu m<sup>3</sup>; doanh thu tăng 13,1% đạt 689 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 15 tỷ đồng.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	689	609	+13,1
Lợi nhuận sau thuế	15	15	+0,0
Tổng tài sản	363	366	- 0,8
Vốn chủ sở hữu	136	132	+3,0

### CTCP Cấp nước Gia Định (GDW)

GDW có hoạt động chính là quản lý, thi công, tu bổ sửa chữa, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn quận Bình Thạnh và Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2017, sản lượng nước tiêu thụ của GDW đạt 50,5 triệu m<sup>3</sup>. GDW ghi nhận doanh thu 475 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 16 tỷ đồng, tăng lần lượt 5,3% và 23,1% so với năm 2016.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	475	451	+5,3
Lợi nhuận sau thuế	16	13	+23,1
Tổng tài sản	284	229	+24,0
Vốn chủ sở hữu	147	142	+3,5

### CTCP Cấp nước Nhà Bè (NBW)

NBW cung cấp nước sạch trên địa bàn quận 4, quận 7 và huyện Nhà Bè Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2017, sản lượng nước tiêu thụ của NBW đạt 60,5 triệu m<sup>3</sup>. NBW ghi nhận doanh thu 603 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 12 tỷ đồng.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	603	559	+7,9
Lợi nhuận sau thuế	12	11	+9,1
Tổng tài sản	257	237	+8,4
Vốn chủ sở hữu	162	161	+0,6

### CTCP Địa ốc Sài Gòn (SaigonRes) (SGR)

SGR là công ty phát triển bất động sản với các dự án chủ yếu tại Tp. Hồ Chí Minh. Một số dự án đang triển khai như khu chung cư An Phú 1 và 2 tại quận 12; dự án căn hộ kết hợp trung tâm thương mại SaigonRes Riverside tại quận Thủ Đức. Năm 2017, SGR ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế thấp hơn so với năm 2016, ở mức lần lượt là 628 tỷ đồng và 147 tỷ đồng.

	2017 (tỷ VND)	2016 (tỷ VND)	Thay đổi (%)
Doanh thu	628	1.079	- 41,8
Lợi nhuận sau thuế	147	273	- 46,2
Tổng tài sản	1.475	1.575	- 6,3
Vốn chủ sở hữu	585	487	+20,1



## Các Báo cáo và Đánh giá

---

### Quản trị Công ty

---

Báo cáo và Đánh giá của Ban Giám đốc	42
Đánh giá của Hội đồng Quản trị	48
Báo cáo Nhiệm kỳ 2013-2017 của Hội đồng Quản trị	50
Tổng quan về Quản trị Công ty	54
Hội đồng Quản trị	56
Ban Kiểm soát	59
Các Giao Dịch, Thù lao và các Khoản Lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	61
Việc Thực hiện các Quy định về Quản trị Công ty	63

# Báo cáo và Đánh giá của Ban Giám Đốc

## 1. Kết quả Hoạt động Sản xuất Kinh doanh

Trong năm 2017, doanh thu thuần của Nhóm Công ty là **4.995 tỷ đồng**, đạt **108%** kế hoạch năm 2017 và tăng **36,5%** so với năm 2016.

Lợi nhuận sau thuế toàn Nhóm Công ty tăng **26%** đạt **1.377 tỷ đồng** và hoàn thành **121%** kế hoạch năm 2017.

Chi tiết doanh thu và lợi nhuận sau thuế của các mảng kinh doanh được trình bày tại bảng bên dưới:

Doanh Thu	2017 tỷ VND	2016 tỷ VND	Thay đổi %	TT/KH %
REE M&E	2.377	1.739	+36,7	119
Reetech	944	729	+29,5	131
Cho thuê Văn phòng	545	546	-0,1	101
Bất động sản	407	226	+80,0	55
Điện	722	419	+72,3	117
<b>Tổng Cộng</b>	<b>4.995</b>	<b>3.659</b>	<b>+36,5</b>	<b>108</b>

Lợi Nhuận Sau thuế	2017 tỷ VND	2016 tỷ VND	Thay đổi %	TT/KH %
REE M&E	322	296	+8,7	134
Reetech	37	32	+16,0	86
Cho thuê Văn phòng	278	276	+0,7	101
Bất động sản	128	121	+5,8	90
Điện & Than	539	288	+87,1	148
Nước	94	64	+47,0	133
Khác	(21)	16	-	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.377</b>	<b>1.093</b>	<b>+26,0</b>	<b>121</b>

Kết Quả Kinh Doanh	2017 tỷ VND	2016 tỷ VND	Thay đổi %
Doanh thu thuần	4.995	3.659	+36,5
Giá vốn hàng bán	3.566	2.478	+43,9
Lợi nhuận gộp	1.429	1.181	+21,0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.712	1.369	+25,1
Lợi nhuận khác	9	7	+31,5
Lợi nhuận trước thuế	1.721	1.376	+25,1
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	1.523	1.174	+29,8
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	1.377	1.093	+26,0

## 2. Tình hình Tài chính

Tình hình tài chính	2017 tỷ VND	2016 tỷ VND	Thay đổi %
<b>Tổng tài sản</b>	<b>14.295</b>	<b>11.396</b>	<b>+25,4</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>5.652</b>	<b>4.105</b>	<b>+37,7</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.397	960	+149,7
Đầu tư ngắn hạn	517	749	-31,0
Phải thu ngắn hạn	1.131	1.148	-1,5
Hàng tồn kho	1.556	1.231	+26,4
Tài sản ngắn hạn khác	51	17	+196,4
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>8.643</b>	<b>7.291</b>	<b>+18,5</b>
Phải thu dài hạn	36	37	-2,2
Tài sản cố định	492	529	-6,9
Bất động sản đầu tư	624	673	-7,3
Tài sản dở dang dài hạn	1.128	571	+97,3
Đầu tư tài chính dài hạn	6.274	5.378	+16,7
Tài sản dài hạn khác	89	103	-14,1
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>5.602</b>	<b>3.675</b>	<b>+52,4</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>2.927</b>	<b>2.617</b>	<b>+11,8</b>
Vay ngắn hạn	672	594	+13,1
Phải trả ngắn hạn khác	2.255	2.023	+11,5
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.675</b>	<b>1.058</b>	<b>+152,8</b>
Vay dài hạn	2.309	899	+156,7
Phải trả dài hạn khác	366	159	+130,6
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.693</b>	<b>7.721</b>	<b>+12,6</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.034</b>	<b>7.156</b>	<b>+12,3</b>
<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>659</b>	<b>565</b>	<b>+16,6</b>

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	2017	2016
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,9	1,6
Hệ số thanh toán nhanh	1,4	1,1
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	39,2%	32,3%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	64,4%	47,6%
Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	60,8%	67,7%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	2,6	2,8
Vòng quay các khoản phải thu	4,4	2,9
Vòng quay vốn lưu động	2,4	2,4
Vòng quay tổng tài sản	0,4	0,3
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	30,5%	32,1%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	11,9%	11,2%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	18,1%	16,2%



## Báo cáo và Đánh giá của Ban Giám Đốc (tiếp theo)

### Tình hình Nợ phải thu

Đến thời điểm 31/12/2017, tổng dư nợ phải thu ngắn hạn của Nhóm Công ty là 1.130 tỷ đồng, giảm 1,5% so với năm 2016. Trong đó phải thu khách hàng là 787 tỷ đồng, phần lớn là nợ phải thu của các công trình đang thi công của Công ty REE M&E và Công ty Điện máy REE. Công ty kiểm soát tốt nợ phải thu và thực hiện việc theo dõi, quản lý trên hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp toàn diện (ERP). Phần lớn các khách hàng thanh toán đúng hạn.

### Tình hình Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2017, tổng dư nợ phải trả của Nhóm Công ty là 5.601 tỷ đồng. Nợ phải trả được theo dõi, quản lý trên hệ thống ERP và được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

### Tình hình nộp Ngân sách Nhà nước

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước khác theo đúng quy định. Tổng số thuế còn phải nộp của Nhóm Công ty tính đến thời điểm

31/12/2017 là 73,7 tỷ đồng, chủ yếu là thuế TNDN và thuế GTGT.

### Tình hình lập dự phòng

Năm 2017, Nhóm Công ty đã tiến hành lập dự phòng đối với nợ khó đòi, hàng hóa, vật tư chậm luân chuyển và hư hỏng, giảm giá chứng khoán, dự phòng bảo hành các công trình theo đúng quy định của Công ty. Số tiền trích lập dự phòng lũy kế đến 31/12/2017 là 356,36 tỷ đồng; tăng 21,6% so với năm 2016, trong đó dự phòng nợ khó đòi 70,94 tỷ đồng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho 25,35 tỷ đồng, dự phòng giảm giá chứng khoán 220,32 tỷ đồng, dự phòng các khoản bảo hành 39,75 tỷ đồng.

### Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất

Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của mình và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Nhóm Công ty đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất là không đáng kể.

## 3. Những Cải tiến về Cơ cấu Tổ chức, Chính sách, Quản lý

Trong năm 2017, Nhóm Công ty REE đã thực hiện tăng lương cho nhân viên với tỷ lệ tăng bình quân là 9,5%

Tập trung phát triển nguồn nhân lực với các buổi tập huấn định kỳ trong nước và chương trình đào tạo ở nước ngoài dành cho các cán bộ quản lý để bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ.

Tiếp tục thực hiện chính sách cải tiến cơ cấu tổ chức và bổ sung nhân sự quản lý lĩnh vực cơ sở hạ tầng điện và nước nhằm tăng cường hoạt động giám sát và nâng cao hiệu quả đầu tư. Sự thành công trong phối hợp với ban điều hành các nhà máy điện, nước trong danh mục đầu tư trên cơ sở lắng nghe và lựa chọn phương pháp quản trị, vận hành tối ưu góp phần đem lại hiệu quả đầu tư lâu dài.

## 4. Kế hoạch Kinh doanh 2018

	Doanh thu	So với kết quả	Lợi nhuận	So với kết quả
	tỷ VND	2017	sau thuế	2017
		%	VND billion	%
REE M&E	2,700	+13.6	240	-25.4
Reetech	800	-15.3	43	+15.9
Cho thuê văn phòng	693	+27.1	280	+0.7
Bất động sản	790	+94.2	189	+47.7
Điện và nước	712	-1.4	617	-2.5
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,695</b>	<b>+14.0</b>	<b>1,369</b>	<b>-0.5</b>

INăm 2018, REE M&E tiếp tục củng cố các mối quan hệ khách hàng, đảm bảo chất lượng thi công dự án, tối ưu hóa khâu mua sắm và hậu cần, cải tiến quy trình nội bộ nhằm giữ vững vị thế và phát triển hoạt động M&E hơn nữa. Reetech mở rộng nguồn khách hàng mảng sản phẩm cơ khí với các đơn hàng mới. Sản phẩm xuất khẩu sau một năm hoạt động trầm lắng đang trở lại xúc tiến các đơn hàng mới. Đối với mảng bán lẻ, công ty sẽ giới thiệu các mẫu sản phẩm tủ trữ, tủ mát, điều hòa không khí dưới thương hiệu mới Yamato.

Năm 2018, REE bắt đầu xây dựng tòa nhà văn phòng e.town 5; bộ phận tiếp thị cho thuê sẽ sớm tiếp cận

các khách thuê quan tâm trong năm. Công ty tiếp tục tìm kiếm các vị trí đất mới nhằm mở rộng diện tích văn phòng cho thuê lên 200.000m<sup>2</sup>. Tiếp nối đà kinh doanh trong năm vừa qua, các công ty liên kết bất động sản sẽ phát triển thêm các dự án nhà ở, căn hộ mới.

Danh mục đầu tư ngành điện và nước tiếp tục cơ cấu lại các khoản đầu tư nhằm thoái vốn hiệu quả và tập trung hoạt động đầu tư vào những dự án hạ tầng quan trọng. REE luôn mong muốn là nhà đầu tư chiến lược dài hạn cùng đồng hành với các công ty REE đã và đang đầu tư để xây dựng những giá trị tốt đẹp cho công ty, đội ngũ nhân lực và các cổ đông.

# Báo cáo và Đánh giá của Ban Giám Đốc (tiếp theo)

## 5. Trách nhiệm về Môi trường và Xã hội của Nhóm Công ty

### 5.1. Môi trường

Tổng tiêu thụ năng lượng và nước trong năm như sau:

	2017	2016
Dầu DO (lít)	25.785	32.817
Tổng năng lượng tiêu thụ (GJ)	955	1.216
Điện (kWh)	9.809.220	10.546.695
Tổng năng lượng tiêu thụ (GJ)	35.313	37.968
Nước (m <sup>3</sup> )	191.909	207.631

Chi tiết tiêu thụ năng lượng và nước được trình bày tại Báo cáo Phát triển Bền vững trang 78-80.

### 5.3. Cộng đồng địa phương

REE vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành cùng cộng đồng và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực, đặc biệt cho sự nghiệp giáo dục và thể hệ trẻ, với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động cho sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh các hoạt động từ thiện hỗ trợ cộng đồng, REE khuyến khích nhân viên tham gia đóng góp vào các sự kiện, chương trình gây quỹ vì cộng đồng.

Tổng số tiền chi cho hoạt động cộng đồng xã hội trong năm 2017 là 4,60 tỷ đồng, chi tiết như sau:

	2017 triệu VND
Xây dựng trường học và các chương trình giáo dục	1.787,50
Học bổng khuyến học	1.100,00
Tặng sách kỹ thuật cho các trường dạy nghề	93,43
Quỹ bảo trợ Con đường tươi sáng	542,03
Quỹ vì người nghèo & Quỹ đền ơn đáp nghĩa	60,00
Bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà - Bảo tồn loài linh trưởng Việt Nam	520,00
Quỹ phòng chống Thiên tai (hỗ trợ người dân thiệt hại nhà)	500,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.602,96</b>

### 5.2. Người lao động

• Tổng số lao động trong Nhóm Công ty REE tại thời điểm 31/12/2017 là 1.736 người; số lao động tăng trong năm là 367 người; số lao động giảm trong năm là 205 người; số lao động giảm trong năm tại các công ty thành viên là do công ty chấm dứt hợp đồng lao động với một số nhân viên công ty không có nhu cầu tiếp tục công việc, hoặc nhân viên tự xin thôi việc khi kết thúc thi công các công trình lớn trong năm.

• Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, Nhóm Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định.

## 6. Những Sự kiện Tiêu biểu năm 2017



- REE đạt giải "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam" do tạp chí Forbes Vietnam bình chọn
- REE đạt giải "Top 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam" công bố bởi Vietnam Report
- REE M&E đạt giải "Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam" công bố bởi Vietnam Report.
- Reetech đạt danh hiệu "Hàng VN chất lượng cao năm 2017" do người tiêu dùng bình chọn
- REE nhận bằng khen của Ban chấp hành Trung Ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khen tặng đã đồng hành với Quỹ học bổng Vừ A Dính chăm lo cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.
- REE nhận thư cảm ơn của Ủy Ban Nhân Dân Quận Bình Thạnh đã tài trợ cấp học bổng cho học sinh, sinh viên trên địa bàn Quận Bình Thạnh.

# Đánh giá của Hội đồng Quản trị

## 1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

**Hoạt động dịch vụ cơ điện công trình (M&E)** tiếp tục tăng trưởng về lợi nhuận. Tổng giá trị hợp đồng ký được trong năm 2017 đạt cao nhất từ trước đến nay. REE M&E đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh thông qua kinh nghiệm kỹ thuật và năng lực triển khai thi công dự án. Tiếp tục củng cố vị thế sẵn có, tổ chức thi công ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả đáp ứng một thị trường xây dựng rộng lớn nhưng đòi hỏi chất lượng, tiến độ cũng như sự cạnh tranh khốc liệt hơn.

**Hoạt động kinh doanh sản phẩm điện máy Reetech** tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận so với năm trước, nhưng lợi nhuận đạt được còn khá khiêm tốn so với kế hoạch đặt ra cho năm 2017. Tuy nhiên, trong năm, Reetech đã mở rộng hoạt động kinh doanh mảng sản phẩm cơ khí với các xưởng sản xuất mới được thành lập tại Đà Nẵng, Cam Ranh, và đã nhận được các đơn hàng mới. Reetech cần nâng cao sản lượng tiêu thụ máy điều hòa không khí nhằm cải thiện lợi nhuận hơn nữa. Với việc hợp tác với đối tác là đại lý phân phối ở Myanmar, Reetech sẽ có cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới.

**Dịch vụ văn phòng cho thuê** tăng trưởng ổn định nhờ duy trì tỷ lệ lấp đầy và chính sách điều chỉnh giá cho thuê mặt bằng. Với diện tích văn phòng mới bổ sung từ tòa nhà văn phòng e.town Central, doanh thu sẽ khả quan trong năm 2018, bù đắp cho phần sụt giảm doanh thu từ việc tháo dỡ một tòa nhà văn phòng nhỏ để chuẩn bị mặt bằng phát triển dự án tòa văn phòng e.town 5. Các công ty thành viên và

liên doanh liên kết trong lĩnh vực phát triển dự án bất động sản đặt ra một kế hoạch lợi nhuận khả quan trong năm 2018 sẽ đóng góp cho kết quả nhóm.

**Ngành cơ sở hạ tầng điện, nước** tiếp tục là chiến lược đầu tư lâu dài của REE. Trong năm 2017, REE đầu tư sở hữu 35% tại Nhà máy nước Sông Đà. Các khoản đầu tư không nằm trong danh mục cốt lõi đã được thoái vốn. Tình hình thủy văn diễn biến thuận lợi đã đem đến kết quả khả quan cho các nhà máy thủy điện. Nhà máy nước Thủ Đức III và Tân Hiệp II tiếp tục nâng sản lượng phát nước để đạt và duy trì sản xuất ở mức công suất phát nước thiết kế. Kết quả kinh doanh mảng điện, nước chiếm tỷ trọng khá trong cơ cấu lợi nhuận toàn nhóm.

Bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, Công ty vẫn luôn thực hiện tốt **trách nhiệm đối với xã hội và môi trường**. Đối với nguồn nhân lực, REE thực hiện các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên; phát triển nguồn nhân lực với các chương trình huấn luyện và đào tạo, chương trình xác định và phát triển nhân tài. Đối với cộng đồng, Công ty đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, REE ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các mảng hoạt động kinh doanh và triển khai các chính sách tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

	2017 tỷ VND	2016 tỷ VND	Thay đổi %	TH/KH %
Doanh Thu	4.995	3.659	+36,5	108
Lợi Nhuận Sau thuế	1.377	1.093	+26,0	121
Lãi Cơ Bản trên 01 Cổ Phiếu (VND)	4.441	3.526	+26,0	-
Tỷ Lệ Chi Trả Cổ Tức (%)	16	16	+0,0	100

## 2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Điều hành

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty theo đúng với định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Cụ thể như sau:

### Kết quả kinh doanh

- Doanh thu 4.995 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.377 tỷ đồng.

### Chi trả cổ tức

- Chi trả cổ tức năm 2016 là 16%/mệnh giá chi trả bằng tiền mặt tương ứng số tiền 496 tỷ đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

### Quản trị công ty

- Quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.
- Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- Hoạch định kế hoạch vốn và nguồn vốn nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động tài chính cũng như tài trợ cho các dự án.
- Tìm kiếm các dự án tiềm năng để đầu tư.

### Công bố thông tin

- Thực hiện công bố thông tin một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

### Đánh giá

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp Hội đồng Quản trị mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động điều hành và quản lý Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng Quản trị đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quyết định của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và cẩn trọng.

## 3. Định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị định hướng tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển bền vững, kiến tạo một cơ cấu kinh tế công ty vững chải xoay quanh ba lĩnh vực: cơ điện lạnh, bất động sản và cơ sở hạ tầng điện, nước. Đồng thời, nâng cao chất lượng quản trị và vận hành, chú trọng công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

# Báo cáo Nhiệm kỳ 2013-2017 của Hội đồng Quản trị

Thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và toàn thể nhân viên Nhóm Công ty REE

Nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2013-2017 gồm các thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Mai Thanh: bổ nhiệm ngày 29/03/2013
- Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình: bổ nhiệm ngày 29/03/2013
- Ông David Alexander Newbigging: bổ nhiệm ngày 29/03/2013
- Ông Đặng Hồng Tân: bổ nhiệm ngày 29/03/2013
- Bà Đinh Thị Hoa: bổ nhiệm ngày 27/03/2015
- Ông Dominic Scriven: bổ nhiệm ngày 29/03/2013, miễn nhiệm ngày 27/03/2015

## Điểm qua kinh tế Việt Nam giai đoạn 2013-2017:

Trong 05 năm vừa qua, tình hình kinh tế trong nước có sự tăng trưởng ở mức ổn định:

- GDP tăng trưởng bình quân 6,22%/năm, đầu tư tư nhân và FDI tiếp tục tăng trưởng cao ở mức bình quân trên 11%/năm.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và Chỉ số giá USD đã được kiểm soát.
- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, tiếp tục ủng hộ các Doanh nghiệp tại Việt Nam phát triển kinh doanh.

## Thống kê vĩ mô giai đoạn 2012-2017:

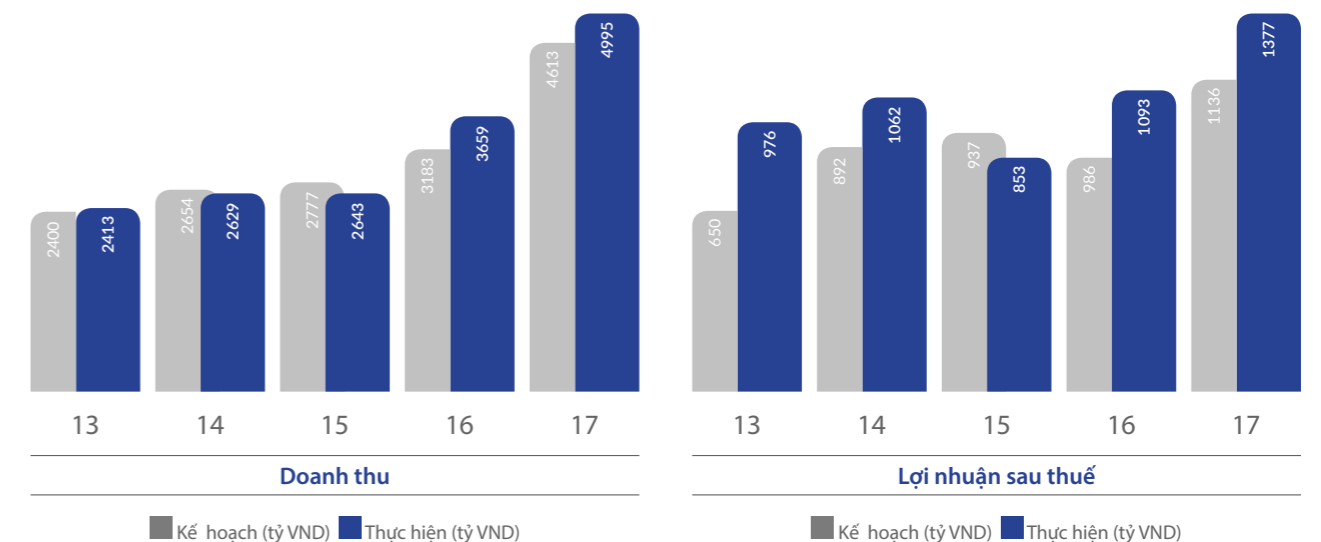
Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Bình quân 2013-2017
Tăng trưởng GDP	5,0%	5,4%	6,0%	6,7%	6,2%	6,8%	6,2%
Tăng trưởng đầu tư công	9,6%	8,7%	10,2%	6,8%	7,3%	6,7%	7,9%
Tăng trưởng đầu tư tư nhân	8,1%	7,1%	13,6%	12,8%	9,5%	16,8%	12,0%
Tăng trưởng FDI	1,4%	9,9%	10,5%	19,9%	10,4%	12,8%	12,7%
CPI	9,2%	6,6%	4,1%	0,6%	2,7%	3,5%	3,5%
Chỉ số giá USD so cùng kỳ	-1,0%	1,1%	1,0%	5,3%	0,8%	0,1%	1,7%
Chỉ số giá USD bình quân	0,2%	0,7%	0,6%	3,2%	2,2%	1,4%	1,6%

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

## Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông:

Trong nhiệm kỳ 2013-2017, HĐQT luôn nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông đề ra hàng năm.

Năm	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Cổ tức (đồng/cổ phiếu)
2013	Kế hoạch	2.400	650	1.200
	Thực hiện	2.413	976	1.600
	% Thực hiện/Kế hoạch	100,54%	150,15%	133,33%
2014	Kế hoạch	2.654	892	1.200
	Thực hiện	2.629	1.062	1.600
	% Thực hiện/Kế hoạch	99,06%	119,06%	133,33%
2015	Kế hoạch	2.777	937	tiền mặt: 100 cổ phiếu: 1.500
	Thực hiện	2.643	853	tiền mặt: 100 cổ phiếu: 1.500
	% Thực hiện/Kế hoạch	95,17%	91,04%	100%
2016	Kế hoạch	3.183	986	1.200
	Thực hiện	3.659	1.093	1.600
	% Thực hiện/Kế hoạch	114,95%	110,88%	133,33%
2017	Kế hoạch	4.613	1.136	1.000
	Thực hiện	4.995	1.377	1.600
	% Thực hiện/Kế hoạch	108,28%	121,22%	160%



# Báo cáo Nhiệm kỳ 2013-2017 của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

## Đánh giá công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ:

Trong nhiệm kỳ 2013-2017, HĐQT đã ban hành các nghị quyết và Ban điều hành đã triển khai các công tác trọng yếu sau:

- Thực hiện **chuyển đổi thành công 557 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi** (phát hành năm 2012);
- Tiếp tục **phát triển kinh doanh** ở mảng hoạt động kinh doanh truyền thống: Cơ điện lạnh công trình (M&E) và Cơ điện lạnh dân dụng (Reetech);
- Tiếp tục **đầu tư vào mảng Điện, Nước sạch và Bất động sản**: Tổng vốn giải ngân đầu tư trong nhiệm kỳ 2013-2017 là 5.270 tỷ đồng (đến 31/12/2017 giá trị đầu tư này có giá trị thị trường 6.061 tỷ đồng), được đầu tư vào các dự án lớn tiêu biểu sau:

### ► Về mảng Điện:

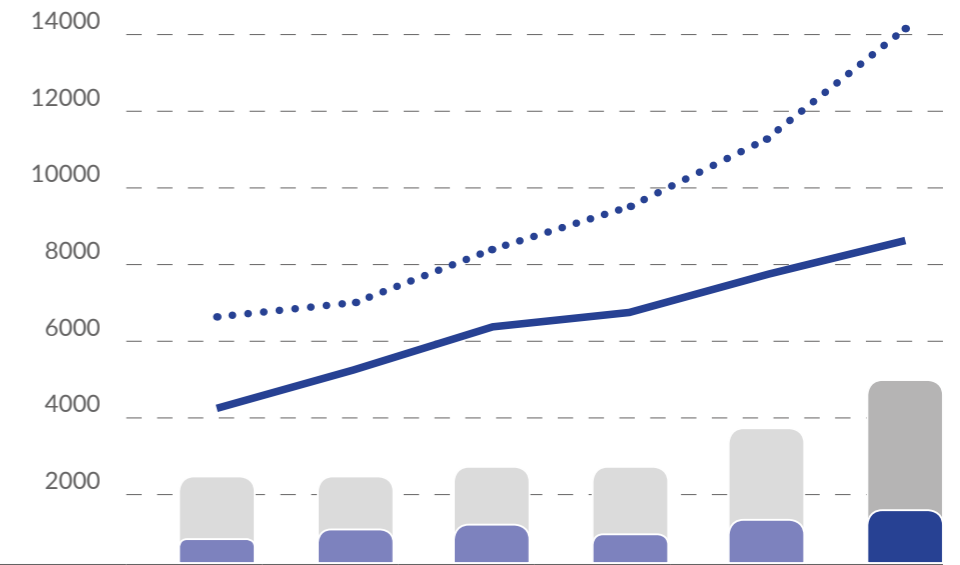
- Đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Thủy điện Thác Mơ lên 42,63%;
- Đầu tư nắm giữ 20% tại CTCP Thủy điện Miền Trung;
- Đầu tư nắm giữ 25% tại CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ;
- Đầu tư nâng tỷ lệ nắm giữ tại CTCP Thủy điện Thác Bà lên 60,4%;
- Đầu tư nắm giữ 66% tại CTCP Phát triển điện Nông thôn Trà Vinh;
- Đầu tư nắm giữ 21% tại CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

### ► Về mảng Nước:

- Đầu tư nắm giữ 35% tại CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà;
- Đầu tư xây dựng sở hữu 32% Nhà máy nước Tân Hiệp II;
- Đầu tư nắm giữ 15,6% tại CTCP Cấp thoát nước Khánh Hòa;
- Đầu tư nắm giữ 44% tại CTCP Cấp nước Thủ Đức (phân phối nước sạch).

### ► Về Bất động sản:

- Đầu tư dự án e.town Central tại số 11 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Tp.Hồ Chí Minh với diện tích văn phòng cho thuê là 34.000m<sup>2</sup>.



	2012	2013	2014	2015	2016	2017
— Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	4.216	5.197	5.910	6.334	7.156	8.034
Tăng trưởng (%)	9,0	23,3	13,7	7,2	13,0	12,3
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	2.446	2.637	2.691	2.696	3.101	3.101
Tăng trưởng (%)	0,0	7,8	2,0	0,2	15,0	0,0
•••• Tổng tài sản (tỷ đồng)	6.574	6.954	8.403	9.609	11.397	14.295
Tăng trưởng (%)	24,1	5,8	20,8	14,3	18,6	25,4
■ Doanh thu (tỷ đồng)	2.396	2.413	2.629	2.643	3.659	4.995
Tăng trưởng (%)	32,3	0,7	8,9	0,5	38,4	36,5
■ Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	657	976	1.062	853	1.093	1.377
Tăng trưởng (%)	28,1	48,6	8,8	-19,7	28,1	26,0
ROE (%)	16,3	20,7	19,1	13,9	16,2	18,1
Số lượng lao động (người)	1.287	1.239	1.334	1.256	1.574	1.736

Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và toàn thể nhân viên,

Trong năm năm vừa qua, Công ty chúng ta đã hoạt động hiệu quả, thị phần kinh doanh luôn mở rộng hàng năm và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân đạt 17,63%, luôn vượt mức 12%/năm mà Hội đồng Quản trị đã cam kết.

Hội đồng Quản trị chúng tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, và toàn thể nhân viên đã đồng hành cùng chúng tôi xây dựng, duy trì hoạt động Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh luôn phát triển ổn định và bền vững.

Thay mặt Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013-2017

Chủ tịch  
Nguyễn Thị Mai Thanh

# Tổng quan về Quản trị Công ty

Trách nhiệm quản trị Nhóm Công ty được thực hiện bởi Đại hội đồng Cổ đông Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán Nội bộ và dựa trên các quy chế quản trị rủi ro được xây dựng trên cơ sở pháp luật và các quy định hiện hành mà Nhóm Công ty là đối tượng áp dụng.

## Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Nhóm Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua định hướng phát triển của Nhóm Công ty, các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm năm (05) thành viên; trong đó có hai (02) thành viên điều hành, hai (02) thành viên không điều hành và một (01) thành viên độc lập.

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Alex Newbigging	Phó chủ tịch không điều hành
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên độc lập không điều hành

Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của Nhóm Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động của Nhóm Công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban Điều hành của các công ty thành viên cùng với các thông tin của công ty mẹ và được tổng hợp bởi Ban Thư ký Hội đồng Quản trị. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua.

## Ban Điều hành

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh là nhóm các công ty gồm công ty mẹ và các công ty thành viên. Ban Điều hành công ty mẹ chịu trách nhiệm về các hoạt động của chính công ty, đồng thời thực hiện việc chỉ đạo và giám sát hoạt động của những công ty thành viên trong Nhóm Công ty. Quyền hành của Ban Điều hành được phân định rõ ràng. Thành phần Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc chuyên môn. Các cuộc họp hàng tháng được tổ chức giữa Ban Điều hành và Ban Giám đốc của từng công ty thành viên nhằm đánh giá tình hình hoạt động thường kỳ của các mảng kinh doanh và thảo luận các vấn đề quan trọng khác. Đại diện của Ban Kiểm toán Nội bộ và Phòng Kế toán của công ty mẹ cùng tham dự các cuộc họp này để thảo luận về các nội dung có liên quan.

Ban Điều hành bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Quang Quyền	Giám đốc Đầu tư
Ông Lục Chánh Trường	Giám đốc Phân tích Đầu tư

## Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Nhóm Công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty như xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập, thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ v.v...

Ban Kiểm soát bao gồm hai (02) thành viên:

Bà Đỗ Thị Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu thấy cần thiết.

## Ban Kiểm toán Nội bộ

Ban Kiểm toán Nội bộ là bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị, hiện bao gồm ba (03) thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty mẹ và các công ty thành viên, đảm bảo độ tin cậy của các báo cáo kế toán, số liệu tài chính trước khi trình duyệt và công bố, kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật và công ty; qua đó nhằm phát hiện những sai sót, yếu kém và gian lận nếu có trong công tác quản lý và bảo vệ tài sản của Nhóm Công ty. Ban Kiểm toán Nội bộ báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ theo chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ hay từng quý và đề xuất các biện pháp khắc phục, cải tiến tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý.

# Hội đồng Quản trị

## 1. Thành viên và Cơ cấu

Hội đồng Quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2013 – 2017 bao gồm năm (05) thành viên; trong đó có hai (02) thành viên điều hành, hai (02) thành viên không điều hành và một (01) thành viên độc lập.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần (CP) có quyền biểu quyết*
1 Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	7,33% Sở hữu cá nhân: 22.711.925 CP
2 Ông Alex Newbigging	Phó Chủ tịch không điều hành	23,91% Sở hữu cá nhân: không Đại diện cho Platinum Victory Pte. Ltd.: 74,123,100 CP
3 Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên không điều hành	0% Sở hữu cá nhân: không
4 Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	0,99% Sở hữu cá nhân: 3.084.824 CP
5 Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên độc lập	0% Sở hữu cá nhân: không

(\*): Số lượng cổ phiếu sở hữu được tính đến thời điểm 31/12/2017

Tóm tắt tiểu sử của các thành viên HĐQT bao gồm các chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác được nêu ở trang 18-19 của Báo cáo Thường niên này.

## 2. Các Tiểu ban

Hội đồng Quản trị có hai Tiểu ban trực thuộc bao gồm:

Chức vụ	Tiểu ban Lương thưởng	Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ
Chủ tịch Tiểu ban	Ông Alex Newbigging	Ông Đặng Hồng Tân

## 3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

### Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động của Nhóm Công ty và thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác. Các cuộc họp HĐQT bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức bốn (04) cuộc họp HĐQT. Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết, cụ thể như sau:

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1 Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	4/4	100%
2 Ông Alex Newbigging	Phó Chủ tịch	4/4	100%
3 Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	3/4	75%
4 Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	4/4	100%
5 Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên	4/4	100%

### Nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
13/02/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động Quý 4/2016 và cả năm 2016</li> <li>Tình hình thị trường và các lĩnh vực hoạt động của REE</li> <li>Kế hoạch kinh doanh 2017</li> <li>Báo cáo của Ban Kiểm soát</li> </ul>
03/05/2017	3/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động Quý 1/2017</li> <li>Tình hình thị trường và các lĩnh vực hoạt động của REE</li> <li>Kế hoạch kinh doanh Quý 2/2017</li> <li>Báo cáo của Ban kiểm soát</li> </ul>
31/07/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động Quý 2/2017 và 6 tháng đầu năm 2017</li> <li>Tình hình thị trường và các lĩnh vực hoạt động của REE</li> <li>Kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2017</li> <li>Báo cáo của Ban kiểm soát</li> </ul>
31/10/2017	4/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động Quý 3/2017 và lũy kế năm 2017</li> <li>Tình hình thị trường và các lĩnh vực hoạt động của REE</li> <li>Kế hoạch kinh doanh Quý 4/2017</li> <li>Báo cáo của Ban kiểm soát</li> </ul>

### Các Nghị quyết/ Biên bản họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2017

Số Nghị quyết/ Biên bản họp	Ngày ban hành	Nội dung
1 01/2017/BB-HĐQT-REE	13/02/2017	Biên bản họp thường kỳ Q4/2016
2 02/2017/QĐ-HĐQT-REE	14/02/2017	Quyết định ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 và chi trả cổ tức.
3 03/2017/BB-HĐQT-REE	03/05/2017	Biên bản họp thường kỳ Q1/2017
4 05/2017/QĐ-HĐQT-REE	30/06/2017	Quyết định miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc theo đơn xin từ nhiệm
5 07/2017/QĐ-HĐQT-REE	20/07/2017	Quyết định về việc mua lại 100% vốn góp Công ty THX
6 08/2017/BB-HĐQT-REE	31/07/2017	Biên bản họp thường kỳ Q2/2017
7 14/2017/BB-HĐQT-REE	31/10/2017	Biên bản họp thường kỳ Q3/2017

## 4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập và các Tiểu ban

- Các Tiểu ban của HĐQT hoạt động theo các trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty. Các Tiểu ban của HĐQT chuẩn bị các nội dung làm việc của Tiểu ban và họp cùng với các cuộc họp của HĐQT.
- Tiểu ban Lương thưởng chịu trách nhiệm xây dựng chính sách thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, đề xuất chính sách khen thưởng Ban Giám đốc điều hành, cán bộ công nhân viên chủ chốt và tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chính sách tiền lương của Nhóm Công ty, phát hành cổ phiếu thưởng, cổ phiếu theo chương trình lựa chọn (ESOP) cho cán bộ công nhân viên chủ chốt.
- Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ có trách nhiệm thường xuyên đánh giá tình hình tài chính của Nhóm Công ty và thiết lập các chức năng kiểm soát nội bộ để đảm bảo hợp lý việc thực hiện các mục tiêu của Công ty về hiệu lực, hiệu quả hoạt động, độ tin cậy trong báo cáo tài chính, tuân thủ pháp luật liên quan.
- Việc các thành viên HĐQT không điều hành và độc lập đảm nhiệm vai trò của Tiểu ban Lương thưởng và Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ nhằm gia tăng tính độc lập và đảm bảo độ tin cậy trong các nội dung mà các Tiểu ban này phụ trách.

## 5. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị được đào tạo về quản trị công ty

- Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
- Ông Alex Newbigging
- Bà Đinh Thị Hoa
- Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình
- Ông Đặng Hồng Tân

## 1. Thành viên và Cơ cấu

Ban Kiểm soát thời gian còn lại nhiệm kỳ 2013 - 2017 bao gồm hai (02) thành viên:

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần (CP) có quyền biểu quyết*
1 Bà Đỗ Thị Trang	Trưởng ban	0,39% Sở hữu cá nhân: 1.197.518 CP
2 Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	Sở hữu cá nhân: 0 CP

(\*) Số lượng cổ phiếu sở hữu được tính đến thời điểm 31/12/2017.

Tóm tắt tiểu sử của các thành viên Ban Kiểm soát được nêu ở trang 19 của Báo cáo Thường niên này.

## 2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017 bao gồm các nội dung chính sau đây:

### *Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội Cổ đông tài khóa năm 2016 và hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2017*

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát (BKS) đánh giá hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty REE trong năm 2017 đã tuân thủ Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội Cổ đông. HĐQT đã thực hiện công tác quản lý và điều hành Công ty theo thông lệ tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Trong năm 2017, BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT. Trưởng BKS đại diện tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Nhóm Công ty để nắm bắt thông tin kịp thời và góp ý cho HĐQT trong một số trường hợp có liên quan về công tác kiểm soát nội bộ, tình hình đầu tư, kiến nghị các phương án kiểm soát rủi ro, kiểm soát chi phí.

BKS được tiếp cận và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về các quyết định của HĐQT, các tài liệu, hồ

sơ khác lưu trữ tại Công ty khi có yêu cầu. Trong năm 2017, BKS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ mỗi quý với đầy đủ các thành viên tham dự để xem xét và đánh giá hoạt động kinh doanh của nhóm công ty.

HĐQT luôn đề cao công tác giám sát của BKS và cân nhắc các ý kiến đóng góp của BKS trong từng quyết định của HĐQT. Vì vậy, với những ý kiến đóng góp kịp thời và cẩn trọng của BKS đã góp phần cùng HĐQT, Ban Điều hành hoàn thành tốt công tác quản trị công ty trong năm 2017.

### *Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2017*

BKS đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của REE sau khi được kiểm toán bởi Ernst & Young. BKS ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực, chính xác tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2017.



## Ban Kiểm soát (tiếp theo)

### 2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (tiếp theo)

#### *Giám sát hoạt động tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ của Nhóm Công ty*

Công ty đã thực hiện công bố thông tin một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Tính đến ngày 31/12/2017, tình hình kê khai và nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước của Nhóm Công ty tuân thủ đúng quy định.

Tình hình lao động ổn định, tất cả người lao động trong Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động và hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng, chế độ nghỉ ngơi, chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm.

Nhóm Công ty đã kiểm soát tương đối chặt chẽ về mặt công nợ trên cơ sở có xác nhận của khách hàng trên từng khoản nợ. Năm 2017, Nhóm Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng khoản nợ khó đòi, dự phòng hàng hóa, vật tư chậm luân chuyển và hư hỏng, dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng bảo hành các công trình theo đúng quy định của công ty.

#### *Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ*

Trong năm 2017, Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ thuộc HĐQT đã thường xuyên đánh giá tình hình tài chính của Nhóm Công ty và thiết lập các chức năng kiểm soát nội bộ để đảm bảo hợp lý việc thực hiện các mục tiêu của công ty về hiệu lực, hiệu quả hoạt động, độ tin cậy trong báo cáo tài chính, tuân thủ pháp luật liên quan.

BKS phối hợp với Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ cung cấp số liệu, thông tin để đơn vị kiểm toán Ernst & Young thực hiện kiểm toán soát xét báo cáo sáu (06) tháng và năm. Trước khi phát hành các báo cáo ra bên ngoài, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát kỹ càng thông tin, số liệu và chưa có sai sót nào xảy ra.

Bên cạnh đó, việc bàn bạc, trao đổi cởi mở với công ty kiểm toán độc lập về phạm vi xem xét, kết quả kiểm toán, các thay đổi về mặt chính sách trong kế toán, kiểm toán đã giúp cho các hoạt động của REE đều minh bạch, rõ ràng và không có sai phạm.

## Các Giao dịch, Thù lao và các Khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

### 1. Lương, Thưởng, Thù lao, các Khoản lợi ích

#### Hội đồng Quản trị

Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1 Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	30%	61%	9%	100%
2 Ông Alex Newbigging	Phó chủ tịch không điều hành	-	-	100%	100%
3 Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên không điều hành	-	-	100%	100%
4 Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	44%	44%	12%	100%
5 Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên độc lập	-	-	100%	100%

#### Ban Kiểm soát

Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1 Bà Đỗ Thị Trang	Trưởng ban	41%	39%	20%	100%
2 Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	-	-	100%	100%

#### Ban Tổng Giám đốc

Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1 Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Tổng Giám đốc	(như trên)	(như trên)	(như trên)	(như trên)
2 Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	22%	78%	-	100%
3 Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc	52%	48%	-	100%

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2017 là 2.979.900.000 đồng.

Lương và thưởng chi trả cho Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 là 18.790.689.367 đồng.

## Các Giao dịch, Thù lao và các Khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (tiếp theo)

### Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông lớn, Cổ đông nội bộ và Người có liên quan

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1 Platinum Victory Pte. Ltd.	Tổ chức có liên quan đến ông Alex Newbigging - Phó Chủ tịch HĐQT	70.912.140	22,9	74.123.100	23,9	Tăng tỷ lệ sở hữu
2 Quý Đầu tư tăng trưởng TVAM	Tổ chức có liên quan đến Bà Đinh Thị Hoa - TV HĐQT	100.000	0,03	0	0	Cơ cấu danh mục đầu tư
3 Đinh Dũng	Người có liên quan đến Bà Đinh Thị Hoa - TV HĐQT	1.380	0,00	0	0	Chi tiêu cá nhân
4 CTCP Chứng khoán Thiên Việt	Tổ chức có liên quan đến Bà Đinh Thị Hoa - TV HĐQT	1.260.405	0,21	0	0	Cơ cấu danh mục đầu tư

### 3. Hợp đồng hoặc Giao dịch với Cổ đông Nội bộ

Trong năm 2017, REE không có các hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ như thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

## Việc Thực hiện các Quy định về Quản trị Công ty

REE luôn nỗ lực tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến quản trị công ty và công bố thông tin, bao gồm:

- ▶ Luật Doanh nghiệp 2014;
- ▶ Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung 2010;
- ▶ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 hướng dẫn về Quản trị Công ty; và
- ▶ Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đồng thời cụ thể hóa các quy định này trong hoạt động của Nhóm Công ty tại các quy định nội bộ như:

- ▶ Điều lệ Công ty (sửa đổi bổ sung lần thứ 9 vào ngày 31 tháng 03 năm 2016); và
- ▶ Quy chế Nội bộ Quản trị Công ty.

Năm 2017, REE đã tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.

Bên cạnh đó, REE cũng nỗ lực áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị, cụ thể như sau:

- ▶ Quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất, nâng cao chất lượng quản trị theo chuẩn quốc tế thông qua việc áp dụng các tiêu chí trong quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, bao gồm 5 khía cạnh chính sau:
  - Đảm bảo quyền của cổ đông;
  - Đối xử bình đẳng với cổ đông;
  - Đảm bảo quyền lợi và vai trò của các bên liên quan;
  - Công bố thông tin và minh bạch; và
  - Tăng cường trách nhiệm của HĐQT.
- ▶ Các thành viên HĐQT không điều hành và độc lập đảm nhiệm vai trò của Tiểu ban Lương thưởng và Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ thuộc HĐQT và tổ chức các buổi họp riêng nhằm gia tăng tính độc lập và đảm bảo độ tin cậy.
- ▶ Thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng, tăng cường tính minh bạch trong việc lựa chọn nhà cung cấp và nhà thầu.
- ▶ Phát triển kênh thông tin, tạo thuận lợi cho các bên liên quan tiếp cận thông tin đã công bố như đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và trên trang thông tin điện tử chính thức của Công ty tại địa chỉ: [www.reecorp.com](http://www.reecorp.com).



## Báo cáo Phát triển Bền vững

Thông điệp Phát triển Bền vững của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	66
Tổng quan về Báo cáo Phát triển Bền vững	68
Sự Tham gia của các Bên liên quan	70
Các Lĩnh vực Trọng yếu	72
Hoạt động Kinh doanh	74
Nguồn Nhân lực	79
Trách nhiệm Xã hội	82
Môi trường	83
Bảng Tham chiếu Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn GRI-G4	86

## Thông điệp Phát triển Bền vững của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



“ Là một doanh nghiệp, bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế, REE nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với xã hội và đối với việc bảo vệ và cải thiện môi trường của đất nước. Nội dung phát triển bền vững đã trở thành trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của REE trong nhiều năm qua. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành REE xác định rằng Công ty chỉ phát triển bền vững và thành công lâu dài khi kết hợp giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, từ đó mới có thể thúc đẩy và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan gồm: cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan,

Phát triển bền vững là sự phát triển trên cơ sở gắn chặt các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với các nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái, nhằm đáp ứng những nhu cầu phát triển của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho sự phát triển của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững từ lâu đã trở thành một yêu cầu thiết yếu và là nội dung chiến lược được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm để đảm bảo sự cân bằng và hài hòa giữa quá trình phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước ngày nay, Việt Nam cũng không nằm ngoài ngoại lệ đó.

Là một doanh nghiệp, bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế, REE nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với xã hội và đối với việc bảo vệ và cải thiện môi trường của đất nước. Nội dung phát triển bền vững đã trở thành trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của REE trong nhiều năm qua. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành REE xác định rằng Công ty chỉ phát triển bền vững và thành công lâu dài khi kết hợp giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, từ đó mới có thể thúc đẩy và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan gồm: cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế thể hiện ở tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua nộp thuế. Mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường. Hiện REE đã và đang kiến tạo một cơ cấu công ty đa dạng và bền vững xoay quanh ba lĩnh vực: cơ điện lạnh, bất động sản và cơ sở hạ tầng điện nước – đây là những lĩnh vực kinh tế cơ bản của đất nước. Chúng tôi đặt mục tiêu tăng trưởng chung cho doanh thu và lợi nhuận toàn Nhóm Công ty từ 10%-15%/năm trong những năm tới.

Về trách nhiệm xã hội, trong nhiều năm qua, REE luôn đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực, đặc biệt đầu tư cho giáo dục và đào tạo cho thế hệ trẻ luôn là ưu tiên của REE trong hoạt động cộng đồng nhằm góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ. Đối với người lao động, REE chú trọng phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên, thực hiện các chương trình xác định và phát triển nhân tài, phát huy năng lực để người lao động đóng góp và cống hiến nhiều hơn cho công ty và cho xã hội.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường được quan tâm hàng đầu tại REE. Công ty thực hiện các chính sách và ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến và thân thiện với môi trường trong từng mảng hoạt động kinh doanh, đồng thời triển khai sử dụng tiết kiệm năng lượng – nước và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên.

Chúng tôi mong muốn tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế luôn quan tâm đến mục tiêu phát triển bền vững và nhận ra tầm quan trọng của phát triển kinh tế doanh nghiệp luôn gắn liền với trách nhiệm xã hội, với đất nước, với các thế hệ tương lai. Và chúng tôi ủng hộ những nỗ lực không ngừng để thông điệp Phát triển bền vững ngày một lan truyền và được hưởng ứng một cách rộng rãi.

Nguyễn Thị Mai Thanh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 3 năm 2018

# Tổng quan về Báo cáo Phát triển Bền vững

## 1. Thông tin Doanh nghiệp

Được thành lập từ năm 1977, Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE) hiện là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300741143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 03/06/2016.

Cổ phiếu REE được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 02/06/2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của REE và các công ty thành viên ("Nhóm Công ty") trong năm 2017 là dịch vụ cơ điện công trình (M&E); sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hòa không khí; phát triển, quản lý bất động sản; và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng điện & nước.

## 2. Hồ sơ Báo cáo

### 2.1. Phạm vi báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững được lập định kỳ hàng năm và tích hợp với Báo cáo Thường niên là một phần quan trọng nhằm công bố các thông tin về chiến lược phát triển bền vững của REE; đánh giá các tác động, rủi ro và cơ hội kinh doanh liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp, cũng như các khía cạnh kinh tế của hoạt động kinh doanh.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính 2017, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được xây dựng theo hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững G4 của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI).

Phạm vi báo cáo bao gồm hoạt động của REE và các công ty thành viên trong lĩnh vực cơ điện lạnh và cho thuê văn phòng. Hoạt động của các công ty thành viên trong lĩnh vực bất động sản và điện sẽ được tổng hợp và trình bày vào kỳ báo cáo phát triển bền vững tiếp theo do việc hợp nhất các công ty này mới diễn ra trong thời gian gần đây.

REE có trụ sở chính đặt tại 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Các công ty thành viên trực thuộc, công ty liên kết có địa bàn hoạt động chính tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Yên Bái, Quảng Ninh, Hải Dương, Ninh Bình, Huế, Đà Nẵng, Phú Yên, Bình Định, Bình Phước, Bình Dương, Trà Vinh. Dịch vụ cơ điện công trình (M&E) và sản phẩm mang thương hiệu Reetech được cung cấp trên khắp cả nước và xuất khẩu sang các thị trường Myanmar, Cuba.

Các tổ chức hiệp hội tham gia:

- Thành viên Hiệp hội Nhà thầu Xây dựng Việt Nam (VACC).
- Thành viên Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC).
- Thành viên Hội đồng Công trình Xanh Mỹ (USGBC).
- Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân Sài Gòn.

### 2.2. Tính đảm bảo của báo cáo

Nhóm Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế về công bố thông tin, số liệu trong quá trình thực hiện báo cáo. Việc thu thập thông tin, số liệu được đối chiếu, kiểm tra, rà soát giữa bộ phận phụ trách, ban quản lý và ban kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu. Ngoài ra, các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Ernst & Young Việt Nam nhằm tăng cường độ tin cậy của báo cáo.

### 2.3. Thông tin liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp vui lòng liên hệ:

**Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình**

Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)

364 Cộng Hòa, Phường 13,  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-28-3810 0017

Fax: 84-28-3810 0337

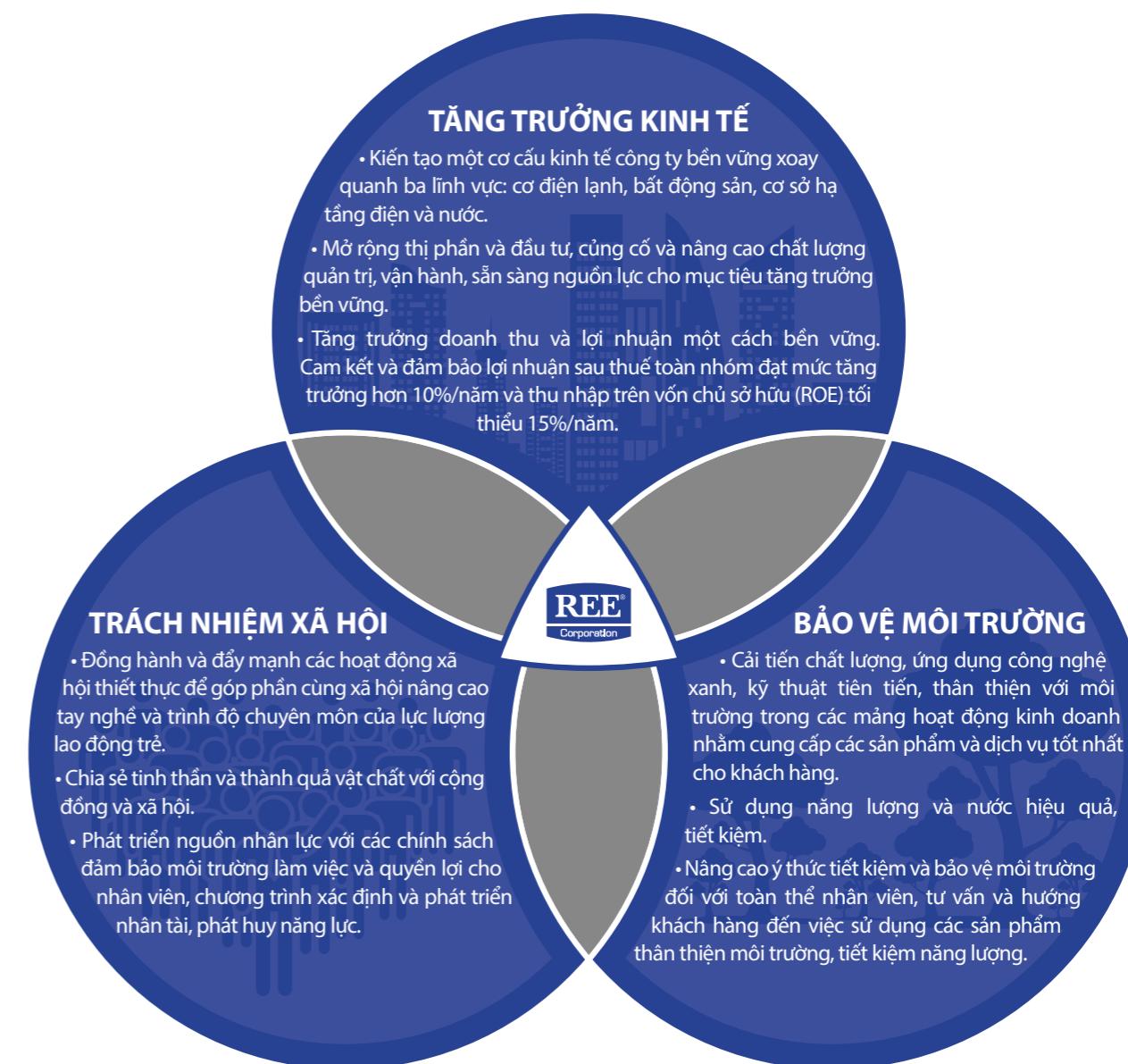
Email: ree@reecorp.com.vn

## 3. Định hướng phát triển bền vững

Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của REE. REE xác định rằng Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường

nhằm bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

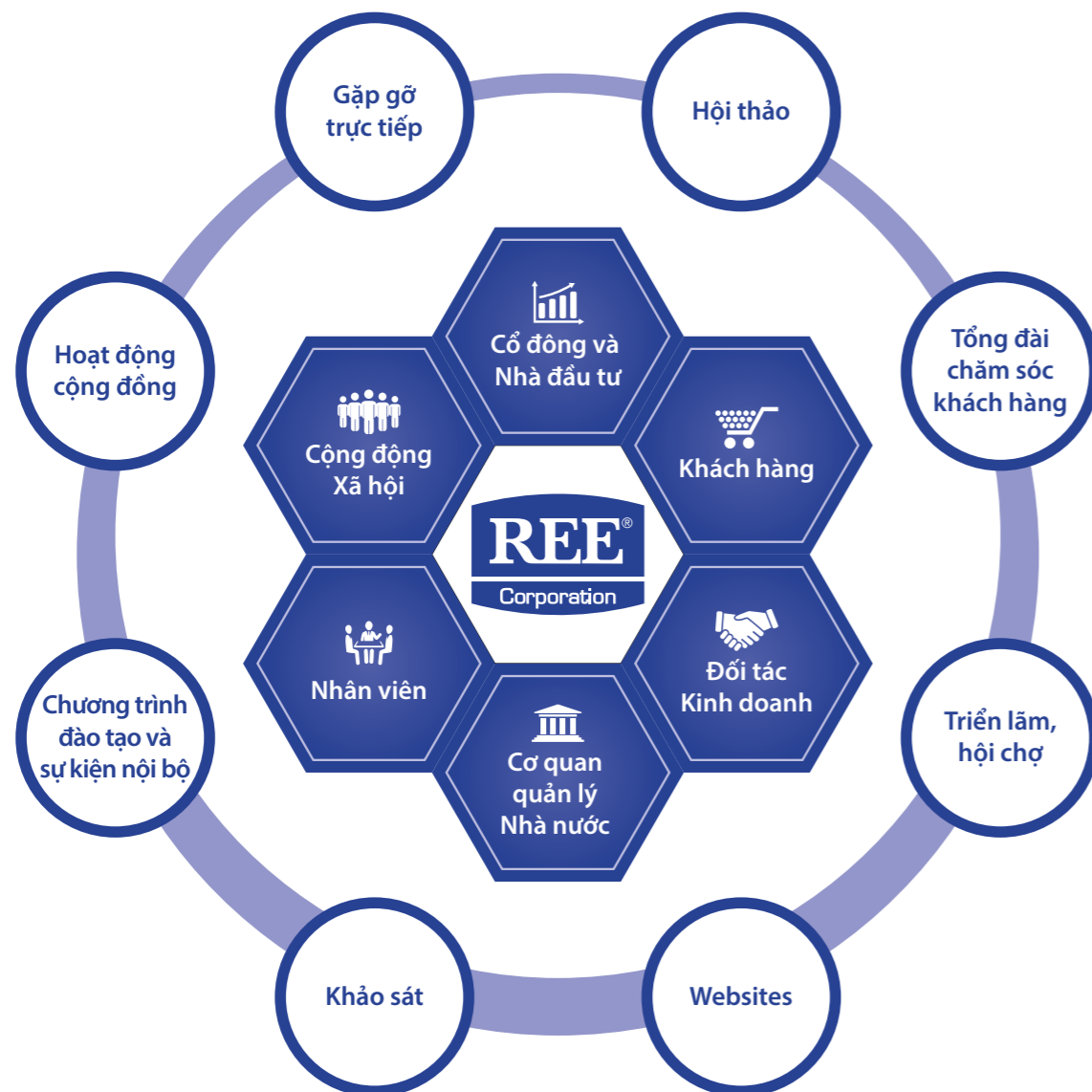
### Mục tiêu cụ thể:



# Sự Tham gia của các Bên liên quan

REE xác định các bên liên quan là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, bao gồm: cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Chúng tôi luôn lắng nghe các bên liên quan, chia sẻ mối quan tâm và phản hồi một cách tích cực. Việc thấu hiểu mối quan tâm của các bên liên quan, tiếp nhận thông tin và ý kiến phản hồi góp phần quan trọng trong quá trình xác định nội dung báo cáo và kết quả báo cáo cũng như việc hoạch định chiến lược và triển khai thực hiện các mục tiêu của REE.



Bên liên quan	Cam kết của REE	Phương pháp tiếp cận	Tần suất		
Cổ đông và Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông</li> <li>Đối xử bình đẳng với cổ đông</li> <li>Tăng cường tính minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty</li> <li>Chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư</li> </ul>	Gặp gỡ trực tiếp theo yêu cầu			
		Đại hội đồng cổ đông	Hàng năm		
		Hội thảo nhà đầu tư (trong và ngoài nước)	Bán niên		
		Websites			
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài</li> <li>Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hậu mãi</li> <li>Lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng</li> </ul>	Gặp gỡ trực tiếp	Thường xuyên		
		Tổng đài chăm sóc khách hàng, tư vấn kỹ thuật và bảo trì bảo hành			
		Triển lãm, hội chợ, hội thảo			
		Websites			
Đối tác Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Duy trì và nuôi dưỡng mối quan hệ lâu dài</li> <li>Tôn trọng lợi ích của các bên tham gia</li> <li>Cùng phát triển và tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội</li> </ul>	Gặp gỡ trực tiếp	Thường xuyên		
		Triển lãm, hội chợ, hội thảo			
		Websites			
Cơ quan quản lý Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước</li> <li>Tuân thủ các quy định pháp luật</li> <li>Công bố thông tin minh bạch, đúng hạn</li> </ul>	Tham gia các hội nghị, hội thảo do Chính phủ, các cơ quan ban ngành tổ chức	Thường xuyên		
		Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trân trọng sự đóng góp của nhân viên</li> <li>Đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên</li> <li>Phát triển nguồn nhân lực với các chương trình xác định và phát triển nhân tài, phát huy năng lực</li> </ul>	Các chương trình đào tạo nội bộ	Thường xuyên
				Các sự kiện hoạt động nội bộ như chương trình gắn kết đội ngũ (team building), thể thao, văn nghệ...	Hàng năm
Cộng đồng Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng hàng và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ</li> <li>Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội</li> </ul>	Khảo sát sự thỏa mãn của nhân viên đối với Công ty	Hàng năm		
		Tổ chức các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng	Thường xuyên		
		Tham gia các sự kiện, chương trình gây quỹ vì cộng đồng xã hội, bảo vệ môi trường	Thường xuyên		
		Tham gia các hiệp hội, tổ chức từ thiện	Thường xuyên		

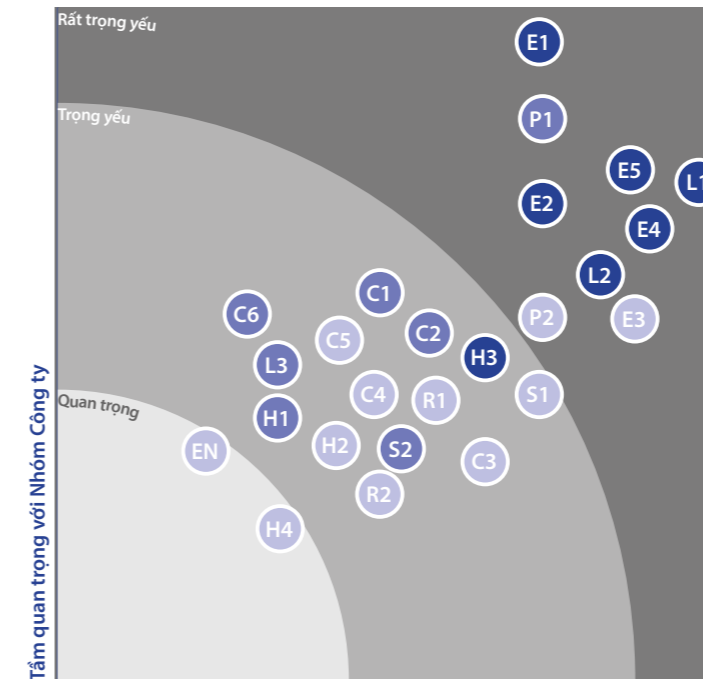
# Các Lĩnh vực Trọng yếu

## Quy trình xác định nội dung báo cáo và các lĩnh vực trọng yếu

- ▶ Bước 1 - Xác định: Xác định các Lĩnh vực GRI có liên quan trên cơ sở đánh giá các tác động kinh tế, môi trường và xã hội đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và lợi ích của các bên liên quan.
- ▶ Bước 2 - Đặt ưu tiên: Đánh giá từng Lĩnh vực có liên quan theo tầm quan trọng và tác động đối với các bên liên quan nhằm xác định các Lĩnh vực trọng yếu cùng với các Ranh giới và mức độ để cập.
- ▶ Bước 3 - Xác nhận: Đánh giá các Lĩnh vực trọng yếu theo phạm vi, ranh giới và thời gian; thu thập thông tin và công bố báo cáo.
- ▶ Bước 4 - Đánh giá lại: Rà soát lại và chuẩn bị cho chu kỳ báo cáo tiếp theo.

## Danh sách các Lĩnh vực, Tiêu chí và Ranh giới trọng yếu

Các tiêu chí chính	Các lĩnh vực chính (GRI)	Ranh giới trọng yếu	Nội dung được trình bày tương ứng trong báo cáo
<b>Hoạt động Kinh doanh</b>			
P1 Các sản phẩm và dịch vụ cung cấp	Sản phẩm và dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm Công ty</li> <li>Khách hàng (trong nước, Myanmar và Cuba)</li> <li>Đối tác kinh doanh (trong và ngoài nước)</li> </ul>	1. Sản phẩm và dịch vụ
P2 Dịch vụ khách hàng và hậu mãi			
EN Thân thiện môi trường			
<b>2. Hiệu quả kinh tế</b>			
E1 Kết quả kinh doanh	Hiệu quả kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm Công ty</li> <li>Cổ đông, Nhà đầu tư (trong và ngoài nước)</li> <li>Đối tác kinh doanh (trong và ngoài nước)</li> <li>Cơ quan quản lý Nhà nước</li> </ul>	Các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp
E2 Chi trả cổ tức			
E3 Giá cổ phiếu			
E4 Khả năng tài chính			
E5 Nghĩa vụ đối với Nhà nước			
<b>3. Quản lý hoạt động kinh doanh</b>			
C1 Quản trị công ty	Quản trị doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm Công ty</li> <li>Cổ đông, Nhà đầu tư (trong và ngoài nước)</li> </ul>	Quản trị doanh nghiệp
C2 Quản trị rủi ro			
C3 Đối xử bình đẳng với cổ đông	Tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm Công ty</li> <li>Cơ quan quản lý Nhà nước</li> </ul>	Tuân thủ pháp luật
C4 Tuân thủ pháp luật			
C5 Chống tham nhũng			
C6 Phát triển thị trường	Phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tác kinh doanh (trong và ngoài nước)</li> </ul>	Phát triển thị trường
<b>4. Kênh thông tin</b>			
R1 Công bố thông tin minh bạch, kịp thời	Công bố thông tin và minh bạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm Công ty</li> <li>Cổ đông, Nhà đầu tư (trong và ngoài nước)</li> <li>Cơ quan quản lý Nhà nước</li> <li>Nhân viên Nhóm Công ty</li> </ul>	
R2 Trao đổi thông tin nội bộ minh bạch, hiệu quả			
<b>Nguồn Nhân lực</b>			
1. Thống kê về nguồn nhân lực			
2. Phát triển nguồn nhân lực			
L1 Chế độ lương và phúc lợi	Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên Nhóm Công ty</li> </ul>	Môi trường làm việc
L2 Sức khỏe và an toàn lao động			
L3 Huấn luyện và đào tạo			
H1 Quyền bình đẳng	Quyền con người		Huấn luyện và đào tạo
H2 Nhân quyền			
H3 Cơ hội phát triển đồng đều			
H4 Tự do lập hội và thỏa ước tập thể			
<b>Trách nhiệm Xã hội</b>			
S1 Trách nhiệm xã hội	Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhóm Công ty</li> <li>Cộng đồng Xã hội</li> </ul>	
S2 Phát triển thế hệ trẻ			
<b>Môi trường</b>			



Mức độ tác động với các bên liên quan

## Ma trận Ưu tiên

Nhóm A	Rất trọng yếu
Nhóm B	Trọng yếu
Nhóm C	Quan trọng
<span style="color: red;">●</span>	Rất khẩn thiết
<span style="color: orange;">●</span>	Khẩn thiết
<span style="color: green;">●</span>	Bình thường

Các bên liên quan	Các tiêu chí chính	Nhóm	Khẩn thiết
Cổ đông, Nhà đầu tư	• Kết quả kinh doanh	A	E1
	• Chi trả cổ tức	A	E2
	• Giá cổ phiếu	B	E3
	• Công bố thông tin minh bạch, kịp thời	B	R1
	• Quản trị công ty	B	C1
Khách hàng	• Quản trị rủi ro	B	C2
	• Đối xử bình đẳng với cổ đông	C	C3
	• Các sản phẩm và dịch vụ cung cấp	A	P1
Đối tác Kinh doanh	• Dịch vụ khách hàng và hậu mãi	B	P2
	• Thân thiện môi trường	C	EN
	• Khả năng tài chính	A	E4
Cơ quan quản lý Nhà nước	• Tuân thủ pháp luật	B	C4
	• Chống tham nhũng	B	C5
	• Phát triển thị trường	B	C6
Nhân viên	• Dịch vụ khách hàng và hậu mãi	B	P2
	• Nghĩa vụ đối với Nhà nước	A	E5
	• Tuân thủ pháp luật	B	C4
Cộng đồng Xã hội	• Công bố thông tin minh bạch, kịp thời	B	R1
	• Chế độ lương và phúc lợi	A	L1
	• Sức khỏe và an toàn lao động	A	L2
	• Huấn luyện và đào tạo	B	L3
Cộng đồng Xã hội	• Quyền bình đẳng	B	H1
	• Nhân quyền	C	H2
	• Cơ hội phát triển đồng đều	B	H3
	• Tự do lập hội và thỏa ước tập thể	C	H4
Cộng đồng Xã hội	• Trao đổi thông tin nội bộ minh bạch, hiệu quả	C	R2
	• Trách nhiệm xã hội	B	S1
Cộng đồng Xã hội	• Phát triển thế hệ trẻ	C	S2

# Hoạt động Kinh doanh

## 1. Sản phẩm và Dịch vụ

REE cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chính bao gồm dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản phẩm điện lạnh mang thương hiệu Reetech và dịch vụ văn phòng cho thuê.

### Dịch vụ Cơ điện Công trình (M&E)

REE M&E là nhà thầu cơ điện công trình hàng đầu tại Việt Nam với kinh nghiệm thi công công trình M&E trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, thương mại và công nghiệp. Với hơn 30 kinh nghiệm, REE M&E cung cấp hệ thống cơ điện đáp ứng tốt và phù hợp nhất yêu cầu công trình của khách hàng và cũng như các dịch vụ tư vấn, thiết kế, cung cấp, lắp đặt, vận hành & bảo dưỡng một cách chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ.

Các hệ M&E chính:

- ▶ Hệ thống điều hòa không khí & thông gió
- ▶ Hệ thống cấp thoát nước
- ▶ Hệ thống phòng cháy chữa cháy
- ▶ Hệ thống điện động lực
- ▶ Hệ thống điện điều khiển & tự động

REE M&E đã thực hiện hàng trăm công trình trên khắp mọi miền đất nước, trong đó có nhiều công trình nổi bật và mang tầm vóc ở Việt Nam như Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Nhà Quốc hội, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài T2, Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Trung tâm Truyền hình Việt Nam, Khách sạn Pullman, Khách sạn Sheraton Đà Nẵng, Tòa nhà Vietcombank, Ngôi Nhà Đức...

### Sản phẩm mang Thương hiệu Reetech

Công ty Điện máy REE là nhà sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Reetech, thương hiệu điều hòa không khí đầu tiên của Việt Nam, đã trở nên quen thuộc với khách hàng qua các sản phẩm tiêu dùng và thương mại. Với dây chuyền sản xuất theo công nghệ Châu Âu, đội ngũ bán hàng giỏi và nhiều kinh nghiệm cùng với mạng lưới phân phối và hệ thống bảo hành, bảo trì phát triển rộng khắp cả nước, Reetech luôn mang lại dịch vụ tốt nhất và niềm tin cho khách hàng.

Các sản phẩm chính của Reetech:

- ▶ Máy điều hòa nhiệt độ dân dụng, thương mại công suất đến 320.000BTU/h
- ▶ Hệ thống điều hòa nhiệt độ trung tâm công suất thay đổi theo nguyên lý kỹ thuật số
- ▶ AHU, FCU, PAU các loại
- ▶ Linh kiện thay thế cho máy và hệ điều hòa nhiệt độ
- ▶ Tủ, bảng điện MSB, ATS, DB, MMC
- ▶ Ống gió và phân phối gió

Các sản phẩm điều hòa không khí của Reetech đều được dán nhãn năng lượng nhằm giúp người tiêu dùng nhận diện rõ hơn và khuyến khích lựa chọn các sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

### Dịch vụ Văn phòng Cho thuê

REE Property là đơn vị kinh doanh và quản lý bất động sản cho thuê với tổng diện tích văn phòng cho thuê hơn 130.000m<sup>2</sup>. Hoạt động phát triển và khai thác bất động sản của REE đã và đang lớn mạnh không ngừng, các cao ốc văn phòng được REE đầu tư phát triển và khai thác hiệu quả.

- ▶ Tòa nhà IDC:  
163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- ▶ Tòa nhà Maison:  
180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- ▶ Tòa nhà Reecorp:  
366 Nguyễn Trãi, Quận 5, TP.HCM
- ▶ Khu văn phòng e.town:  
364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
- ▶ Tòa nhà REE Tower:  
9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, TP.HCM
- ▶ Tòa nhà e.town Central:  
11 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, TP.HCM

Nhằm cung cấp cho khách hàng sử dụng dịch vụ tại các cao ốc do chúng tôi cung cấp có được sự tin tưởng, an toàn và hài lòng ở mức cao nhất, REE Property đã đầu tư các trang thiết bị hiện đại, xây dựng đội ngũ nhân viên quản lý và phục vụ chuyên nghiệp nhằm đảm bảo mọi dịch vụ của các cao ốc luôn ở trong tình trạng tốt nhất. Các tiện nghi trong tòa nhà bao gồm:

- ▶ Hội trường trang bị hệ thống hội nghị từ xa (video-conference)
- ▶ Hệ thống điện ổn định, nguồn điện dự phòng 100%
- ▶ Môi trường làm việc khỏe mạnh và an toàn, hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại, hồ bơi, phòng tập thể dục, căn tin
- ▶ Bảo vệ 24/7
- ▶ Bãi đậu xe hơi và xe gắn máy quản lý bằng thẻ từ
- ▶ Hệ thống kết nối internet băng thông rộng bởi những nhà cung cấp dịch vụ.

### Thân thiện Môi trường

REE thực hiện các chính sách và ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến và thân thiện với môi trường trong từng mảng hoạt động kinh doanh nhằm giảm thiểu hiệu ứng nhà kính và bảo vệ môi trường.

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và là thành viên của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam, REE M&E đảm bảo các công trình xây dựng đạt các tiêu chuẩn cao nhất về kỹ thuật đồng thời hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. REE M&E cũng áp dụng mô hình BIM và REVIT 3D nhằm tối ưu hóa cho công tác thi công xây dựng công trình. Ngoài ra, REE M&E luôn tư vấn và hướng khách hàng đến việc thiết kế, xây dựng và vận hành tòa nhà thông minh, lựa chọn nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm điện máy, Reetech lắp đặt gas R410A và R32 thân thiện môi trường trong các sản phẩm điều hòa không khí, ứng dụng công nghệ biến tần tiết kiệm năng lượng trong các sản phẩm máy lạnh dòng inverter và thường xuyên có các chương trình khuyến mãi giảm giá nhằm khuyến khích người tiêu dùng lựa chọn các sản phẩm thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng này.

Hoạt động văn phòng cho thuê ứng dụng các công nghệ thân thiện môi trường vào xây dựng và vận hành tòa nhà thông minh, tiết kiệm năng lượng. Điển hình là việc xây dựng tòa nhà văn phòng mới e.town Central theo tiêu chuẩn LEED – chứng chỉ Vàng của Hội đồng Công trình Xanh Mỹ (USGBC) với các tiêu chí chính như giảm thiểu điện năng tiêu thụ điện từ 20%-30%, giảm 35%-50% lượng nước sử dụng, giảm tối đa lượng khí thải CO<sub>2</sub> và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.



# Hoạt động Kinh doanh (tiếp theo)

## 2. Hiệu quả Kinh tế

### Các Lợi ích Kinh tế Trực tiếp và Gián tiếp

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là nguồn lực để REE gia tăng giá trị cho cổ đông, đóng góp vào ngân sách Nhà nước và thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường theo định hướng phát triển bền vững của Nhóm Công ty.

Năm 2017, Công ty đã trả cổ tức năm 2016 là 16% tính trên vốn điều lệ, chi trả bằng tiền mặt tương ứng số tiền 496 tỷ đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), mức chi trả cổ tức năm 2017 không thấp hơn 10% tính trên vốn điều lệ và ĐHCĐ đã thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) để xuất mức chi trả. Theo đó, HĐQT Công ty đã đề xuất mức cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2017 là 16% tính trên vốn điều lệ.

Hoạt động kinh doanh của REE cũng đem lại lợi ích kinh tế gián tiếp thông qua các khoản đầu tư chiến lược trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng điện và nước. REE hiện đang sở hữu tổng công suất điện là 696 MW tại 7 nhà máy thủy điện và 2 nhà máy nhiệt điện trên khắp Việt Nam và công suất phát nước 446.200m<sup>3</sup>/ngày tại 4 nhà máy nước nằm tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Ngoài ra, REE còn sở hữu một công ty phân phối điện tại tỉnh Trà Vinh và một số công ty phân phối nước sạch tại thành phố Hồ Chí Minh như Thủ Đức, Nhà Bè và Gia Định.

### Kết quả kinh doanh

	2017	2016	Thay đổi
	tỷ VND	tỷ VND	%
Doanh thu	4.995	3.659	+36,5
Lợi nhuận sau thuế	1.377	1.093	+26,0
Tổng tài sản	14.295	11.397	+25,4
Vốn chủ sở hữu	8.034	7.156	+12,3
	VND	VND	%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.441	3.526	+26,0
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	16	16	0
Giá trị sổ sách trên cổ phiếu	25.913	23.080	+12,3
Tỷ số P/E (lần)	9,3	7,0	+33,7
	lần	lần	%
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,9	1,6	+23,3
Hệ số thanh toán nhanh	1,4	1,1	+26,6
	%	%	%
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	39,2	32,3	+6,9
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	64,4	47,6	+16,8
Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	60,8	67,7	-6,9
ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	30,5	32,1	-1,6
ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	11,9	11,2	+0,7
ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)	18,1	16,2	+1,9

## 3. Quản lý Hoạt động Kinh doanh

### Quản trị Doanh nghiệp

Trách nhiệm quản trị Nhóm Công ty được thực hiện bởi Đại hội đồng Cổ đông Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán Nội bộ và dựa trên các quy chế quản trị rủi ro được xây dựng trên cơ sở pháp luật và các quy định hiện hành mà Nhóm Công ty là đối tượng áp dụng.

Năm 2017, REE đã tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời. Bên cạnh đó, REE cũng nỗ lực áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị, cụ thể như sau:

- Quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất, đảm bảo quyền của cổ đông và đối xử bình đẳng với cổ đông.
- Các thành viên HĐQT không điều hành và độc lập đảm nhiệm vai trò của Tiểu ban Lương thưởng và Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ thuộc HĐQT và tổ chức các buổi họp riêng nhằm gia tăng tính độc lập và đảm bảo độ tin cậy.
- Thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng, tăng cường tính minh bạch trong việc lựa chọn nhà cung cấp và nhà thầu.

### Tuân thủ Pháp luật

Nhóm Công ty điều hành các hoạt động kinh doanh dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. REE luôn yêu cầu các đơn vị phòng ban và toàn thể nhân viên nghiêm túc chấp hành các quy định của Công ty và pháp luật.

Trong năm 2017, REE không có bất kỳ trường hợp bị xử phạt hoặc chịu các biện pháp xử phạt phi tiền tệ do không tuân thủ các quy định pháp luật.

### Đạo đức và Tính chính trực

Đảm bảo tính chính trực là một tiêu chí quan trọng trong Chính sách Chất lượng của REE. Các chính sách và quy chế nội bộ của Công ty quy định toàn thể nhân viên phải đảm bảo tuân thủ cao nhất đối với các chuẩn mực về tính chính trực và minh bạch trong mối quan hệ với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng gửi khuyến cáo tuân thủ chính sách minh bạch của REE đến các nhà cung cấp nhằm ngăn ngừa các hành vi tham nhũng, gian lận hoặc nhận hối lộ.

Trong năm 2017, REE không phát hiện trường hợp vi phạm nào liên quan đến các chính sách và quy định về tính chính trực và minh bạch của Công ty.

### Phát triển Thị trường

Một trong những mục tiêu trọng điểm trong chiến lược phát triển bền vững của REE là phát triển thị trường với các nội dung cụ thể như sau:

- Đối với hoạt động dịch vụ cơ điện công trình, REE M&E chủ trương hợp tác với các nhà thầu xây dựng nhằm đem đến cho khách hàng giải pháp trọn gói EPC (Thiết kế - Mua sắm - Thi công) cho cả công trình; mở rộng năng lực cơ điện M&E sang lĩnh vực cơ sở hạ tầng mà REE có nền tảng đầu tư và kinh nghiệm quản trị, vận hành trong nhiều năm qua.
- Hoạt động kinh doanh sản phẩm điện máy Reotech tiếp tục tập trung cho mảng sản phẩm cơ khí với các xưởng sản xuất mới được thành lập tại Đà Nẵng, Cam Ranh. Đối với mảng bán lẻ, Reotech sẽ giới thiệu các mẫu sản phẩm tủ trữ, tủ mát, điều hòa không khí dưới thương hiệu mới Yamato. Bằng việc đẩy mạnh hợp tác với đối tác là đại lý phân phối ở Myanmar Reotech sẽ có cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới.
- Hoạt động cho thuê văn phòng tiếp tục tìm kiếm các dự án mới để bổ sung diện tích cho thuê. Mục tiêu mở rộng diện tích từ 30.000m<sup>2</sup> đến 50.000m<sup>2</sup> sàn xây dựng tại khu văn phòng e.town Cộng Hòa đang được triển khai.

## 4. Kênh Thông tin

Kênh thông tin là cầu nối quan trọng giữa REE và các bên liên quan. Kênh thông tin hoạt động hiệu quả sẽ góp phần duy trì đối thoại hai phía và đảm bảo REE nhận được tất cả các ý kiến đóng góp và mong muốn từ các bên liên quan, qua đó tăng cường tính chính xác khi đánh giá tác động tác động kinh tế, môi trường và xã hội liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cũng như ảnh hưởng của các yếu tố này đối với các bên liên quan.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp nhận và phản hồi thông tin, REE thực hiện công bố thông tin đúng hạn và đầy đủ, đồng thời phát triển kênh thông tin, tạo thuận lợi cho các bên liên quan tiếp cận thông tin đã công bố như đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và trên trang thông tin điện tử chính thức của Công ty tại địa chỉ: [www.reecorp.com](http://www.reecorp.com).

REE cũng chú trọng xây dựng quan hệ với các cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng và đối tác kinh doanh dựa trên cơ sở cung cấp thông tin về công ty một cách kịp thời, minh bạch và thường xuyên thông qua các buổi tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với các bên liên quan, tổ chức và tham gia các buổi hội thảo, hội chợ và triển lãm.

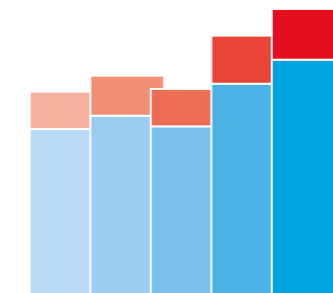
## 1. Thống kê Nguồn Nhân lực

Tổng số nhân viên ký hợp đồng chính thức với REE tại thời điểm 31/12/2017 là 1.736 người, tăng 10,3% so với năm 2016. Số lao động tăng trong năm là 367 người, số lao động giảm trong năm là 205 người; số lao động giảm trong năm tại các công ty thành viên là do công ty chấm dứt hợp đồng lao động với một số nhân viên công ty không có nhu cầu tiếp tục công việc, hoặc nhân viên tự xin thôi việc khi kết thúc thi công các công trình lớn trong năm.

Trong năm 2017, cơ cấu nguồn nhân lực của REE không có sự thay đổi đáng kể. Tỷ lệ nam nữ lần lượt là 82% và 18% phù hợp với đặc thù kinh doanh của Nhóm Công ty là cơ điện lạnh, bắt động sản và cơ sở hạ tầng điện, nước.

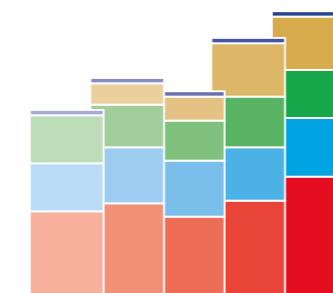
Trong năm 2017, Nhóm Công ty REE đã thực hiện tăng lương cho nhân viên với tỷ lệ tăng bình quân là 9,5%.

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

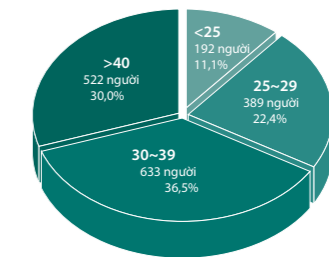


Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Nam	1015	1093	1018	1279	1422
Nữ	224	241	238	295	314
Tổng cộng	1239	1334	1256	1574	1736
Tỷ lệ lao động nam	82%	82%	81%	81%	82%
Tỷ lệ lao động nữ	18%	18%	19%	19%	18%

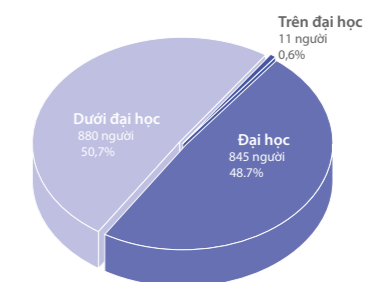
Cơ cấu nhân sự theo lĩnh vực hoạt động



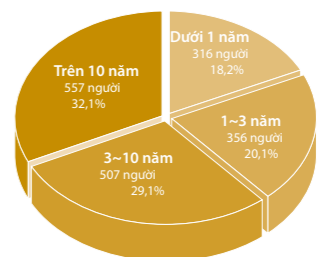
Năm	2013	2014	2015	2016	2017
REE M&E	533	573	498	595	734
Reetech	286	345	327	325	365
Bất động sản	285	250	256	298	281
Điện	0	133	140	322	323
REE Corporation	35	33	35	34	33
Tổng cộng	1139	1334	1256	1574	1736



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo thâm niên

# Nguồn Nhân lực (tiếp theo)

## 2. Phát triển Nguồn nhân lực

REE chú trọng đến việc phát triển và giữ chân nguồn nhân lực trong các mảng hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên, chương trình xác định và phát triển nhân tài.

### Môi trường Làm việc

REE luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Nhóm Công ty. Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ xứng đáng và kịp thời luôn được chú trọng xây dựng và áp dụng để gắn kết hiệu quả công việc của bộ máy nhân lực với định hướng phát triển của Nhóm Công ty.

Chính sách đãi ngộ và khen thưởng được REE xây dựng trên cơ sở công bằng và minh bạch, tương xứng với năng lực và kết quả công việc, phù hợp với thị trường lao động. Hệ thống đãi ngộ của REE bao gồm:

- ▶ Lương căn bản (12 tháng);
- ▶ Lương tháng thứ 13 được chi trả vào dịp Tết cổ truyền hàng năm;
- ▶ Các phụ cấp như ăn trưa, đi lại, cước điện thoại, công tác phí và kiêm nhiệm;
- ▶ Phúc lợi xã hội như bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp; và
- ▶ Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện công việc.

Bên cạnh đó, nhân viên còn được hưởng các chính sách phúc lợi như:

- ▶ Bảo hiểm tai nạn con người 24/24;
- ▶ Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm tại các bệnh viện, phòng khám uy tín; và
- ▶ Chương trình du lịch, nghỉ mát hàng năm.

Chính sách đãi ngộ, khen thưởng và phúc lợi trên áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Nhóm Công ty, ngoại trừ các lao động thời vụ.

Về vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, REE luôn nỗ lực cải tiến môi trường làm việc và điều kiện an toàn cho nhân viên, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe của nhân viên và bảo vệ môi trường của cộng đồng. Các chính sách đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp bao gồm:

- ▶ Thông báo, hướng dẫn, tập huấn các biện pháp an toàn lao động;
- ▶ Cấp quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động;
- ▶ Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm;
- ▶ Thành lập ủy ban/hội đồng bảo hộ lao động tại từng công trình thi công M&E và các xưởng sản xuất;
- ▶ Phòng ngừa và loại trừ những nguy cơ đe dọa tính mạng, sức khỏe của người lao động;
- ▶ Không yêu cầu người lao động làm các công việc nguy hiểm mà người đó không được huấn luyện đầy đủ về kỹ năng; và
- ▶ Không sử dụng lao động nữ đang mang thai hay nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm đêm hoặc làm thêm giờ; không sử dụng lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

### Huấn luyện và đào tạo

REE xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của bất kỳ một doanh nghiệp nào và đào tạo nhân viên thông qua các chương trình phát triển nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của Nhóm Công ty. Các buổi tập huấn theo chủ đề định kỳ được thực hiện bởi các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn về tài chính, điều hành và tiếp thị, mục tiêu dành cho các cán bộ quản lý để bổ sung kiến thức, nắm bắt toàn diện hơn các mảng hoạt động của từng công ty. Nhóm Công ty cũng thực hiện chương trình xác định và phát triển nhân tài thông qua việc luân chuyển công việc qua các

vị trí khác nhau và phát huy năng lực lãnh đạo ở các công ty thành viên.

Trong năm 2017, Nhóm Công ty đã tổ chức 19 khóa đào tạo nội bộ và cử nhân viên tham dự 77 khóa tập huấn trong và ngoài nước. Tổng số nhân viên tham gia đào tạo trong năm là 895 người, chi tiết như sau:

- ▶ Tổng số giờ đào tạo cho người lao động trong năm: 16.863 giờ
- ▶ Số giờ đào tạo trung bình cho người lao động trong năm: 18,84 giờ/người

	Số nhân viên tham gia đào tạo (người)	Tổng số giờ đào tạo (giờ)	Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người)
Quản lý	173	3.363	19,44
Nhân viên	722	13.500	18,70
<b>Tổng cộng</b>	<b>895</b>	<b>16.863</b>	<b>18,84</b>
Nữ	167	3.417	20,46
Nam	728	13.446	18,47
<b>Tổng cộng</b>	<b>895</b>	<b>16.863</b>	<b>18,84</b>

96

Tổng số khóa huấn luyện và đào tạo cho người lao động

16.836

Tổng số giờ đào tạo cho người lao động

895

Tổng số nhân viên tham gia các khóa đào tạo

18,84

Số giờ đào tạo trung bình cho người lao động

Cùng với mục tiêu phát triển kinh doanh, REE luôn xem việc chia sẻ tầm lòng với cộng đồng bằng cả vật chất và tinh thần là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực giáo dục, REE đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của thế hệ trẻ. Nhiều năm qua, REE đã và sẽ tiếp tục đồng hành cùng với Phòng Giáo Dục Quận Tân Bình, Hội khuyến học Quận Bình Thạnh trao học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo học giỏi tại địa phương. REE đã cam kết tham gia dài hạn Quỹ Vừ A Dính và Vinacapital Foundation cấp học bổng cho các em nữ dân tộc thiểu số và vùng biển đảo qua 2 chương trình "Ươm mầm tương lai và mở đường đi đến tương lai".

Với mong muốn giúp các em sinh viên có cơ hội học tập, nâng cao tay nghề REE đã tặng sách chuyên ngành các loại cho các Trường dạy nghề. REE đã tài trợ và xây dựng nhiều trường tiểu học ở các vùng sâu và vùng xa. Năm nay, REE đã tài trợ xây 2 lớp học tại điểm trường Bản Lá - trường Tiểu Học Sinh Long, Tỉnh

Tuyên Quang để các em có được môi trường ổn định học tập. Ngoài ra, REE cùng với Saigon Children's Charity xây trường và xây dựng các chương trình giáo dục cho các em học sinh.

Trong công tác cứu trợ sau thiên tai qua các đợt lũ lụt vừa qua ở các huyện Bắc Trà My, Nam Trà My... thuộc Tỉnh Quảng Nam, REE đã phối hợp cùng Bộ chỉ huy Quận sự tỉnh Quảng Nam, Hội Bảo trợ Trẻ Em Việt Nam và Hội Bảo trợ Trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hỗ trợ vật chất, tặng quà và kinh phí xây dựng lại nhà cho các gia đình nghèo, các gia đình có người thiệt mạng, mất mát nhà cửa.

Trong lĩnh vực môi trường, REE tham gia dự án Bảo vệ loài linh trưởng quý của Việt Nam trước nguy cơ tuyệt chủng với mong muốn góp phần bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di sản quốc gia và bảo vệ môi trường sống.

Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm và chia sẻ với những mảnh đời khó khăn, kém may mắn trong xã hội như ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ đến ơn đáp nghĩa.



REE cùng với Quỹ Vừ A Dính trao học bổng cho các em học sinh – sinh viên dân tộc thiểu số và vùng biển đảo Việt Nam qua 2 chương trình "Ươm mầm tương lai" và "Mở đường đi đến tương lai"



Lễ trao học bổng REE tặng học sinh nghèo vượt khó học giỏi quận Tân Bình năm học 2017 - 2018

	2017	
	triệu VND	%
Xây dựng trường học và các chương trình giáo dục	1.787,50	39
Học bổng khuyến học	1.100,00	24
Tặng sách kỹ thuật cho các trường dạy nghề	93,43	2
Quỹ bảo trợ Con đường tươi sáng	542,03	12
Quỹ vì người nghèo & Quỹ đền ơn đáp nghĩa	60,00	1
Bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà - Bảo tồn loài linh trưởng Việt Nam	520,00	11
Quỹ phòng chống Thiên tai (hỗ trợ người dân thiệt hại nhà)	500,00	11
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.602,96</b>	<b>100</b>

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng và nước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, REE thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng, xăng dầu và nước định kỳ hàng tháng.

Việc ghi nhận số liệu tiêu thụ năng lượng và nước của Nhóm Công ty được xét tại các địa điểm sau:

- ▶ **Trụ sở chính của REE:** 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
- ▶ **Khu văn phòng e.town** nơi đặt văn phòng chính của các công ty thành viên REE M&E, Reetech, REE Property, REE Land: 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
- ▶ **Tòa nhà IDC:** 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- ▶ **Tòa nhà Maison:** 180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- ▶ **Tòa nhà REE Tower:** 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, TP.HCM

## 1. Tiêu thụ năng lượng

Tổng lượng điện tiêu thụ của Nhóm Công ty trong năm 2017 là 9.809.220 kWh, tương đương với 35.313,19 GJ. Nguồn tiêu thụ điện năng chính là dịch vụ văn phòng cho thuê, chủ yếu là hệ thống điều hòa không khí và hệ thống chiếu sáng công cộng. Chi tiết tiêu thụ điện năng của các mảng kinh doanh như sau:

	2017		2016	
	kWh	GJ	kWh	GJ
REE Corporation	94.510	340,24	94.965	341,87
REE M&E	309.404	1.113,85	305.977	1.101,52
Reetech	101.934	366,96	122.075	439,47
REE Land	11.232	40,44	10.263	36,95
REE Property	9.292.140	33.451,70	10.013.415	36.048,29
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.809.220</b>	<b>35.313,19</b>	<b>10.546.695</b>	<b>37.968,10</b>

Trong năm 2017, tổng lượng dầu diesel tiêu thụ vận hành máy phát điện nhằm đảm bảo nguồn điện dự phòng 100% tại các tòa nhà văn phòng là 25.785 lít, tương đương với 955,42 GJ, chi tiết như sau:

	2017		2016	
	lít	GJ	lít	GJ
e.town 1-3-4	15.530	575,44	13.300	492,81
e.town 2	6.055	224,36	5.000	185,27
IDC	-	-	3.606	133,61
Maison Pasteur	170	6,30	3.551	131,58
REE Tower	4.030	149,32	7.360	272,71
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.785</b>	<b>955,42</b>	<b>32.817</b>	<b>1.215,97</b>

# Môi trường (tiếp theo)

## 1. Tiêu thụ năng lượng (tiếp theo)

Tổng năng lượng tiêu thụ của REE trong năm 2017 là 36.268 GJ, giảm 7,4% so với năm 2016 là 39.184 GJ.

	2017	2016	Thay đổi (%)
Dầu DO (lít)	25.785	32.817	
Năng lượng tiêu thụ (GJ)	955	1.216	-27,3
Điện (kWh)	9.809.220	10.546.695	
Năng lượng tiêu thụ (GJ)	35.313	37.968	-7,5
<b>Tổng năng lượng tiêu thụ (GJ)</b>	<b>36.268</b>	<b>39.184</b>	<b>-7,4</b>

### Các giải pháp tiêu thụ năng lượng hiệu quả góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính:

Nguồn tiêu thụ năng lượng	Giải pháp tiêu thụ năng lượng hiệu quả
Hệ thống điều hòa không khí (tiêu thụ 40-60% điện năng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị</li> <li>Khuyến khích duy trì nhiệt độ ở mức 25-27°C</li> <li>Tắt hệ thống điều hòa tại từng khu vực làm việc khi hết giờ làm việc</li> <li>Các tòa nhà văn phòng mới: sử dụng kính cường lực chống nhiệt, hệ thống chiller biến tần tự điều chỉnh công suất tiêu thụ hệ thống điều hòa toàn tòa nhà</li> </ul>
Hệ thống chiếu sáng (tiêu thụ 20-25% điện năng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact chấn lưu điện tử, đèn LED)</li> <li>Các thiết bị chiếu sáng ngoài trời điều khiển bật/tắt theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng tự nhiên của không gian)</li> <li>Tắt toàn bộ hệ thống điện tại từng khu vực làm việc khi hết giờ làm việc</li> <li>Các tòa nhà văn phòng mới sử dụng hệ thống cảm biến nhiệt tự động bật/tắt các đèn theo nhu cầu sử dụng</li> </ul>

### Sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Trong mảng văn phòng cho thuê, xây dựng tòa nhà văn phòng mới e.town Central theo tiêu chuẩn LEED – chứng chỉ Vàng của Hội đồng Công trình Xanh Mỹ (USGBC) với các tiêu chí chính như giảm thiểu điện năng tiêu thụ điện từ 20%-30%, giảm 35%-50% lượng nước sử dụng, giảm tối đa lượng khí thải CO<sub>2</sub> và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.
- Đối với mảng cơ sở hạ tầng điện nước, REE và các công ty thành viên, liên doanh liên kết tập trung đầu tư vào nguồn năng lượng tái tạo như điện gió và năng lượng mặt trời trong thời gian tới. Dự án điện gió Phú Lạc I với công suất 24 MW tại tỉnh Bình Thuận đã đi vào vận hành vào tháng 9/2016. Sản lượng điện năm 2017 đạt 64,7 triệu kWh.

## 2. Tiêu thụ nước

Trong năm 2017, tổng khối lượng nước tiêu thụ của Nhóm Công ty là 191.909m<sup>3</sup>, giảm 8% so với năm 2016. Nguồn tiêu thụ nước chính là dịch vụ văn phòng cho thuê, chủ yếu phục vụ cho các tiện ích công cộng và làm mát hệ thống điều hòa không khí.

### Tiêu thụ nước theo nguồn nước:

	2017 (m <sup>3</sup> )	2016 (m <sup>3</sup> )	Thay đổi (%)
Nước giếng	39.398	46.359	-15
Thủy cục	152.511	161.272	-5
<b>Tổng khối lượng nước tiêu thụ</b>	<b>191.909</b>	<b>207.631</b>	<b>-8</b>
Tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng	-	-	-

### Tiêu thụ nước theo hoạt động kinh doanh:

	2017 (m <sup>3</sup> )	2016 (m <sup>3</sup> )	Thay đổi (%)
REE Corporation	629	626	0
REE M&E	3.212	3.194	+1
Reetech	1.258	1.251	+1
REE Land	157	156	+1
REE Property	186.653	202.405	-8
<b>Tổng cộng</b>	<b>191.909</b>	<b>207.631</b>	<b>-8</b>

## 3. Tuân thủ

Trong năm 2017, REE không có bất kỳ trường hợp bị xử phạt hoặc chịu các biện pháp xử phạt phi tiền tệ do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

# Bảng Tham chiếu Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn GRI-G4

CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO THEO TIÊU CHUẨN CHUNG				
Chỉ số GRI	Thông tin công bố	Tham chiếu	Trang	Lý do bỏ qua
<b>1 Chiến lược và phân tích</b>				
G4-1	Tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức	BCPTBV - Thông điệp Phát triển Bền vững của Chủ tịch HĐQT	66	
<b>2 Hồ sơ tổ chức</b>				
G4-3	Tên tổ chức	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
G4-4	Các nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
G4-5	Vị trí trụ sở chính của tổ chức	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
G4-6	Số lượng các quốc gia mà tại đó tổ chức hoạt động, và tên của các quốc gia mà tổ chức có hoạt động đáng kể hoặc liên quan cụ thể đến các chủ đề phát triển bền vững bao gồm trong báo cáo	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
G4-7	Tính chất của quyền sở hữu và hình thái pháp lý của tổ chức	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
G4-8	Thị trường phục vụ (bao gồm sự phân chia về địa lý, các khu vực phục vụ, và các loại khách hàng và người thụ hưởng)	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
G4-9	Quy mô của tổ chức	BCTN - Cơ cấu Nhóm Công ty	17	
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	BCPTBV - Thống kê về Nguồn nhân lực	79	
G4-11	Tỷ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các thỏa ước lao động tập thể	100%		
G4-12	Chuỗi cung ứng của tổ chức	BCPTBV - Sản phẩm và Dịch vụ	74	
G4-13	Thay đổi đáng kể nào trong giai đoạn báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng của tổ chức	BCPTBV - Phạm vi Báo cáo	68	
G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không và áp dụng xử lý như thế nào	BCTN - Quản trị Rủi ro	25	
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường và xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác	ISO 9001:2008, Quản trị Doanh nghiệp Toàn diện (ERP)		
G4-16	Liệt kê quyền hội viên trong các hiệp hội	BCPTBV - Thông tin Doanh nghiệp	68	
<b>3 Xác định các ranh giới và lĩnh vực trọng yếu</b>				
G4-17	Các đơn vị bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức	BCTN - Cơ cấu Nhóm Công ty	17	
	Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức không được đề cập trong báo cáo	BCPTBV - Phạm vi Báo cáo	68	
G4-18	Quy trình xác định nội dung báo cáo và các ranh giới lĩnh vực	BCPTBV - Các Lĩnh vực Trọng yếu	72	

CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO THEO TIÊU CHUẨN CHUNG				
Chỉ số GRI	Thông tin công bố	Tham chiếu	Trang	Lý do bỏ qua
G4-19	Các lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo	BCPTBV - Các Lĩnh vực Trọng yếu	72	
G4-20	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trong tổ chức	BCPTBV - Các Lĩnh vực Trọng yếu	72	
G4-21	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức	BCPTBV - Các Lĩnh vực Trọng yếu	72	
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó			Không có việc trình bày lại thông tin
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về quy mô và các ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây			Không có thay đổi đáng kể
<b>4 Sự tham gia của các bên liên quan</b>				
G4-24	Danh sách các bên liên quan với tổ chức	BCPTBV - Sự Tham gia của các Bên liên quan	70	
G4-25	Cơ sở xác định và lựa chọn các bên liên quan	BCPTBV - Sự Tham gia của các Bên liên quan	70	
G4-26	Phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với sự tham gia của các bên liên quan	BCPTBV - Sự Tham gia của các Bên liên quan	70	
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan, và tổ chức đã phản hồi như thế nào đối với các chủ đề và mối quan tâm chính này, bao gồm cả các báo cáo mà tổ chức công bố	BCPTBV - Ma trận Ưu tiên	73	
	Báo cáo về các bên liên quan đã đưa ra từng chủ đề và mối quan tâm chính			
<b>5 Hồ sơ báo cáo</b>				
G4-28	Giai đoạn báo cáo	BCPTBV - Phạm vi Báo cáo	68	
G4-29	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất	BCPTBV - Phạm vi Báo cáo	68	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	BCPTBV - Phạm vi Báo cáo	68	
G4-31	Đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến báo cáo hoặc nội dung của báo cáo	BCPTBV - Thông tin Liên hệ	68	
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của tổ chức	BCPTBV - Phạm vi Báo cáo	68	
G4-33	Chính sách và thông lệ hiện hành của tổ chức về việc sử dụng đảm bảo bên ngoài cho báo cáo	BCPTBV - Tính Đảm bảo của Báo cáo	68	
<b>6 Quản trị</b>				
G4-34	Cơ cấu quản trị của tổ chức, bao gồm các ủy ban của cơ quan quản trị cao nhất	BCTN - Tổng quan về Quản trị Công ty	54	
<b>7 Đạo đức và tính chính trực</b>				
G4-56	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức	BCPTBV - Quản lý Hoạt động Kinh doanh	77	

# Bảng Tham chiếu Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn GRI-G4 (tiếp theo)

CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO THEO TIÊU CHUẨN CỤ THỂ				
Chỉ số GRI	Thông tin công bố	Tham chiếu	Trang	Lý do bỏ qua
<b>1 Kinh tế</b>				
1.1	Hiệu quả hoạt động kinh tế			
G4-EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân phối	BCPTBV - Các Lợi ích Kinh tế Trực tiếp và Gián tiếp	76	
G4-EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức	BCPTBV - Các Lợi ích Kinh tế Trực tiếp và Gián tiếp	76	
1.2	Tác động kinh tế gián tiếp			
G4-EC7	Sự phát triển và tác động của các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ được hỗ trợ	BCPTBV - Các Lợi ích Kinh tế Trực tiếp và Gián tiếp	76	
<b>2 Môi trường</b>				
<b>2.1 Năng lượng</b>				
G4-EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	BCPTBV - Môi trường	83	
G4-EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng	BCPTBV - Môi trường	83	
G4-EN7	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV - Thân thiện Môi trường		
<b>2.2 Nước</b>				
G4-EN8	Tổng lượng nước thu về theo nguồn	BCPTBV - Môi trường	83	
G4-EN10	Tỷ lệ phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng	0%		
<b>2.3 Tuân thủ</b>				
G4-EN29	Giá trị bằng tiền của các khoản phạt đáng kể và tổng số hình phạt phi tiền tệ cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường	BCPTBV - Môi trường	83	
<b>3 Xã hội</b>				
<b>3.1 Cách đối xử với người lao động và Việc làm bền vững</b>				
3.1.1	Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực	BCPTBV - Thống kê về Nguồn nhân lực	79	
G4-LA2	Phúc lợi cung cấp cho người lao động toàn thời gian không dành cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu	BCPTBV - Môi trường Làm việc	80	
3.1.2	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp			
G4-LA8	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được bao gồm trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	BCPTBV - Môi trường Làm việc	80	
3.1.3	Giáo dục và đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo trung bình mỗi năm của người lao động theo giới tính, và theo danh mục người lao động	BCPTBV - Huấn luyện và Đào tạo	81	
G4-LA10	Các chương trình quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động	BCPTBV - Huấn luyện và Đào tạo	81	
3.1.4	Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần của các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	BCPTBV - Thống kê về Nguồn nhân lực	79	

CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO THEO TIÊU CHUẨN CỤ THỂ				
Chỉ số GRI	Thông tin công bố	Tham chiếu	Trang	Lý do bỏ qua
<b>3.2 Quyền con người</b>				
G4-HR3	Tổng số vụ phân biệt đối xử và các biện pháp khắc phục đã triển khai	BCPTBV - Môi trường Làm việc	80	Không có trường hợp phân biệt đối xử
G4-HR7	Tỷ lệ phần trăm nhân viên an ninh đã được đào tạo về các chính sách và thủ tục về Quyền con người liên quan đến các hoạt động của tổ chức	100%		
<b>3.3 Xã hội</b>				
<b>3.3.1 Cộng đồng địa phương</b>				
G4-SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	BCPTBV - Trách nhiệm Xã hội	82	
G4-SO2	Các hoạt động có tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn đáng kể đối với các cộng đồng địa phương	BCPTBV - Trách nhiệm Xã hội	82	Không có tác động tiêu cực
<b>3.3.2 Chống tham nhũng</b>				
G4-SO3	Tổng số lượng và tỉ lệ phần trăm các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng và những rủi ro đáng kể đã xác định	BCPTBV - Quản lý Hoạt động Kinh doanh	77	
G4-SO4	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	BCPTBV - Quản lý Hoạt động Kinh doanh	77	
<b>3.3.3 Tuân thủ</b>				
G4-SO8	Giá trị bằng tiền của các khoản phạt đáng kể và tổng số biện pháp xử phạt phi tiền tệ cho việc không tuân thủ luật pháp và quy định	BCPTBV - Quản lý Hoạt động Kinh doanh	77	Không có trường hợp vi phạm và phạt
<b>3.4 Trách nhiệm đối với sản phẩm</b>				
<b>3.4.1 Nhân sản phẩm và dịch vụ</b>				
G4-PR3	Loại thông tin sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu trong các quy trình của tổ chức đối với thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, và tỷ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ trọng yếu phải triển khai các yêu cầu về thông tin như vậy	BCPTBV - Sản phẩm và Dịch vụ	74	
G4-PR4	Tổng số vụ không tuân thủ quy định và bộ luật tự nguyện về thông tin và việc ghi thông tin và nhãn sản phẩm và dịch vụ, theo loại kết quả	BCPTBV - Sản phẩm và Dịch vụ	74	Không có trường hợp vi phạm
<b>3.4.2 Quyền riêng tư của khách hàng</b>				
G4-PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng			Không có trường hợp vi phạm
<b>3.4.3 Tuân thủ</b>				
G4-PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV - Quản lý Hoạt động Kinh doanh	77	Không có trường hợp vi phạm và phạt



## Báo cáo Tài chính Kiểm toán

Thông tin chung	92
Báo cáo của Ban Giám đốc	93
Báo cáo kiểm toán độc lập	94
Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất	96
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất	98
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất	99
Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất	101



## Thông tin chung

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, sản xuất, truyền tải và phân phối điện và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam..

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch
Ông David Alexander Newbigging	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Vĩnh Bình	Phó Tổng Giám đốc

từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Mai Thanh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Công bố của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Tổng Giám đốc - Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60752771/19355558-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập vào ngày 9 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 96 đến trang 141, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Le Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1541-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

## Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.651.352.047.837</b>	<b>4.105.229.855.343</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>2.397.186.656.336</b>	<b>960.027.120.496</b>
111	1. Tiền		235.013.293.004	234.294.781.676
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.162.173.363.332	725.732.338.820
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>14</b>	<b>516.561.743.653</b>	<b>749.169.998.917</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		37.145.694.293	177.729.007.570
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(8.414.878.081)	(84.395.028.952)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		487.830.927.441	655.836.020.299
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.130.676.903.999</b>	<b>1.148.403.790.279</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	787.561.053.987	630.344.198.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	172.646.944.254	252.254.783.186
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	6	124.561.907.286	215.375.166.605
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	116.848.326.532	117.461.604.628
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(70.941.328.060)	(67.031.962.457)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.555.629.874.625</b>	<b>1.230.323.799.872</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.580.982.461.238	1.256.874.302.396
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(25.352.586.613)	(26.550.502.524)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>51.296.869.224</b>	<b>17.305.145.779</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.083.279.377	4.300.544.849
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		30.575.922.064	12.022.479.231
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	17.637.667.783	982.121.699
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.643.315.301.095</b>	<b>7.291.405.321.230</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>36.128.142.823</b>	<b>36.953.263.496</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		1.661.963.366	2.801.963.714
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	34.466.179.457	34.151.299.782
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>492.274.382.836</b>	<b>528.638.925.974</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	460.547.499.283	495.558.428.359
222	Nguyên giá		1.660.573.790.435	1.642.111.287.189
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.200.026.291.152)	(1.146.552.858.830)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	31.726.883.553	33.080.497.615
228	Nguyên giá		50.052.083.588	49.927.083.588
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.325.200.035)	(16.846.585.973)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>624.011.258.648</b>	<b>673.433.406.527</b>
231	1. Nguyên giá		1.140.291.893.165	1.156.269.585.879
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(516.280.634.517)	(482.836.179.352)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.127.742.640.481</b>	<b>571.484.578.870</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.127.742.640.481	571.484.578.870
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>6.274.300.677.903</b>	<b>5.377.448.671.155</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		5.386.673.745.900	4.017.019.091.310
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.099.528.485.702	1.437.605.391.646
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(211.901.553.699)	(77.175.811.801)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>88.858.198.404</b>	<b>103.446.475.208</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		55.012.405.147	45.385.172.163
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30,3	31.443.653.277	37.566.749.831
269	3. Lợi thế thương mại	15	2.402.139.980	20.494.553.214
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.294.667.348.932</b>	<b>11.396.635.176.573</b>

VND

## Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.601.390.147.595</b>	<b>3.675.493.958.642</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.926.952.955.507</b>	<b>2.617.614.139.511</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	445.707.529.615	405.820.702.928
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.329.501.182.358	1.169.235.526.184
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	75.865.433.371	84.670.194.930
314	4. Phải trả người lao động		22.938.873.125	27.490.817.907
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	283.145.378.964	238.255.328.396
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	6.600.000.000	472.467.559
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	78.549.123.480	74.840.997.511
320	8. Vay ngắn hạn	22	672.101.562.482	594.470.465.413
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	11.557.460.090	20.736.522.934
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		986.412.022	1.621.115.749
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.674.437.192.088</b>	<b>1.057.879.819.131</b>
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	215.722.727.273	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	121.854.136.200	141.415.252.040
338	3. Vay dài hạn	22	2.308.624.663.112	899.220.584.250
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30,3	44.142.167	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	28.191.523.336	17.243.982.841
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>8.693.277.201.337</b>	<b>7.721.141.217.931</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>8.693.277.201.337</b>	<b>7.721.141.217.931</b>
411	1. Vốn cổ phần	24,1	3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	24,1	3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24,1	1.050.489.310.786	1.050.489.310.786
415	3. Cổ phiếu quỹ	24,1	(83.026.660)	(83.026.660)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24,1	1.099.529.635	1.122.846.069
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	24,1	239.845.570.570	238.118.820.390
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24,1	3.642.395.860.711	2.765.893.850.270
421a	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.265.308.468.734	1.672.656.835.783
421b	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		1.377.087.391.977	1.093.237.014.487
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24,4	658.941.546.295	565.011.007.076
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.294.667.348.932</b>	<b>11.396.635.176.573</b>

VND

Phạm Thị Uyên Phương

Người lập

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

Hồ Trần Diệu Linh

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

# Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.999.235.436.523	3.663.193.468.551
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(4.062.020.590)	(3.830.862.783)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	4.995.173.415.933	3.659.362.605.768
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(3.565.774.555.516)	(2.477.729.281.879)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.429.398.860.417	1.181.633.323.889
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	174.539.941.233	176.056.435.309
22	7. Chi phí tài chính	27	(274.779.324.595)	(67.669.374.018)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(104.642.480.959)	(60.159.491.918)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	14.3	718.931.362.177	387.845.081.442
25	9. Chi phí bán hàng	28	(94.594.129.849)	(89.024.177.119)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(241.824.868.262)	(220.293.412.913)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.711.671.841.121	1.368.547.876.590
31	12. Thu nhập khác		18.608.033.177	15.277.085.939
32	13. Chi phí khác		(9.132.886.630)	(8.071.058.967)
40	14. Lợi nhuận khác		9.475.146.547	7.206.026.972
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.721.146.987.668	1.375.753.903.562
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(192.154.568.194)	(214.935.033.326)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.1	(6.167.238.721)	12.840.333.566
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.522.825.180.753	1.173.659.203.802
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.377.087.391.977	1.093.237.014.487
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		145.737.788.776	80.422.189.315
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.5	4.441	3.519
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.5	4.441	3.519

**Phạm Thị Uyên Phương**  
Người lập  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

**Hồ Trần Diệu Linh**  
Kế toán trưởng



**Tổng Giám đốc**  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>1.721.146.987.668</b>	<b>1.375.753.903.562</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	10, 11, 13, 15	130.117.592.892	139.556.922.833
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		63.225.518.370	(7.712.055.856)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		283.085.334	279.701.943
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(888.644.411.692)	(560.022.215.192)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	27	105.038.480.959	60.159.491.918
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.131.167.253.531</b>	<b>1.008.015.749.208</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(98.125.315.856)	363.330.491.806
10	Tăng hàng tồn kho		(324.108.158.842)	(503.435.522.301)
11	Tăng các khoản phải trả		446.401.981.212	93.699.495.376
12	Tăng chi phí trả trước		(8.409.967.512)	(37.461.055.996)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		140.583.313.277	(201.184.114)
14	Tiền lãi vay đã trả		(77.752.013.548)	(61.588.808.779)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(213.176.973.549)	(174.955.858.960)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.334.703.727)	(6.878.773.299)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hoạt động kinh doanh</b>		<b>992.245.414.986</b>	<b>680.524.532.941</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(584.268.632.523)	(308.556.037.351)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		6.140.854.545	1.942.651.903
23	Gửi tiền kỳ hạn vào các ngân hàng		(496.990.474.641)	(872.525.927.146)
24	Thu tiền gửi kỳ hạn từ các ngân hàng		664.995.567.499	522.205.157.790
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác (trừ đi tiền do công ty bị hợp nhất năm giữ)		(911.286.395.924)	(1.310.081.335.158)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		110.587.344.523	214.407.563.895
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		729.303.869.657	548.279.635.866
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(481.517.866.864)</b>	<b>(1.204.328.290.201)</b>

# Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	VND			
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Vốn góp của cổ đông không kiểm soát		36.495.030.000	-
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(11.728.344.619)
33	Tiền thu từ đi vay	22	3.907.006.736.414	2.167.680.325.752
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(2.420.367.560.483)	(1.797.111.383.439)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	24.2	(491.809.672.080)	(266.652.937.470)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(105.292.103.299)	(26.711.348.898)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>926.032.430.552</b>	<b>65.476.311.326</b>
<b>50</b>	<b>Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>1.436.759.978.674</b>	<b>(458.327.445.934)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>960.027.120.496</b>	<b>1.419.715.236.964</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		399.557.166	(1.360.670.534)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>2.397.186.656.336</b>	<b>960.027.120.496</b>

**Phạm Thị Uyên Phương**  
Người lập  
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

**Hồ Trần Diệu Linh**  
Kế toán trưởng



**Tổng Giám đốc**  
Tổng Giám đốc

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo GCNĐKKD điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hòa không khí, phát triển, quản lý bất động sản, sản xuất, truyền tải, phân phối điện và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.736 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.574 người).

## Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm mười lăm (15) công ty con, chi tiết trình bày như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Công ty TNHH Quản Lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quản lý văn phòng	100.00
2 Transorient Pte. Ltd.	Singapore	Thương mại và hậu cần	100.00
3 Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	Thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện	99.99
4 Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Thành phố Hồ Chí Minh	Điện máy	99.99
5 Eastrade International Ltd.	Đảo British Virgin	Thương mại và hậu cần	99.99
6 Công ty TNHH MTV Điện Máy Yamato Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại	99.99
7 Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	99.97
8 Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước	99.97
9 Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	Thành phố Hồ Chí Minh	Điện máy	99.96
10 Công ty Cổ phần Bất Động Sản Song Thanh	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	99.96
11 Công ty Cổ phần Bất Động Sản Song Mai	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	99.96
12 Công ty Cổ phần Phát triển điện Nông thôn Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	Kinh doanh điện	66.29
13 Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Tỉnh Yên Bái	Thủy điện	60.42
14 Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Hà Nội	Bất động sản	50.61
15 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh	Cơ sở hạ tầng điện	100.00

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 2. Cơ sở Trình bày

### 2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng VND cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu

### 3.1 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa

- giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Thành phẩm và sản phẩm dở dang

- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước xuất trước.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là bất động sản tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

#### *Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Nhóm Công ty trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### *Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

### 3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng bao gồm:

- Quyền sử dụng đất của Công ty được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 8 năm 2007; và
- Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà, công ty con của Công ty, được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (50 năm) tính từ tháng 1 năm 2004.

### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và tỷ lệ khấu hao hoặc hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

### 3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong năm cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua thì khoản chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

### 3.14 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### *Dự phòng chi phí bảo hành công trình lắp đặt*

Dựa trên tình hình công trình lắp đặt cần sửa chữa trong quá khứ, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các công trình lắp đặt của Nhóm Công ty đã được hoàn thành trong năm. Nhóm Công ty tin rằng chi phí bảo hành đã dự phòng này sẽ được sử dụng phần lớn trong các năm tiếp theo. Nhóm Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và tùy thuộc vào điều khoản của từng hợp đồng.

### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất, các khoản mục được chuyển đổi theo nguyên tắc sau:

- ▶ tài sản và nợ phải trả phát sinh được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- ▶ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức; và
- ▶ các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

### 3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm việc chuyển giao hàng hóa. năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

### 3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Khi một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp hoàn thành.

#### *Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### *Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

#### *Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

#### *Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu*

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.20 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 3. Tóm tắt các Chính sách Kế toán Chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.20 Thuế (tiếp theo)

##### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

#### 3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4. Hợp nhất Kinh doanh

#### Mua cổ phần Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh ("Tín Hiệu Xanh")

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp từ các chủ sở hữu của Tín Hiệu Xanh với tổng giá phí là 501.000.000.000 VND. Theo đó, Tín Hiệu Xanh đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Hoạt động chính của Tín Hiệu Xanh là các lĩnh vực liên quan đến cơ sở hạ tầng điện.

Giá trị hợp lý được xác định của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Tín Hiệu Xanh vào ngày hợp nhất được trình bày dưới đây:

	VND	
	<b>Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua</b>	
<b>Tài sản</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	500.606.777.681	
Các tài sản khác	187.383	
	<b>500.606.965.064</b>	
<b>Nợ phải trả</b>		
Nợ ngắn hạn	(34.355.000)	
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý được xác định tạm thời</b>	<b>500.572.610.064</b>	
Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát	-	
Phần tài sản thuần đã mua	500.572.610.064	
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	427.389.936	
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh</b>	<b>501.000.000.000</b>	

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	962.666.686	1.589.296.245
Tiền gửi ngân hàng	234.050.626.318	232.705.485.431
Các khoản tương đương tiền	2.162.173.363.332	725.732.338.820
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.397.186.656.336</b>	<b>960.027.120.496</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 4,2%/năm đến 5,5%/năm.

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 6. Phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	787.561.053.987	630.344.198.317
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	124.561.907.286	215.375.166.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>912.122.961.273</b>	<b>845.719.364.922</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(69.171.328.060)	(67.031.962.457)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>842.951.633.213</b>	<b>778.687.402.465</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	912.122.961.273	845.719.364.922

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	67.031.962.457	61.019.767.475
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	23.964.948.994	35.283.463.629
Hợp nhất công ty con trong năm	-	768.000.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(21.825.583.391)	(30.039.268.647)
Số cuối năm	69.171.328.060	67.031.962.457

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phú Nam Phương	33.017.222.745	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Việt An	-	35.360.000.000
Khác	139.629.721.509	216.894.783.186
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>172.646.944.254</b>	<b>252.254.783.186</b>
Dự phòng phải thu khoản ứng trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(1.770.000.000)	-

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 8. Phải thu khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>116.848.326.532</b>	<b>117.461.604.628</b>
Tạm ứng đầu tư dự án	79.105.699.152	11.994.395.788
Lãi tiền gửi	12.171.007.467	11.906.911.139
Phải thu từ việc bán các khoản đầu tư	11.753.520.000	-
Phải thu tiền cổ tức	-	77.823.252.000
Khác	13.818.099.913	15.737.045.701
<b>Dài hạn</b>	<b>34.466.179.457</b>	<b>34.151.299.782</b>
Phải thu chi phí đền bù đất	29.403.340.900	29.403.340.900
Ký quỹ, ký cược	3.973.783.810	3.658.904.135
Khác	1.089.054.747	1.089.054.747
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151.314.505.989</b>	<b>151.612.904.410</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	151.314.505.989	73.789.652.410
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	77.823.252.000

### 9. Hàng tồn kho

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.056.791.042.850	-	841.909.215.790	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	216.322.502.766	(22.902.280.204)	150.008.816.991	(24.975.768.684)
Thành phẩm, hàng hóa	150.938.815.609	(2.450.306.409)	118.805.947.121	(1.574.733.840)
Bất động sản tồn kho	136.211.464.682	-	107.513.964.118	-
Hàng mua đang đi đường	20.394.603.069	-	38.272.136.389	-
Công cụ, dụng cụ	324.032.262	-	364.221.987	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.580.982.461.238</b>	<b>(25.352.586.613)</b>	<b>1.256.874.302.396</b>	<b>(26.550.502.524)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(26.550.502.524)	42.765.461.571
Cộng: Hợp nhất công ty con trong năm	-	1.331.590.677
Trích lập dự phòng trong năm	(4.758.176.343)	3.982.362.108
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	5.956.092.254	(21.528.911.832)
Số cuối năm	(25.352.586.613)	26.550.502.524

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	696.723.663.509	884.155.549.152	47.892.085.749	12.861.534.234	538.454.545	1.642.111.287.189
Mua trong năm	48.727.273	12.916.422.500	12.707.945.720	1.663.475.419	549.000.000	27.885.570.912
Thanh lý	(127.996.200)	(6.527.415.571)	(2.389.794.188)	(377.861.707)	-	(9.423.067.666)
Phân loại lại	-	(69.792.942.175)	69.792.942.175	-	-	-
Số cuối năm	696.644.394.582	820.751.613.906	127.943.179.456	14.147.147.946	1.087.454.545	1.660.573.790.435
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	7.934.297.745	307.166.942.387	20.853.638.779	9.377.841.593	-	345.332.720.504
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	446.804.232.677	661.092.220.113	28.022.737.668	10.469.569.683	164.098.689	1.146.552.858.830
Khấu hao trong năm	23.657.264.489	26.016.478.729	11.655.398.614	1.233.521.277	193.995.527	62.756.658.636
Thanh lý	(127.996.200)	(6.527.415.571)	(2.368.432.836)	(259.381.707)	-	(9.283.226.314)
Phân loại lại	-	(42.203.067.620)	42.196.934.908	6.132.712	-	-
Số cuối năm	470.333.500.966	638.378.215.651	79.506.638.354	11.449.841.965	358.094.216	1.200.026.291.152
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	249.919.430.832	223.063.329.039	19.809.348.081	2.391.964.551	374.355.856	495.558.428.359
Số cuối năm	226.310.893.616	182.373.398.255	48.436.541.102	2.697.305.981	729.360.329	460.547.499.283

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phẩm mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	36.758.715.025	13.138.028.563	30.340.000	49.927.083.588
Mua trong năm	-	125.000.000	-	125.000.000
Số cuối năm	36.758.715.025	13.263.028.563	30.340.000	50.052.083.588
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	-	9.679.116.355	30.340.000	9.709.456.355
Thế chấp (Thuyết minh số 22.2)	135.576.000	-	-	135.576.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	5.543.962.382	11.272.283.591	30.340.000	16.846.585.973
Hao mòn trong năm	733.167.519	745.446.543	-	1.478.614.062
Số cuối năm	6.277.129.901	12.017.730.134	30.340.000	18.325.200.035
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	31.214.752.643	1.865.744.972	-	33.080.497.615
Số cuối năm	30.481.585.124	1.245.298.429	-	31.726.883.553

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Etown Central (*)	1.034.973.155.240	520.142.652.278
Dự án 414 Nơ Trang Long	47.358.684.542	47.101.992.723
Dự án Etown 5	45.094.437.063	-
Khác	316.363.636	4.239.933.869
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.127.742.640.481</b>	<b>571.484.578.870</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí lãi vay lũy kế được vốn hóa vào giá trị dự án Etown Central với tổng số tiền là 54.582.643.781 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 22.951.444.084 VND).

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trong tương lai bao gồm công trình trên đất, động sản và quyền tài sản thuộc dự án Trung tâm thương mại cao ốc văn phòng Etown Central để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2).

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 13. Bất động sản đầu tư

	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	915.930.676.536	239.702.205.888	90.250.454	546.453.001	1.156.269.585.879
Thanh lý, xóa sổ	(10.060.724.469)	(5.916.968.245)	-	-	(15.977.692.714)
Số cuối năm	905.869.952.067	233.785.237.643	90.250.454	546.453.001	1.140.291.893.165
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	82.081.783.756	79.097.286.523	90.250.454	546.453.001	161.815.773.734
Thế chấp (Thuyết minh số 22.2)	247.548.592.704	99.503.698.377	-	-	347.052.291.081
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	305.005.139.418	177.194.336.479	90.250.454	546.453.001	482.836.179.352
Khấu hao trong năm	30.169.785.792	17.192.731.232	-	-	47.362.517.024
Thanh lý, xóa sổ	(8.001.093.614)	(5.916.968.245)	-	-	(13.918.061.859)
Số cuối năm	327.173.831.596	188.470.099.466	90.250.454	546.453.001	516.280.634.517
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	610.925.537.118	62.507.869.409	-	-	673.433.406.527
Số cuối năm	578.696.120.471	45.315.138.177	-	-	624.011.258.648

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê cao của các tài sản này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách vào ngày kết thúc năm tài chính.

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 14. Các khoản đầu tư tài chính

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 14.1)	37.145.694.293	177.729.007.570
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 14.1)	(8.414.878.081)	(84.395.028.952)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 14.2)	487.830.927.441	655.836.020.299
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>516.561.743.653</b>	<b>749.169.998.917</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.3)	5.386.673.745.900	4.017.019.091.310
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.4)	1.099.528.485.702	1.437.605.391.646
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(211.901.553.699)	(77.175.811.801)
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6.274.300.677.903</b>	<b>5.377.448.671.155</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.790.862.421.556</b>	<b>6.126.618.670.072</b>

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất** (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**14. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****14.1 Chứng khoán kinh doanh**

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ giá trị thuần
Công ty Cổ phần Điện lực R.EE	7.815.990.000	(4.971.934.367)	2.844.055.633	7.815.990.000	(4.971.934.367)	2.844.055.633
Công ty Cổ phần Mạng Cành	5.886.400.000	(2.780.480.683)	3.105.919.317	5.700.400.000	(2.262.204.714)	3.438.195.286
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	-	-	-	60.411.760.000	(40.917.616.000)	19.494.144.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	-	-	-	48.000.000.000	(35.714.113.000)	12.285.887.000
Các khoản đầu tư khác	23.443.304.293	(662.463.031)	22.896.578.862	55.800.857.570	(529.160.871)	55.790.534.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.145.694.293</b>	<b>(8.414.878.081)</b>	<b>28.846.553.812</b>	<b>177.729.007.570</b>	<b>(84.395.028.952)</b>	<b>93.852.816.019</b>

VND

**14.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	487.830.927.441	655.836.020.299		
<i>Trong đó:</i>				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	487.830.927.441	598.004.817.255		
Tiền gửi tổ chức tín dụng	-	57.831.203.044		

VND

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất** (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**14. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****14.3 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Ngành nghề Kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	
Công ty Cổ phần Thủy điện Vinh Sơn – Sông Hinh	21,01	715.379.876.041	21,01	698.671.397.963	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	42,63	468.315.497.265	42,63	437.822.949.621	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	25,76	546.259.182.412	25,76	453.762.979.299	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	34,3	186.664.097.753	34,3	167.523.223.863	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	25,47	86.586.387.912	25,47	67.934.440.426	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	20,07	532.551.381.701	-	-	Thủy điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (I)	23,36	1.258.411.237.954	23,54	1.219.908.077.322	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	29,45	82.129.643.885	29,45	76.160.222.753	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	25	34.783.874.232	-	-	Phong điện
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	20,02	40.279.501.762	20,02	40.176.895.080	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	42,07	285.828.712.486	42,07	283.811.659.144	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	32	79.814.304.214	32	77.091.298.544	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	44,17	61.027.942.156	44,17	59.177.810.108	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sài Gòn	40	83.669.434.089	40	40.527.746.144	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	20,05	29.109.331.766	20,05	29.066.790.237	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An	-	-	29	23.823.831.140	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	34,68	692.973.263.040	-	-	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	-	-	23,81	98.330.156.234	Khai thác than
Công ty Cổ phần Than Đào Nai	-	-	23,95	73.642.001.671	Khai thác than
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn (II)	28,87	165.268.353.595	28,87	138.361.109.269	Bất động sản
Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	35	37.621.723.637	35	31.226.502.492	Cơ điện
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.386.673.745.900</b>		<b>4.017.019.091.310</b>	

(I) 74.896.260 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thuộc sở hữu của Công ty được dùng để làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 22.3).

(II) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/2017/NQ-DHCD ngày 3 tháng 4 năm 2017 Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn ("SaigonRES") đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016. Theo Nghị quyết trên, SaigonRES phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100% (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu được phát hành thêm), tương đương với 19.799.989 cổ phiếu được phát hành thêm. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ của SaigonRES tăng từ 5.715.282 cổ phiếu lên 11.430.564 cổ phiếu.

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 14. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

#### 14.3 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	Giá trị đầu tư				Phần tỷ lệ nhuận (lỗ) từ công ty liên kết				Giá trị còn lại				
	Số đầu năm	Tăng giá trị đầu tư	Thanh lý	Phần loại lại	Số cuối năm	Số đầu năm	Cổ tức công bố trong năm	Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	Thành lý/ Dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	698.671.397.963	-	-	-	698.671.397.963	-	(43.329.650.000)	60.038.128.078	-	-	16.708.478.078	698.671.397.963	715.379.876.041
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	382.178.855.776	-	-	-	382.178.855.776	55.644.093.845	(96.484.342.000)	128.976.889.644	-	-	86.136.641.489	437.822.949.021	468.315.497.265
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	368.000.000.000	-	-	-	368.000.000.000	85.762.979.299	(75.200.000.000)	167.896.203.113	-	-	178.259.182.412	463.762.979.299	546.259.182.412
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Phú Miêng	173.265.171.175	-	-	-	173.265.171.175	(5.741.947.312)	(5.401.862.550)	24.542.736.440	-	-	13.998.926.578	167.523.223.863	186.664.097.753
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	59.910.71.6000	-	-	-	59.910.716.000	80.233.724.426	(1.973.980.000)	20.625.927.486	-	-	26.675.671.912	67.934.440.426	86.586.387.912
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	-	175.904.074.921	-	-	175.904.074.921	-	-	-	-	-	-	532.551.381.701	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phú Lai	780.041.489.908	-	-	-	780.041.489.908	439.846.587.414	(179.751.024.000)	218.254.184.632	-	-	478.349.748.046	1.219.908.077.322	1.258.411.237.954
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	66.358.149.275	-	-	-	66.358.149.275	9.802.073.478	(5.684.100.000)	11.653.521.132	-	-	15.771.494.610	76.160.222.753	82.129.643.885
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	40.176.895.080	-	-	-	40.176.895.080	-	(1.527.470.000)	1.630.076.682	-	-	102.606.682	40.176.895.080	40.279.501.762
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	409.901.420.000	-	-	-	409.901.420.000	(126.089.740.856)	(42.253.308.000)	44.270.361.342	-	-	(124.072.707.514)	283.811.659.444	285.828.712.486
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	76.800.000.000	-	-	-	76.800.000.000	291.298.544	-	2.723.065.670	-	-	3.014.304.214	77.091.298.344	79.814.304.214
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	68.375.426.417	-	-	-	68.375.426.417	(9.197.616.389)	(2.628.304.000)	4.478.436.048	-	-	(7.347.484.261)	59.177.810.108	61.027.942.156
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	61.540.000.000	-	-	-	61.540.000.000	(21.032.253.856)	-	43.141.487.945	-	-	22.109.434.089	40.527.746.444	83.669.434.089
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	24.809.965.209	-	-	-	24.809.965.209	42.546.825.028	(1.333.281.600)	1.375.823.129	-	-	4.299.366.557	29.066.790.237	29.109.331.766
Công ty Cổ phần Cấp nước Trưng An	22.423.120.000	-	(22.423.120.000)	-	-	1.200.711.140	-	-	-	(1.200.711.140)	-	23.823.831.140	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Vinacorex	59.889.030.170	-	-	-	59.889.030.170	38.941.126.064	(6.844.553.450)	19.178.180.957	-	-	-	98.330.156.234	-
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	45.899.255.142	16.825.200	(11.226.112.983)	(48.162.977.187)	-	-	-	-	-	(53.274.753.571)	-	-	-
Công ty Cổ phần Than Bèo Nại	54.457.202.000	-	(8.626.059.841)	(37.290.020.501)	-	27.742.746.529	(1.409.881.600)	7.296.420.306	-	-	-	73.642.001.671	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	11.550.000.000	-	-	-	11.550.000.000	89.903.907.269	(11.406.559.816)	38.313.804.142	-	-	110.811.151.595	138.361.109.269	165.248.353.595
Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	3.403.948.094.115	909.644.163.161	(42.475.292.824)	271.194.349.092	4.542.331.333.544	613.050.997.195	(487.639.947.016)	796.306.283.640	107.29.828.483	(88.104.749.946)	844.342.412.356	4.017.019.091.310	5.386.678.745.900

**TỔNG CỘNG**

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 14. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

#### 14.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	470.646.304.200	(125.546.409.600)	345.099.894.600	470.646.304.200	-	470.646.304.200	-	
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	183.876.590.000	(73.737.556.000)	110.139.034.000	183.876.590.000	(73.737.556.000)	110.139.034.000	-	
Công ty Cổ phần Cấp nước Khánh Hòa	53.193.860.000	(2.842.420.000)	50.351.440.000	53.193.860.000	-	53.193.860.000	-	
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	48.162.917.187	-	48.162.917.187	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	37.290.020.502	(4.068.154.102)	33.221.866.400	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	32.619.000.000	-	32.619.000.000	-	-	32.619.000.000	-	
Các khoản đầu tư dài hạn khác	273.739.793.813	(5.707.013.997)	268.032.779.816	697.269.637.446	(3.438.255.801)	693.831.381.645	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.099.528.485.702</b>	<b>(211.901.553.699)</b>	<b>887.626.932.003</b>	<b>1.437.605.391.646</b>	<b>(77.175.811.801)</b>	<b>1.360.429.579.845</b>	-	

VND



## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 15. Lợi Thế Thương Mại

	VND	
	<b>Giá trị</b>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		99.186.941.791
Tăng do hợp nhất công ty con		427.389.936
Số cuối năm		99.614.331.727
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		78.692.388.577
Phân bổ trong năm		18.519.803.170
Số cuối năm		97.212.191.747
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		20.494.553.214
Số cuối năm		2.402.139.980

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Pteris Global	-	41.116.492.126
Khác	445.707.529.615	364.704.210.802
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>445.707.529.615</b>	<b>405.820.702.928</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Supply and installation services	1.299.566.230.195	1.161.916.584.449
Office leasing and related services	2.752.939.228	4.474.849.198
Others	27.182.012.935	2.844.092.537
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.329.501.182.358</b>	<b>1.169.235.526.184</b>

### 18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	VND			
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	79.563.579.442	192.154.568.194	(206.734.663.097)	64.983.484.539
Thuế giá trị gia tăng	1.418.041.207	436.625.475.511	(430.414.123.339)	7.629.393.379
Thuế thu nhập cá nhân	1.710.257.791	25.884.351.430	(25.431.335.131)	2.163.274.090
Khác	1.978.316.490	96.213.281.863	(97.102.316.990)	1.089.281.363
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.670.194.930</b>	<b>750.877.676.998</b>	<b>(759.682.438.557)</b>	<b>75.865.433.371</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	357.312.224	6.442.310.452	-	6.799.622.676
Khác	624.809.475	(14.317.324.889)	24.530.560.521	10.838.045.107
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>982.121.699</b>	<b>(7.875.014.437)</b>	<b>24.530.560.521</b>	<b>17.637.667.783</b>

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Giá vốn dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt	185.577.649.907	187.035.916.121
Chi phí lãi vay	35.104.364.454	8.112.324.416
Chi phí khuyến mãi	7.102.853.968	10.685.365.623
Khác	55.360.510.635	32.421.722.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>283.145.378.964</b>	<b>238.255.328.396</b>

### 20. Doanh thu chưa thực hiện

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>472.467.559</b>
Khoản tiền thuê nhận trước từ việc cho thuê Tòa nhà văn phòng và trụ sở Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (*)	6.600.000.000	-
Khác	-	472.467.559
<b>Dài hạn</b>	<b>215.722.727.273</b>	<b>-</b>
Khoản tiền thuê nhận trước từ việc cho thuê Tòa nhà văn phòng và trụ sở Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (*)	215.722.727.273	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>222.322.727.273</b>	<b>472.467.559</b>

(\*) Đây là khoản tiền thuê còn lại chưa được phân bổ theo hợp đồng cho thuê dài hạn không hủy ngang của Tòa nhà văn phòng và trụ sở Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật ký ngày 7 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam, công ty con của Công ty, và bên thuê trong vòng 41 năm kể từ năm 2017 đến năm 2058 với tổng số tiền 275.000.000.000 VND.

### 21. Phải trả khác

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.549.123.480</b>	<b>74.840.997.511</b>
Phải trả cổ tức	30.546.717.026	45.191.711.008
Khoản đặt cọc nhận được từ người thuê văn phòng	23.215.103.231	-
Kinh phí bảo trì Dự án số 6 Nguyễn Công Hoan	24.000.000	15.076.337.085
Lãi trái phiếu phải trả	3.092.144.000	3.106.584.000
Khác	21.671.159.223	11.466.365.418
<b>Dài hạn</b>	<b>121.854.136.200</b>	<b>141.415.252.040</b>
Khoản đặt cọc nhận được từ người thuê văn phòng	121.820.767.240	141.381.883.081
Khác	33.368.960	33.368.959
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>200.403.259.680</b>	<b>216.256.249.551</b>

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 22. Vay

Ngắn hạn	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	594.470.465.413	2.035.353.376.573	(2.257.036.355.005)	299.314.075.501	-	672.101.562.482
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	356.243.302.783	2.035.353.376.573	(2.018.809.192.375)	-	-	372.787.486.981
	238.227.162.630	-	(238.227.162.630)	299.314.075.501	-	299.314.075.501
Dài hạn	899.220.584.250	1.871.653.359.841	(1.63.331.205.478)	(299.314.075.501)	396.000.000	2.308.624.663.112
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	899.220.584.250	879.573.359.841	(163.331.205.478)	(299.314.075.501)	-	1.316.148.663.112
	-	992.080.000.000	-	-	396.000.000	992.476.000.000
<b>Trái phiếu</b>	<b>1.493.691.049.663</b>	<b>3.907.006.736.414</b>	<b>(2.420.367.560.483)</b>	<b>-</b>	<b>396.000.000</b>	<b>2.980.726.225.594</b>

#### 22.1 ay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng vào ngày lập báo cáo tài chính chịu lãi suất tương ứng từ 3%/năm đến 7,5%/năm. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Nguyên tệ USD	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	191.269.049.401		Từ ngày 7 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 8 năm 2018	Tin chấp
Khoản vay USD	18.685.949.766	821.449	Từ ngày 8 tháng 3 năm 2018 đến ngày 19 tháng 3 năm 2018	Tin chấp
Khoản vay VND	100.685.211.882		Từ ngày 8 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	42.905.645.599		Từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 đến ngày 11 tháng 6 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	11.398.135.034		Ngày 13 tháng 3 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	4.699.330.084		Từ ngày 19 tháng 2 năm 2018 đến ngày 6 tháng 8 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	3.144.165.215		Ngày 4 tháng 2 năm 2018	Tin chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	<b>372.787.486.981</b>			

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 22. Vay (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng và trái phiếu thường trong nước vào ngày lập báo cáo tài chính chịu lãi suất tương ứng từ 4,42% đến 9,3%/năm.

#### 22.2. Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết vay ngân hàng dài hạn thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam</b>			
VNM140408CM	186.657.658.582	Ngày 26 tháng 8 năm 2019	Quyền sử dụng đất, tòa nhà và khoản thu từ cho thuê tại Tòa nhà REE, số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà REE")
VNM141190CM	30.666.666.665	Ngày 29 tháng 6 năm 2018	
VNM 170276CM	495.000.000.000	Ngày 24 tháng 7 năm 2024	
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</b>			
021C16	519.823.413.366	Ngày 2 tháng 2 năm 2028	Quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trong tương lai bao gồm công trình trên đất, động sản và quyền tài sản thuộc dự án Trung Tâm thương mại cao ốc văn phòng E.town Central tại 11 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là: 1.177.591.000.000 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</b>			
0112.HDTD.625.15.VIB	27.760.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2020	Khoản thu từ cho thuê và cổ tức từ Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức theo Giấy Chứng nhận Cổ đông số 004/CD-TDW
0100.HDTD.625.16.VIB	355.555.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Khoản thu từ cho thuê và cổ tức từ công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức trong vòng 5 năm
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.615.462.738.613</b>		

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

Vay dài hạn



## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 24. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

#### 24.2 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	3.100.588.410.000	2.696.168.100.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	404.420.310.000
Số cuối năm	3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	496.081.481.600	269.614.063.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	404.420.310.000
Cổ tức đã trả trong năm	491.809.672.080	266.652.937.470

#### 24.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số lượng	
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	310.050.926	310.058.841
Cổ phiếu phổ thông	310.050.926	310.058.841
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	-	(7.915)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	310.050.926	310.050.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

#### 24.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	565.011.007.076	348.639.776.328
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	36.495.030.000	-
Tặng do hợp nhất công ty con	-	195.531.129.288
Lợi nhuận thuần trong năm	145.737.788.776	80.422.189.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.423.350.464)	(2.194.355.528)
Cổ tức đã công bố	(86.375.299.797)	(45.613.159.380)
Khác	(503.629.296)	(11.774.572.947)
Số cuối năm	658.941.546.295	565.011.007.076

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 24. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

#### 24.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.377.087.391.977	1.093.237.014.487
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.276.649.536)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.377.087.391.977	1.090.960.364.951
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm		
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	310.050.926	310.052.790
- Lãi cơ bản		
- Lãi suy giảm	4.441	3.519
- Diluted	4.441	3.519

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 25. Doanh thu

#### 25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	4.999.235.436.523	3.663.193.468.551
Trong đó:		
Doanh thu từ dịch vụ cơ điện công trình	2.377.127.923.100	1.739.425.930.442
Doanh thu từ hoạt động bất động sản	952.168.756.452	771.898.608.624
Doanh thu từ bán sản phẩm	948.149.408.723	733.299.026.291
Doanh thu từ sản xuất và phân phối điện	721.789.348.248	418.569.903.194
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	(4.062.020.590)	(3.830.862.783)
Hàng bán trả lại	(4.062.020.590)	(3.830.862.783)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	4.995.173.415.933	3.659.362.605.768
Trong đó:		
Doanh thu từ dịch vụ cơ điện công trình	2.377.127.923.100	1.739.425.930.442
Doanh thu từ hoạt động bất động sản		
Doanh thu từ bán sản phẩm	952.168.756.452	771.898.608.624
Doanh thu từ sản xuất và phân phối điện	944.087.388.133	729.468.163.508
Doanh thu from producing and distributing electric	721.789.348.248	418.569.903.194

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 25. Doanh thu (tiếp theo)

#### 25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	55.637.531.900	29.766.599.324
Lãi tiền gửi	108.467.235.069	91.448.008.611
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	7.512.195.958	49.875.170.303
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.346.078.568	4.591.874.110
Khác	576.899.738	374.782.961
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174.539.941.233</b>	<b>176.056.435.309</b>

### 26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ cơ điện công trình	1.947.252.662.544	1.332.732.157.223
Giá vốn của hoạt động bất động sản	365.081.979.308	287.191.544.867
Giá vốn của hàng bán	811.764.496.200	614.046.721.587
Giá vốn sản xuất và phân phối điện	441.675.417.464	243.758.858.202
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.565.774.555.516</b>	<b>2.477.729.281.879</b>

### 27. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	105.038.480.959	60.159.491.918
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	33.602.834.140	222.979.854
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	134.977.587.647	1.424.519.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá	929.969.978	4.194.248.525
Khác	230.451.871	1.668.134.197
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>274.779.324.595</b>	<b>67.669.374.018</b>

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>94.594.129.849</b>	<b>89.024.177.119</b>
- Chi phí nhân viên	50.028.071.581	43.140.284.589
- Dịch vụ mua ngoài	2.532.122.314	28.604.418.165
- Khác	42.033.935.954	17.279.474.365
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>241.824.868.262</b>	<b>220.293.412.913</b>
- Chi phí nhân viên	143.978.379.985	116.855.703.201
- Dịch vụ mua ngoài	32.589.516.719	26.493.981.894
- (Hoàn nhập) trích lập dự phòng	(2.189.653.323)	5.244.194.982
- Khác	67.446.624.881	71.699.532.836
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>336.418.998.111</b>	<b>309.317.590.032</b>

### 29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.670.046.997.877	1.453.412.310.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.840.211.055	535.165.450.875
Chi phí nhân viên	550.695.137.744	345.248.962.764
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11, 13, 15)	130.117.592.892	139.556.922.833
Chi phí khác	488.191.114.623	313.663.225.144
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.930.891.054.191</b>	<b>2.787.046.871.911</b>

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty, trừ Transorient Pte. Ltd., và Eastrade International Ltd., có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Transorient Pte. Ltd., được thành lập tại Singapore, có nghĩa vụ phải trả thuế TNDN với thuế suất 17% lợi nhuận thu được. Transorient Pte. Ltd., được giảm 75% thuế TNDN cho phần thu nhập đến 10.000 SGD và giảm 50% thuế TNDN cho phần thu nhập đến 290.000 SGD.

Eastrade International Ltd., được thành lập tại Đảo British Virgin và được miễn thuế TNDN theo BVI Business Companies Act.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	192.154.568.194	214.935.033.326
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	6.167.238.721	(12.840.333.566)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>198.321.806.915</b>	<b>202.094.699.760</b>

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.721.146.987.668</b>	<b>1.375.753.903.562</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	344.229.397.534	275.150.780.712
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Phần lãi trong công ty liên kết	(143.786.272.435)	(77.569.016.288)
Phần bổ lợi thể thương mại	3.703.960.634	6.452.320.121
Các khoản chi phí không được trừ	4.638.035.184	3.100.617.799
Lỗ của công ty con	658.323.977	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	826.717.147
Thu nhập chịu thuế từ việc chia cổ tức từ các công ty con ở nước ngoài	39.527.419	108.023.874
Thuế TNDN từ hoạt động nước ngoài	-	(21.423.740)
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(11.127.506.380)	(5.953.319.865)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(33.659.018)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>198.321.806.915</b>	<b>202.094.699.760</b>

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 30. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### 30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

#### 30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND		VND	
	Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất		Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10.394.872.566	10.458.449.060	(63.576.494)	978.495.005
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.070.517.322	5.043.782.369	26.734.953	(3.509.309.946)
Trích trước chi phí hoạt động	14.051.058.668	18.909.969.388	(4.858.910.720)	11.407.717.242
Dự phòng các khoản đầu tư	1.226.938.823	1.446.827.816	(219.888.993)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.669.480.240	1.264.388.565	405.091.675	1.138.802.649
Lợi nhuận chưa xuất hóa đơn	(1.100.820.387)	(1.067.623.956)	(33.196.431)	639.404.567
Khác	87.463.878	1.510.956.589	(1.423.492.711)	2.185.224.049
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>31.399.511.110</b>	<b>37.566.749.831</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(6.167.238.721)</b>	<b>12.840.333.566</b>

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo) vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Nhóm Công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	179.751.024.000	237.705.633.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	98.484.342.000	90.265.594.000
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	42.253.308.000	46.948.120.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	2.628.304.000	16.138.392.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	5.401.862.550	10.803.725.100
Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	12.411.630.000	8.523.900.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điện	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.973.980.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	5.684.100.000	5.684.100.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	11.406.559.816	5.334.263.200
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	4.844.553.450	5.284.967.400
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.409.881.600	2.305.260.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.333.281.600	1.714.219.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	725.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết	Góp vốn	-	(24.000.000.000)
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.527.470.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	75.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	43.329.650.000	-

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính được thể hiện như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	59.917.008.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	17.906.244.000
			-	77.823.252.000

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã được chi trả trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao, lương và thưởng	21.770.589.367	13.768.861.250

### 32. Các cam kết

#### 32.1 Cam kết cho thuê hoạt động - Nhóm Công ty là bên thuê

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất để làm địa điểm bố trí nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Bình và các văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới một năm	8.083.720.844	12.315.920.781
Trên một đến năm năm	21.271.342.739	1.147.590.646
Trên năm năm	171.852.787	1.223.191.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.526.916.370</b>	<b>14.686.703.072</b>

#### 32.2 Cam kết cho thuê hoạt động - Nhóm Công ty là bên cho thuê

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới một năm	315.029.947.482	309.106.978.931
Từ một đến năm năm	260.803.373.377	260.392.753.042
Trên năm năm	-	2.079.289.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>575.833.320.859</b>	<b>571.579.021.848</b>

# Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## 33. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm năm bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt;
- ▶ Sản xuất, Thương mại;
- ▶ Bất động sản;
- ▶ Điện – Nhiên liệu; và
- ▶ Nước.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

B09-DN/HN

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 33. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND					
	Dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Điện – Nhiên liệu	Nước	Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>						
Tổng doanh thu của bộ phận	2.939.507.869.594	1.059.861.461.695	1.029.438.346.898	721.789.348.248	-	5.750.597.026.435
Doanh thu giữa các bộ phận	(562.379.946.494)	(115.774.073.562)	(77.269.590.446)	-	-	(755.423.610.502)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.377.127.923.100</b>	<b>944.087.388.133</b>	<b>952.168.756.452</b>	<b>721.789.348.248</b>	-	<b>4.995.173.415.933</b>
<i>Kết quả bộ phận</i>						
Lợi nhuận sau thuế của bộ phận	321.678.293.373	37.116.709.608	479.882.614.208	611.246.963.524	94.108.991.873	1.544.033.572.586
Lỗ sau thuế không phân bổ						(21.208.391.833)
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>						<b>1.522.825.180.753</b>
Trong đó:						
Công ty mẹ						
Lợi nhuận sau thuế của bộ phận	321.669.890.958	37.114.772.754	406.578.152.641	538.823.975.584	94.108.991.873	1.398.295.783.810
Lỗ sau thuế không phân bổ						(21.208.391.833)
Cổ đông không kiểm soát	8.402.415	1.936.854	73.304.461.567	72.422.987.940	-	145.737.788.776
<i>Tài sản bộ phận và nợ bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:</i>						
Tài sản của bộ phận	2.343.961.334.591	534.009.047.068	2.912.333.069.113	5.559.985.384.188	1.323.241.772.465	12.673.530.607.425
Tài sản không phân bổ						1.621.136.741.507
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>						<b>14.294.667.348.932</b>
Nợ của bộ phận	2.033.506.608.492	346.879.527.023	1.020.518.623.522	555.635.595.739	693.160.000.000	4.649.700.354.776
Nợ không phân bổ						951.689.792.819
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>						<b>5.601.390.147.595</b>



## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 33. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Điện – Nhiên liệu	Nước	Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>						
Tổng doanh thu của bộ phận	2.137.359.192.327	1.043.956.202.469	841.031.246.188	418.569.903.194	-	4.440.916.544.178
Doanh thu giữa các bộ phận	(397.933.261.885)	(314.488.038.961)	(69.132.637.564)	-	-	(781.553.938.410)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.739.425.930.442</b>	<b>729.468.163.508</b>	<b>771.898.608.624</b>	<b>418.569.903.194</b>	<b>-</b>	<b>3.659.362.605.768</b>
<i>Kết quả bộ phận</i>						
Lợi nhuận sau thuế của bộ phận	296.473.923.127	30.945.699.236	432.779.460.183	333.106.903.523	64.262.858.021	1.157.568.844.090
Lợi nhuận sau thuế không phân bổ						16.090.359.712
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>						<b>1.173.659.203.802</b>
Trong đó:						
Công ty mẹ						
Lợi nhuận sau thuế của bộ phận	296.466.449.137	31.564.836.495	397.189.449.139	287.663.061.983	64.262.858.021	1.077.146.654.775
Lỗ sau thuế không phân bổ						16.090.359.712
Cổ đông không kiểm soát	7.473.990	(619.137.259)	35.590.011.044	45.443.841.540	-	1.093.237.014.487
						80.422.189.315
<i>Tài sản bộ phận và nợ bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:</i>						
Tài sản của bộ phận	2.079.124.709.230	557.169.968.815	2.319.084.646.500	5.393.400.605.385	616.803.482.836	10.965.583.412.766
Tài sản không phân bổ						431.051.763.807
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>						<b>11.396.635.176.573</b>
Nợ của bộ phận	1.901.837.430.605	244.331.831.794	601.800.299.110	759.357.039.991	15.082.080.000	3.522.408.681.500
Nợ không phân bổ						153.085.277.142
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>						<b>3.675.493.958.642</b>

VND

VND

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 34. Tài sản tiềm tàng

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận tái cấu trúc để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Vũng Áng II ("VAPCO"). Theo thỏa thuận này, mọi quyền lợi và rủi ro liên quan đến VAPCO đã được chuyển giao cho bên mua vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng này là 153.323.885.510 VND đã được thanh toán toàn bộ bởi bên mua và khoản tiền này sẽ không được hoàn lại trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cũng theo thỏa thuận này, Công ty có khả năng nhận được thêm khoản tiền là 3.779.832 đô-la Mỹ cho việc chuyển nhượng đã nói trên phụ thuộc vào việc xảy ra hoặc không xảy ra của các sự kiện không chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai mà Công ty không hoàn toàn kiểm soát được. Khi thỏa thuận này kết thúc, các bên sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc quyết định chưa ghi nhận mà chỉ trình bày khoản tài sản tiềm tàng này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng Tài sản và Nợ phải trả.

### 35. Phân loại số liệu tương ứng

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

Khoản mục	Số liệu đã được trình bày trước đây	Trình bày lại	Số liệu đã được trình bày lại
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	685.070.057.689	(509.013.622.380)	176.056.435.309
Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	(121.168.540.938)	509.013.622.380	387.845.081.442

### 36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 03/2018/QĐ-HĐQT-REE ngày 29 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 16% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông. Theo đó, ngày thanh toán cổ tức dự kiến là ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Ngoài sự kiện được trình bày ở trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

**Phạm Thị Uyên Phương**

Người lập

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

**Hồ Trần Diệu Linh**

Kế toán trưởng



**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc

# Highlights

**26%** Group's profit growth rate

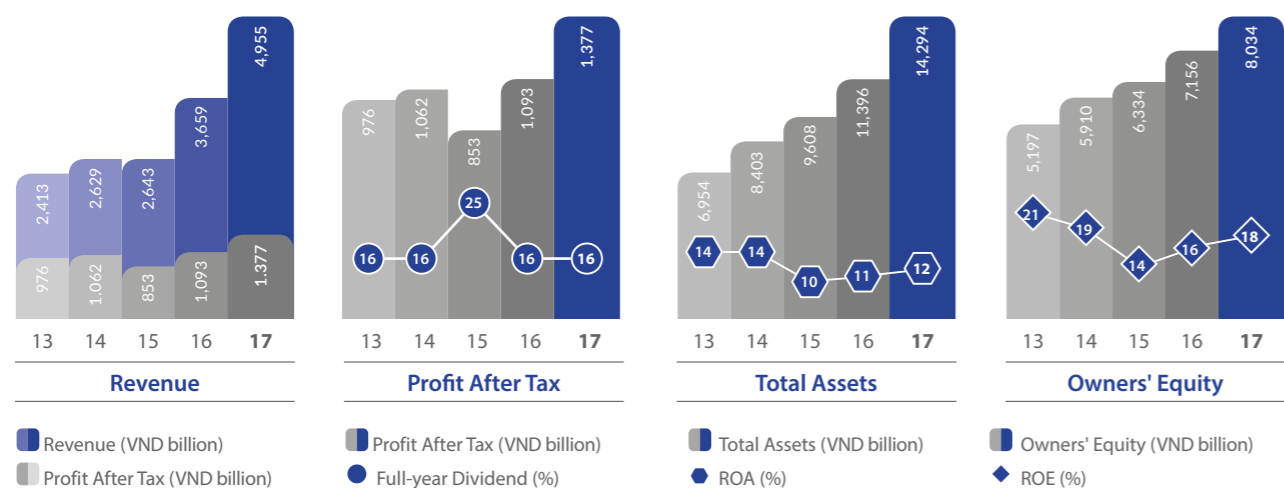
Full-year 2017 dividend in cash **16%**

- ✓ M&E business benefits from strong growth in construction works
- ✓ Improved dividend income from power investment portfolio; new investment in water utilities asset
- ✓ Leasing business adds new office space to the portfolio
- ✓ Contributions from VIID and SaigonRes

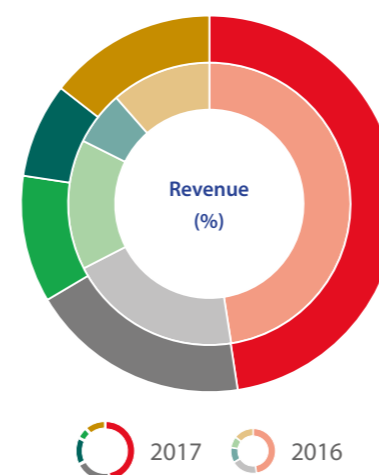
## Business Results

	2017	2016	Change
	VND billion	VND billion	%
Revenue	4,995	3,659	+36.5
Profit After Tax <sup>(1)</sup>	1,377	1,093	+26.0
Total Assets	14,295	11,397	+25.4
Owners' Equity <sup>(1)</sup>	8,034	7,156	+12.3
	VND	VND	%
Earnings Per Share	4,441	3,526	+26.0
Full-year Dividend (%)	16	16	0
Book Value Per Share	25,913	23,080	+12.3

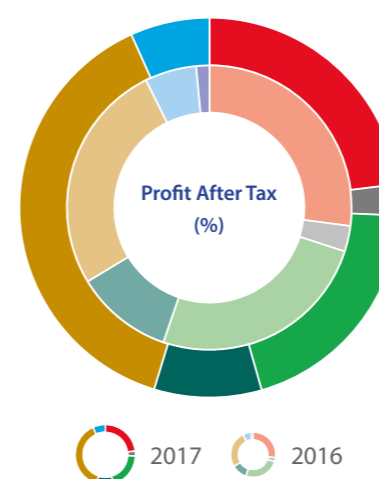
<sup>(1)</sup> Result excludes Non-controlling interests.



## Revenue and Profit After Tax of Group Businesses



Revenue	2017		2016	
	VND billion	%	VND billion	%
REE M&E	2,377	48	1,739	48
Reetech	944	19	729	20
Office Leasing	545	11	546	15
Real estate	407	8	226	6
Power	722	14	419	11
<b>Total</b>	<b>4,995</b>	<b>100</b>	<b>3,659</b>	<b>100</b>



Profit After Tax	2017		2016	
	VND billion	%	VND billion	%
REE M&E	322	23	296	27
Reetech	37	3	32	3
Office Leasing	278	21	276	25
Real estate	128	8	121	11
Power and Coal	539	40	288	27
Water	94	7	64	6
Others <sup>(2)</sup>	(21)	-2	16	1
<b>Total</b>	<b>1,377</b>	<b>100</b>	<b>1,093</b>	<b>100</b>

<sup>(2)</sup> Results include other net financial incomes.

# Chairwoman's Statement



“ ...The Group's revenue for 2017 increased by 36.5% to reach VND 4,995 billion. REE achieved a net profit of VND 1,377 billion for the year, up 26% over prior year...

... The Group businesses are organized around three main growth drivers: organic growth in M&E engineering, office space expansion in real estate, as well as greenfield project development and acquisition strategy in infrastructures. In engineering, REE M&E continues to build on its proven franchise. In real estate, REE has available land to accelerate new developments within e.town office campus. In the infrastructure sectors, we are in the position to develop new projects and make further strategic acquisitions...

*Dear Shareholders and Investors,*

*The Group delivered better result in 2017. M&E engineering business produced higher earnings while Reetech was treading along its plan. Office leasing added more lease space to its portfolio with the completion of e.town Central office tower; Group's member companies in real estate posted contributing results from ongoing residential sales and project transfer. The power infrastructure holdings saw better hydro power plant operations and thermal power plants' guaranteed outputs being offtaken at contract tariff for full year. The Group also further expanded its water business with investment in a major water infrastructure platform.*

*The Group's revenue for 2017 increased by 36.5% to reach VND 4,995 billion. REE achieved a net profit of VND 1,377 billion for the year, up 26% over prior year. Earnings per share were 26% higher at VND 4,441. Shareholder's funds were 12.3% higher at VND 8,034 billion. The consolidated net debt at the end of 2017 was VND 583 billion, which compares to a consolidated net debt of VND 533 billion at the end of 2016, representing gearing at 6.7%.*

*REE M&E secured a record value of new order book in 2017. Reetech expanded its mechanical products business with more orders. Office leasing business completed the construction of e.town Central office tower and secured early leasing commitments for the new office building. In real estate, VIID is handing over remaining residential sites in Nam Le Loi New City to buyers; SaigonRes started new residential property developments. During the period, REE disposed of non-core equity assets while continues to build up key existing infrastructure holdings as well as pursue new investment opportunities.*

*The Group businesses are organized around three main growth drivers: organic growth in M&E engineering, office space expansion in real estate, as well as greenfield project development and acquisition strategy in infrastructures. In engineering, REE M&E continues to build on its proven franchise. In real estate, REE has available land to accelerate new developments within e.town office campus. In the infrastructure sectors, we are in the position to develop new projects and make further strategic acquisitions.*

*The Group's overall result has been achieved by the hard work and dedication of our employees. On behalf of the shareholders, I would like to thank them for their excellent contribution. United by our strong determination to succeed, we are ready to deliver another successful year in 2018.*

Nguyễn Thị Mai Thanh  
Chairwoman

March 2018



## Group Overview

---

About REE	148
History of REE	150
Business Activities and Geographies	152
Group Structure	154
Management Structure	156
Shareholders and Share Capital	160
Risk Management	163
Development Strategy	164

# About REE

Established since 1977, Refrigeration Electrical Engineering Corporation (REE) today is a publicly-traded diversified business group operating in the primary fields of mechanical and electrical engineering services (M&E); manufacturing, assembling and sales of Reetech air-conditioner systems; real estate development and management; and power & water utility infrastructures.

The Group businesses include:

**REE M&E** - a leading mechanical and electrical engineering contractor in Vietnam

**REE Real Estate** - REE Land, VIID and SaigonRes - real estate developers

**REE Industries** - REE Electrical Appliances which manufactures, assembles and markets air conditioners under the Reetech brand

**REE Infrastructures** - Power and Water Utility Infrastructures with ownership stakes in power utilities and clean water treatment plants

**REE Property** - a management services company for the lease office properties of REE

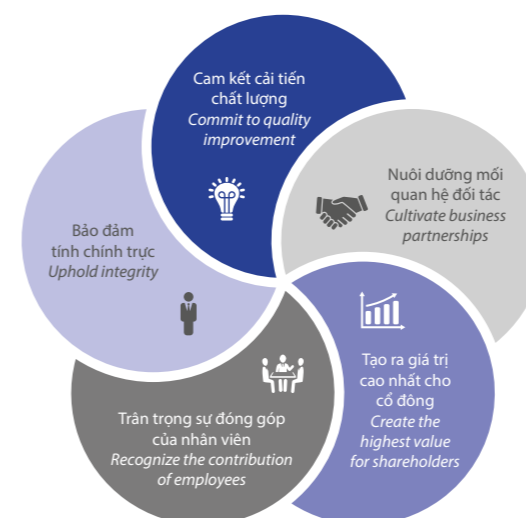
As one of the first companies to list its shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange, REE is among the 30 largest companies in term of market capitalization on Ho Chi Minh Stock Exchange (as of 31/12/2017, REE's market capitalization is VND 12,867 billion).

## Vision

To become a diversified business group that invests in and develops leading businesses in the fields of refrigeration and electrical engineering, real estate and utility infrastructures in Vietnam.

## Quality Assurance

- Commit to quality improvement
- Cultivate business partnerships
- Create the highest value for shareholders
- Recognize the contribution of employees
- Uphold integrity



## Mission

**For our Shareholders and Investors:** Create the highest values for our shareholders, assure equitable treatment, commit to transparency in the appropriate disclosures of the Company's operations to our shareholders and investors and actively engage in promoting dialogues with our investors.

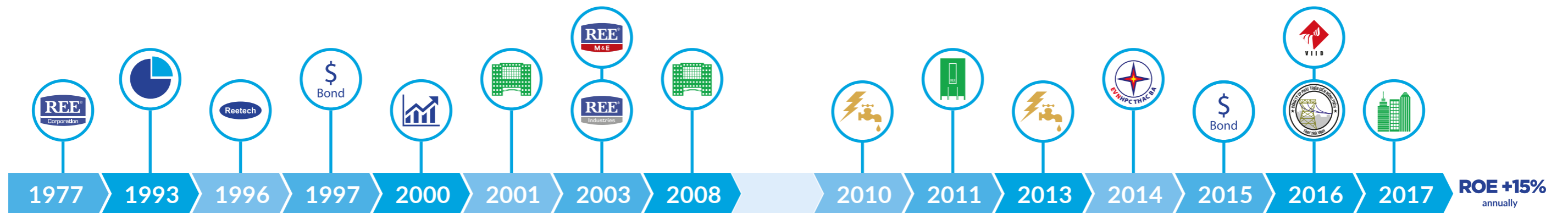
**For our Customers:** Provide our customers with products of high quality, reliability, and durability; listen and strengthen our technical expertise to serve our customers' demands in the best way possible.

**For our Business Partners:** Maintain and develop long-lasting relationships with our business partners on the basis of mutual benefits and the creation of quality products for our society.

**For our Community and Society:** REE continues to carry out its corporate social responsibility activities in enhancing the skills and know-how of the young workforce for the development of the country.

**For our Employees:** Recognize the contribution of our employees and create a friendly working environment, encourage and respect independent and creative ideas contributed by our employees for the development of the Company.

# History of REE



## In 1977

The Company was established on the basis of a state entity which later changed its name into Refrigeration Electrical Engineering Company.

## In 1993

REE was one of the first companies to be equitized, paving the way to enhance the Company's competitiveness.

## In 1996

The Company introduced its first Reetech products.

## In 1997

REE was the first company to issue convertible bonds to foreign investors.

## In 2000

REE became the first company to be listed on Vietnam's stock market.

## In 2001

e.town 1 Building commenced construction, marking the Company's first entry into real estate development.

## In 2002 - 2003

The Company structured the manufacturing and mechanical & electrical engineering activities into REE M&E and REE Electric Appliances to grow the businesses stronger.

## In 2008

REE's e.town campus came into full operation with a total leasable area of 80,000m<sup>2</sup>.

## In 2010

REE expanded into power and water infrastructure sectors, looking to meet such basic social needs.

## In 2011

REE Tower commenced operation with a total leasable area of 20,000m<sup>2</sup>.

## In 2012 - 2013

REE continued to expand into the power and water utility infrastructures as well as stood ready to develop new real estate projects.

## In 2014

Thac Ba Hydro Power Plant (TBC) became a subsidiary of REE.

## In 2015

The Company concluded the conversion of the bonds issued to Platinum Victory Pte. Ltd. in 2012, a 100% owned subsidiary of Jardine Cycle & Carriage, bring the former's ownership in REE to 22%.

## In 2016

Tra Vinh Rural Electric Development JSC (DTV) and Vietnam Infrastructure Investment & Development JSC (VIID) became REE's subsidiaries.

## In 2017

e.town Central office tower commenced operation with a total leasable area of 34,000m<sup>2</sup>.

## ROE +15%

REE is focused on achieving a return on equity (ROE) of at least 15% per annum.

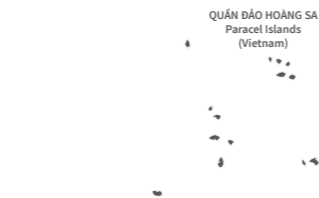
# Business Activities and Geographies

## Business Activities

REE operates under Business Registration Certificate No. 0300741143 issued on 29 December 1993 and amended the 25th time on 3 June 2016.

The main business activities of the Company in 2017 include:

- Mechanical and electrical engineering services (M&E);
- Manufacturing, assembling and sales of Reetech air conditioners;
- Real estate development and management; and
- Power and water utility infrastructures with ownership stakes in power utilities and water treatment plants



## Business Geographies

REE's head office is located at 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.

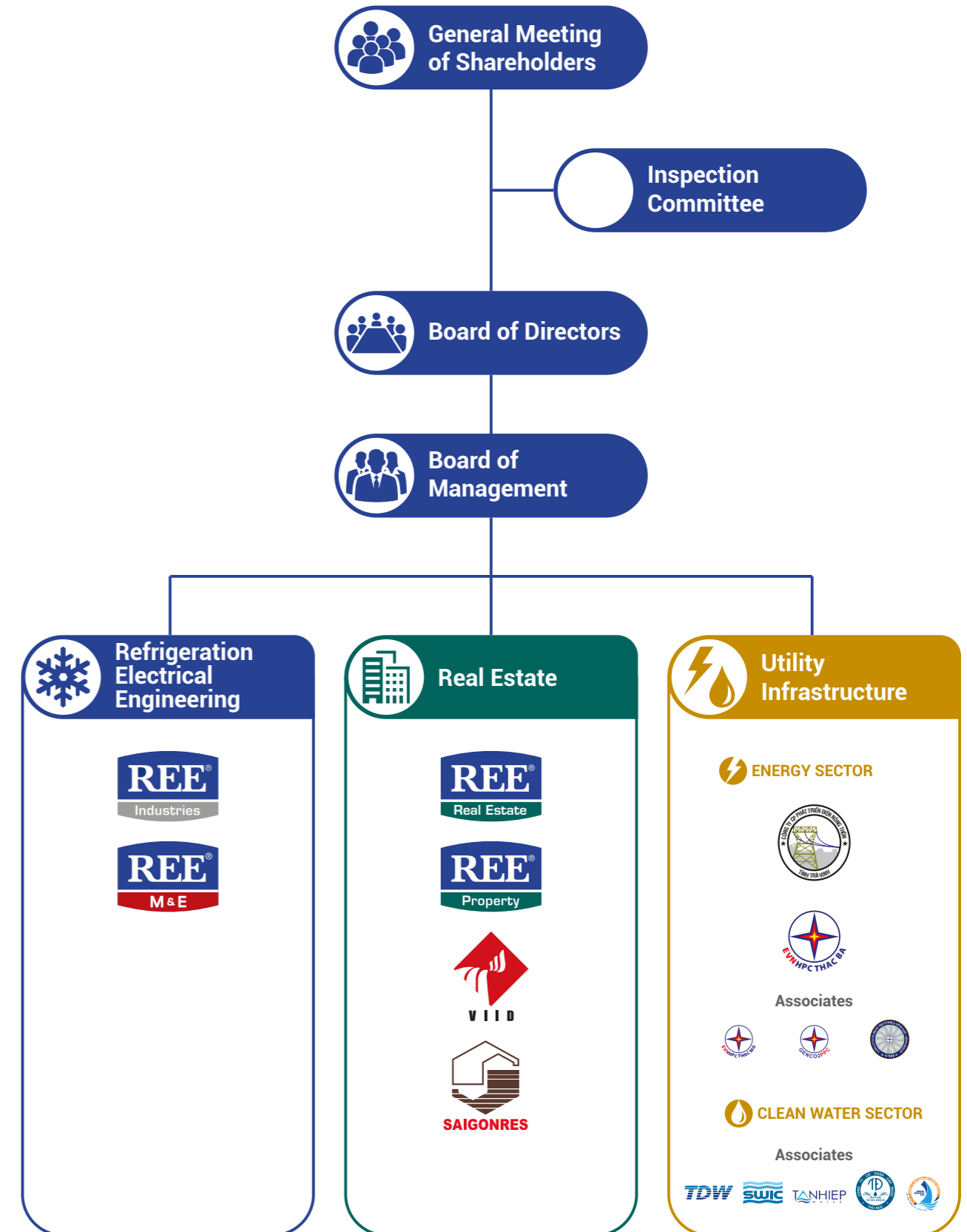
The major business geographies of REE's subsidiaries and associates are Ho Chi Minh City, Ha Noi, Yen Bai, Quang Ninh, Hai Duong, Ninh Binh, Hue, Da Nang, Binh Dinh, Phu Yen, Ninh Thuan, Binh Phuoc, Binh Duong, and Tra Vinh.

M&E services and Reetech products are provided nationwide and exported to Myanmar and Cuba.



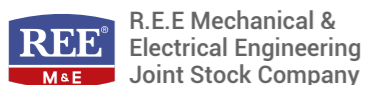
- M&E Services
- Reetech Air-conditioners
- Real estates
- Hydro Power Plant
- Thermal Power Plant
- Power Distribution
- Water Treatment Plan

# Governance Model



# Group Structure

## Subsidiaries

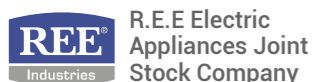


R.E.E Mechanical & Electrical Engineering Joint Stock Company

99.99% VND 150 billion

A leading mechanical and electrical engineering contractor in Vietnam with project experience in infrastructure, commercial and industrial engineering works

Ho Chi Minh City



R.E.E Electric Appliances Joint Stock Company

99.99% VND 150 billion

A producer of air-conditioning products known for the Reetech brand among the customers with its consumer and commercial products

Ho Chi Minh City



R.E.E Real estate Co., Ltd.

100% VND 6 billion

An office property marketing and management company with a total lease office area of more than 130,000m<sup>2</sup>

Ho Chi Minh City



REE Land Corporation

99.97% VND 650 billion

A real estate developer

Ho Chi Minh City



Vietnam Infrastructure Investment & Development Joint Stock Company

50.61% VND 410 billion

A real estate development joint venture between REE and State Capital Investment Corporation (SCIC)

Ha Noi



Thac Ba Hydro Power Plant

60.42% VND 635 billion

Vietnam's first hydro power plant located in Yen Bai Province with a generation capacity of 120 MW

Yen Bai



Tra Vinh Rural Electric Development Joint Stock Company

66.29% VND 52.8 billion

Power distribution, management, investment and development of the electrical grid in Tra Vinh Province

Tra Vinh

Ownership Share Capital

## Associates

Company Name	Business Activities	Share Capital (VND billion)	Ownership (%)
Thac Mo Hydro Power JSC	A 150-MW hydro power plant located in Binh Phuoc Province	700	42.63
IDICO - Srok Phu Mieng Hydro Power JSC	A 51-MW hydro power plant located in Binh Phuoc Province	450	34.30
Binh Dien Hydro Power JSC	A 44-MW hydro power plant located in Thua Thien Hue Province	155	25.47
Ba Ha River Hydro Power JSC	A 220-MW hydro power plant located in Phu Yen Province	1,242	25.76
Vinh Son - Song Hinh Hydro Power JSC	Two hydro power plants: 66-MW Vinh Son plant in Binh Dinh Province and 70-MW Song Hinh plant in Phu Yen Province	2,062	21.01
Central Hydro Power JSC	A 170-MW hydro power plant located in Thua Thien Hue Province	1,260	20.07
Ninh Binh Thermal Power JSC	A 100-MW thermal power plant located in Ninh Binh Province	129	29.45
Pha Lai Thermal Power JSC	A 1,040-MW thermal power plant located in Hai Duong Province	3,262	23.36
Thuan Binh Wind Power JSC	A 24-MW Phu Lac wind power plant located in Binh Thuan Province	163	25.00
B.O.O Thu Duc Water JSC	An operating 300,000 m <sup>3</sup> /day water treatment plant located in Ho Chi Minh City	558	42.07
Saigon Clean Water Business & Investment JSC	An operating 300,000 m <sup>3</sup> /day water treatment plant located in Ho Chi Minh City	150	40.00
Tan Hiep Clean Water Investment JSC	An operating 300,000 m <sup>3</sup> /day water treatment plant located in Ho Chi Minh City	240	32.00
Thu Duc Water Supply JSC	To supply clean water in District 2, District 9 and Thu Duc District of Ho Chi Minh City	85	44.17
Song Da Water Investment JSC	An operating 300,000 m <sup>3</sup> /day water treatment plant located in Hanoi City	500	34.68
Gia Dinh Water Supply JSC	To supply clean water in Binh Thanh and Phu Nhuan Districts of Ho Chi Minh City	95	20.05
Nha Be Water Supply JSC	To supply clean water in District 4, District 7 and Nha Be District of Ho Chi Minh City	109	20.02
Saigon Real estate JSC	A real estate developer with most of projects in Ho Chi Minh City	396	28.87

(Figures in percentage show effective ownership by REE as of 31/12/2017)



# Management Structure

## Board of Directors



### Ms. Nguyen Thi Mai Thanh

*Chairwoman*

**Appointment:** 1993

**Education:**

Bachelor of Engineering  
(Karl-Marx-Stadt Technical University, Germany)

#### Experience:

- 1993 - present:** Chairwoman and General Director of REE Corporation
- 1989 - 1992:** Member of National Assembly Term VIII
- 1987 - 1993:** General Director of Refrigeration Electrical Engineering Enterprise (REE Enterprise)
- 1982 - 1987:** Deputy Director of REE Enterprise

#### Other current positions:

- At listed companies** Deputy Chairman of SaigonRes (HSX: SGR)
- At other companies:** Director of VIID



### Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh

*Director*

**Appointment:** 2007

**Education:**

Master of Business Administration  
(University of Hawaii, US)

#### Experience:

- 2009 - present:** Chief Financial Officer of REE Corporation
- 2005 - 2009:** Relationship Manager of HSBC Bank (Vietnam)

#### Other current positions:

- At listed companies** Board Director of Thu Duc Water Supply JSC (HSX: TDW), Nha Be Water Supply JSC (HNX: NBW)
- At other companies:** Board Director at Thu Duc B.O.O, Thu Duc III, Tan Hiep II Water Treatment Plants



### Ms. Dinh Thi Hoa

*Non-executive Director*

**Appointment:** 2015

**Education:**

Master of Business Administration  
(Harvard University, US)

#### Experience:

- 1994 - present:** Chairwoman of Galaxy Studio
- 1998 - 2007:** Member of Inspection Committee of Asia Commercial Bank (ACB)
- 1992 - 1994:** Startup Procter & Gamble Vietnam
- 1988 - 1989:** Expert at World Food Program, United Nations
- 1987 - 1988:** Working at Press Department, Ministry of Foreign Affairs
- 1985 - 1987:** Expert at Ministry of Foreign Affairs

#### Other current positions:

- At listed companies** Vice Chairwoman of Thien Viet Securities (HOSE: TVS)  
Board Director of Asia Commercial Bank (HNX: ACB)
- At other companies:** Chairwoman of Galaxy ME

#### Abbreviations:

HCMC	Ho Chi Minh City
HNX	Hanoi Stock Exchange
HOSE	Ho Chi Minh City Stock Exchange
IDX	Indonesia Stock Exchange
JSC	Joint Stock Company
MINDSET	Mindset Care Limited - a registered charity of the Jardine Matheson Group companies in Singapore
SaigonRes	Saigon Real Estate JSC
SET	Stock Exchange of Thailand
SGX	Singapore Exchange
VIID	Vietnam Infrastructure Investment & Development JSC



### Mr. Alex Newbigging

*Non-executive Vice Chairman*

**Appointment:** 2013

**Education:**

Master of Arts (Honors) in Mental Philosophy (University of Edinburgh, UK)  
General Management Program (Harvard Business School, US)  
Stanford Executive Program (Stanford Graduate School of Business, US)

#### Experience:

- 2012 - present:** Group Managing Director of Jardine Cycle & Carriage (SGX: C07)
- 2008 - 2012:** Chief Executive of Jardine Engineering Corporation
- 2006 - 2008:** General Manager of IKEA Hong Kong
- 2003 - 2005:** Business Development Manager of IKEA Hong Kong & Taiwan
- 1995 - 2003:** Working in a variety of roles at Jardine Salmat, Jardine Aviation Services, Jardine Matheson

#### Other current positions:

- At listed companies** Board Director of Jardine Matheson Holdings (SGX: J36)  
Commissioner of Astra International (IDX: ASII)  
Board Director of Siam City Cement (SET: SCCC)
- At other companies:** Chairman of MINDSET



### Mr. Dang Hong Tan

*Independent Director*

**Appointment:** 2013

**Education:**

Master of Business Administration  
(Vietnam - Belgium Master Program)

#### Experience:

- 2017 - present** Member of Supervisory Board of Nam Long Investment Corporation (HSX: NLG)
- 2011 - present:** Managing Director of Tan Dang & Company
- 2008 - 2010:** Assurance and Advisory Services Director of Ernst & Young Vietnam
- 1999 - 2008:** Business Development Manager, Vice Director, then Deputy General Director of AFC Vietnam
- 1997 - 1999:** Finance & Administration Manager of Palm Song Be Golf Resort
- 1992 - 1997:** Chief Accountant and Audit Senior, then Audit Manager of E&Y Vietnam
- 1983 - 1992:** Deputy Chief Accountant of Viettronics Binh Hoa

#### Other current positions:

- At listed companies** Nil.
- At other companies:** Nil.

## Inspection Committee



### Ms. Do Thi Trang

*Head of Inspection Committee*

**Appointment:** 2005

**Education:**

Bachelor of Economics specializing in Accounting & Audit  
(University of Economics HCMC)

#### Experience:

- 2005 - present:** Head of Inspection Committee of REE Corporation
- 2002 - 2005:** Deputy General Director of REE Corporation
- 1982 - 2002:** Working in a variety of roles at REE Corporation including being Chief Accountant and Chief Financial Officer

#### Other current positions: Nil.



### Ms. Nguyen Thi Huong Giang

*Member of Inspection Committee*

**Appointment:** 2013

**Education:**

Bachelor of Economics specializing in Accounting & Audit  
(University of Economics HCMC)

#### Experience:

- 2009 - 2017:** Chief Accountant of Jardine Matheson's HCMC and Hanoi Representative Offices
- 2004 - 2009:** Audit Supervisor of PwC Vietnam

#### Other current positions: Nil.

# Management Structure (cont.)

## Group Management



### Ms. Nguyen Thi Mai Thanh

*Chairwoman*

**Appointment:** 1993

**Education:**

Bachelor of Engineering  
(Karl-Marx-Stadt Technical University, Germany)

#### Experience:

Refer to "Board of Directors" on page 156



### Mr. Tran Trong Qui

*Managing Director of Reetech*

**Appointment:** 2006

**Education:**

Bachelor of Engineering in M&E  
(Heat & Refrigeration)  
(HCMC University of Technology)  
Bachelor of Business Administration (UEH)

#### Experience:

Mr. Tran Trong Qui joined REE in 1994, having been Purchasing Manager, Vice Director, Production Director



### Mr. Nguyen Quang Quyen

*Investment Director*

**Appointment:** 2012

**Education:**

Master of Business Administration  
(Columbia Southern University, US)

#### Experience:

Mr. Nguyen Quang Quyen joined REE in 2007, previously holding the position of Investment Manager



### Mr. Huynh Thanh Hai

*Deputy General Director & Managing Director of REE M&E*

**Appointment:** 2013

**Education:**

Bachelor of Engineering in  
Electrification & Power Supply  
(HCMC University of Technology and Education)

#### Experience:

**2013 - present:** Deputy General Director of REE Corporation  
**2008 - present:** Managing Director of REE M&E  
**2003 - 2008:** Deputy Project Manager, then Project Director of REE M&E  
**1994 - 2003:** Engineer, Project Manager of key projects and then Deputy Project Manager of REE Corporation



### Mr. Quach Vinh hung

*Managing Director of REE Property*

**Appointment:** 2016

**Education:**

Bachelor of Laws (HCMC University of Law)  
Bachelor in English (ULIS)

#### Experience:

Mr. Quach Vinh Hung joined REE in 1996, previously holding the positions of Human Resources & Administration Manager, Administration & Legal Director, Deputy Director in charge of REE Tower



### Mr. Luc Chanh Truong

*Investment Research Director*

**Appointment:** 2012

**Education:**

Bachelor of Economics  
(University of Economics HCMC)

#### Experience:

Mr. Luc Chanh Truong joined REE in 1996 having been Assistant to the General Director, Investment Director, Managing Director of RNG Fund Management



### Mr. Pham Quoc Thang

*Deputy General Director & Managing Director of REE M&E*

**Appointment:** 2016

**Education:**

Master of Development Economics  
(UEH - Institute of Social Studies of the Netherlands Master Programs)

#### Experience:

**2016 - present:** Deputy General Director of REE  
**2007 - present:** Managing Director of REE Land  
**2006 - 2007:** Vice Director of REE Land



### Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh

*Chief Financial Officer*

**Appointment:** 2007

**Education:**

Master of Business Administration  
(University of Hawaii, US)

#### Experience:

Refer to "Board of Directors" on page 156



### Ms. Ho Tran Dieu Lynh

*Chief Accountant*

**Appointment:** 2006

**Education:**

Bachelor of Economics specializing  
in Accounting (UEH)  
Certificate of Chief Accountant issued by MOF

#### Experience:

Ms. Ho Tran Dieu Lynh joined REE in 2001, having worked in a variety of roles in the Company

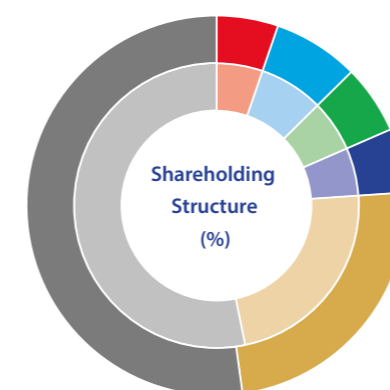
### Abbreviations:

HCMC	Ho Chi Minh City
MOF	Ministry of Finance
REE	Refrigeration Electrical Engineering Corporation
REE Land	R.E.E Land Corporation
REE M&E	R.E.E Mechanical & Electrical Engineering Joint Stock Company
REE Property	R.E.E Real Estate Co., Ltd.
Reetech	R.E.E Electric Appliances Joint Stock Company
UEH	University of Economics Ho Chi Minh City
ULIS	Hanoi University of Languages and International Studies

# Shareholders and Share Capital

As at 31 December 2017, the Company's share capital is as follows:

- **Charter Capital:** 3,100,588,410,000 VND
- **Number of Listed Shares:** 310,058,841 shares
- **Number of Outstanding Shares:** 310,050,926 shares
- **Number of Treasury Shares:** 7,915 shares
- **Par Value per Share:** 10,000 VND



1 Mar 2018 1 Mar 2017

	1 March 2018		1 March 2017	
	number of shares	%	number of shares	%
State (HFIC)	16,341,949	5.3	16,341,949	5.3
Nguyen Thi Mai Thanh	22,711,925	7.3	22,711,925	7.3
Apollo Asia Fund Ltd.	18,186,560	5.9	18,186,560	5.9
Nguyen Ngoc Hai	16,914,062	5.5	16,914,062	5.5
Platinum Victory Pte Ltd	74,123,100	23.9	70,912,140	22.9
Other	161,781,245	52.2	164,992,205	53.2
<b>Total</b>	<b>310,058,841</b>	<b>100.0</b>	<b>310,058,841</b>	<b>100.0</b>

## Shareholding Structure

By Type	1 March 2018			1 March 2017		
	Number of shareholders	Number of shares	%	Number of shareholders	Number of shares	%
<b>Major shareholders (over 5%)</b>	<b>5</b>	<b>148,277,596</b>	<b>47.8</b>	<b>5</b>	<b>145,066,636</b>	<b>46.8</b>
State (HFIC)	1	16,341,949	5.3	1	16,341,949	5.3
Local	2	39,625,987	12.8	2	39,625,987	12.8
Foreign	2	92,309,660	29.8	2	89,098,700	28.7
<b>Others</b>	<b>18,889</b>	<b>161,781,245</b>	<b>52.2</b>	<b>16,238</b>	<b>164,992,205</b>	<b>53.2</b>
Local	18,336	102,163,223	32.9	15,669	102,162,075	32.9
Individuals	18,185	92,513,674	29.8	15,526	92,647,149	29.9
Institutions	151	9,649,549	3.1	143	9,514,926	3.1
Foreign	553	59,618,022	19.2	569	62,830,130	20.3
Individuals	455	1,964,547	0.6	480	2,054,093	0.7
Institutions	98	57,653,475	18.6	89	60,776,037	19.6
<b>Total</b>	<b>18,894</b>	<b>310,058,841</b>	<b>100.0</b>	<b>16,243</b>	<b>310,058,841</b>	<b>100.0</b>

By Geography	1 March 2018			1 March 2017		
	Number of shareholders	Number of shares	%	Number of shareholders	Number of shares	%
<b>Local</b>	<b>18,339</b>	<b>158,131,159</b>	<b>51.0</b>	<b>15,672</b>	<b>158,130,011</b>	<b>51.0</b>
Individuals	18,187	132,139,661	42.6	15,528	132,273,136	42.7
Institutions	152	25,991,498	8.4	144	25,856,875	8.3
<b>Foreign</b>	<b>555</b>	<b>151,927,682</b>	<b>49.0</b>	<b>571</b>	<b>151,928,830</b>	<b>49.0</b>
Individuals	455	1,964,547	0.6	480	2,054,093	0.7
Institutions	100	149,963,135	48.4	91	149,874,737	48.3
<b>Total</b>	<b>18,894</b>	<b>310,058,841</b>	<b>100.0</b>	<b>16,243</b>	<b>310,058,841</b>	<b>100.0</b>

## Charter Capital Increase During the 2013 – 2017 Period

Time of Issue	Method of Issue	Target	Charter Capital before the Issue	Capital raised from the Issue	Charter Capital after the Issue
			VND	VND	VND
19 Dec 2013	Conversion of REE-CB2012 - Stage 1	Platinum Victory Pte. Ltd.	2,446,433,850,000	190,430,000,000	2,636,863,850,000
29 Apr 2014	ESOP Share Issue	Key Managers & Employees	2,636,863,850,000	19,651,540,000	2,656,515,390,000
01 Dec 2014	Conversion of REE-CB2012 - Stage 2	Platinum Victory Pte. Ltd.	2,656,515,390,000	34,190,000,000	2,690,705,390,000
19 Dec 2015	Conversion of REE-CB2012 - Last Stage	Platinum Victory Pte. Ltd.	2,690,705,390,000	5,462,710,000	2,696,168,100,000
03 Jun 2016	FY 2015 Share Dividend Issue	Existing Shareholders	2,696,168,100,000	404,420,310,000	3,100,588,410,000

## Shareholders and Share Capital (cont.)

### Transactions of Major Shareholders, Internal Shareholders and Related Persons in 2017

Name	Relationship with internal shareholder	Number of shares at beginning of the year		Number of shares at end of the year		Reason
		Number of shares	%	Number of shares	%	
1 Platinum Victory Pte. Ltd.	Related parties to Mr. Alex Newbigging - Vice Chairman	70,912,140	22.9	74,123,100	23.9	Ownership increase
2 Thien Viet Asset Management	Related parties to Ms. Dinh Thi Hoa – member of Board of Directors	100,000	0.03	0	0	Investment portfolio restructuring
3 Dinh Dung	Related person to Ms. Dinh Thi Hoa – member of Board of Directors	1,380	0.00	0	0	Personal finance requirement
4 Thien Viet Securities JSC	Related parties to Ms. Dinh Thi Hoa – member of Board of Directors	1,260,405	0.21	0	0	Investment portfolio restructuring

### Treasury Share Transactions

- In 2017, the Company neither issued shares to pay dividend to shareholders or to raise capital, nor purchased or sold treasury shares
- The number of treasury shares as at 1 January 2017: **7,915** shares
- The number of treasury shares as at 31 December 2017: **7,915** shares

## Risk Management

### Economic Risk

The business activities of the Group are subject to developments in the global and local economies as well as in the financial markets. The negative developments can lead to recession, inflation, currency volatility, credit shortage and increases in the cost of input materials. In order to mitigate the risks from these effects, the Group is focused on having good preparations for possible scenarios of changes in economic and market conditions, strengthening its financial resources and building long-term relationships with the customers, suppliers and creditors.

### Commercial Risk and Financial Risk

The Group faces commercial risks in the operations of each Group business.

In the M&E business, the risks are inherent in delayed completion schedule and limited financial resource of the projects. For the manufacturing activity of Reetech products, the collection risk of receivables from sales of products to the customers is present. Within the Group, the construction activity developing office and real estate projects is subject to the risk of changes in market conditions as projects take time to come to completion and achieve the desired outcomes.

Financial risks are concerned with the ability to compete effectively in terms of product and service pricings and manage effectively sourcing, operating and financial costs within the context of the competitive markets that Group businesses operate in.

### Regulatory Risk

The Group conducts its business operations in compliance with current laws and regulations. Changes in regulatory environment regarding laws in taxes, customs, environment, labor, worker's compensations, securities, construction and real estates require Group businesses to constantly update and assess the impacts of these changes on Group's business activities.

### Sustainable Risk

The Group focuses on risk assessment and management related to REE's sustainability as well as the environmental and social impacts on REE and the impacts of its business operations on the environment and society. Through the Sustainability Report integrated with the Annual Report, the Group assesses and discloses information on its business operation efficiency and the impacts related to environment, society and corporate governance.

### Risk assessment on the Group's main business activities

		Refrigeration & Electrical Engineering	Real Estate	Utility Infrastructures
Economic Risk	Interest rate risk			
	Foreign currency risk			
	Commodity price risk			
Commercial Risk and Financial Risk	Commercial risk			
	Credit risk			
	Liquidity risk			
	Regulatory Risk			
Sustainable Risk	Strategy risk			
	Privacy risk			
	Resource risk			
	Impacts from environment and society			
	Impacts to environment and society			

High Medium Low

# Development Strategy

## Development Strategy

Creating a sustainable foundation for growth around the three businesses: refrigeration and electrical engineering, real estate development and power & water utility infrastructures.

The goals of the next three to five years are expansion of markets and investments, further improvement of corporate governance and management as well as resources readiness to deliver growth.

Furthermore, REE sets out its corporate social responsibility priorities in education and children advocacy together with environmental conservation and protection.

## Specific Targets

- Further improvement of corporate governance and business process, which is crucial in the implementation of long term growth strategy.
- Enhancement of competitive positions and capability to adapt amidst economic integrations and competitive business environments
- Determination to remove inefficiencies while adopting best practices in the management of REE's businesses.
- Sustainable growth in revenue and profit. Commitment to achieve a Group's profit growth of over 10% per annum and a return on equity (ROE) of at least 15% per annum.

### Mechanical and Engineering (M&E)

- ✦ Continuing to maintain its leading position in the M&E market. The franchise leverages from its competitive advantages in engineering expertise, project management and procurement to bring customers' satisfaction in quality assurance, completion schedule and competitive pricing. REE M&E is proactive in partnering with construction companies to deliver customers a comprehensive EPC solution (Engineering - Procurement - Construction) for their projects.
- ✦ Training and development of human resources, organizational streamlining and improvement of business processes continue to be the focus to sharpen the competitive advantages in order to operate well in the competitive construction industry which offers opportunities while also demands quality and completion schedule assurance.

### Reetech Air Conditioners

- ✦ Build on last year's trading momentum, improve local market share and grow export business.

### Real estate

- ✦ Maintaining full occupancy level of more than 130,000m<sup>2</sup> in office space under our ownership and management.
- ✦ Continuing to improve tenancy services to deliver customers' satisfaction.
- ✦ A new office building e.town 5 - with an estimated net leasable office area of 17,000m<sup>2</sup> - was ground broken in the first quarter of 2018 and scheduled to complete and commence operation in the first half of 2019.
- ✦ Being on the lookout for new projects to expand the office portfolio by another 50,000m<sup>2</sup> in the next three years. A multi-phase expansion of 30,000m<sup>2</sup> to 50,000m<sup>2</sup> in GFA at e.town Cong Hoa office campus is under planning.
- ✦ REE also realizes recent successes with our real estate partnerships to source and develop new projects while seeks to build on the contributions from our partners in term of land bank availability and track records in corporate governance to add to the collective strength. Vietnam Infrastructure Investment & Development JSC (VIID) and Saigon Real estate JSC (SaigonRes) have made meaningful contributions to REE's business results in the last few years.

### Power and Water Utility Infrastructures

#### Power sector:

- ✦ REE now owns 696 MW in equity-adjusted generation capacity with a total equity-accounting investment cost of VND 5,056 billion.
- ✦ REE is determined to bring to the power investee companies best practices in corporate governance and transparency to help achieve desired performance. We have successful working relationship with the investee companies' management following our consensus on how to govern and run the businesses to deliver mutual benefits.
- ✦ REE aims to expand its investment in the power sector to increase ownerships and equity-adjusted generation capacity while also works to improve efficiency in the performance of investee companies in a sustainable manner.

#### Clean water sector:

- ✦ REE now has 446,200m<sup>3</sup>/day in total equity-adjusted water production capacity at three water treatment plants located in Ho Chi Minh City and one water treatment plant located in Hanoi. The capacity of the plants can be expanded under the City's Water Development Plan to meet water demand increase in the future.
- ✦ REE also made downstream water investment in the City's distribution areas such as Thu Duc, Nha Be and Gia Dinh in efforts to reduce non-revenue water and expand pipeline network.
- ✦ REE's long term strategy is to expand investment in clean water production and distribution.
- ✦ Assuring adequate clean water supply is a crucial mission and REE chooses the clean water sector as its long term strategy.



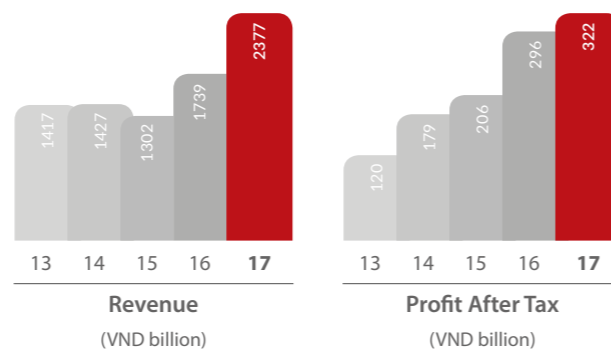
## Group Business Overview in 2017

Mechanical & Electrical Engineering (M&E)	168
Reetech Air Conditioners	169
Office Leasing	170
Real estate Development	171
Power and Water Utilities	172
Subsidiaries and Associates	173

REE M&E is a leading mechanical and electrical engineering contractor in Vietnam with project experience in infrastructure, commercial and industrial engineering works



Expansion of Tan Son Nhat Airport Station Project



- Profit after tax increased by **8.7%**
- Value of new order book reached **VND 3,728 billion** in 2017, bringing the total order book to **VND 5,405 billion**
- REE M&E delivered another outstanding performance

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)	Plan 2018 (VND billion)
New order book value	3,728	2,058	+81.1	2,400
Revenue	2,377	1,739	+36.7	2,700
Profit after tax	322	296	+8.7	240

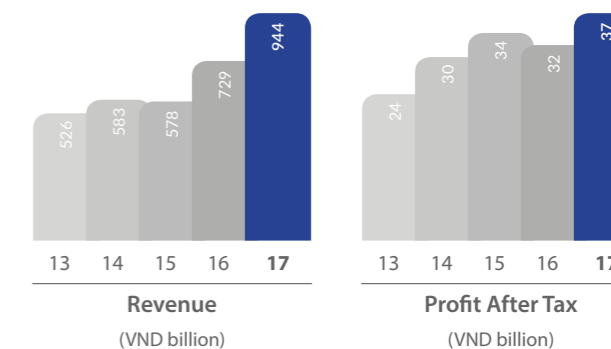
REE M&E achieved revenue for the year of VND 2,377 billion, an increase of 36.7%. Some of the revenue contributors were Mipex Riverside Hanoi, Vietinbank Tower, Sheraton Da Nang, Cam Ranh Airport, the German House and Tan Son Nhat Airport's expansion phase. Its net profit was VND 322 billion in 2017, compared with VND 296 billion in the prior year.

In 2017, REE M&E was awarded contract to provide mechanical & electrical system works for Quang Ninh Airport, a third airport project for the year after Cam Ranh Airport and Tan Son Nhat Airport's expansion phase. Other

new notable projects in 2017 include Cocobay Da Nang, My Dinh Pearl, Mai House and American International Hospital.

Going into 2018, REE M&E is ready to use all resources for effective implementation of its new orders on hand to meet customer's requirements and takes advantage of its proven engineering experience in project management and execution capability to pursue new businesses and reach new heights. In 2018, REE M&E targets to achieve VND 2,700 billion in revenue and VND 240 billion in after-tax profit.

REE Industries is a producer of air-conditioning products known for the Reetech brand among the customers with its consumer and commercial products.



- Overall performance in line with expectation
- Encouraging result in mechanical products, revived export business

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)	Plan 2018 (VND billion)
Sales of air-conditioners (units)	38,911	42,308	-8.0	45,000
Revenue	944	729	+29.5	800
Profit after tax	37	32	+16.0	43

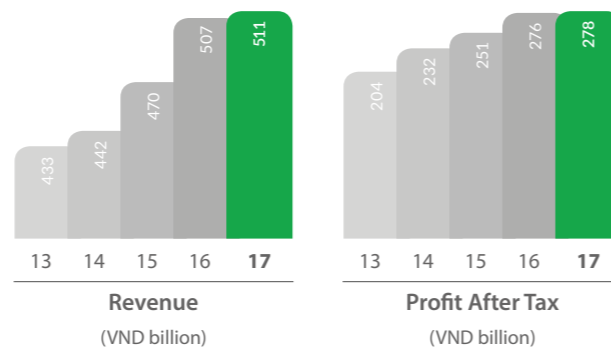
Reetech business' revenue was 29.5% higher at VND 944 billion for 2017 due to higher contributions from project segment and mechanical products. Its net income increased by 16% to VND 37 billion.

In 2017, Reetech opened additional workshops in Da Nang and Cam Ranh to meet new orders in mechanical products.

Meanwhile, lower demand reduced air-conditioner sales by 8%. In business developments, Reetech established a distribution partnership in Myanmar.

In 2018, Reetech targets to achieve VND 800 billion in revenue and VND 43 billion in after-tax profit.

REE Property is an office property marketing and management company with a total lease office area of more than 130,000m<sup>2</sup>.



- Office occupancy level maintained at 100%
- Leasing of e.town Central office tower reaches 70%
- e.town 5 office tower development in e.town campus underway

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)	Plan 2018 (VND billion)
Revenue*	511	507	+0.8	656
Profit after tax	278	276	+0.7	280

• Revenue excludes electricity charges collected from tenants.

Office leasing generated revenue of VND 511 billion and after-tax profit of VND 278 billion in 2017. Loss of revenue arising from the removal of one office building for site clearance to develop e.town 5 office tower was offset by revenue increase from improvement in rental rates.

Full occupancy of approximately 100,000m<sup>2</sup> of office space was maintained at the year end. Average office rents were

slightly higher following rental adjustments to improve lease rates. During the period, e.town Central office building's construction was completed and space leasing reached 70% at time of this Annual Report's printing.

In 2018, office leasing targets to achieve VND 656 billion in revenue and VND 280 billion in profit after tax.

REE Land, VIID and SaigonRes are real estate developers.



- Contributions from residential sales and project transfer of VIID and SaigonRes
- SaigonRes is listed on HOSE, aiming to raise capital for new project developments

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)	Plan 2018 (VND billion)
Revenue	407	226	+80.1	790
Profit after tax	128	121	+5.8	189

Real estate development reported VND 407 billion in revenue in 2017 due to ongoing contribution from residential land sales of VIID. Its net income was VND 128 billion, up 5.8%.

In 2017, Nam Le Loi New City developed by VIID in Quang Ngai Province was fully sold out. SaigonRes recognized

sales from SaigonRes Apartment Plaza and the residential projects of An Phu 1 and An Phu 2.

In 2018, real estate development targets to achieve VND 790 billion in revenue and VND 189 billion in profit after tax.



Dividend income up 18%

Improved results from power investment portfolio

Acquisition of a 35% stake in the 300-MLD Da River Water Treatment Plant

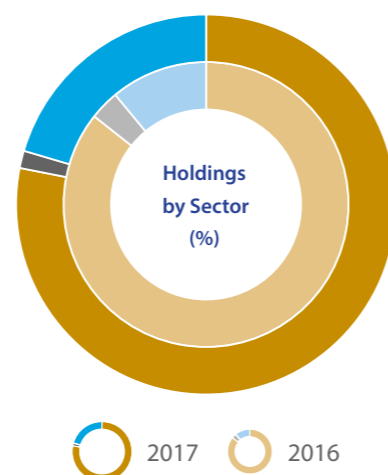
Divestment of non-core assets

	2017		2016	
	VND billion	%	VND billion	%
Power	5,056	78	4,798	86
Coal	96	1	189	3
Water	1,323	21	616	11
<b>Total Investment Cost*</b>	<b>6,475</b>	<b>100</b>	<b>5,603</b>	<b>100</b>

(\*) Total investment cost under equity accounting method.

Total cash investment cost was VND 5,896 billion.

Total market value of above holdings as at 31 December 2017 was VND 8,057 billion.



	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)	Plan 2018 (VND billion)
Total Investment Cost in Power, Water	6,475	5,603	+15.6	-
Profit After Tax	633	352	+79.8	617

Power investment portfolio recorded a net profit of VND 539 billion for 2017, compared with VND 287 billion in 2016, mainly due to contributions from hydro power plants and the reversal of last year's inconsistency in generation output pricing to the proper full-year tariff scheme for Pha Lai Thermal Power Plant. Water investment portfolio's net income was 46.4% higher at VND 94 billion as Thu Duc III and Tan Hiep II Water Treatment Plants continue to ramp up production to reach full capacity.

In water sector, it acquired a 35% stake in the 300-MLD Da River Water Treatment Plant (VCW). VCW is now implementing measures to increase its current production capacity of 220,000m<sup>3</sup>/day to 270,000 m<sup>3</sup>/day

In 2018, power and water investment portfolio targets to achieve VND 617 billion in after-tax profit.

## Subsidiaries



### Thac Ba Hydropower Joint Stock Company (TBC)

TBC is Vietnam's first hydro power plant located in Yen Bai Province with a generation capacity of 120 MW taking water from Thac Ba Lake, one of three largest artificial lakes in Vietnam. In 2017, thanks to favorable conditions, TBC generated 62% more in commercial output at 485 million kWh. Revenue was VND 343 billion, in which generation revenue was VND 331 billion. Profit after tax was 50.9% higher at VND 166 billion

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	343	241	+42.3
Profit after tax	166	110	+50.9
Total assets	888	880	+0.9
Owners' equity	861	838	+2.7

### Vietnam Infrastructure Investment & Development Joint Stock Company (VIID)

VIID is a real estate development joint venture between REE and State Investment Capital Corporation (SCIC). In 2017, Nam Le Loi New City developed by VIID in Quang Ngai Province was fully sold out. For the year, VIID registered VND 407 billion in revenue and VND 148 billion in after-tax profit

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	407	232	+75.4
Profit after tax	148	56	+164.3
Total assets	914	629	+45.3
Owners' equity	581	415	+40.0

### Tra Vinh Rural Electric Development Joint Stock Company (DTV)

DTV is a power distribution utility that was equitized in 2006, operating with the main functions of power trading, management, investment and development of the electrical grid in Tra Vinh Province with a customer base of around 123,600. In 2017, electricity sales provided by DTV was 11% higher at 222 million kWh. DTV reported VND 379 billion in revenue and VND 20 billion in profit after tax – an increase of 9.5% and 53.8% respectively over 2016

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	379	346	+9.5
Profit after tax	20	13	+53.8
Total assets	101	106	- 4.7
Owners' equity	91	82	+11.0

## Associates

### Thac Mo Hydro Power Plant (TMP)



TMP is a hydro power plant in the first order along Little River of Binh Phuoc Province with a generation capacity of 150 MW. In 2017, thanks to favorable conditions, commercial output reached 792 million kWh. TMP recorded VND 700 billion in revenue and VND 311 billion in net profit – an increase of 55.9% and 199.0% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	700	449	+55.9
Profit after tax	311	104	+199.0
Total assets	1,347	1,299	+3.7
Owners' equity	1,055	977	+8.0

### Binh Dien Hydro Power Plant (BDH)



BDH is a hydro power plant along Huu Trach tributary of Huong River in Thua Thien Hue Province with a generation capacity of 44 MW. In 2017, BDH generated an output of 244 million kWh. BDH recorded VND 188 billion in revenue and VND 81 billion in net profit – an increase of 48.0% and 252.2% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	188	127	+48.0
Profit after tax	81	23	+252.2
Total assets	721	718	+0.4
Owners' equity	201	143	+40.6

### Srok Phu Mieng Hydro Power Plant (ISH)



ISH is a hydro power plant in the third order along Little River (Thac Mo - Can Don - Srok Phu Mieng) located in Binh Phuoc Province with a generation capacity of 51 MW. In 2017, ISH produced a commercial output of 284 million kWh. ISP reported VND 261 billion in revenue and VND 74 billion in net profit – an increase of 60.1% and 279.0% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	261	163	+60.1
Profit after tax	74	20	+270.0
Total assets	867	901	-3.8
Owners' equity	544	488	+11.5

### Ba Ha River Hydro Power Plant (SBH)



SBH is a hydro power plant in the last order along Ba River in Phu Yen Province and one of the largest hydro power plants in Central Vietnam with a generation capacity of 220 MW. In 2017, commercial output was 61% higher at 945 million kWh thanks to heavy rainfall in the region. SBH reported VND 1,150 billion in revenue and VND 665 billion in net profit.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	1,150	727	+58.2
Profit after tax	665	298	+123.2
Total assets	2,521	2,493	+1.1
Owners' equity	1,883	1,518	+24.0

## Associates (cont.)

### Vinh Son – Song Hinh Hydro Power Plants (VSH)



VSH has two hydro power plants: Vinh Son plant along Con River located in Binh Dinh Province with a generation capacity of 66 MW and Song Hinh plant along Hinh River located in Phu Yen Province with a generation capacity of 70 MW. In 2017, VSH produced a commercial output of 856 million kWh; revenue was VND 526 billion and net profit was VND 286 billion.

VSH is currently conducting the construction of Thuong Kontum hydro power plant (TKT) in the first order along Dak Nghe Branch of Dak Bla River (a main tributary of Se San River) located in Kon Tum Province with a generation capacity of 220 MW that increases its total capacity to 356 MW. VSH is projected to generate an annual output of around 1.7 billion kWh when TKT comes into operation in 2019.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	526	448	+17.4
Profit after tax	286	258	+10.9
Total assets	6,748	6,110	+10.4
Owners' equity	2,912	2,833	+2.8

### Central Hydro Power JSC (CHP)

CHP developed A Luoi Hydro Power Plant in Thua Thien Hue Province with a generation capacity of 170 MW. In 2017, commercial output is 872 million kWh - its highest output since coming into operation in 2012 - due to favorable conditions. CHP recorded VND 861 billion in revenue and VND 410 billion in net profit – an increase of 32.5% and 58.9% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	861	650	+32.5
Profit after tax	410	258	+58.9
Total assets	3,106	3,084	+0.7
Owners' equity	1,879	1,670	+12.5

### Pha Lai Thermal Power Plant (PPC)



In 2017, PPC generated a commercial output of 4.5 billion kWh; generation revenue was 6.3% higher than 2016 at VND 6,236 billion. PPC reported an unrealized foreign exchange loss of VND 137 billion as the Japanese yen appreciated about 4.5% against the Vietnamese dong. As of 31/12/2017, the JPY loan's ending balance was JPY 5 billion, equivalent to VND 1,012 billion at the exchange rate of JPY/VND = 202.57.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	6,236	5,866	+6.3
Profit after tax	836	599	+39.6
Total assets	7,548	10,725	-29.6
Owners' equity	5,459	5,352	+2.0



## Associates (cont.)

### Ninh Binh Thermal Power JSC (NBP)



NBP is Vietnam's first thermal power plant in Vietnam with a generation capacity of 100 MW. In 2017, NBP produced a commercial output of 328 million kWh. NBP recorded VND 703 billion in revenue and VND 44 billion in net profit – an increase of 5.6% and 100.0% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	703	666	+5.6
Profit after tax	44	22	+100.0
Total assets	395	377	+4.8
Owners' equity	279	262	+6.5

### Thuan Binh Wind Power JSC (TBWP)



Phu Lac Wind Power Plant, developed by TBWP in Binh Thuan Province, came into operation in September 2016 with a generation capacity of 24 MW. Commercial output in 2017 was 64.7 million kWh. The project funding was from KfW Development Bank (Germany). In 2017, due to EUR appreciation against VND, TBWP recorded an FX loss of VND 83 billion.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	114	28	+307.1
Profit after tax	(65)	40	-
Total assets	838	877	-4.4
Owners' equity	139	198	-29.8

### Thu Duc B.O.O Water Treatment Plant (Thu Duc B.O.O)



Thu Duc B.O.O is a 300,000m<sup>3</sup>/day water treatment plant located in Ho Chi Minh City. The plant had been operating at full capacity since 2009 and supplied its water production to District 2, 7, 9, Nha Be and Thu Duc. The plant's capacity can be expanded up to 600,000m<sup>3</sup>/day to meet the increase in water demand in the future. In 2017, Thu Duc B.O.O recorded VND 329 billion in revenue and VND 104 billion in net profit – an increase of 2.8% and 3.0% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	329	320	+2.8
Profit after tax	104	101	+3.0
Total assets	1,173	1,200	- 2.3
Owners' equity	679	676	+0.4

### Thu Duc III Water Treatment Plant (Thu Duc III)



Thu Duc III plant, located in Ho Chi Minh City, is a 300,000m<sup>3</sup>/day water treatment plant built with technology know-how and equipment provided by Germany-based contractor Passavant-Roediger. The plant began commercial operation in late 2015 at the initial capacity of 150,000m<sup>3</sup>/day and supplied treated water in bulk volume to the City's water pipe network for distribution to households and businesses. The plant's capacity reached to 300,000m<sup>3</sup>/day from 2017 and can be expanded up to 600,000m<sup>3</sup>/day to meet higher water demand by consumers in the years to come.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	372	200	+86.0
Profit after tax	110	(19)	-
Total assets	1,105	1,179	- 6.3
Owners' equity	209	99	+111.1

## Associates (cont.)

### Tan Hiep II Water Treatment Plant (Tan Hiep II)



Tan Hiep II is a 300,000m<sup>3</sup>/day water treatment plant located in Ho Chi Minh City. The plant came into commercial operation in early 2017 at the initial capacity of 150,000m<sup>3</sup>/day and supplied treated water for the West districts of the City. The plant's capacity is scheduled to reach its full capacity from the third year of operation. The plant's construction also included a 10-kilometer raw water pipe connecting the river water source to the plant for water treatment. In 2017, Tan Hiep II recorded VND 199 billion in revenue and VND 9 billion in net profit.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	199	0	-
Profit after tax	9	0	-
Total assets	1,105	1,142	-3.2
Owners' equity	249	241	+3.3

### Song Da Water Investment JSC (VCW)



VCW is the developer of Song Da water treatment plant in Hoa Binh Province which has a production capacity of 300,000m<sup>3</sup>/day. The plant started commercial operations in April 2009 and supplied most of its treated water in bulk volume to Hanoi's inner city areas. VCW has the license to source up to 650,000m<sup>3</sup>/day of raw water from Da River and is implementing an expansion phase to increase the capacity to 600,000m<sup>3</sup>/day.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	414	407	+1.7
Profit after tax	168	161	+4.3
Total assets	1,100	1,116	-1.4
Owners' equity	854	765	+11.6

### Thu Duc Water Supply Company (TDW)

TDW is one of Sawaco's water distribution units that were equitized, operating with the main functions of management, construction, maintenance, upgrading and development of water supply networks in District 2, 9 and Thu Duc of Ho Chi Minh City; Bien Hoa Industrial Park and a part of Thuan An District, Binh Duong Province. In 2017, water distribution volume by TDW was 74.8 million m<sup>3</sup>; revenue was 13.1% higher at VND 689 billion, profit after tax was VND 15 billion.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	689	609	+13.1
Profit after tax	15	15	+0.0
Total assets	363	366	- 0.8
Owners' equity	136	132	+3.0

### Gia Dinh Water Supply JSC (GDW)

GDW is operating in the management, construction, maintenance, upgrading and development of water supply networks in Binh Thanh and Phu Nhuan District of Ho Chi Minh City. In 2017, water supplied volume was 50.5 million m<sup>3</sup>. GDW recorded VND 475 billion in revenue and VND 16 billion in net profit – an increase of 5.3% and 23.1% respectively over 2016.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	475	451	+5.3
Profit after tax	16	13	+23.1
Total assets	284	229	+24.0
Owners' equity	147	142	+3.5

### Nha Be Water Supply JSC (NBW)

NBW supplies clean water in District 4, 7 and Nha Be of Ho Chi Minh City. In 2017, water distribution volume by NBW was 60.5 million m<sup>3</sup>. NBW reported VND 603 billion in revenue and VND 12 billion in after-tax profit.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	603	559	+7.9
Profit after tax	12	11	+9.1
Total assets	257	237	+8.4
Owners' equity	162	161	+0.6

### Saigon Real estate JSC (Saigonres) (SGR)

SGR is a real estate developer with most of its projects in Ho Chi Minh City. Projects under construction include: An Phu 1 and 2 Residential in District 12 and SaigonRes Riverside Complex in Thu Duc District. In 2017, SGR posted lower revenue and net profit at VND 628 billion and 147 billion respectively.

	2017 (VND billion)	2016 (VND billion)	Change (%)
Revenue	628	1,079	- 41.8
Profit after tax	147	273	- 46.2
Total assets	1,475	1,575	- 6.3
Owners' equity	585	487	+20.1



## Reports and Assessments

---

### Corporate Governance

---

Report and Assessments of the Management	180
Assessments of the Board of Directors	186
Report of Board of Directors in Term 2013-2017	188
Corporate Governance Overview	192
Board of Directors	194
Inspection Committee	197
Transactions, Remuneration and Interests of the Board of Directors, Inspection Committee and Management	199
Implementation of Regulations on Corporate Governance	201

2017

# Report and Assessments of the Management

## 1. Group Business Results

In 2017, net revenue of REE Group was VND 4,995 billion, equivalent to 108% of the 2017 plan and achieving an increase of 36.5% over 2016.

Profit after tax was 26% higher at VND 1,377 billion and completed 121% of the 2016 plan.

Breakdowns of revenue and profit after tax of the Group businesses are as follows:

Revenue	2017 VND billion	2016 VND billion	Change %	Actual/Budget %
REE M&E	2,377	1,739	+36.7	119
Reeotech	944	729	+29.5	131
Office Leasing	545	546	-0.1	101
Real estate	407	226	+80.0	55
Power	722	419	+72.3	117
<b>Total</b>	<b>4,995</b>	<b>3,659</b>	<b>+36.5</b>	<b>108</b>

Profit after tax	2017 VND billion	2016 VND billion	Change %	Actual/Budget %
REE M&E	322	296	+8.7	134
Reeotech	37	32	+16.0	86
Office Leasing	278	276	+0.7	101
Real estate	128	121	+5.8	90
Power & Coal	539	288	+87.1	148
Water	94	64	+47.0	133
Others	(21)	16	-	-
<b>Total</b>	<b>1,377</b>	<b>1,093</b>	<b>+26.0</b>	<b>121</b>

Business Results	2017 VND billion	2016 VND billion	Change %
Net revenue	4,995	3,659	+36.5
Cost of sales	3,566	2,478	+43.9
Gross profit	1,429	1,181	+21.0
Operating profit	1,712	1,369	+25.1
Other profit	9	7	+31.5
Profit before tax	1,721	1,376	+25.1
Consolidated profit after tax	1,523	1,174	+29.8
Profit after tax of parent company	1,377	1,093	+26.0

## 2. Financial Highlights

Financial Highlights	2017 VND billion	2016 VND billion	Change %
<b>Total assets</b>	<b>14,295</b>	<b>11,396</b>	<b>+25.4</b>
<b>Current assets</b>	<b>5,652</b>	<b>4,105</b>	<b>+37.7</b>
Cash and cash equivalents	2,397	960	+149.7
Short-term investments	517	749	-31.0
Account receivables	1,131	1,148	-1.5
Inventories	1,556	1,231	+26.4
Other current assets	51	17	+196.4
<b>Non-current assets</b>	<b>8,643</b>	<b>7,291</b>	<b>+18.5</b>
Long-term receivables	36	37	-2.2
Fixed assets	492	529	-6.9
Investment properties	624	673	-7.3
Long-term assets in progress	1,128	571	+97.3
Long-term investments	6,274	5,378	+16.7
Other long-term assets	89	103	-14.1
<b>Total liabilities</b>	<b>5,602</b>	<b>3,675</b>	<b>+52.4</b>
<b>Current liabilities</b>	<b>2,927</b>	<b>2,617</b>	<b>+11.8</b>
Short-term loans	672	594	+13.1
Other short-term liabilities	2,255	2,023	+11.5
<b>Non-current liabilities</b>	<b>2,675</b>	<b>1,058</b>	<b>+152.8</b>
Long-term loans	2,309	899	+156.7
Other long-term liabilities	366	159	+130.6
<b>Total owners' equity</b>	<b>8,693</b>	<b>7,721</b>	<b>+12.6</b>
<b>Owners' equity</b>	<b>8,034</b>	<b>7,156</b>	<b>+12.3</b>
<b>Non-controlling interests</b>	<b>659</b>	<b>565</b>	<b>+16.6</b>

Financial ratios	2017	2016
<b>Liquidity</b>		
Current	1.9	1.6
Quick	1.4	1.1
<b>Leverage</b>		
Debt/Total assets	39.2%	32.3%
Debt/Equity	64.4%	47.6%
Equity/Total assets	60.8%	67.7%
<b>Operating efficiency</b>		
Inventories turnover	2.6	2.8
Receivables turnover	4.4	2.9
Working capital turnover	2.4	2.4
Assets turnover	0.4	0.3
<b>Profitability</b>		
Return on net sales (ROS)	30.5%	32.1%
Return on assets (ROA)	11.9%	11.2%
Return on equity (ROE)	18.1%	16.2%

# Report and Assessments of the Management (continued)

## Account receivables

As at 31 December 2017, total account receivables of REE Group were VND 1,130 billion – a decrease of 1.5% over 2016 – in which trade receivables were VND 787 billion – mainly attributable to receivables/construction contract receivables of REE M&E and Reetech business. The Group maintains good control of receivables collection via receivables monitoring and management on ERP. Most of trade receivables are collected on time.

## Account payables

As at 31 December 2017, total account payables of the Group were VND 5,601 billion. Account payables are monitored and managed on ERP and are fully settled on time.

## State budget obligations

The Group is compliant in declaring and paying value-added taxes, corporate income taxes and other state budget obligations as required by the laws. The total state budget obligations of the Group as at 31 December 2017 were VND 73.7 billion, mainly in value-added taxes and corporate income taxes.

## 3. Improvements in Organizational Structure, Policies and Management

In 2017, REE increased employees' salary with a Group average raise of 9.5%

Our focus is on developing human resources with regular on/off-site workshops and overseas training programs for managers to build up know-how and enhance professional skills.

## Provisions

In 2017, REE Group made provisions for doubtful debtors, obsolete, slow-moving inventories, diminution in value of investments and project warranty as required by statutory and Group regulations. As at 31 December 2017, total provisions made are VND 356.36 billion – an increase of 21.6% over 2016 – in which provisions for doubtful debtors are VND 70.94 billion, for obsolete inventories VND 25.35 billion, for diminution in value of investments VND 220.32 billion and for warranty VND 39.75 billion.

## Impact of change in interest rates

The impact of changes in interest rate relates primarily to the Group's cash and short-term deposits and long-term debt obligations with floating interest rates. The Group manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates which are favorable for its purposes within its risk management limits. The Group considers that the exposure to interest rate risks is insignificant.

The Group continues to consider improving and allocating resources in the power and water sectors to provide corporate oversight and facilitate asset performance improvement. Successful working relationship with the investee companies' management following our consensus on how to govern and run the businesses helps to deliver mutual benefits.

## 4. Group Business Plan in 2018

	Revenue VND billion	Change from 2017 Result %	Profit after tax VND billion	Change from 2017 Result %
REE M&E	2,700	+13.6	240	-25.4
Reetech	800	-15.3	43	+15.9
Office Leasing	693	+27.1	280	+0.7
Real estate	790	+94.2	189	+47.7
Power & Water	712	-1.4	617	-2.5
<b>Total</b>	<b>5,695</b>	<b>+14.0</b>	<b>1,369</b>	<b>-0.5</b>

In 2018, REE M&E continues to nurture customer relationship, perform quality project execution, manage efficient procurement & logistics and improve internal process to be in the position to grow the M&E franchise stronger. Reetech will broaden its customer base in mechanical products with new orders in hand. It also sees more export orders. In retail, the company will introduce new freezer and air conditioner models under the new brand Yamato.

In 2018, construction of e.town 5 will begin; tenancy discussions with interested clients for the new office building are soon to be held later during the year.

Further exploration of new office sites to reach 200,000m<sup>2</sup> in total leasable space is ongoing. In real estate, the associate businesses will introduce more residential developments following last year's good momentum.

The power and water investment portfolios continue to restructure identified investments to make profitable divestitures as well as consolidate our holdings among important infrastructure assets. REE aims to be the strategic investor, partnering with the companies REE invested in to create values for the company, its employees and shareholders.

# Report and Assessments of the Management (continued)

## 5. Corporate Environmental and Social Responsibility

### 5.1. Environment

Annual power and water use:

	2017	2016
Diesel Oil (litter)	25,785	32,817
Total energy consumption (GJ)	955	1,216
Power (kWh)	9,809,220	10,546,695
Total energy consumption (GJ)	35,313	37,968
Water (m <sup>3</sup> )	191,909	207,631

Details on energy and water consumption can be found in Sustainability Report, page ...

### 5.3. Communities

REE consider as its corporate social responsibility to have compassion and provide financial supports to our community and society, particularly in the education and development of young generation, in order to enhance the skills and know-how of the young workforce for the development of the country. In addition to charity activities to support the community, REE engage our people to participate in various events for charity causes.

The total budget for community activities in 2017 was VND 4.60 billion as follows:

	2017 VND million
School building & Education programs	1,787.50
Schoolships	1,100.00
Technical books for vocational schools	93.43
Donation for A Brighter Path	542.03
Contribution to Fund for the poor & Gratitude Fund	60.00
Son Tra Nature Reserve - Vietnam's Primate Conservation Fund	520.00
Disaster Prevention Fund (to assist people with house damage)	500.00
<b>Total</b>	<b>4,602.96</b>

### 5.2. Labor

- The total number of employees of the Group as of 31 December 2017 was 1,736. The number of employees increased by 367 and decreased by 205 during the year. The decrease was at Group's businesses as there were employees the businesses decided to discontinue their labor contracts or employees voluntarily decided not to continue their employments after conclusion of major projects.
- All employees are entered into labor contracts. The Group fulfilled its obligations with employees as per regulations.

## 6. Top Events of 2017



- REE was recognized in the 50 Best Vietnamese Listed Companies by Forbes Vietnam
- REE was awarded Top 500 Enterprises and Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam by Vietnam Report
- REE M&E was awarded Top 50 Vietnam The Best by Vietnam Report
- Reetech was certified Vietnamese High-quality Goods by the consumers
- REE received commendation from the Standing Committee of Ho Chi Minh City Communist Youth Union for contributions to Vu A Dinh Scholarship Fund
- REE was acknowledged by Binh Thanh District's People's Committee for providing scholarships to students in the district

# Assessments of the Board of Directors

## 1. Assessment by the Board of Directors of REE Group's Businesses

**M&E business** achieved higher earnings. REE M&E secured a record value of order book in 2017. The business leveraged from its engineering expertise and project management capability to seize opportunities. REE M&E continues to maintain its leading position in the market with more professional workers to carry out projects effectively in order to operate well in the competitive construction industry which offers opportunities while also demands quality and completion schedule assurance

**Reetech** business posted growth in revenue and profit over the previous year. However, the profit was trading along its target. In 2017, Reetech opened additional workshops in Da Nang and Cam Ranh to meet new orders in mechanical products. Reetech need to increase sales of air conditioners in order to improve profit. Establishing distribution partnership in Myanmar will give Reetech the opportunities to expand export market in the future.

**Office leasing** continued to see stable growth due to full occupancy and rental improvement. Loss of revenue arising from the removal of one office building for site clearance to develop e.town 5 office tower will be offset by revenue increase from e.town Central office tower in 2018. Group's member companies in real estate set up a positive profit plan in 2018 to make contribution in the group's results.

**Power and water utility infrastructures** continued to be REE's long term investment strategy. In 2017, Ree made acquisition of a 35% stake in 300-MLD Vinaconex Water Treatment Plant. Divestment of non-core holdings. Hydro power plant operations showed improved results due to better hydrological situation. Thu Duc III and Tan Hiep II water treatment plant continued to increase the water output to achieve and maintain production at designed capacity. Results from Power and water utility infrastructures take into account the proportion of group's profit.

The Group continues to carry out its **corporate social and environment responsibility**. For human resources, REE develops our people through policies to foster working environment and benefits for employees and training programs to identify and develop talents. For the community, the company carries out its corporate social responsibility activities to enhance the skills and know-how of the young workforce. The Group abides by its environment-friendly policies and the technologies utilized by each Group's business enable saving efficiencies as well as promoting a greater awareness of environmental protection in all employees.

## 2. Assessment by the Board of Directors of the Management

In 2017, the Board of Directors has directed and supervised the activities of the General Director and the Management in implementing the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. The General Director and the Management have fulfilled their duties in the management of the Group's businesses in accordance with the steering of the Board of Directors, specifically:

### Business results

The Group reached VND 4,995 billion in revenue and VND 1,377 billion in after-tax profit.

### Dividend payment

Full-year dividend for 2016 was 16%/ par value, paid in cash which was equivalent to VND 496 billion (par value VND 10,000/share).

### Corporate governance

Managing the Company's operations adopting best practices in management to ensure the benefits for shareholders and employees.

Applying measures to improve the management and operation of the Company.

Defining capital plan and funding sources to ensure effective use of capital in financial operation as well as projects funding.

Identifying potential investment opportunities.

### Information disclosures

Adequately, accurately and timely implementing information disclosures of business activities to shareholders and government authorities pursuant to the laws.

### Assessment

By means of its oversight role, regular reports by the Management at the Board of Directors' quarterly meetings on the performance and operation of Group's businesses and business update upon request, it is the Board of Directors' assessment that the General Director and the Management have carried out their rights and duties in accordance with the Charter, the Annual General Meeting's and Board's resolutions and the prevailing laws in a fiduciary and prudent manner.

## 3. Orientation by the Board of Directors

In 2018, the Board of Directors continues to execute sustainable growth strategy; create a sustainable growth foundation around the three businesses: refrigeration and electrical engineering, real estate development and power & water utility infrastructures; improve corporate governance and management; concentrate on forecasting to initiatively make adjustments and appropriate solutions and ready resources to deliver growth.

	2017 VND billion	2016 VND billion	Change %	Actual/ Budget %
Revenue	4,995	3,659	+36.5	108
Profit After Tax	1,377	1,093	+26.0	121
Earnings Per Share (VND)	4,441	3,526	+26.0	-
Full-year Dividend (%)	16	16	+0.0	100



# Report of Board of Directors in Term 2013-2017

Dear Shareholders, Investor and Employees of REE Corporation;

Term of Board of Directors (BOD) 2013 – 2017 included the following members:

- **Ms. Nguyen Thi Mai Thanh:** appointed on 29<sup>th</sup> March 2013
- **Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh:** appointed on 29<sup>th</sup> March 2013
- **Mr. David Alexander Newbigging:** appointed on 29<sup>th</sup> March 2013
- **Mr. Dang Hong Tan:** appointed on 29<sup>th</sup> March 2013
- **Mrs. Dinh Thi Hoa:** appointed on 27<sup>th</sup> March 2015
- **Mr. Dominic Scriven:** appointed 29<sup>th</sup> on March 2013, resigned on 27<sup>th</sup> March 2015

## Brief review on Vietnam's economic period 2013 – 2017:

In the past five years, the domestic economy has steadily grown as follows:

- Average growth of GDP was 6.22% per year, average growth of private sector and FDI was 11% per year.
- CPI and USD exchange index were controlled properly.
- Stable macro economic supported the enterprises doing business in Vietnam

## Macro economic statistic in period 2012 – 2017:

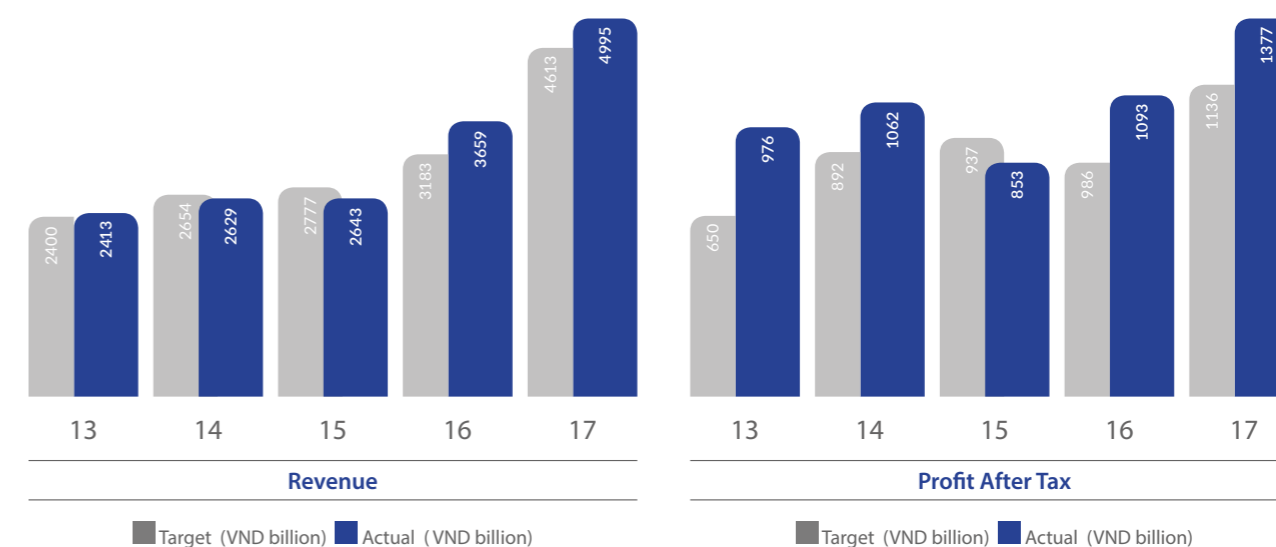
Year	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Average 2013-2017
GDP growth	5.0%	5.4%	6.0%	6.7%	6.2%	6.8%	6.2%
State owned investment growth	9.6%	8.7%	10.2%	6.8%	7.3%	6.7%	7.9%
Private investment growth	8.1%	7.1%	13.6%	12.8%	9.5%	16.8%	12.0%
FDI growth	1.4%	9.9%	10.5%	19.9%	10.4%	12.8%	12.7%
CPI	9.2%	6.6%	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%
USD exchange index comparison with the same period	-1.0%	1.1%	1.0%	5.3%	0.8%	0.1%	1.7%
Average USD exchange index	0.2%	0.7%	0.6%	3.2%	2.2%	1.4%	1.6%

Source: General Statistics Office of Viet Nam

## Performance of major objectives of AGM:

During the term 2013-2017, the Board of Directors always strived to fulfill the targets set by the AGM.

Year	Objectives	Revenue (VND billion)	Profit After Tax (VND billion)	Dividend (VND/Share)
2013	Target	2,400	650	1,200
	Actual	2,413	976	1,600
	% Actual /Target	100.54%	150.15%	133.33%
2014	Target	2,654	892	1,200
	Actual	2,629	1,062	1,600
	% Actual /Target	99.06%	119.06%	133.33%
2015	Target	2,777	937	Cash: 100 Shares: 1,500
	Actual	2,643	853	Cash: 100 Shares: 1,500
	% Actual /Target	95.17%	91.04%	100%
2016	Target	3,183	986	1,200
	Actual	3,659	1,093	1,600
	% Actual /Target	114.95%	110.88%	133.33%
2017	Target	4,613	1,136	1,000
	Actual	4,995	1,377	1,600
	% Actual /Target	108.28%	121.22%	160%

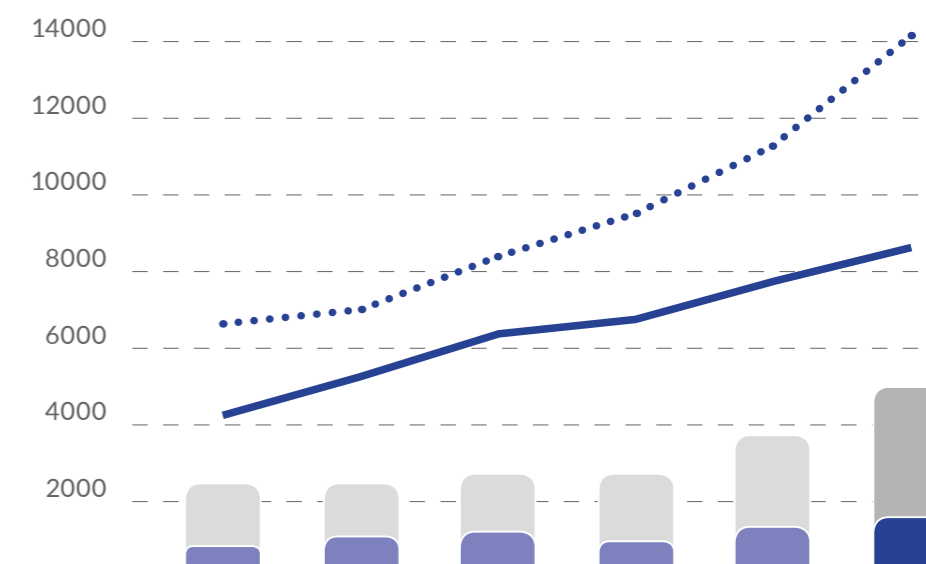


# Report of Board of Directors in Term 2013-2017 (continued)

## Evaluation on business management:

In term 2013 – 2017, BOD issued the major resolutions and Management boards had these implementation as follows:

- Successfully converted VND 557 billion of convertible bonds (issued in 2012);
- Continue developing core business: M&E and Reetech;
- Continue investing in power, clean water and real estate: Total capital paid in term 2013 – 2017 was VND 5,270 billion (up to 31/12/2017, its investment was VND 6,061 billion at market price), the priority projects were invested as follows:
  - ▶ About Power Utilities:
    - Increase ownership rate in Thac Mo Hydro Power JSC up to 42.63%;
    - Acquisition of a 20% stake in Central Hydro Power JSC;
    - Acquisition of a 25% stake in Ba Ha River Hydro Power JSC;
    - Increase ownership rate in Thac Ba Hydro Power Plant up to 60.4%;
    - Acquisition of a 66% stake in Tra Vinh Rural Electric Development JSC;
    - Acquisition of a 21% stake in the Vinh Son – Song Hinh Hydro Power Plants.
  - ▶ About Water Utilities:
    - Acquisition of a 35% stake in Song Da Water Investment JSC;
    - Co-built and own 32% shares of Tan Hiep II Water Treatment Plant;
    - Acquisition of a 15.6% stake in Khanh Hoa Water Supply JSC;
    - Acquisition of a 44% stake in Thu Duc's distribution water.
  - ▶ About Real estate:
    - Built up e.town Central tower at 11 Doan Van Bo Street, District 4, Hochiminh City with a total office leasable area of 34,000 sqm.



	2012	2013	2014	2015	2016	2017
— Owners' Equity (VND billion)	4,216	5,197	5,910	6,334	7,156	8,034
Growth (%)	9.0	23.3	13.7	7.2	13.0	12.3
Charter Capital (VND billion)	2,446	2,637	2,691	2,696	3,101	3,101
Growth (%)	0.0	7.8	2.0	0.2	15.0	0.0
..... Total Assets (VND billion)	6,574	6,954	8,403	9,609	11,397	14,295
Growth (%)	24.1	5.8	20.8	14.3	18.6	25.4
■ Revenue (VND billion)	2,396	2,413	2,629	2,643	3,659	4,995
Growth (%)	32.3	0.7	8.9	0.5	38.4	36.5
■ Profit After Tax (VND billion)	657	976	1,062	853	1,093	1,377
Growth (%)	28.1	48.6	8.8	-19.7	28.1	26.0
ROE (%)	16.3	20.7	19.1	13.9	16.2	18.1
Total Employee (people)	1,287	1,239	1,334	1,256	1,574	1,736

Dear Shareholders, Investor and employees of REE Corp,  
Within past 5 years, the Company has been good doing business, market share has grown annually and the average ROE of 17.63%, which was always higher than Board of Directors' commitment at 12%. BOD would like to thank Shareholders, Investors and Employees of REE Corp who have been working with us to build and maintain REE Corp always develop stable and sustainable.

On behalf of BOD term 2013 - 2017

Chairwoman  
Nguyen Thi Mai Thanh

# Corporate Governance Overview

The Group's corporate governance relies on a combination of General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Inspection Committee, Group Management, Internal Audit Committee and the risk control procedures put in place within the context of the relevant laws and regulations applicable to the Group.

## General Meeting of Shareholders

General Meeting of Shareholders is the highest authority of the Group comprising of all shareholders with voting rights. The Group shall in each year hold an Annual General Meeting within four months from the end of fiscal year. The Annual General Meeting shall approve matters pursuant to the laws and the Company's Charter, particularly the development strategy of the Group, annual financial reports and financial budget for the next fiscal year. Independent auditors are invited to attend Annual General Meetings to review and verify financial reports.

Extraordinary Meetings of Shareholders may be held at the request of the Board of Directors and Inspection Committee in accordance with the provisions of laws and the Company's Charter.

## Board of Directors

The Board of Directors is currently comprised of five (05) directors; two (02) are executive, two (02) are non-executive and one (01) is independent.

Ms. Nguyen Thi Mai Thanh	Chairwoman and General Director
Mr. Alex Newbigging	Non-executive Vice Chairman
Ms. Dinh Thi Hoa	Non-executive Director
Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh	Director and Chief Financial Officer
Mr. Dang Hong Tan	Independent Director

The Board is concerned with the Group's strategic direction, business objectives, dividend policy and other important corporate matters. The Board holds quarterly meetings to review the Group's performance and decides on matters that require the approval of the Board. Extraordinary board meetings are held when required.

The Board receives prompt, accurate and updated information before the meetings. The information is prepared by the management of Group businesses together with the information of the parent company and gathered by the Board's secretarial function. The Group Management is responsible for the implementation of the Board's resolutions after the resolutions are passed.

## Group Management

REE Corporation is a group of companies including the parent company and group's businesses. The Group Management at REE Corporation is responsible for the management of the parent company's business and the steering and oversight of the operations of Group businesses. Responsibilities are clearly defined within the Group Management. The Group Management is comprised of the General Director, two Deputy General Directors, and other Directors. The Group Management meets monthly with the management of each Group business for performance review and deliberation of important matters of the business. Members of the Group's Internal Audit Committee and Accounting Function will also attend these monthly meetings to review the relevant matters.

The Group Management is now comprised of:

Ms. Nguyen Thi Mai Thanh	General Director
Mr. Huynh Thanh Hai	Deputy General Director
Mr. Pham Quoc Thang	Deputy General Director
Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh	Chief Financial Officer
Mr. Nguyen Quang Quyen	Investment Director
Mr. Luc Chanh Truong	Investment Research Director

## Inspection Committee

The Inspection Committee (IC) is charged with the supervision of the Board of Directors and the General Director in the management of the Group and concerned with other responsibilities such as working with independent auditors on the scope and outcome of the auditing works, verifying financial reports, assessing the internal control procedures, etc.

The Inspection Committee is now comprised of two (02) members:

Ms. Do Thi Trang	Head of IC
Ms. Nguyen Thi Huong Giang	Member

The Inspection Committee may utilize independent professional service providers to carry out its mandate if deemed necessary.

## Internal Audit Committee

The Internal Audit Committee reports directly to the Board of Directors and is comprised of three (03) members. The Internal Audit Committee is responsible for the supervision of the internal control systems and compliance with relevant laws and regulations at the parent company and Group businesses with the purpose of identifying irregularities, weaknesses and any possible frauds in the management and safeguarding of the assets of the Group. Internal Audit Committee generates specialized, operational or quarterly audit reports and proposes plans for remedial actions and improvements at the quarterly meetings of the Board of Directors.

# Board of Directors

## 1. Board Composition

The Board of Directors for the remaining of term 2013 – 2017 is comprised of five (05) directors; two (02) are executive, two (02) are non-executive and one (01) is independent.

Members of the Board of Directors:

Member	Title	Ownership of voting right*
1 Ms. Nguyen Thi Mai Thanh	Chairwoman	7.33% Ownership: 22,711,925 shares
2 Mr. Alex Newbigging	Non-executive Vice Chairman	23.91% Ownership: Nil Representative of Platinum Victory Pte. Ltd.: 74,123,100 shares
3 Ms. Dinh Thi Hoa	Non-executive Director	0% Ownership: Nil
4 Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh	Director	0.99% Ownership: 3,084,824 shares
5 Mr. Dang Hong Tan	Independent Director	0% Ownership: Nil

(\*) Number of shares owned as at 31 December 2017

Brief Profiles of the Board of Directors including their other current positions are presented in page 156-157 of this Annual Report.

## 2. Board Committees

There are two Board Committees:

Title	Remuneration Committee	Internal Audit Committee
Chairman	Mr. Alex Newbigging	Mr. Dang Hong Tan

## 3. Activities of Board of Directors

### Board of Directors Meetings

The Board of Directors holds quarterly meetings to review the Group's performance, strategic direction, business objectives, dividend policy and other important corporate matters. Extraordinary board meetings are held when required.

The Board has held four (04) meetings in 2017. The Board members either participated or delegated other Board members to attend and vote at the meetings. Participation record is as follows:

Member	Title	Meeting Attendance	Ratio
1 Ms. Nguyen Thi Mai Thanh	Chairwoman	4/4	100%
2 Mr. Alex Newbigging	Vice Chairman	4/4	100%
3 Ms. Dinh Thi Hoa	Director	3/4	75%
4 Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh	Director	4/4	100%
5 Mr. Dang Hong Tan	Director	4/4	100%

### Agenda of Board of Directors Meeting

Meeting	Board Attendance	Agenda
13 Feb 2017	4/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quarter 4/2016 and full-year 2016 review</li> <li>Markets and Group business performances update</li> <li>Approval of 2017 business plan</li> <li>Review of the Inspection Committee's report</li> </ul>
03 May 2017	3/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quarter 1/2017 review</li> <li>Markets and Group business performances update</li> <li>Quarter 2/2017 business plan</li> <li>Review of the Inspection Committee's report</li> </ul>
31 Jul 2017	4/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quarter 2/2017 and half-year 2017 review</li> <li>Markets and Group business performances update</li> <li>2H/2017 business plan</li> <li>Review of the Inspection Committee's report</li> </ul>
31 Oct 2017	4/4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quarter 3/2017 and 9-month 2017 review</li> <li>Markets and Group business performances update</li> <li>Quarter 4/2017 business plan</li> <li>Review of the Inspection Committee's report</li> </ul>

### List of Resolutions and Minutes of Meeting of the Board of Directors in 2017

Resolution/Minutes of Meeting	Date of issue	Content
1 01/2017/BB-HĐQT-REE	13 Feb 2017	Approval of Quarter 4/2016 Board meeting's matters
2 02/2017/QĐ-HĐQT-REE	14 Feb 2017	Annual General Meeting and full-year 2016 interim dividends
3 03/2017/BB-HĐQT-REE	3 May 2017	Approval of Quarter 3/2017 Board meeting's matters
4 05/2017/QĐ-HĐQT-REE	30 Jun 2017	Approval of resignation from Deputy General Director
5 07/2017/QĐ-HĐQT-REE	20 Jul 2017	Approval of acquisition of a 100% stake in THX
6 08/2017/BB-HĐQT-REE	31 Jul 2017	Approval of Quarter 2/2017 Board meeting's matters
7 14/2017/BB-HĐQT-REE	31 Oct 2017	Approval of Quarter 3/2017 Board meeting's matters

## 4. Activities of Independent Directors and Board Committees

- The Board Committees operate in accordance to the responsibilities and duties defined in the Company's Charter and Regulations on Corporate Governance. The Committees prepare the working contents and attend the Board of Directors' meetings.
- The Remuneration Committee is responsible for setting up remuneration policy of the Board of Directors and Inspection Committee, proposing bonus schemes for the Group's management and key staff and advising the Board in relation to Group's compensation framework and Employee Share Ownership Plan (ESOP) for Group's employees.
- The Internal Audit Committee is responsible for the ongoing assessment of the Group's financial performance and setting up of internal controls designed to ensure execution of corporate objectives in effectiveness of operations, integrity of financial reporting and compliance with applicable laws and regulations.
- Those non-executive and independent members of the Board of Directors undertake the roles in the Remuneration Committee and Internal Audit Committee stands to support the independence and integrity of the matters under the domains of these Committees.

## 5. List of Board of Director members trained in corporate governance

- Ms. Nguyen Thi Mai Thanh
- Mr. Alex Newbigging
- Ms. Dinh Thi Hoa
- Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh
- Mr. Dang Hong Tan

## 1. Inspection Committee Composition

The Inspection Committee is comprised of two (02) members for the remaining of term 2013 – 2017:

Member	Title	Ownership of voting right*
1 Ms. Do Thi Trang	Head of IC	0.39% Ownership: 1,197,518 shares
2 Ms. Nguyen Thi Huong Giang	Member	Ownership: Nil

(\*) Number of shares owned as at 31 December 2017

Brief Profiles of the Inspection Committee members are presented in page 157 of this Annual Report.

## 2. Activities of the Inspection Committee

In 2017, the Inspection Committee was responsible for the following main tasks:

### *Supervising activities of the Board of Directors in 2017 and its implementation of the Resolutions of the Annual General Meeting for Fiscal Year 2016*

Throughout the year, the Inspection Committee assesses that the activities of the Board of Directors complied with the Company's charter and the Annual General Meeting's resolutions. The Board has guided the management of Group's businesses following best practices to ensure shareholders' rights and employees' benefits.

In 2017, the Inspection Committee attended all regular meetings of the Board of Directors. The head of the Inspection Committee attended the monthly performance review of Group's businesses to keep updated with new developments and advise the Board in matters related to internal controls, investment activity as well as recommend cost and risk management measures.

The Inspection Committee has the right to request access to be provided in a timely manner to full information related to the Board of Directors' decisions and other corporate documents at the Company's site. In 2017, the Inspection Committee held four (04) regular meetings with the attendance of all members to review and assess the performance of Group's businesses.

The Board of Directors recognizes the supervisory role of the Inspection Committee and considers the recommendations of the Inspection Committee in making its decisions.

### *Supervising Group's businesses and financial performance in 2017*

The Inspection Committee has reviewed the Group's financial reports audited by Ernst & Young and concludes that the financial statements give a true and fair view of the financial position, operating result and cash flows of the Group in 2017.

## Inspection Committee (cont.)

### 2. Activities of the Inspection Committee (cont.)

#### *Supervising the Group's compliance of the laws and internal regulations*

The Group has made accurate, timely and full disclosures about its business operations to shareholders and the authorities in accordance with regulations. As of 31 December 2017, the declaration and payment of taxes to the State budget were compliant with the laws.

The Group's employees all entered into labor contracts and are entitled to benefits related to social security, salary & bonus, and sick & annual leave.

The Group has made good effort to implement receivables collection and obtained from customers acknowledgment of outstanding debts. In 2017, the Group made provisions for doubtful debtors, obsolete, slow-moving inventories, diminution in value of investments and project warranty as required by statutory and Group regulations.

#### *Supervising the Internal Audit Committee*

In 2017, the Board's Internal Audit Committee conducted regular assessment of the Group's financial performance and set up internal control functions to assure the validity and integrity in financial reporting and compliance with laws and regulations.

The Inspection Committee coordinates with the Internal Audit Committee to provide data and information to Ernst & Young for the half-year review and year-end audit. Prior to the disclosure of financial reports, the Internal Audit Committee reviews the information data and there had not been instances of misrepresentation.

Furthermore, the Group's businesses are conducted in a transparent and law-abiding manner through ongoing dialogues with the independent auditor on the scope and result of the auditing works as well as changes in accounting and audit rules.

## Transactions, Remuneration and Interests of the Board of Directors, Inspection Committee and Management

### 1. Salary, Bonus, Remuneration and Other Interests

#### Board of Directors

	Member	Title	Salary	Bonus	Remuneration	Total
1	Ms. Nguyen Thi Mai Thanh	Chairwoman	30%	61%	9%	100%
2	Mr. Alex Newbigging	Vice Chairman	-	-	100%	100%
3	Ms. Dinh Thi Hoa	Director	-	-	100%	100%
4	Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh	Director	44%	44%	12%	100%
5	Mr. Dang Hong Tan	Independent Director	-	-	100%	100%

#### Inspection Committee

	Member	Title	Salary	Bonus	Remuneration	Total
1	Ms. Do Thi Trang	Head of IC	41%	39%	20%	100%
2	Ms. Nguyen Thi Huong Giang	Member	-	-	100%	100%

#### Management

	Member	Title	Salary	Bonus	Remuneration	Total
1	Ms. Nguyen Thi Mai Thanh	General Director	(as above)	(as above)	(as above)	(as above)
2	Mr. Huynh Thanh Hai	Deputy General Director	22%	78%	-	100%
3	Mr. Pham Quoc Thang	Deputy General Director	52%	48%	-	100%

The remuneration of the Boards of Directors and Inspection Committee in 2017 was VND 2,979,900,000. Salaries and bonuses paid to the Management in 2017 was VND 18,790,689,367.

## Transactions, Remuneration and Interests of the Board of Directors, Inspection Committee and Management (cont.)

### Transactions of Major Shareholders, Internal Shareholders and Related Persons in 2017

	Name	Relationship with internal shareholder	Number of shares at beginning of the year		Number of shares at end of the year		Reason
			Number of shares	%	Number of shares	%	
1	Platinum Victory Pte. Ltd.	Related parties to Mr. Alex Newbigging - Vice Chairman	70,912,140	22.9	74,123,100	23.9	Ownership increase
2	Thien Viet Asset Management	Related parties to Ms. Dinh Thi Hoa – member of Board of Directors	100,000	0.03	0	0	Investment portfolio restructuring
3	Dinh Dung	Related person to Ms. Dinh Thi Hoa – member of Board of Directors	1,380	0.00	0	0	Personal finance requirement
4	Thien Viet Securities JSC	Related parties to Ms. Dinh Thi Hoa – member of Board of Directors	1,260,405	0.21	0	0	Investment portfolio restructuring

### 3. Contracts or Transactions with Internal Shareholders

In 2017, REE has no contracts or transactions with internal shareholders including members of the Board of Directors, members of the Inspection Committee, the General Director, the Management and any of their related person(s).

## Implementation of Regulations on Corporate Governance

REE always strives to abide by current laws and regulations on corporate governance and information disclosures, including:

- ▶ Law on Enterprises 2014;
- ▶ Law on Securities 2006 and Amendment to Securities Law 2010;
- ▶ Decree 71/2017/NĐ-CP dated 6/6/2017 on Corporate Governance; and
- ▶ Circular 155/2015/TT-BTC on information disclosure on stock market.

Concurrently, REE also defines these provisions in the Group businesses through its internal regulations such as:

- ▶ Company Charter (supplemented and amended for the 9th time on 31 March 2016); and
- ▶ Internal Regulation on Corporate Governance.

In 2017, REE has complied with corporate governance regulations; adequately and timely implemented information disclosure of business activities to shareholders, government authorities and stakeholders on the basis of transparency, accuracy and timeliness.

In addition, REE has also applied measures to improve the governance performance, specifically as follows:

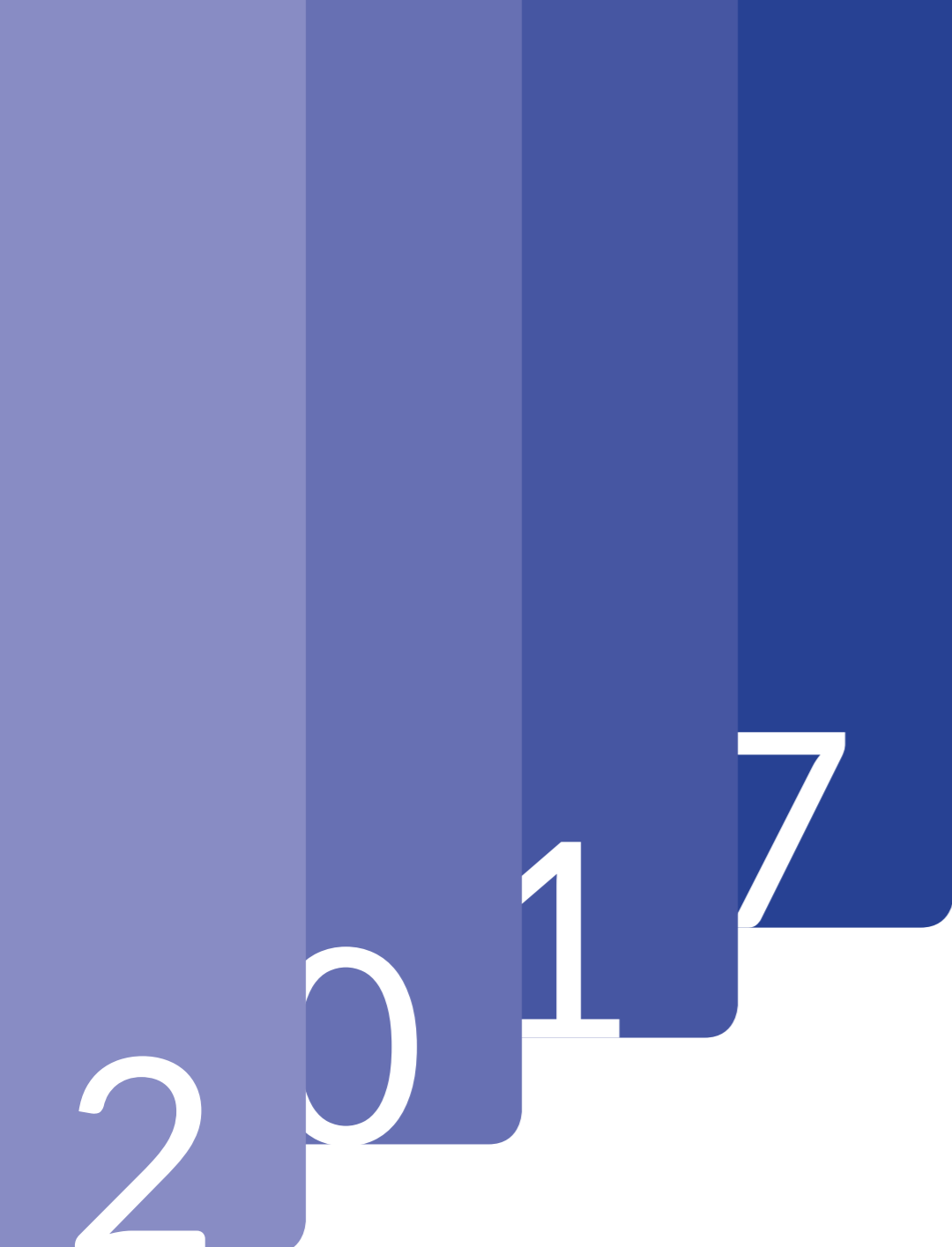
- ▶ Managing the Company's operations adopting best practices in management and improving corporate governance quality toward international standard through applying principles of the Organization for Economic Co-operation and Development (OECD) and ASEAN Corporate Governance Scorecard including 5 primary aspects as follows:
  - The rights of shareholders;
  - Equitable treatment among shareholders;
  - Interests and roles of stakeholders;
  - Disclosure and transparency; and
  - Responsibilities of the Board.
- ▶ Non-executive and independent members of the Board of Directors undertake the roles on the Remuneration Committee and Internal Audit Committee and hold separately scheduled meetings in order to support the independence and integrity.
- ▶ Fighting corruption and enhancing transparency in the selection of suppliers and contractors.
- ▶ Developing information channels and facilitating stakeholders' access to published information via websites of Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE), State Securities Commission (SSC) and the company at: [www.reecorp.com](http://www.reecorp.com).



# Sustainability Report

---

Sustainability Statement by The Chairwoman	204
Overview	206
Stakeholder's Engagement	208
Key Aspects	210
Our Businesses	212
Our People	217
Corporate Social Responsibility	220
Our Environment	221
Gri-G4 Disclosures & Content Index	224





# Sustainability Statement by The Chairwoman



“ As a business entrepreneur, in addition to the economic development goals, REE is always aware of our roles and responsibilities for the society and for the national environmental protection and improvement. Sustainable development has become the core in our business strategies over the past years. REE’s Board of Directors and Board of Management acknowledge that the corporation cannot achieve sustainable development and long-term success unless we combine the economic development with corporate social responsibility and environmental protection, which, therefore, helps strengthen and harmonize the benefits of related parties including shareholders, investors, customers, business partners, government authorities, employees and social community.

Dear Shareholders and Stakeholders,

Sustainable development is the one whose economic development targets are closely tied to the obligations of preserving natural resources and ecosystem in order to meet the current demands without compromising the growth of future generations. Sustainable development has long been regarded as an essential need and a strategic development focus of most of the world’s nations in the efforts to reconcile the economic development with society development and environmental protection. In the process of building and developing the country today, Vietnam is not an exception to this trend.

As a business entrepreneur, in addition to the economic development goals, REE is always aware of our roles and responsibilities for the society and for the national environmental protection and improvement. Sustainable development has become the core in our business strategies over the past years. REE’s Board of Directors and Board of Management acknowledge that the corporation cannot achieve sustainable development and long-term success unless we combine the economic development with corporate social responsibility and environmental protection, which, therefore, helps strengthen and harmonize the benefits of related parties including shareholders, investors, customers, business partners, government authorities, employees and social community.

Economic development goal is reflected in the revenue and profit growth, which maintain and ensure shareholder benefits and tax contributions to the State budget. This goal is a prerequisite for REE to achieve our social and environmental goals. So far REE has creating a diversified and stable structured corporation with three main fields: refrigeration & electrical engineering, real estate, and power & water utility infrastructure. We commit to achieve a Group’s profit growth of over 10% and a yearly return on equity (ROE) of at least 15% in the upcoming years.

In recent years, REE continuously carries out its corporate social responsibilities by accompanying and promoting practical social and community activities, among which investment in education and training for the young generation is always of our top priority in order to contribute to the improvement of skills and know-how for the young labour workforce. As for the employees, REE focuses on developing human resources with policies to ensure working environment and benefits for employees, implement programs to identify and develop talents and promote capability, and our employees can therefore contribute more and more to the company and the society.

As REE members, we are well aware of the importance of environmental protection. We are implementing and adopting green policies and technologies which are modern and eco-friendly in every business area. We are also deploying policies and practices enabling energy and water saving as well as promoting greater awareness of environmental protection among our employees.

At REE, we are always aware of the importance of environmental protection. We are implementing and adopting green policies and technologies, applying modern and eco-friendly techniques in every business areas. We are also deploying polices and practices enabling energy and water saving as well as promoting greater awareness of environmental protection for our employees.

We hope that other companies in our economy would also devote great attention to the sustainable development goals and would realize that business development is, importantly, linked to social responsibility, to country development and to future generations. We support ceaseless efforts to make the message of Sustainable Development spread widely.

Nguyen Thi Mai Thanh  
Chairwoman  
March 2018

## 1. General information

Established since 1977, Refrigeration Electrical Engineering Corporation (REE) today is a publicly-traded diversified business group operating under the Certificate of Business Registration No. 0300741143 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, registered first time on 29 December 1993 and amended for the 25th time on 3 June 2016.

REE shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange under License No. 01/GPPH dated 2 June 2000 issued by the State Securities Commission of Vietnam.

REE Group operates in the fields of mechanical and electrical engineering services (M&E); manufacturing, assembling and sales of Reetech air-conditioner systems; real estate development and management; and power & water utility infrastructures.

## 2. Report Overview

### 2.1. Scope of the Report

Sustainability Report is prepared on a yearly basis and integrated into the Annual Report to make an essential publication about REE's strategies for sustainable development; our evaluations of the impacts, risks, and possibilities in relation to the environment, the society and the business activity; as well as the economic aspects of our business activities.

This Report is issued for the financial year 2017, from 1 January 2017 to 31 December 2017 and is prepared in line with the "In Accordance – Core" option as outlined in the G4 Sustainability Report Guidelines issued by Global Reporting Initiative (GRI).

This Report covers only the business activities of REE and subsidiaries operating in the field of refrigeration and electrical engineering and office leasing. The business activities of subsidiaries specializing in the field of real estate and power will be compiled and presented in the next Sustainability Report as these companies have only been consolidated recently.

REE's head office is located at 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City. Subsidiary companies and associated companies have main locations at Ho Chi Minh City, Ha Noi, Yen Bai, Quang Ninh, Hai Duong, Ninh Binh, Hue, Da Nang, Phu Yen, Binh Dinh, Binh Phuoc, Binh Duong, Tra Vinh. Mechanical and electrical engineering services (M&E) and Reetech products are distributed for domestic and exported to Myanmar, Cuba.

Association and organization memberships:

- Vietnam's Association of Construction Contractors (VACC).
- Vietnam Green Building Council (VGBC).
- U.S. Green Building Council (USGBC).
- Saigon Businessmen Club.

### 2.2. Report's Information Assurance

The Group consults and applies national and international standards in the disclosure of information and data during the reporting period. The collection of information and data is checked and verified by the in-charge department, management and the internal inspection committee to ensure the data's accuracy. In addition, the financial information is audited by Ernst & Young Vietnam to assure the reliability of the report.

### 2.3. Contact

For inquiries and comments, please contact:

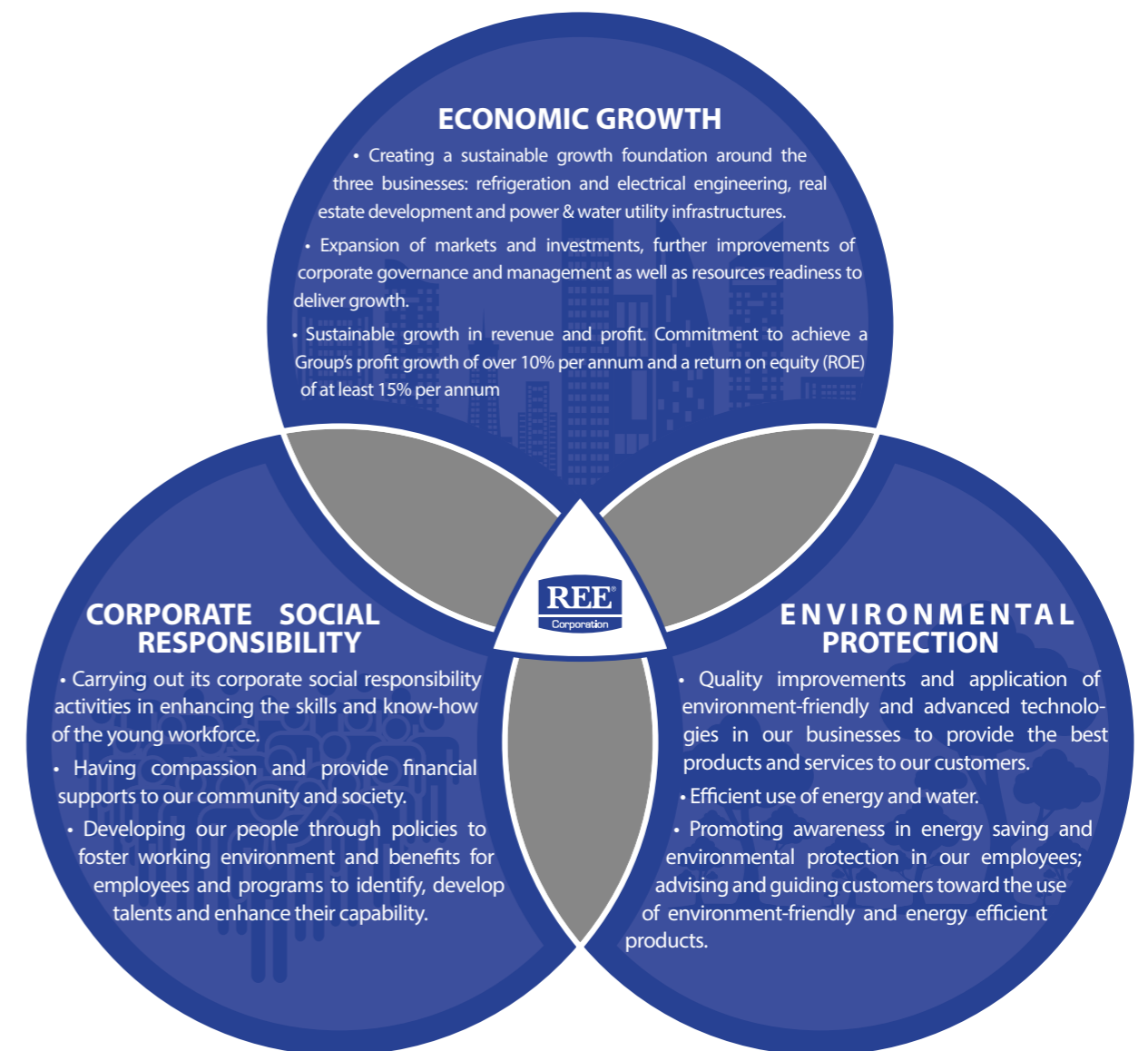
**Mr. Nguyen Ngoc Thai Binh**  
Chief Financial Officer  
Refrigeration Electrical Engineering Corporation (REE)  
364 Cong Hoa, 13 Ward, Tan Binh District,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: 84-28-3810 0017  
Fax: 84-28-3810 0337  
Email: ree@reecorp.com.vn

## 3. Sustainability Framework

Sustainable development is crucial to REE's development strategy. REE recognizes that the Group cannot deliver sustainable growth unless we combine economic growth with corporate

social responsibility and environmental protection to ensure the balance among stakeholders: shareholders and investors, customers, business partners, employees, the community and society.

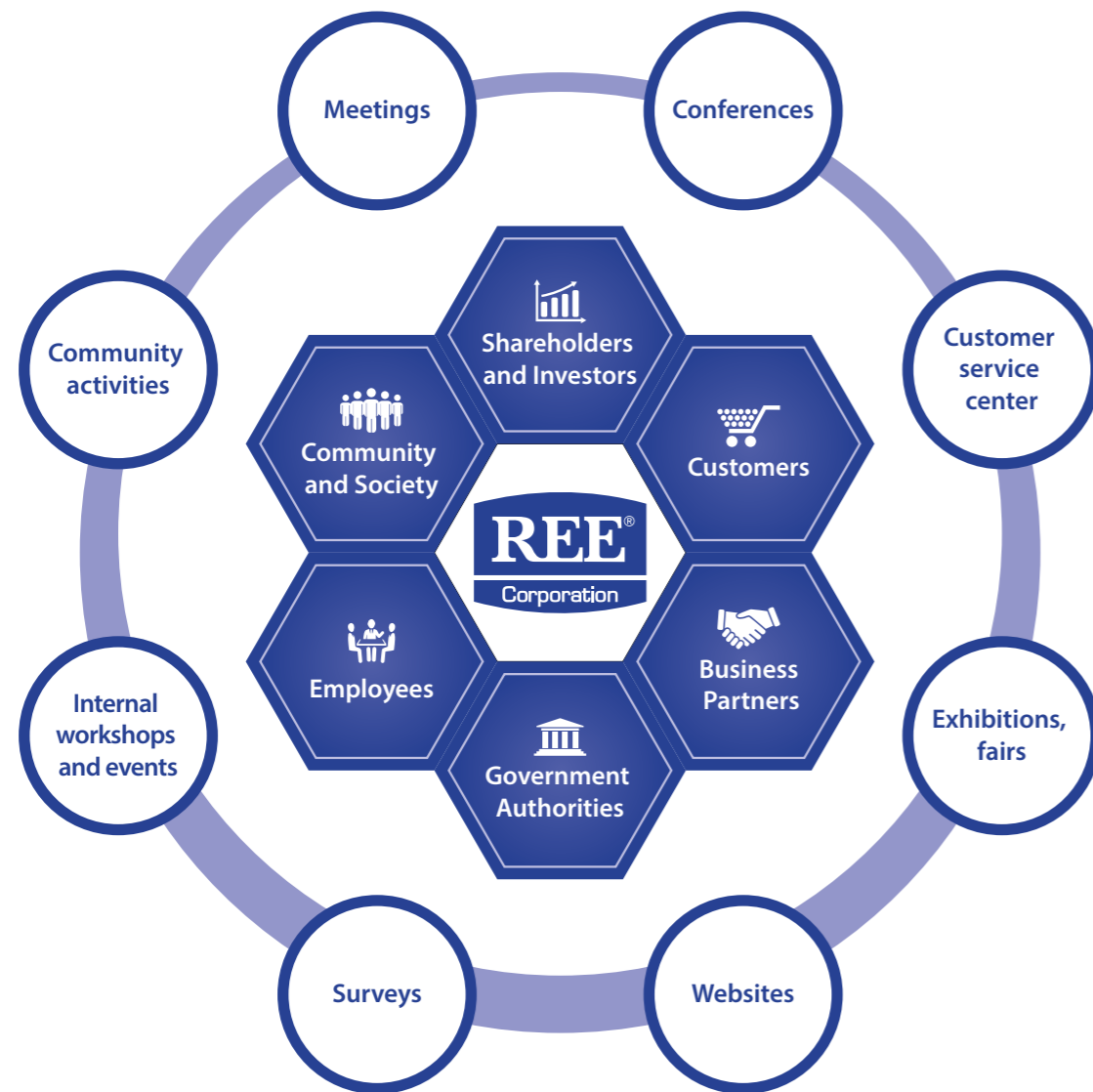
### Specific Goals:



# Stakeholder's Engagement

REE recognizes that shareholders and investors, customers, business partners, Government authorities, employees and the community are stakeholders who are impacted to various extents by the activities of Group's businesses.

We listen to and share the feedbacks from our stakeholders and strive to respond to them constructively. Our understanding and acknowledgment of stakeholder's interests play an important role in the preparation of this Report and the planning and execution of REE's development goal.



Stakeholders	Our goals	Approach methods	Frequency
Shareholders and Investors	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Create the highest values for our shareholders</li> <li>• Assure equitable treatment among shareholders</li> <li>• Commit to transparency in the appropriate disclosures of the Company's operations</li> <li>• Actively engage in promoting dialogues with investors</li> </ul>	• Investors' direct meetings	• Annual
		• General meeting of shareholders	
		• Local and international investors' conferences	• Half year
		• Websites	
Customers	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Provide our customers with products of high quality, reliability and durability</li> <li>• Improve quality of customer and after-sales services</li> <li>• Listen to customers' demands and strengthen our technical expertise to serve them in the best way possible</li> </ul>	• Direct meetings	• Frequent
		• Customer service center, technical consulting, warranty and maintenance	
		• Exhibitions, fairs, conferences	
		• Websites	
Business Partners	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Maintain and develop long-lasting relationships</li> <li>• Respect mutual benefits between business partners</li> <li>• Develop together and create quality products for society</li> </ul>	• Direct meetings	• Frequent
		• Exhibitions, fairs, conferences	
		• Websites	
Government Authorities	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Fulfill statutory obligations to the Government</li> <li>• Compliance with laws and regulations</li> <li>• Transparent information disclosure in a timely manner</li> </ul>	• Participate in conferences held by the Government and relevant authorities	• Frequent
Employees	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Recognize the contribution of employees</li> <li>• Create favorable working environments and ensure benefits for employees</li> <li>• Develop human resources through programs to identify and foster talents</li> </ul>	• Workshops, training programs	• Frequent
		• Team building, sports, music events	• Annual
		• Employees' satisfaction survey	• Annual
Community and Society	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Carry out corporate social responsibility activities in enhancing the skills and know-how of the young workforce</li> <li>• Having the passion and sharing material gains with the community and society</li> </ul>	• Organize charitable activities, supporting the community	• Frequent
		• Participate in fundraising events for the community, environmental protection	• Frequent
		• Participate in charity organizations	• Frequent

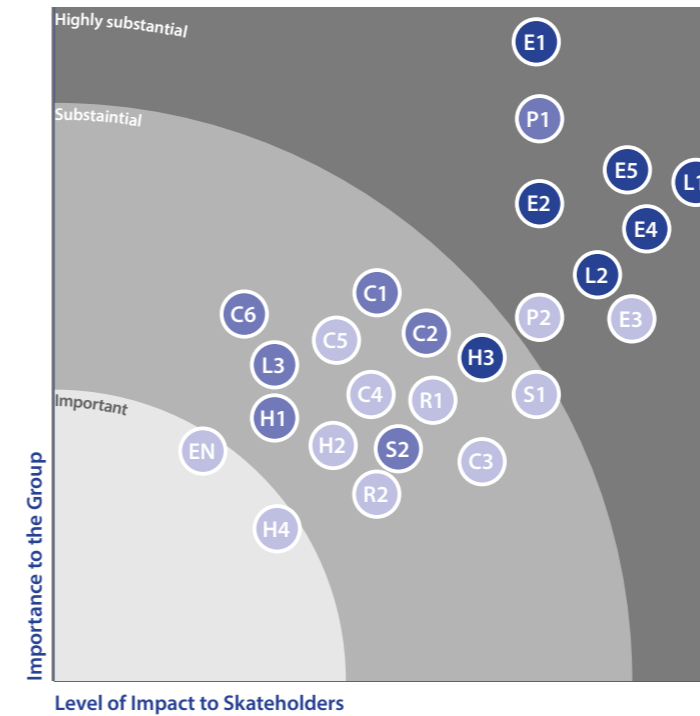
# Key Aspects

## Process to define the Report's content and key aspects

- ▶ Step 1 - Identification: Identify relevant GRI Aspects based on assessment of economic, environmental and social impacts related to the Group businesses' activities and interests of stakeholders.
- ▶ Step 2 - Prioritization: Assess the Aspects based on their importance and impact to stakeholders to determine key Aspects together with their Boundaries and the level of coverage.
- ▶ Step 3 - Validation: Assess key Aspects based on scope, boundaries and timeframe; collect information and publish report.
- ▶ Step 4 - Review: Review and prepare for the next reporting cycle.

## List of identified Key Topics, Aspects and Boundaries

Key Topics	Key Aspects (GRI)	Aspect Boundaries	Report Sections
<b>Our Business</b>			
P1 Product and service offerings	Products and services	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group businesses</li> <li>Customers (domestic, Myanmar and Cuba)</li> <li>Business partners (domestic and international)</li> </ul>	1. Products and Services
P2 Customer and after-sales service			
EN Environmental protection			
<b>2. Economic Performance</b>			
E1 Business results	Economic performance	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group businesses</li> <li>Shareholders, Investors (local and foreign)</li> <li>Business partners (domestic and international)</li> <li>Government authorities</li> </ul>	Direct/indirect economic interests Business results
E2 Dividends			
E3 Stock price			
E4 Financial strength			
E5 Statutory obligations			
<b>3. Business Management</b>			
C1 Corporate governance	Corporate governance	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group businesses</li> <li>Shareholders, Investors (local and foreign)</li> </ul>	Corporate Governance
C2 Risk management			
C3 Equitable shareholder treatment	Compliance	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group businesses</li> <li>Business partners (domestic and international)</li> <li>Government authorities</li> </ul>	Law and Regulation Compliance
C4 Compliance			
C5 Anti-corruption			
C6 Market development	Market Development		Market Development
<b>4. Information Channels</b>			
R1 Transparent information disclosure	Disclosure and Transparency	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group businesses</li> <li>Shareholders, Investors (local and foreign)</li> <li>Government authorities</li> <li>Group's employees</li> </ul>	
R2 Internal communications			
<b>Our People</b>			
1. Workforce Statistics			
2. Developing Our People			
L1 Salary and employment benefits	Employees	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group's employees</li> </ul>	Working environment
L2 Employee health and workplace safety			
L3 Training and development			
H1 Non-discrimination			
H2 Human rights	Human Right		Training and Development
H3 Equal opportunity			
H4 Freedom of association and collective bargaining			
<b>Corporate Social Responsibility</b>			
S1 Corporate social responsibility	Community	<ul style="list-style-type: none"> <li>Group businesses</li> <li>Community</li> </ul>	
S2 Workforce development			
<b>Our Environment</b>			



## Priority Matrix

Group A	Highly substantive
Group B	Substantive
Group C	Important
●	Highly Urgent
●	Urgents
●	Normal

Stakeholders	Key topics	Group	Urgency
Shareholders, Investors	• Business results	A	E1
	• Customers	A	E2
	• Business Partners	B	E3
	• Government Authorities	B	R1
	• Employees	B	C1
	• Community	B	C2
Customers	• Equitable shareholder treatment	C	C3
	• Product and service offerings	A	P1
	• Customer and after-sale service	B	P2
Business Partners	• Environmental protection	C	EN
	• Financial strength	A	E4
	• Compliance	B	C4
	• Anti-corruption	B	C5
	• Market development	B	C6
	• Customer and after-sale service	B	P2
Government Authorities	• Statutory obligations	A	E5
	• Compliance	B	C4
	• Information disclosure	B	R1
Employees	• Salary and employment benefits	A	L1
	• Employee health and workplace safety	A	L2
	• Training and development	B	L3
	• Non-discrimination	B	H1
Community	• Human rights	C	H2
	• Equal opportunity	B	H3
	• Freedom of association and collective bargaining	C	H4
	• Internal communications	C	R2
Community	• Corporate social responsibility	B	S1
	• Workforce development	C	S2

# Our Businesses

## 1. Products and Services

The main products and services of REE include: mechanical and electrical engineering (M&E), Reetech air-conditioning products and office leasing.

### Mechanical and Electrical Engineering (M&E)

REE M&E is a leading mechanical and electrical engineering contractor in Vietnam with project experience in infrastructure, commercial and industrial engineering works. With more than 30 years of experience, REE M&E provides customers with M&E systems that can best meet requirements of their projects and also services in consulting, design, procurement, installation, testing & commissioning, maintenance to meet strict demands in technical requirements, quality assurance and completion schedule.

Main M&E systems:

- ▶ MVAC system
- ▶ Plumbing, drainage & sanitary system
- ▶ Fire protection system
- ▶ Electrical system
- ▶ ELV & BMS system

REE M&E has implemented hundreds of projects nationwide, some of which are landmark projects in Vietnam such as National Convention Center, National Assembly House, Terminal 2 of the Noi Bai International Airport, Tan Son Nhat International Airport, Vietnam Television Center, Pullman Saigon Centre, Sheraton Hotel Danang, Vietcombank Tower, Deutsches Haus etc.

### Reetech Air-Conditioning Products

REE Industries is a producer of air-conditioning products known for the Reetech brand among the customers with its consumer and commercial products. With European-technology manufacturing facilities, experienced and strong sales team and nationwide distribution network and warranty, maintenance service system, Reetech provides the best benefits and trust to customers.

Main Reetech products:

- ▶ Consumer and commercial air conditioners with capacity up to 320,000BTU/h
- ▶ RMV system with constant capacity adjustment in accordance with the most advance digital principle
- ▶ AHU, FCU and PAU
- ▶ Replacement components for machinery and air conditioning systems
- ▶ Switchboard, MSB, ATS, DB, MMC
- ▶ Air diffusers and air ducts

Reetech adopts energy rating labeling on its air-conditioning products in order to help customers identify and make well-informed choices in energy saving products.

### Office Leasing

REE Property is an office property marketing and management company with a total lease office area of more than 130,000m<sup>2</sup> under management. REE's real estate development and management has been growing; our office buildings were properly constructed and well managed.

- ▶ IDC Building:  
163 Hai Ba Trung Street, Ward 6, District 3, HCMC
- ▶ Maison Building:  
180 Pasteur Street, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC
- ▶ Reecorp Building:  
366 Nguyen Trai Street, District 5, HCMC
- ▶ e.town Campus:  
364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, HCMC
- ▶ REE Tower:  
9 Doan Van Bo Street, District 4, HCMC
- ▶ e.tower Central:  
11 Doan Van Bo Street, District 4, HCMC

In order to build our customers' trust, safety and satisfaction at the highest level in quality services at our office buildings, REE Property has been investing in modern equipment, training professional staff and managing officers to ensure that all services of our office buildings are ready to be provided in the best conditions. Facilities in the building include:

- ▶ Conference room equipped with video-teleconference
- ▶ Stable power system, 100% power backup
- ▶ Healthy and safe working environment, modern fire protection system, swimming pool, gym, cafeteria, etc.
- ▶ 24/7 security service
- ▶ Parking for cars and motorbikes managed by magnetic cards
- ▶ High-speed internet connection supplied by service providers.

### Environmental-friendly Policy

REE abides by its environmental-friendly policies and application of advanced technologies in each Group's business to reduce greenhouse effect and protect the environment.

Applying ISO 9001:2008 standard and being a member of Vietnam Green Building Council, REE M&E ensures that construction works meet the highest demands in technical requirements while minimize negative impacts on the environment and human health. REE M&E also applies Building Information Model (BIM) and REVIT 3D toward optimization of construction execution. In addition, REE M&E continues to provide consulting to our customers toward the design, construction and operation of intelligent buildings with energy efficiency and environmental-friendly materials.

In the mechanical and electrical appliances business, Reetech installs environmental-friendly R410A and R32 gases in its air-conditioners, applies inverter technology in its inverter products and regularly launches discount programs to encourage the use of such products.

Office leasing business applies environmental-friendly technologies in the construction and operation of energy-efficient and 'smart' buildings. e.town Central office building is an example; it is to be qualified for LEED Gold under certification by U.S. Green Building Council (USGBC) upon completion after meeting criteria in energy reduction by 20% - 30%, water savings by 35% - 50%, CO<sub>2</sub> reduction and in the use of environmental-friendly construction materials.

# Our Businesses (cont.)

## 2. Economic Performance

### Direct/Indirect Economic Interests

Performance results of Group businesses add to shareholders' value, make contributions to state budgets and help achieve corporate social and environmental responsibilities under the Group's sustainable development framework.

In 2017, we paid full-year dividend for 2016 at 16% on charter capital, in cash which was equivalent to VND 496 billion. In accordance with the Resolution of Annual General Meeting (AGM), the dividend for 2017 is to be recommended by the Board of Directors (BOD) at a rate not lower than 10% of the charter capital. The BOD proposed full-year dividend for 2017 to be paid to shareholders at 16% on charter capital.

The Group's businesses also generated indirect economic interests via investments in the power and water infrastructure sectors. REE now owns 696 MW in equity-adjusted generation capacity at seven hydro power plants and two thermal power plants throughout Vietnam and has 446,200m<sup>3</sup>/day in total equity-adjusted water production capacity at four water treatment plants located in Ho Chi Minh City and Ha Noi. In addition, REE invested in a power distribution company in Tra Vinh Province and also made downstream water investment in distribution areas such as Thu Duc, Nha Be and Gia Dinh in Ho Chi Minh City.

### Business Results

	2017	2016	Change
	VND billion	VND billion	%
Revenue	4,995	3,659	+36.5
Profit after Tax	1,377	1,093	+26.0
Total Assets	14,295	11,397	+25.4
Owners' Equity	8,034	7,156	+12.3
	VND	VND	%
Earning per Share	4,441	3,526	+26.0
Full-year Dividend (%)	16	16	0
Book Value per Share	25,913	23,080	+12.3
P/E (times)	9.3	7.0	+33.7
	times	times	%
Current Ratio	1.9	1.6	+23.3
Quick ration	1.4	1.1	+26.6
	%	%	%
Debt/Total Assets	39.2	32.3	+6.9
Debt/Equity	64.4	47.6	+16.8
Equity/Total Assets	60.8	67.7	-6.9
ROS (Return on Net Sales)	30.5	32.1	-1.6
ROA (Return on Assets)	11.9	11.2	+0.7
ROE (Return on Equity)	18.1	16.2	+1.9

## 3. Business Management

### Corporate Governance

The Group's corporate governance relies on a combination of General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Inspection Committee, Group Management, Internal Audit Committee and the risk control procedures put in place within the context of the relevant laws and regulations applicable to the Group.

In 2017, REE has complied with corporate governance regulations; adequately and timely implemented information disclosure of business activities to shareholders, government authorities and stakeholders on the basis of transparency, accuracy and timeliness. Besides, REE has also applied measures to improve the governance performance, specifically as follows:

- Managing the Company's operations adopting best practices in management to ensure the benefits and assure equitable treatment among shareholders.
- Non-executive and independent members of the Board of Directors undertake the roles on the Remuneration Committee and Internal Audit Committee and hold separately scheduled meetings in order to support the independence and integrity.
- Fighting corruption and enhancing transparency in the selection of suppliers and contractors.

### Law and Regulation Compliance

The Group manages business operations based on compliance with applicable laws and regulations. REE always requires business unit heads and all employees to strictly abide by the Company's regulations and laws.

In 2017, there were no penalties or non-monetary penalties for failing to comply with the laws and regulations.

### Ethics and Integrity

Upholding integrity is an important criterion in REE's Quality Assurance. The Company's internal policies and regulations require all employees to adhere to the highest standards of integrity and transparency in their relationships with colleagues, customers, partners, suppliers and communities. In addition, the Company also sends its recommendation to comply with REE's transparency policies to suppliers to prevent acts of corruption, fraud or bribery.

In 2017, there is no breach of policies and regulations regarding integrity and transparency of the Company.

### Market Development

One of the key targets in REE's sustainable development strategy is market development with the following specific contents:

- In mechanical and electrical engineering services, REE M&E is proactive in partnering with construction companies to deliver customers a comprehensive EPC solution (Engineering - Procurement - Construction) for their projects; and expanding our M&E capabilities in the infrastructure sectors which REE has been investing, managing and operating over the years.
- The mechanical and electrical appliances business Reetech continues to focus on the mechanical products broaden its customer with new factories in Da Nang, Cam Ranh. In retail, Reetech will launch new models of freezers and air conditioners under the new brand Yamato. Reetech established a distribution partnership in Myanmar to step up its exporting in the future.
- Office leasing business: Being on the lookout for new projects to expand the office portfolio. A multi-phase expansion of 30,000m<sup>2</sup> to 50,000m<sup>2</sup> in GFA at e.town Cong Hoa office campus is under planning.

## 4. Information Channels

Information channels play an important role between REE and its stakeholders. Effective information channels will maintain two-way communication and ensure that REE is receiving all feedbacks and interests from stakeholders; thereby enhancing the accuracy of assessment on economic, environmental and social impacts related to the Group businesses as well as their influences to the stakeholders.

Awareness of the importance of receiving and responding to information, REE abides by the information disclosures requirements, develop information channels and facilitate stakeholders' access to its published information via websites of Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE), State Securities Commission (SSC) and the company at: [www.reecorp.com](http://www.reecorp.com).

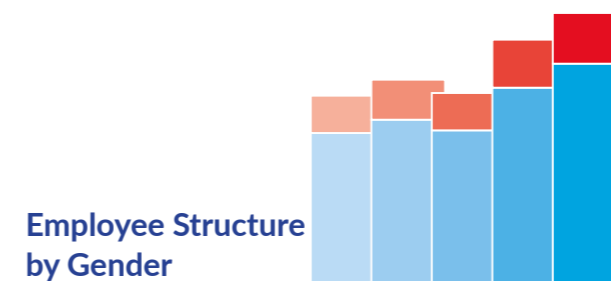
REE is also focused on building relations with shareholders and investors, customers and business partners on the basis of a timely, transparent and frequent approach toward information disclosure about the company. REE is engaged in conducting meetings and dialogues with stakeholders, holding and participating in conferences, fairs and exhibitions.

## 1. Workforce Statistics

The total number of employees signing labor contracts with REE as of 31 December 2017 was 1,736 – an increase of 10.3% over 2016. The number of employees increased by 367 and decreased by 205 during the year. The decrease was at Group's businesses as there were employees the businesses decided to discontinue their labor contracts or employees voluntarily decided not to continue their employments after conclusion of major projects.

In 2017, there was no significant change in employee structure of REE. The percentage of male and female; which was 82% and 18% respectively; was in line with Group business characteristics of refrigeration and electrical engineering, real estate and power & water utility infrastructures.

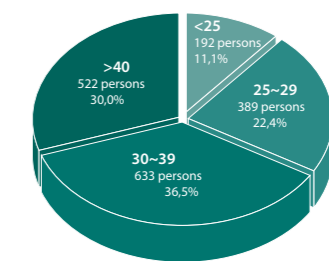
In 2017, REE increased employees' salary with a Group average raise of 9.5%



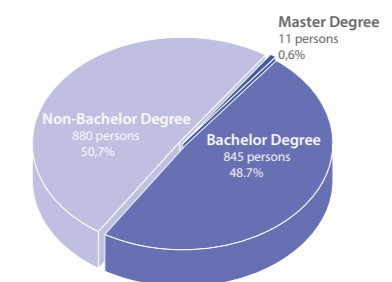
Year		2013	2014	2015	2016	2017
Male		1015	1093	1018	1279	1422
Female		224	241	238	295	314
Total		1239	1334	1256	1574	1736
Male labour ratio		82%	82%	81%	81%	82%
Female labour ratio		18%	18%	19%	19%	18%



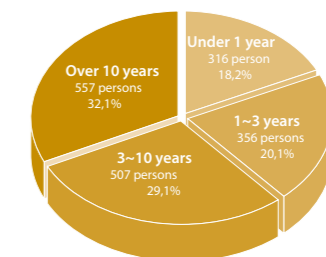
Year		2013	2014	2015	2016	2017
REE M&E		533	573	498	595	734
Reetech		286	345	327	325	365
Real Estate		285	250	256	298	281
Power		0	133	140	322	323
REE Corporation		35	33	35	34	33
Total		1139	1334	1256	1574	1736



Employee Structure by Age



Employee Structure by Qualifications



Employee Structure by Seniority

# Our People (cont.)

## 2. Developing Our People

REE is focused on developing and retaining our people across all the businesses we operate in through policies to foster working environment and benefits for employees and programs to identify and develop talents.

### Working Environment

REE always creates a friendly working environment, encourages and respects independent and creative ideas contributed by our employees toward the development of the Group. REE is also focused on fair and timely recognition and rewarding programs to combine our employees' working effectiveness with the development strategy of the Group.

REE develops compensation and reward policies on the basis of fairness and transparency, to be commensurate with employee capability and work performance and consistent with the labor market. Compensation structure of REE is as follows:

- ▶ Base salary (12 months);
- ▶ A 13<sup>th</sup>-month salary paid on occasion of the Lunar New Year;
- ▶ Allowances for meals, travelling, communication, business trips and compensation for multiple duties;
- ▶ Welfare such as social insurance, health insurance, unemployment insurance; and
- ▶ Bonus based on employee's performance and work achievements.

In addition, employees are entitled to welfare benefits including:

- ▶ 24/24 accident insurance;
- ▶ Annual health check-up at established hospitals and clinics; and
- ▶ Annual summer vacations.

These compensation, bonus and welfare policies are applied to all employees of the Group, except for seasonal workers.

In relation to occupational health and safety, REE strives to improve working environment and safety conditions for all employees, and complies with the regulations on labor protection, health protection for employees and environmental protection for the community. Health and safety policies are as follows:

- ▶ Announcement, guidance and training safety measures;
- ▶ Providing our employees with protective clothing and equipment;
- ▶ Annual health check-up;
- ▶ Establishment of labor protection committees at each M&E construction site and production workshops;
- ▶ Preventing and eliminating risks to life and health of employees;
- ▶ Do not allow employees who are not adequately trained in necessary skills to do dangerous works; and
- ▶ Do not employ females who are pregnant or nursing baby under 12 months old to work at night or overtime; do not employ female workers for heavy, hazardous or dangerous work.

### Training and Development

REE recognizes people as the greatest asset of any business and provides our people with training and development programs for further growth of their capability and contribution to the Group. Regular development workshops were conducted for mid-level managers in various areas such as finance, operation and marketing to introduce a complete knowledge base for a thorough understanding of different aspects of each Group business. The Group also has a program to identify and develop talents through the rotation of their assignments with various corporate functions and to build up

their potential for leadership roles across Group businesses.

In 2017, the Group held 19 internal workshops and sent its staff to attend 77 local and international training courses. The total number of employees attending training during the year was 895 persons, details are as follows:

- ▶ Total training hours for employees: 16,863 hours
- ▶ Average training hours per employee: 18.84 hours per person

	Number of training participants (persons)	Total training hours (hours)	Average training hours (hours/person)
Managers	173	3,363	19.44
Staff	722	13,500	18.70
<b>Total</b>	<b>895</b>	<b>16,863</b>	<b>18.84</b>
Female	167	3,417	20.46
Male	728	13,446	18.47
<b>Total</b>	<b>895</b>	<b>16,863</b>	<b>18.84</b>





In addition to business development objectives, REE affirms its corporate social responsibility to provide compassionate and financial support to our community.

In education, REE especially cares about young generation development. In recent years, REE has cooperated with Tan Binh District's Department of Education and Binh Thanh District's Association for Promoting Education to award scholarships to local students. REE continues to finance the long-term Vu A Dinh Scholarship Fund and Vina Capital Foundation to support ethnic minority girls and children on islands of Vietnam in 2 programs "Future Germination" and "Setting a path to the Future".

Wishing to bring opportunities to students for study and skill improvement, REE has given technical books to vocational schools. REE has funded and built many elementary schools in remote and isolated areas. This year, REE has sponsored two classrooms in Ban La - Sinh Long Elementary school, Tuyen Quang province to provide students with a stable learning environment. In addition,

REE and Saigon Children's Charity have built schools and developed educational programs for students.

In the relief work after natural disasters such as the recent floods in the districts of Bac Tra My, South Tra My... in Quang Nam Province, REE cooperated with the Military Command of Quang Nam province, Vietnam Children Sponsorship Association and Ho Chi Minh City Children Sponsorship Association in providing gifts and construction expenses to rebuild houses for the poor, families with loss of relatives, loss of housing.

In environment, REE participates in the project conserving primates in Vietnam which are threatened with extinction because we wish to contribute to the preservation of nature, the protection of national heritages and environmental protection.

Furthermore, REE have also supported poor and under-privileged people through activities such as our contribution to the Fund for the Poor and the Gratitude Fund.



REE and Vu A Dinh Fund awarding to scholarship to Ethnic minority girls and islands of Viet Nam in 2 programs "Future germination" and "Brighter path"



REE scholarship awarding to students of Tan Binh District for school year 2017 - 2018

	2017	
	VND million	%
School building & Education programs	1,787.50	39
Schoolships	1,100.00	24
Technical books for vocational schools	93.43	2
Donation for A Brighter Path	542.03	12
Contribution to Fund for the poor & Gratitude Fund	60.00	1
Son Tra Nature Reserve - Vietnam's Primate Conservation Fund	520.00	11
Disaster Prevention Fund (to assist people with house damage)	500.00	11
<b>Total</b>	<b>4,602.96</b>	<b>100</b>

REE keeps track of monthly power, fuel and water consumption for better control of energy and water consumption in our Group's business activities.

Data recording for energy and water consumption in REE Group is measured at the following locations:

- ▶ **Headquarters of REE:** 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
- ▶ **e.town Campus** where head offices of our subsidiaries including REE M&E, Reetech, REE Property, REE Land are located: 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
- ▶ **IDC Building:** 163 Hai Ba Trung Street, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City
- ▶ **Maison Building:** 180 Pasteur Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City
- ▶ **REE Tower:** 9 Doan Van Bo Street, District 4, Ho Chi Minh City

## 1. Energy consumption

Total power consumption of the Group in 2017 was 9,809,220 kWh, equivalent to 35,313.19 GJ. The main source of power consumption was office leasing business, mostly came from air conditioning system and public lighting system. The details of power consumption of Group businesses are as follows:

	2017		2016	
	kWh	GJ	kWh	GJ
REE Corporation	94,510	340.24	94,965	341.87
REE M&E	309,404	1,113.85	305,977	1,101.52
Reetech	101,934	366.96	122,075	439.47
REE Land	11,232	40.44	10,263	36.95
REE Property	9,292,140	33,451.70	10,013,415	36,048.29
<b>Total</b>	<b>9,809,220</b>	<b>35,313.19</b>	<b>10,546,695</b>	<b>37,968.10</b>

In 2017, the total amount of diesel oil consumed for generator operation to ensure 100% power backup in our office buildings was 25,785 liters, equivalent to 955.42 GJ, details are as follows:

	2017		2016	
	litter	GJ	litter	GJ
e.town 1-3-4	15,530	575.44	13,300	492.81
e.town 2	6,055	224.36	5,000	185.27
IDC	-	-	3,606	133.61
Maison Pasteur	170	6.30	3,551	131.58
REE Tower	4,030	149.32	7,360	272.71
<b>Total</b>	<b>25,785</b>	<b>955.42</b>	<b>32,817</b>	<b>1,215.97</b>

# Our Environment (cont.)

## 1. Energy Consumption (cont.)

The total energy consumption of REE in 2017 was 36,268 GJ – a decrease of 7.4% over 39,184 GJ in 2016.

	2017	2016	Change (%)
Diesel Oil (litter)	25,785	32,817	
Energy consumption (GJ)	955	1,216	-27.3
Power (kWh)	9,809,220	10,546,695	
Energy consumption (GJ)	35,313	37,968	-7.5
<b>Total Energy Consumption(GJ)</b>	<b>36,268</b>	<b>39,184</b>	<b>-7.4</b>

### Solutions for efficient energy consumption to reduce greenhouse effect:

Energy consumption systems	Effective energy consumption solutions
Air-conditioning systems (consuming 40-60% of power)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Periodical maintenance of facilities and equipment</li> <li>Advise to keep room temperature at 25-27°C</li> <li>Shutdown by office area sectors after working hours</li> <li>New office buildings: heat-resistant tempered glass, variable-speed centrifugal chiller control system which automatically adjusts power consumption of air-conditioning systems throughout the building</li> </ul>
Lighting systems (consuming 20-25% of power)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Replace inefficient lighting system (filament light bulbs, fluorescent lamps with magnetic ballasts) by energy saving lighting system (compact fluorescent lamp with electric ballast, light-emitting diode LED)</li> <li>Automatic outdoor lighting system (at specific time, at specific natural light levels)</li> <li>Power supply shutdown by office area sectors after working hours</li> <li>New office buildings use temperature sensor-controlled system which automatically switches lights on/off according to user needs</li> </ul>

### Energy saving initiatives:

- In office leasing business, e.town Central office building will be qualified for LEED Gold under certification by U.S. Green Building Council (USGBC) upon completion after meeting criteria in energy reduction by 20%~30%, water savings by 35%~50%, CO<sub>2</sub> reduction and in the use of environmental-friendly construction materials.
- In power and water utility infrastructures, REE, its subsidiaries and associates continue to invest in renewable energy such as wind power and solar power. The 24-MW Phu Lac I wind farm at Binh Thuan province came into operation in September 2016, Commercial output in 2017 was 64.7 million kWh.

## 2. Water Consumption

In 2017, total water consumption of the Group was 191,909 m<sup>3</sup> – a decrease of 8% over 2016. The main user of water was office leasing business, mainly for public facilities and air-conditioning system cooling.

### Water Consumption by Source:

	2017 (m <sup>3</sup> )	2016 (m <sup>3</sup> )	Change (%)
Wells	39,398	46,359	-15
Water Supply Companies	152,511	161,272	-5
<b>Total Water Consumption</b>	<b>191,909</b>	<b>207,631</b>	<b>-8</b>
Total Volume of Water Recycled and Reused	-	-	-

### Water Consumption by Group Businesses:

	2017 (m <sup>3</sup> )	2016 (m <sup>3</sup> )	Change (%)
REE Corporation	629	626	0
REE M&E	3,212	3,194	+1
Reetech	1,258	1,251	+1
REE Land	157	156	+1
REE Property	186,653	202,405	-8
<b>Total</b>	<b>191,909</b>	<b>207,631</b>	<b>-8</b>

## 3. Compliance

In 2017, REE has no penalties or non-monetary sanctions for failing to comply with environmental laws and regulations.

# Gri-G4 Disclosures & Content Index

GENERAL STANDARD DISCLOSURES				
GRI Index	Description	Reference Section	Page	Reason for Omission
<b>1 Strategy and Analysis</b>				
G4-1	Statement from the most senior decision-maker of the organization	SR - Sustainability Statement by the Chairwoman	204	
<b>2 Organizational Profile</b>				
G4-3	Name of the organization	SR - General Information	206	
G4-4	Primary brands, products and services	SR - General Information	206	
G4-5	Location of the organization's headquarters	SR - General Information	206	
G4-6	The number of countries where the organization operates and names of countries where either the organization has significant operations or that are specifically relevant to the sustainability topics covered in the report	SR - General Information	206	
G4-7	The nature of ownership and legal form	SR - General Information	206	
G4-8	The markets served (including geographic breakdown, sectors served, and types of customers and beneficiaries)	SR - General Information	206	
G4-9	The scale of the organization	AR - Group Structure	155	
G4-10	The organization's workforce statistics	SR - Workforce Statistics	217	
G4-11	The percentage of total employees covered by collective bargaining agreements	100%		
G4-12	Description of the organization's supply chain	SR - Products and Services	212	
G4-13	Significant changes during the reporting period regarding the organization's size, structure, ownership, or its supply chain	SR - Scope of the Report	206	
G4-14	Report whether and how the precautionary approach or principle is addressed by the organization	AR - Risk Management	163	
G4-15	List externally developed economic, environmental and social charters, principles, or other initiatives which the organization endorses	ISO 9001:2008, Enterprise Resource Planning (ERP)		
G4-16	List memberships of associations	SR - General Information	206	
<b>3 Identified Material Aspects and Boundaries</b>				
G4-17	List all entities included in the organization's consolidated financial statements Report whether any entity included in the organization's consolidated financial statements is not covered by the report	AR - Group Structure SR - Scope of the Report	155 206	
G4-18	Explain the process for defining the report content and the aspect boundaries	SR - Key Aspects	210	
G4-19	List all the material aspects identified in the process for defining report content	SR - Key Aspects	210	

GENERAL STANDARD DISCLOSURES				
GRI Index	Description	Reference Section	Page	Reason for Omission
G4-20	For each material aspect, report the aspect boundary within the organization	SR - Key Aspects	210	
G4-21	For each material aspect, report the aspect boundary outside the organization	SR - Key Aspects	210	
G4-22	Report the effect of any restatements of information provided in previous reports, and the reasons for such restatements			No material restatements
G4-23	Significant changes from previous reporting periods in the scope and aspect boundaries			No significant changes
<b>4 Stakeholder Engagement</b>				
G4-24	List of stakeholder groups engaged by the organization	SR - Stakeholder Engagement	203	
G4-25	The basis for identification and selection of stakeholders with whom to engage	SR - Stakeholder Engagement	203	
G4-26	The organization's approach to stakeholder engagement	SR - Stakeholder Engagement	203	
G4-27	Key topics and concerns that have been raised through stakeholder engagement, and how the organization has responded to those key topics and concerns, including through its reporting Report the stakeholder groups that raised each of the key topics and concerns	SR - Priority Matrix	211	
<b>5 Report Profile</b>				
G4-28	Reporting period	SR - Scope of the Report	206	
G4-29	Date of most recent previous report	SR - Scope of the Report	206	
G4-30	Reporting cycle	SR - Scope of the Report	206	
G4-31	The contact point for questions regarding the report or its contents	SR - Contact		
G4-32	The reporting option the organization has chosen	SR - Scope of the Report	206	
G4-33	The organization's policy and current practice with regard to seeking external assurance for the report	SR - Report's Information Assurance		
<b>6 Governance</b>				
G4-34	Governance structure of the organization, including committees of the highest governance body	AR - Corporate Governance Overview	192	
<b>7 Ethics and Integrity</b>				
G4-56	The organization's values, principles, standards and norms of behavior such as codes of conduct and codes of ethics	SR - Business Management	215	

# Gri-G4 Disclosures & Content Index (cont.)

SPECIFIC STANDARD DISCLOSURES				
GRI Index	Description	Reference Section	Page	Reason for Omission
<b>1</b>	<b>Economic</b>			
1.1	Economic performance			
G4-EC1	Direct economic value generated and distributed	SR - Direct/Indirect Economic Interests	214	
G4-EC3	Coverage of the organization's defined benefit plan obligations	SR - Direct/Indirect Economic Interests	214	
1.2	Indirect economic impacts			
G4-EC7	Development and impact of infrastructure investments and services supported	SR - Direct/Indirect Economic Interests	214	
<b>2</b>	<b>Environmental</b>			
<b>2.1</b>	<b>Energy</b>			
G4-EN3	Energy consumption within the organization	SR - Our Environment	221	
G4-EN6	Reduction of energy consumption	SR - Our Environment	221	
G4-EN7	Reductions in energy requirements of products and services	SR - Environmental-friendly Policy	213	
<b>2.2</b>	<b>Water</b>			
G4-EN8	Total water withdrawal by source	SR - Our Environment	221	
G4-EN10	Percentage and total volume of water recycled and reused	0%		
<b>2.3</b>	<b>Compliance</b>			
G4-EN29	Monetary value of significant fines and total number of non-monetary sanctions for non-compliance with environmental laws and regulations	SR - Our Environment	221	
<b>3</b>	<b>Social</b>			
<b>3.1</b>	<b>Labor practices and decent work</b>			
3.1.1	Employment			
G4-LA1	Total number and rates of new employee hires and employee turnover by age group, gender, and region	SR - Workforce Statistics	217	
G4-LA2	Benefits provided to full-time employees that are not provided to temporary or part-time employees, by significant locations of operation	SR - Working Environment	218	
3.1.2	Occupational health and safety			
G4-LA8	Health and safety topics covered in formal agreements with trade unions	SR - Working Environment	218	
3.1.3	Training and education			
G4-LA9	Average hours of training per year per employee by gender, and by employee category	SR - Training and Development	219	
G4-LA10	Programs for skills management and lifelong learning that support the continued employability of employees and assist them in managing career endings	SR - Training and Development	219	
3.1.4	Diversity and equal opportunity			
G4-LA12	Composition of governance bodies and breakdown of employees per employee category according to gender, age group, minority group membership, and other indicators of diversity	SR - Workforce Statistics	217	
<b>3.2</b>	<b>Human rights</b>			

SPECIFIC STANDARD DISCLOSURES				
GRI Index	Description	Reference Section	Page	Reason for Omission
G4-HR3	Total number of incidents of discrimination and corrective actions taken	SR - Working Environment	218	No incidents of discrimination reported
G4-HR7	Percentage of security personnel trained in the organization's human rights policies or procedures that are relevant to operations	100%		
<b>3.3</b>	<b>Society</b>			
3.3.1	Local communities			
G4-SO1	Percentage of operations with implemented local community engagement, impact assessments, and development programs	SR - Corporate Social Responsibility	220	
G4-SO2	Operations with significant actual or potential negative impacts on local communities	SR - Corporate Social Responsibility	220	No negative impacts
3.3.2	Anti-corruption			
G4-SO3	Total number and percentage of operations assessed for risks related to corruption and the significant risks identified	SR - Business Management	215	
G4-SO4	Communication and training on anti-corruption policies and procedures	SR - Business Management	215	
3.3.3	Compliance			
G4-SO8	Monetary value of significant fines and total number of non-monetary sanctions for non-compliance with laws and regulations	SR - Business Management	215	No case was found
<b>3.4</b>	<b>Product Responsibility</b>			
3.4.1	Product and service labeling			
G4-PR3	Type of product and service information required by the organization's procedures for product and service information and labeling, and percentage of significant product and service categories subject to such information requirements	SR - Products and Services	212	
G4-PR4	Total number of incidents of non-compliance with regulations and voluntary codes concerning product and service information and labeling, by type of outcomes	SR - Products and Services	212	No case was found
3.4.2	Customer privacy			
G4-PR8	Total number of substantiated complaints regarding breaches of customer privacy and losses of customer data			No case was found
3.4.3	Compliance			
G4-PR9	Monetary value of significant fines for non-compliance with laws and regulations concerning the provision and use of products and services	SR - Business Management	215	No case was found



## Audited Financial Statements

General Information	230
Report of Management	231
Independent Auditor's Report	232
Consolidated Balance Sheet	234
Consolidated Income Statement	236
Consolidated Cash Flow Statement	237
Notes to the Consolidated Financial Statements	239

## General Information

### THE COMPANY

Refrigeration Electrical Engineering Corporation (“the Company”) is a joint stock company established under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate № 1506/GP-UB dated 25 December 1993 issued by the People’s Committee of Ho Chi Minh City and the latest amended Business Registration Certificate № 0300741143 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 3 June 2016.

The Company’s share is listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with the License № 01/GPPH issued by the State Securities Commission on 2 June 2000.

The current principal activities of the Company and its subsidiaries (“the Group”) are mechanical and electrical engineering services (M&E), manufacturing, assembling and sales of air-conditioner systems, real estate development and management, produce, transmit and distribute electricity, and strategic financial investments in infrastructure related sector.

The Company’s registered head office is located at 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

### BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Madam Nguyen Thi Mai Thanh	Chairwoman
Mr David Alexander Newbigging	Deputy Chairman
Mr Nguyen Ngoc Thai Binh	Member
Mr Dang Hong Tan	Member
Ms Dinh Thi Hoa	Member

### BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Madam Do Thi Trang	Head
Ms Nguyen Thi Huong Giang	Member

### MANAGEMENT

Members of the Management during the year and at the date of this report are:

Madam Nguyen Thi Mai Thanh	General Director	
Mr Huynh Thanh Hai	Deputy General Director	
Mr Pham Quoc Thang	Deputy General Director	
Mr Quach Vinh Binh	Deputy General Director	resigned on 1 July 2017

### LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Madam Nguyen Thi Mai Thanh.

### AUDITORS

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

## Report of Management

Management of Refrigeration Electrical Engineering Corporation (“the Company”) is pleased to present this report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries (“the Group”) for the year ended 31 December 2017.

### Management’s Responsibility in Respect of The Consolidated Financial Statements

Management is responsible for the consolidated financial statements of the Group which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

### Statement by Management

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2017 and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

For and on behalf of the management:



Nguyen Thi Mai Thanh - General Director  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
9 March 2018

Reference: 60752771/19355558-HN

## INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: The Shareholders and the Board of Directors of Refrigeration Electrical Engineering Corporation**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Refrigeration Electrical Engineering Corporation ("the Company") and its subsidiaries (collectively referred to as the "Group") as prepared on 9 March 2018 and set out on pages 234 to 279, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2017, and the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

### Management's responsibility

The Company's management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

## Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2017, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



Le Vu Trung  
Deputy General Director  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1588-2018-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

9 March 2018



Nguyen Thanh Sang  
Auditor  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1541-2018-004-1

## Consolidated Balance Sheet

as at 31 December 2017

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
			VND	
<b>100</b>	<b>A. CURRENT ASSETS</b>		<b>5,651,352,047,837</b>	<b>4,105,229,855,343</b>
<b>110</b>	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>5</b>	<b>2,397,186,656,336</b>	<b>960,027,120,496</b>
111	1. Cash		235,013,293,004	234,294,781,676
112	2. Cash equivalents		2,162,173,363,332	725,732,338,820
<b>120</b>	<b>II. Short-term investments</b>	<b>14</b>	<b>516,561,743,653</b>	<b>749,169,998,917</b>
121	1. Held-for-trading securities		37,145,694,293	177,729,007,570
122	2. Provision for diminution in value of held-for-trading securities		(8,414,878,081)	(84,395,028,952)
123	3. Held-to-maturity investments		487,830,927,441	655,836,020,299
<b>130</b>	<b>III. Current accounts receivable</b>		<b>1,130,676,903,999</b>	<b>1,148,403,790,279</b>
131	1. Short-term trade receivables	6	787,561,053,987	630,344,198,317
132	2. Short-term advances to suppliers	7	172,646,944,254	252,254,783,186
134	3. Construction contract receivables based on agreed progress billings	6	124,561,907,286	215,375,166,605
136	4. Other short-term receivables	8	116,848,326,532	117,461,604,628
137	5. Provision for doubtful short-term receivables	6, 7	(70,941,328,060)	(67,031,962,457)
<b>140</b>	<b>IV. Inventories</b>	<b>9</b>	<b>1,555,629,874,625</b>	<b>1,230,323,799,872</b>
141	1. Inventories		1,580,982,461,238	1,256,874,302,396
149	2. Provision for obsolete inventories		(25,352,586,613)	(26,550,502,524)
<b>150</b>	<b>V. Other current assets</b>		<b>51,296,869,224</b>	<b>17,305,145,779</b>
151	1. Short-term prepaid expenses		3,083,279,377	4,300,544,849
152	2. Value-added tax deductible		30,575,922,064	12,022,479,231
153	3. Tax and other receivables from the State	18	17,637,667,783	982,121,699
<b>200</b>	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>8,643,315,301,095</b>	<b>7,291,405,321,230</b>
<b>210</b>	<b>I. Long-term receivables</b>		<b>36,128,142,823</b>	<b>36,953,263,496</b>
211	Long-term trade receivables		1,661,963,366	2,801,963,714
216	2. Other long-term receivables	8	34,466,179,457	34,151,299,782
<b>220</b>	<b>II. Fixed assets</b>		<b>492,274,382,836</b>	<b>528,638,925,974</b>
221	1. Tangible fixed assets	10	460,547,499,283	495,558,428,359
222	Cost		1,660,573,790,435	1,642,111,287,189
223	Accumulated depreciation		(1,200,026,291,152)	(1,146,552,858,830)
227	2. Intangible assets	11	31,726,883,553	33,080,497,615
228	Cost		50,052,083,588	49,927,083,588
229	Accumulated amortisation		(18,325,200,035)	(16,846,585,973)
<b>230</b>	<b>III. Investment properties</b>	<b>13</b>	<b>624,011,258,648</b>	<b>673,433,406,527</b>
231	1. Cost		1,140,291,893,165	1,156,269,585,879
232	2. Accumulated depreciation		(516,280,634,517)	(482,836,179,352)
<b>240</b>	<b>IV. Long-term asset in progress</b>		<b>1,127,742,640,481</b>	<b>571,484,578,870</b>
242	1. Construction in progress	12	1,127,742,640,481	571,484,578,870
<b>250</b>	<b>V. Long-term investments</b>	<b>14</b>	<b>6,274,300,677,903</b>	<b>5,377,448,671,155</b>
252	1. Investments in associates		5,386,673,745,900	4,017,019,091,310
253	2. Investments in other entities		1,099,528,485,702	1,437,605,391,646
254	3. Provision for long-term investments		(211,901,553,699)	(77,175,811,801)
<b>260</b>	<b>VI. Other long-term assets</b>		<b>88,858,198,404</b>	<b>103,446,475,208</b>
261	1. Long-term prepaid expenses		55,012,405,147	45,385,172,163
262	2. Deferred tax assets	30.3	31,443,653,277	37,566,749,831
269	3. Goodwill	15	2,402,139,980	20,494,553,214
<b>270</b>	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>14,294,667,348,932</b>	<b>11,396,635,176,573</b>

## Consolidated Balance Sheet (continued)

as at 31 December 2017

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
			VND	
<b>300</b>	<b>C. LIABILITIES</b>		<b>5,601,390,147,595</b>	<b>3,675,493,958,642</b>
<b>310</b>	<b>I. Current liabilities</b>		<b>2,926,952,955,507</b>	<b>2,617,614,139,511</b>
311	1. Short-term trade payables	16	445,707,529,615	405,820,702,928
312	2. Short-term advances from customers	17	1,329,501,182,358	1,169,235,526,184
313	3. Statutory obligations	18	75,865,433,371	84,670,194,930
314	4. Payables to employees		22,938,873,125	27,490,817,907
315	5. Short-term accrued expenses	19	283,145,378,964	238,255,328,396
318	6. Short-term unearned revenues	20	6,600,000,000	472,467,559
319	7. Other short-term payables	21	78,549,123,480	74,840,997,511
320	8. Short-term loans	22	672,101,562,482	594,470,465,413
321	9. Short-term provisions	23	11,557,460,090	20,736,522,934
322	10. Bonus and welfare fund		986,412,022	1,621,115,749
<b>330</b>	<b>II. Non-current liabilities</b>		<b>2,674,437,192,088</b>	<b>1,057,879,819,131</b>
336	1. Long-term unearned revenues	20	215,722,727,273	-
337	2. Other long-term liabilities	21	121,854,136,200	141,415,252,040
338	3. Long-term loans	22	2,308,624,663,112	899,220,584,250
341	4. Deferred tax liabilities	30.3	44,142,167	-
342	5. Long-term provisions	23	28,191,523,336	17,243,982,841
<b>400</b>	<b>D. OWNERS' EQUITY</b>		<b>8,693,277,201,337</b>	<b>7,721,141,217,931</b>
<b>410</b>	<b>I. Capital</b>		<b>8,693,277,201,337</b>	<b>7,721,141,217,931</b>
411	1. Share capital	24.1	3,100,588,410,000	3,100,588,410,000
411a	Shares with voting rights	24.1	3,100,588,410,000	3,100,588,410,000
412	2. Share premium	24.1	1,050,489,310,786	1,050,489,310,786
415	3. Treasury shares	24.1	(83,026,660)	(83,026,660)
417	4. Foreign exchange differences reserve	24.1	1,099,529,635	1,122,846,069
418	5. Investment and development fund	24.1	239,845,570,570	238,118,820,390
421	6. Undistributed earnings	24.1	3,642,395,860,711	2,765,893,850,270
421a	• Undistributed earnings by the end of prior year		2,265,308,468,734	1,672,656,835,783
421b	• Undistributed earnings of the current year		1,377,087,391,977	1,093,237,014,487
429	7. Non-controlling interests	24.4	658,941,546,295	565,011,007,076
<b>440</b>	<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>		<b>14,294,667,348,932</b>	<b>11,396,635,176,573</b>

Pham Thi Uyen Phuong

Preparer

9 March 2018

Ho Tran Dieu Lynh

Chief Accountant



Nguyen Thi Mai Thanh

General Director



# Consolidated Income Statement

for the year ended 31 December 2017

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of services	25.1	4,999,235,436,523	3,663,193,468,551
02	2. Deductions	25.1	(4,062,020,590)	(3,830,862,783)
10	3. Net revenues from sale of goods and rendering of services	25.1	4,995,173,415,933	3,659,362,605,768
11	4. Costs of goods sold and services rendered	26	(3,565,774,555,516)	(2,477,729,281,879)
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		1,429,398,860,417	1,181,633,323,889
21	6. Finance income	25.2	174,539,941,233	176,056,435,309
22	7. Finance expenses	27	(274,779,324,595)	(67,669,374,018)
23	<i>In which: Interest expense</i>		(104,642,480,959)	(60,159,491,918)
24	8. Shares of profit of associates	14.3	718,931,362,177	387,845,081,442
25	9. Selling expenses	28	(94,594,129,849)	(89,024,177,119)
26	10. General and administrative expenses	28	(241,824,868,262)	(220,293,412,913)
30	11. Operating profit		1,711,671,841,121	1,368,547,876,590
31	12. Other income		18,608,033,177	15,277,085,939
32	13. Other expenses		(9,132,886,630)	(8,071,058,967)
40	14. Other profit		9,475,146,547	7,206,026,972
50	15. Accounting profit before tax		1,721,146,987,668	1,375,753,903,562
51	16. Current corporate income tax expense	30.1	(192,154,568,194)	(214,935,033,326)
52	17. Deferred tax (expense) income	30.1	(6,167,238,721)	12,840,333,566
60	18. Net profit after tax		1,522,825,180,753	1,173,659,203,802
61	19. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent		1,377,087,391,977	1,093,237,014,487
62	20. Net profit after tax attributable to non-controlling interests		145,737,788,776	80,422,189,315
70	21. Basic earnings per share	24.5	4,441	3,519
71	22. Diluted earnings per share	24.5	4,441	3,519

**Pham Thi Uyen Phuong**

Preparer

9 March 2018

**Ho Tran Dieu Lynh**

Chief Accountant



**Nguyen Thi Mai Thanh**

General Director

# Consolidated Cash Flow Statement

for the year ended 31 December 2017

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
01	<b>Profit before tax</b>		<b>1,721,146,987,668</b>	<b>1,375,753,903,562</b>
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortisation (including amortisation of goodwill)	10, 11, 13, 15	130,117,592,892	139,556,922,833
03	Provisions (reversal of provisions)		63,225,518,370	(7,712,055,856)
04	Foreign exchange loss arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency		283,085,334	279,701,943
05	Gains from investing activities		(888,644,411,692)	(560,022,215,192)
06	Interest and allocation of bond issuance expenses	27	105,038,480,959	60,159,491,918
08	<b>Operating income before changes in working capital</b>		<b>1,131,167,253,531</b>	<b>1,008,015,749,208</b>
09	(Increase) decrease in receivables		(98,125,315,856)	363,330,491,806
10	Increase in inventories		(324,108,158,842)	(503,435,522,301)
11	Increase in payables		446,401,981,212	93,699,495,376
12	Increase in prepaid expenses		(8,409,967,512)	(37,461,055,996)
13	Decrease (increase) in held-for-trading securities		140,583,313,277	(201,184,114)
14	Interest paid		(77,752,013,548)	(61,588,808,779)
15	Corporate income tax paid		(213,176,973,549)	(174,955,858,960)
17	Other cash outflows for operating activities		(4,334,703,727)	(6,878,773,299)
20	<b>Net cash flows from operating activities</b>		<b>992,245,414,986</b>	<b>680,524,532,941</b>
	<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	Purchase and construction of fixed assets		(584,268,632,523)	(308,556,037,351)
22	Proceeds from disposals of fixed assets		6,140,854,545	1,942,651,903
23	Investments in term deposits		(496,990,474,641)	(872,525,927,146)
24	Proceeds from divestments term deposits		664,995,567,499	522,205,157,790
25	Payments for investment in other entities (net of cash hold by entities being acquired)		(911,286,395,924)	(1,310,081,335,158)
26	Proceeds from divestments in other entities		110,587,344,523	214,407,563,895
27	Interest and dividends received		729,303,869,657	548,279,635,866
30	<b>Net cash flows used in investing activities</b>		<b>(481,517,866,864)</b>	<b>(1,204,328,290,201)</b>

# Consolidated Cash Flow Statement (continued)

for the year ended 31 December 2017

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	VND			
	<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
31	Capital contribution from non-controlling interests		36,495,030,000	-
32	Capital redemption		-	(11,728,344,619)
33	Drawdown of borrowings	22	3,907,006,736,414	2,167,680,325,752
34	Repayment of borrowings	22	(2,420,367,560,483)	(1,797,111,383,439)
36	Dividends paid to equity holders of the parent	24.2	(491,809,672,080)	(266,652,937,470)
36	Dividends paid to non-controlling interests		(105,292,103,299)	(26,711,348,898)
<b>40</b>	<b>Net cash flows from financing activities</b>		<b>926,032,430,552</b>	<b>65,476,311,326</b>
<b>50</b>	<b>Net increase (decrease) in cash and cash equivalents</b>		<b>1,436,759,978,674</b>	<b>(458,327,445,934)</b>
<b>60</b>	<b>Cash and cash equivalents at beginning of year</b>		<b>960,027,120,496</b>	<b>1,419,715,236,964</b>
61	Impact of exchange rate fluctuation		399,557,166	(1,360,670,534)
<b>70</b>	<b>Cash and cash equivalents at the end of year</b>	<b>5</b>	<b>2,397,186,656,336</b>	<b>960,027,120,496</b>

**Pham Thi Uyen Phuong**

Preparer

9 March 2018

**Ho Tran Dieu Lynh**

Chief Accountant

**Nguyen Thi Mai Thanh**

General Director

# Notes to the Consolidated Financial Statements

as at and for the year ended 31 December 2017

## 1. Corporate Information

Refrigeration Electrical Engineering Corporation ("the Company") is a joint stock company established under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate ("BRC") No. 1506/GP-UB dated 25 December 1993 issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City and the latest amended BRC No. 0300741143 issued by the Department of Planning and Investment ("DPI") of Ho Chi Minh City on 3 June 2016.

The Company is listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with the License No. 01/GPPH issued by the State Securities Commission on 2 June 2000.

The current principal activities of the Company and its subsidiaries ("the Group") are mechanical and electrical engineering services (M&E), manufacturing, assembling and sales of air-conditioner systems, real estate development and management, produce, transmit and distribute electricity, and strategic financial investments in infrastructure related sector.

The Company's registered head office is located at 364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the employees of the Group as at 31 December 2017 was 1,736 employees (31 December 2016: 1,574 employees).

## Corporate structure

As at 31 December 2017, the Company's corporate structure includes fifteen (15) subsidiaries. Details are as follows:

Names	Location	Business activities	% of interest
1 R.E.E Real Estate Co., Ltd.	Ho Chi Minh City	Office building management	100.00
2 Transorient Pte. Ltd.	Singapore	Trading and logistics	100.00
3 R.E.E Mechanical and Engineering Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Mechanical and Engineering	99.99
4 R.E.E Electric Appliances Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Electric Appliances	99.99
5 Eastrade International Ltd.	British Virgin Islands	Trading and logistics	99.99
6 Yamato Viet Nam Electric Appliance Company Limited	Ho Chi Minh City	Trading	99.99
7 R.E.E Land Corporation	Ho Chi Minh City	Real estate	99.97
8 Vietnam Clean Water Business and Investment Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	Water supply	99.97
9 Vinh Thinh Corporation	Ho Chi Minh City	Electric Appliances	99.96
10 Song Thanh Real Estate Joint Stock company	Ho Chi Minh City	Real estate	99.96
11 Song Mai Real Estate Joint Stock company	Ho Chi Minh City	Real estate	99.96
12 Tra Vinh Rural Electric Development Joint Stock Company	Tra Vinh Province	Electricity Trading	66.29
13 Thac Ba Hydropower Joint Stock Company	Yen Bai Province	Hydropower	60.42
14 Vietnam Property and Infrastructure Joint Stock Company	Hanoi City	Real estate	50.61
15 Tin Hieu Xanh Trading Services Construction Company Limited	Ho Chi Minh City	Electrical infrastructure	100.00

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 2. Basis of Preparation

### 2.1 Applied accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam Dong (“VND”), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam’s accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the consolidated financial position and consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

### 2.2 Applied accounting documentation system

The Group’s applied accounting documentation system is the Voucher Journal system.

### 2.3 Fiscal year

The Group’s fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

### 2.4 Accounting currency

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Group’s accounting currency.

### 2.5 Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2017.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiaries are prepared for the same reporting year as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses result from intra-company transactions are eliminated in full.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in undistributed earnings.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies

### 3.1 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

### 3.2 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost which comprises all costs of purchase and other direct costs incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value. Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

- |   |   |
|---|---|
| Raw materials, consumables and goods for resale | • cost of purchase on a first-in, first-out basis.  |
| Finished goods and work-in-process              | • cost of direct materials and labour plus attributable overheads based on the normal level of activities on a first-in, first-out basis. |

#### *Provision for obsolete inventories*

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Group, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases and decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement.

#### *Inventory property*

Property acquired or being constructed for sale in the ordinary course of business, rather than to be held for rental or capital appreciation, is held as inventory property and is measured at the lower of cost and net realisable value.

Cost includes:

- ▶ Amounts paid to contractors for construction; and
- ▶ Borrowing costs, planning and design costs, costs of site preparation, professional fees for legal services, property transfer taxes, construction overheads and other related costs

Net realisable value is the estimated selling price in the ordinary course of the business, based on market prices at the reporting date and discounted for the time value of money if material, less costs to completion and the estimated costs of sale.

The cost of inventory property recognised in profit or loss on disposal is determined with reference to the specific costs incurred on the property sold and an allocation of any non-specific costs based on the relative size of the property sold.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.3 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful receivables.

The provision for doubtful receivables represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the consolidated income statement.

### 3.4 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

### 3.5 Leased assets

The determination of whether an arrangement is, or contains a lease is based on the substance of the arrangement at inception date and requires an assessment of whether the fulfilment of the arrangement is dependent on the use of a specific asset and the arrangement conveys a right to use the asset.

#### *Where the Group is the lessor*

Assets subject to operating leases are included as the Group's investment properties in the consolidated balance sheet. Initial direct costs incurred in negotiating an operating lease are recognised in the consolidated income statement as incurred.

Lease income is recognised in the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

#### *Where the Group is the lessee*

Rentals under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

### 3.6 Intangible assets

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible asset for its intended use.

When intangible assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

#### *Land use rights*

The land use rights represents the cost to acquire the rights to use land including:

- The land use rights at the Company is amortised over the remaining useful life of the land of 36 years and three months starting from August 2007; and
- The land use rights at Thac Ba Hydropower Joint Stock Company, the Company's subsidiary, is amortised over the remaining useful life of the land of 50 years starting from January 2004.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.7 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	5 - 50 years
Machinery and equipment	7 years
Motor vehicles	6 years
Office equipment	3 - 5 years
Land use rights	36 - 50 years
Software	3 years
Others	4 years

The useful life of the fixed assets and depreciation and amortisation rates are reviewed periodically to ensure that the method and the year of the depreciation and amortisation are consistent with the expected pattern of economic benefits that will be derived from the use of fixed assets.

### 3.8 Investment properties

Investment properties are buildings or part of a building or both and infrastructure held to earn rentals or for capital appreciation, or both, rather than for use in the production or supply of goods or services; administration purposes or sale in the ordinary course of business.

Investment properties are stated at cost including transaction costs less accumulated depreciation. Investment properties held for capital appreciation are not depreciated but subject to impairment review.

Subsequent expenditure relating to an investment property that has already been recognized is added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

Depreciation of investment properties is calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	5 - 50 years
Machinery and equipment	5 - 10 years

Investment properties are derecognised when either they have been disposed of or when the investment properties are permanently withdrawn from use and no future economic benefit is expected from its disposal. The difference between the net disposal proceeds and the carrying amount of the assets is recognised in the consolidated income statement.

Transfers are made to investment properties when, and only when, there is a change in use, evidenced by ending of owner-occupation, commencement of an operating lease to another party or ending of construction or development. Transfers are made from investment properties when, and only when, there is change in use, evidenced by commencement of owner-occupation or commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the cost or the carrying value of the property for subsequent accounting at the date of change in use.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.9 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of any qualified assets are capitalised during the year of time that is required to complete and prepare the asset for its intended use. Other borrowing costs are recognised in the consolidated income statement when incurred.

### 3.10 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated balance sheet and amortised over the year for which the amounts are paid or the year in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

### 3.11 Business combination and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognised directly in the consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation. Goodwill is amortised over 10-year period on a straight-line basis from acquisition date. The parent company conducts the periodical review for impairment of goodwill of investment in subsidiaries. If there are indicators of impairment loss incurred is higher than the yearly allocated amount of goodwill on the straight-line basis, the higher amount will be recorded in the consolidated income statement.

### 3.12 Investments

#### *Investment in associates*

Investments in associates are accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence and which is neither a subsidiary nor a joint venture. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, investments in associates are carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Company's share of net assets of the associates. Goodwill relating to the associates is included in the carrying amount of the investments. Goodwill is not amortised and subject to annual review for impairment. The consolidated income statement reflects the Group's share of the results of operations of the associate.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.12 Investment (continued)

#### *Investment in associates (continued)*

The share of post-acquisition profit (loss) of the associates is presented on face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividends receivable from associates reduce the carrying amount of the investment.

The financial statements of the associates are prepared for the same reporting period and use the same accounting policies as the Group. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

#### *Held-for-trading securities and investments in other entities*

Held-for-trading securities and investments in other entities are stated at their acquisition costs.

#### *Provision for diminution in value of the held-for-trading securities and other investments*

Provision is made for any diminution in value of the held-for-trading securities and investments in capital of other entities at the balance sheet date in accordance with the guidance under the Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 and the Circular No. 89/2013/TT-BTC dated 28 June 2013 issued by the Ministry of Finance. Increases and decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

#### *Held-to-maturity investments*

Held-to-maturity investments are stated at their acquisition costs. After initial recognition, held-to-maturity investments are measured at recoverable amount. Any impairment loss incurred is recognised as expense in the consolidated income statement and deducted against the value of such investments.

### 3.13 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

### 3.14 Provisions

Provisions are recognised when the Group has a present obligation (legal or constructive) as a result of a past event, it is probable that an outflow of resources embodying economic benefits will be required to settle the obligation and a reliable estimate can be made of the amount of the obligation.

When the Group expects some or all of a provision to be reimbursed, for example under an insurance contract, the reimbursement is recognised as a separate asset but only when the reimbursement is virtually certain. The expense relating to any provision is presented in the consolidated income statement net of any reimbursement.

If the effect of the time value of money is material, provisions are discounted using a current pre tax rate that reflects, where appropriate, the risks specific to the liability. Where discounting is used, the increase in the provision due to the passage of time is recognised as a finance cost.

#### *Installation project warranty*

A provision is recognised for expected warranty claims on installation project completed during the year, based on past experience of the level of repairs. The Group expect that most of these costs will be incurred in the next years a. Assumptions used to calculate the provision for warranties were based on current sales levels and terms of each of contract.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.15 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Group's reporting currency of (VND) are recorded at the actual transaction exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- ▶ Transaction resulting in receivables are recorded at the buying exchange rates of the commercial banks designated for collection;
- ▶ Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rates of the commercial banks designated for payment; and
- ▶ Payments for assets or expenses without liabilities initially being recognised is recorded at the buying exchange rates of the commercial banks that process these payments.

At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual transaction exchange rates at the balance sheet dates which are determined as follows:

- ▶ Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly; and
- ▶ Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly.

All foreign exchange differences incurred during the year and arisen from the translation of monetary accounts denominated in foreign currency at balance sheet date are taken to the consolidated income statement.

The exchange differences arising on the translation for consolidation purpose, all accounts are converted by using the following principles:

- ▶ all assets and liabilities are converted at the closing exchange rate;
- ▶ undistributed earnings are converted with reference to respective items of the income statement;
- ▶ dividends paid are converted at the actual exchange rates available at the dates of payment; and
- ▶ items of income statement and cash flow statement are converted at the average exchange rate of the reporting year.

The exchange differences arising on the translation are taken directly to "Foreign exchange differences", a separate component of equity and charged to the consolidated income statement upon the disposal of the investment.

### 3.16 Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognised at cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Group's own equity instruments.

### 3.17 Appropriation of net profit

Net profit after tax (excluding negative goodwill arising from a bargain purchase) is available for appropriation to shareholders after getting approval by the shareholders in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Group's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by the shareholders at the annual general meeting.

- Investment and development fund  
This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or in-depth investments.
- Bonus and welfare fund  
This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits, and presented as a liability on the consolidated balance sheet.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.18 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

#### *Sale of goods*

Revenue from the sale of goods is recognised when the significant risks and rewards of ownership have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

#### *Sale of real estate*

Revenue from the sale of real estate is recognised when the significant risks and rewards of ownership have passed to the buyer, usually upon the handover of the real estate property, and it is probable that the transfer price will be recoverable.

When a transaction has not met the criteria mentioned above, the cumulative amount of progress payment received from customers is presented as advance from customers in the balance sheet until all the criteria are met.

#### *Rendering of services*

Revenue is recognised when the services have been rendered.

#### *Revenue from supply and installation contracts*

Where the outcome of a construction contract can be estimated reliably and certified by customers, revenue and costs are recognised by reference to the amount of work completed at the balance sheet date. Variations in contract work and claims are included to the extent that they have been agreed with the customer.

Where the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably, contract revenue is recognised to the extent of contract costs incurred that are probable will be recoverable. Contract costs are recognised as expenses in the year in which they are incurred.

Difference between the cumulative revenue of a construction contract recognised to date and the cumulative amount of progress billings of that contract was presented as construction contract receivable based on agreed progress billings in the consolidated balance sheet.

#### *Office rental income*

Rental income arising from operating leases is accounted for on a straight line basis over the term of the lease.

#### *Investment gains*

Gains from investments are recognised as income when the significant risks and rewards of ownership have passed to the buyer.

#### *Interest income*

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectibility is in doubt.

#### *Dividends*

Income is recognised when the Group's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

#### *Bonus shares or issuance new shares for dividend payment*

Income is not recognised when the Group is entitled as an investor to receive bonus shares or issuance new shares for dividend payment. The number of shares received as bonus or dividends is disclosed on the relevant note to the consolidated financial statements.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.19 Earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary equity holders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Company (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

### 3.20 Taxation

#### *Current income tax*

Current income tax assets and liabilities for the current and prior year are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

#### *Deferred tax*

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purpose.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- ▶ where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- ▶ in respect of taxable temporary differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profits will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- ▶ where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- ▶ in respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary difference will reverse in the foreseeable future and taxable profits will be available against which the temporary differences can be utilised.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 3. Summary of Significant Accounting Policies (continued)

### 3.20 Taxation (continued)

#### *Deferred tax (continued)*

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to set off current income tax assets against current income tax liabilities and when they relate to income taxes levied on the same taxable entity by the same taxation authority when the Group intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis.

### 3.21 Segment information

A segment is a component determined separately by the Group which is engaged in providing products or related services (business segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

### 3.22 Related parties

Parties are considered to be related parties of the Group if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Group and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprise or individual, including close members of the family of any such individual.

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 4. Business Combination

#### Acquisition of interests in Tin Hieu Xanh Trading Services Constructions Company Limited ("Tin Hieu Xanh")

On 15 August 2017, the Company acquired 100% equity interest from the owners of Tin Hieu Xanh amounting to VND 501,000,000,000. Accordingly, Tin Hieu Xanh became a subsidiary of the Company since that date. The current activities of Tin Hieu Xanh are related to the electrical infrastructure.

The provisional fair values of the identifiable assets and liabilities of Tin Hieu Xanh as at the date of consolidation are as follows:

	VND
	<b>Provisional fair value recognized on acquisition</b>
<b>Assets</b>	
Cash and cash equivalents	500,606,777,681
Other assets	187,383
	<b>500,606,965,064</b>
<b>Liabilities</b>	
Current liabilities	(34,355,000)
<b>Total identifiable net assets at provisional fair value</b>	<b>500,572,610,064</b>
Non-controlling interests	-
Net assets acquired	500,572,610,064
Goodwill arising on acquisition	427,389,936
<b>Purchase consideration</b>	<b>501,000,000,000</b>

### 5. Cash and Cash Equivalents

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	962,666,686	1,589,296,245
Cash at banks	234,050,626,318	232,705,485,431
Cash equivalents	2,162,173,363,332	725,732,338,820
<b>Total</b>	<b>2,397,186,656,336</b>	<b>960,027,120,496</b>

Cash equivalents mainly represent the short-term bank deposits with original maturity of less than three months and earn average interest rates ranging from 4.2% p.a to 5.5% p.a.

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 6. Short-term Trade Receivables and Construction Contract Receivables based on Agreed Progress Billings

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term trade receivables	787,561,053,987	630,344,198,317
Construction contract receivables based on agreed progress billings	124,561,907,286	215,375,166,605
<b>Total</b>	<b>912,122,961,273</b>	<b>845,719,364,922</b>
Provision for doubtful short-term receivables	(69,171,328,060)	(67,031,962,457)
<b>NET</b>	<b>842,951,633,213</b>	<b>778,687,402,465</b>
<i>In which:</i>		
<i>Amount due from third parties</i>	912,122,961,273	845,719,364,922

Details of movements of provision for doubtful short-term receivables during the year are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	67,031,962,457	61,019,767,475
Add: Provision created during the year	23,964,948,994	35,283,463,629
Acquisition of new subsidiaries during the year	-	768,000,000
Less: Reversal of provision during the year	(21,825,583,391)	(30,039,268,647)
Ending balance	69,171,328,060	67,031,962,457

### 7. Short-Term Advances to Suppliers

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Phu Nam Phuong Joint Stock Company	33,017,222,745	-
Viet An Trading Construction Company Limited	-	35,360,000,000
Others	139,629,721,509	216,894,783,186
<b>Total</b>	<b>172,646,944,254</b>	<b>252,254,783,186</b>
Provision for doubtful short-term advances to suppliers	(1,770,000,000)	-



# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 8. Other Receivables

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>116,848,326,532</b>	<b>117,461,604,628</b>
Business advances	79,105,699,152	11,994,395,788
Interest income	12,171,007,467	11,906,911,139
Receivable from selling investments	11,753,520,000	-
Dividend receivable	-	77,823,252,000
Others	13,818,099,913	15,737,045,701
<b>Long-term</b>	<b>34,466,179,457</b>	<b>34,151,299,782</b>
Advances for land compensation	29,403,340,900	29,403,340,900
Deposits	3,973,783,810	3,658,904,135
Others	1,089,054,747	1,089,054,747
<b>Total</b>	<b>151,314,505,989</b>	<b>151,612,904,410</b>
<i>In which:</i>		
Other receivables from third parties	151,314,505,989	73,789,652,410
Other receivables from related parties (Note 31)	-	77,823,252,000

## 9. Inventories

	VND			
	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Work in process	1,056,791,042,850	-	841,909,215,790	-
Raw materials	216,322,502,766	(22,902,280,204)	150,008,816,991	(24,975,768,684)
Finished and merchandised goods	150,938,815,609	(2,450,306,409)	118,805,947,121	(1,574,733,840)
Inventory properties	136,211,464,682	-	107,513,964,118	-
Goods in transit	20,394,603,069	-	38,272,136,389	-
Tools and supplies	324,032,262	-	364,221,987	-
<b>Total</b>	<b>1,580,982,461,238</b>	<b>(25,352,586,613)</b>	<b>1,256,874,302,396</b>	<b>(26,550,502,524)</b>

Details of movements of provision for obsolete inventories during the year are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	(26,550,502,524)	42,765,461,571
Add: Acquisition of new subsidiaries during the year	-	1,331,590,677
Provision provided during the year	(4,758,176,343)	3,982,362,108
Less: Reversal of provision during the year	5,956,092,254	(21,528,911,832)
Ending balance	(25,352,586,613)	26,550,502,524

B09-DN/HN

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 10. Tangible Fixed Assets

	VND					
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	Others	Total
<b>Cost:</b>						
Beginning balance	696,723,663,509	884,155,549,152	47,832,085,749	12,861,534,234	538,454,545	1,642,111,287,189
Additions	48,727,273	12,916,422,500	12,707,945,720	1,663,475,419	549,000,000	27,885,570,912
Disposal	(127,996,200)	(6,527,415,571)	(2,389,794,188)	(377,861,707)	-	(9,423,067,666)
Reclassification	-	(69,792,942,175)	69,792,942,175	-	-	-
Ending balance	696,644,394,582	820,751,613,906	127,943,179,456	14,147,147,946	1,087,454,545	1,660,573,790,435
<i>In which:</i>						
Fully depreciated	7,934,297,745	307,166,942,387	20,853,638,779	9,377,841,593	-	345,332,720,504
<b>Accumulated depreciation:</b>						
Beginning balance	446,804,232,677	661,092,220,113	28,022,737,668	10,469,569,683	164,098,689	1,146,552,858,830
Depreciation for the year	23,657,264,489	26,016,478,729	11,655,398,614	1,233,521,277	193,995,527	62,756,658,636
Disposal	(127,996,200)	(6,527,415,571)	(2,368,432,836)	(259,381,707)	-	(9,283,226,314)
Reclassification	-	(42,203,067,620)	42,196,934,908	6,132,712	-	-
Ending balance	470,333,500,966	638,378,215,651	79,506,638,354	11,449,841,965	358,094,216	1,200,026,291,152
<b>Net carrying amount:</b>						
Beginning balance	249,919,430,832	223,063,329,039	19,809,348,081	2,391,964,551	374,355,856	495,558,428,359
Ending balance	226,310,893,616	182,373,398,255	48,436,541,102	2,697,305,981	729,360,329	460,547,499,283

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 11. Intangible Assets

	VND			
	Land use rights	Softwares	Other	Total
<b>Cost:</b>				
Beginning balance	36,758,715,025	13,138,028,563	30,340,000	49,927,083,588
Addition	-	125,000,000	-	125,000,000
Ending balance	36,758,715,025	13,263,028,563	30,340,000	50,052,083,588
<i>In which:</i>				
Fully amortised	-	9,679,116,355	30,340,000	9,709,456,355
Collateral (Note 22.2)	135,576,000	-	-	135,576,000
<b>Accumulated amortisation:</b>				
Beginning balance	5,543,962,382	11,272,283,591	30,340,000	16,846,585,973
Amortisation for the year	733,167,519	745,446,543	-	1,478,614,062
Ending balance	6,277,129,901	12,017,730,134	30,340,000	18,325,200,035
<b>Net carrying amount:</b>				
Beginning balance	31,214,752,643	1,865,744,972	-	33,080,497,615
Ending balance	30,481,585,124	1,245,298,429	-	31,726,883,553

## 12. Construction In Progress

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Etown Central Project (*)	1,034,973,155,240	520,142,652,278
414 No Trang Long Project	47,358,684,542	47,101,992,723
Etown 5 Project	45,094,437,063	-
Others	316,363,636	4,239,933,869
<b>Total</b>	<b>1,127,742,640,481</b>	<b>571,484,578,870</b>

(\*) As at 31 December 2017, the accumulated interest capitalised to Etown Central project is amounting to VND 54,582,643,781 (31 December 2016: VND 22,951,444,084).

The Group has pledged its land use rights and assets forming in the future of the Etown Central project to secure the bank loan facilities (Note 22.2).

B09-DN/HN

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 13. Investment Properties

	VND				
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Office equipment	Others	Total
<b>Cost:</b>					
Beginning balance	915,930,676,536	239,702,205,888	90,250,454	546,453,001	1,156,269,585,879
Disposal, write off	(10,060,724,469)	(5,916,968,245)	-	-	(15,977,692,714)
Ending balance	905,869,952,067	233,785,237,643	90,250,454	546,453,001	1,140,291,893,165
<i>In which:</i>					
Fully depreciated	82,081,783,756	79,097,286,523	90,250,454	546,453,001	161,815,773,734
Collateral (Note 22.2)	247,548,592,704	99,503,698,377	-	-	347,052,291,081
<b>Accumulated depreciation:</b>					
Beginning balance	305,005,139,418	177,194,336,479	90,250,454	546,453,001	482,836,179,352
Depreciation for the year	30,169,785,792	17,192,731,232	-	-	47,362,517,024
Disposal, write off	(8,001,093,614)	(5,916,968,245)	-	-	(13,918,061,859)
Ending balance	327,173,831,596	188,470,099,466	90,250,454	546,453,001	516,280,634,517
<b>Net carrying amount:</b>					
Beginning balance	610,925,537,118	62,507,869,409	-	-	673,433,406,527
Ending balance	578,696,120,471	45,315,138,177	-	-	624,011,258,648

The fair value of the investment properties was not formally assessed and determined as at 31 December 2017. However, given the current high occupancy rate of these properties, it is management's assessment that these properties' market values are higher than their carrying value as at the balance sheet date.

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 14. Investments

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>		
Held-for-trading securities (Note 14.1)	37,145,694,293	177,729,007,570
Provision for diminution in value of held-for-trading securities (Note 14.1)	(8,414,878,081)	(84,395,028,952)
Held-to-maturity investments (Note 14.2)	487,830,927,441	655,836,020,299
<b>Net value of short-term investments</b>	<b>516,561,743,653</b>	<b>749,169,998,917</b>
<b>Long-term</b>		
Investments in associates (Note 14.3)	5,386,673,745,900	4,017,019,091,310
Investments in other entities (Note 14.4)	1,099,528,485,702	1,437,605,391,646
Provision for long-term investments (Note 14.4)	(211,901,553,699)	(77,175,811,801)
<b>Net value of long-term investments</b>	<b>6,274,300,677,903</b>	<b>5,377,448,671,155</b>
<b>Total</b>	<b>6,790,862,421,556</b>	<b>6,126,618,670,072</b>

B09-DN/HN

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 14. Investments (continued)

#### 14.1 Held-for-trading securities

Securities	Ending balance		Beginning balance		Fair value/ net value	Provision	Fair value/ net value
	Cost	Provision	Cost	Provision			
R.E.E Power Joint Stock Company	7,815,990,000	(4,971,934,367)	7,815,990,000	(4,971,934,367)	2,844,055,633	-	2,844,055,633
Mang Canh Joint Stock Company	5,886,400,000	(2,780,480,683)	5,700,400,000	(2,262,204,714)	3,105,919,317	-	3,438,195,286
Ut Xi Aquatic Products Processing Joint Stock Company	-	-	60,411,760,000	(40,917,616,000)	-	-	19,494,144,000
Saigon Posts And Telecommunications Service Joint Stock Corporation	-	-	48,000,000,000	(35,714,113,000)	-	-	12,285,887,000
Others	23,443,304,293	(662,463,031)	55,800,857,570	(529,160,871)	22,896,578,862	-	55,790,534,100
<b>Total</b>	<b>37,145,694,293</b>	<b>(8,414,878,081)</b>	<b>177,729,007,570</b>	<b>(84,395,028,952)</b>	<b>28,846,553,812</b>	<b>177,729,007,570</b>	<b>93,852,816,019</b>

VND

#### 14.2 Held-to-maturity investments

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Term deposits	487,830,927,441	655,836,020,299
<i>In which:</i>		
Bank-term deposits	487,830,927,441	598,004,817,255
Finance institution deposit	-	57,831,203,044

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 14. Investments (continued)

#### 14.3 Investments in associates

Name	Ending balance		Beginning balance		Business activities
	% of interest	Amount VND	% of interest	Amount VND	
Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company	21.01	715,379,876,041	21.01	698,671,397,963	Hydropower
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	42.63	468,315,497,265	42.63	437,822,949,621	Hydropower
Song Ba Ha Hydropower Joint Stock Company	25.76	546,259,182,412	25.76	453,762,979,299	Hydropower
Srok Phu Mieng Hydropower Joint Stock Company	34.3	186,664,097,753	34.3	167,523,223,863	Hydropower
Binh Dien Hydropower Joint Stock Company	25.47	86,586,387,912	25.47	67,934,440,426	Hydropower
Central Hydropower Joint Stock Company	20.07	532,551,381,701	-	-	Hydropower
Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (i)	23.36	1,258,411,237,954	23.54	1,219,908,077,322	Thermal power
Ninh Binh Thermal Power Joint Stock Company	29.45	82,129,643,885	29.45	76,160,222,753	Thermal power
Thuan Binh Wind Power Joint Stock Company	25	34,783,874,232	-	-	Wind power
Nha Be Water Supply Joint Stock Company	20.02	40,279,501,762	20.02	40,176,895,080	Water supply
Thu Duc Water B.O.O Corporation	42.07	285,828,712,486	42.07	283,811,659,144	Water supply
Tan Hiep Water Investment Joint Stock Company	32	79,814,304,214	32	77,091,298,544	Water supply
Thu Duc Water Supply Joint Stock Company	44.17	61,027,942,156	44.17	59,177,810,108	Water supply
Saigon Water Investment and Trading Joint Stock Company	40	83,669,434,089	40	40,527,746,144	Water supply
Gia Dinh Water supply Joint Stock Company	20.05	29,109,331,766	20.05	29,066,790,237	Water supply
Trung An Water Supply Joint Stock Company	-	-	29	23,823,831,140	Water supply
Vinaconex Water Supply Joint Stock Company	34.68	692,973,263,040	-	-	Water supply
Nui Beo Coal Joint Stock Company	-	-	23.81	98,330,156,234	Coal Mining
Deo Nai Coal Joint Stock Company	-	-	23.95	73,642,001,671	Coal Mining
Saigon Real Estate Joint Stock Company (ii)	28.87	165,268,353,595	28.87	138,361,109,269	Real estate
Doan Nhat Mechanical Electrical Joint Stock Company	35	37,621,723,637	35	31,226,502,492	Mechanical and Engineering
<b>Total</b>		<b>5,386,673,745,900</b>		<b>4,017,019,091,310</b>	

(i) 74,896,260 shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, which are owned by the Company, were placed as collateral for the Company's domestic straight bonds (Note 22.3).

(ii) In accordance with the Resolution of the General Shareholders No. 03/2017/NQ-DHCD dated 3 April 2017 shareholders of Saigon Real Estate Joint Stock Company ("SaigonRES") unanimously approved the proposal to issue new shares for dividend payment. According with the aforementioned Resolution, SaigonRES offered new shares at par value of VND 10,000 per share to existing shareholders at the ratio of 100% (1 new share for each share held), equivalent to 19,799,989 additional shares to be issued. Accordingly, the number of shares held by the Company increased from 5,715,282 shares to 11,430,564 shares.

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 14. Investments (continued)

#### 14.3 Investments in associates (continued)

Details of these investments in associates which were consolidated by applying equity method are presented as follows:

Name	Cost of investment						Accumulated share in post-acquisition profit (loss) of the associates						Carrying Amount			
	Beginning balance	Additions	Disposal	Reclassification	Ending balance	Beginning balance	Dividend declared during the year	Share in profit (loss) of associates for the year	Goodwill arising from bargain purchase	Discontinuing the use of the equity method	Ending balance	Beginning balance	Ending balance			
Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company	698,671,397,963	-	-	-	698,671,397,963	-	(43,329,650,000)	60,038,128,078	-	-	16,708,478,078	698,671,397,963	-	715,379,876,041		
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	382,178,855,776	-	-	-	382,178,855,776	55,644,093,845	(98,484,342,000)	128,976,889,644	-	-	86,136,641,489	437,822,949,621	-	468,315,497,265		
Song Ba Ha Hydropower Joint Stock Company	348,000,000,000	-	-	-	348,000,000,000	85,742,979,299	(75,200,000,000)	167,696,203,113	-	-	178,259,182,412	453,762,979,299	-	546,259,182,412		
Srok Phu Mieng Hydropower Joint Stock Company	173,265,171,175	-	-	-	173,265,171,175	(5,741,947,312)	(5,401,862,550)	24,542,736,440	-	-	13,398,926,578	167,523,223,863	-	186,664,097,753		
Binh Dien Hydropower Joint Stock Company	59,910,716,000	-	-	-	59,910,716,000	8,023,724,426	(1,973,980,000)	20,625,927,486	-	-	26,675,671,912	67,934,440,426	-	86,586,387,912		
Central Hydropower Joint Stock Company	-	175,904,074,921	-	356,647,306,780	532,551,381,701	-	-	-	-	-	-	-	-	532,551,381,701		
Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	780,041,489,908	-	-	-	780,041,489,908	439,866,587,414	(179,751,024,000)	218,254,184,632	-	-	478,269,748,046	1,219,908,077,322	-	1,258,411,237,954		
Ninh Binh Thermal Power Joint Stock Company	66,358,149,275	-	-	-	66,358,149,275	9,802,073,478	(5,684,100,000)	11,653,521,132	-	-	15,771,494,610	76,160,222,753	-	82,129,643,885		
Thuan Binh Wind Power Joint Stock Company	-	40,750,000,000	-	-	40,750,000,000	-	-	(16,695,954,251)	10,729,828,483	-	(5,966,125,768)	-	-	34,783,874,232		
Nha Be Water Supply Joint Stock Company	40,176,895,080	-	-	-	40,176,895,080	-	(1,527,470,000)	1,630,076,682	-	-	102,604,682	40,176,895,080	-	40,279,501,762		
Thu Duc Water B.O.O Corporation	409,901,420,000	-	-	-	409,901,420,000	(126,089,740,856)	(42,253,308,000)	44,270,361,342	-	-	(124,072,707,514)	283,811,659,144	-	285,828,712,486		
Tan Hiep Water Investment Joint Stock Company	76,800,000,000	-	-	-	76,800,000,000	291,298,544	-	2,723,005,670	-	-	3,014,304,214	77,091,298,544	-	79,814,304,214		
Thu Duc Water Supply Joint Stock Company	68,975,426,417	-	-	-	68,975,426,417	(9,197,616,309)	(2,628,304,000)	4,478,436,048	-	-	(7,347,484,261)	59,177,810,108	-	61,027,942,156		
Saigon Water Investment and Trading Joint Stock Company	61,560,000,000	-	-	-	61,560,000,000	(21,032,253,856)	-	43,141,887,945	-	-	22,109,434,089	40,527,746,144	-	83,669,434,089		
Gia Dinh Water Supply Joint Stock Company	24,809,965,209	-	-	-	24,809,965,209	4,256,825,028	(1,333,281,600)	1,375,823,129	-	-	4,299,366,557	29,066,790,237	-	29,109,331,766		
Trung An Water Supply Joint Stock Company	22,623,120,000	-	(22,623,120,000)	-	-	1,200,711,140	-	-	(1,200,711,140)	-	-	23,823,831,140	-	-		
Vinaconex Water Supply Joint Stock Company	-	692,973,263,040	-	-	692,973,263,040	-	-	-	-	-	-	-	-	692,973,263,040		
Nui Beo Coal Joint Stock Company	59,389,030,170	-	(11,226,112,983)	(48,162,917,187)	-	38,941,126,064	(4,844,533,450)	19,178,180,957	-	(53,274,753,571)	-	98,330,156,234	-	-		
Deo Nai Coal Joint Stock Company	45,899,255,142	16,825,200	(8,626,059,841)	(37,290,020,501)	-	27,742,746,529	(1,409,881,600)	7,296,420,306	-	(38,629,285,235)	-	73,642,001,671	-	-		
Saigon Real Estate Joint Stock Company	54,457,202,000	-	-	-	54,457,202,000	85,903,907,269	(11,406,559,816)	38,313,804,142	-	-	110,811,151,595	138,361,109,269	-	165,268,353,595		
Doan Nhat Mechanical Electrical Joint Stock Company	11,550,000,000	-	-	-	11,550,000,000	19,745,502,492	(12,411,630,000)	18,806,851,145	-	-	26,071,723,637	31,226,502,492	-	37,621,723,637		
<b>Total</b>	3,403,948,094,115	909,644,163,161	(62,475,292,824)	271,194,389,092	4,542,331,333,544	613,030,997,195	(487,639,947,016)	796,306,283,640	10,729,828,483	(88,104,749,948)	844,542,412,356	4,017,019,091,310	-	5,386,673,745,900		

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 14. Investments (continued)

## 14.4 Investments in other entities

Name	Ending balance			Beginning balance		
	Cost	Provision	Fair value	Cost	Provision	Fair value
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	470,646,304,200	(125,546,409,600)	345,099,894,600	470,646,304,200	-	470,646,304,200
Sonadezi Chau Duc Shareholding Company	183,876,590,000	(73,737,556,000)	110,139,034,000	183,876,590,000	(73,737,556,000)	110,139,034,000
Khanh Hoa Water Supply Joint Stock Company	53,193,860,000	(2,842,420,000)	50,351,440,000	53,193,860,000	-	53,193,860,000
Nui Beo Coal Joint Stock Company	48,162,917,187	-	48,162,917,187	-	-	-
Deo Nai Coal Joint Stock Company	37,290,020,502	(4,068,154,102)	33,221,866,400	-	-	-
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	32,619,000,000	-	32,619,000,000	32,619,000,000	-	32,619,000,000
Others	273,739,793,813	(5,707,013,997)	268,032,779,816	697,269,637,446	(3,438,255,801)	693,831,381,645
<b>Total</b>	<b>1,099,528,485,702</b>	<b>(211,901,553,699)</b>	<b>887,626,932,003</b>	<b>1,437,605,391,646</b>	<b>(77,175,811,801)</b>	<b>1,360,429,579,845</b>

VND

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 15. Goodwill

	VND
	Amount
<b>Cost:</b>	
Beginning balance	99,186,941,791
Increase due to acquisition of new subsidiaries	427,389,936
Ending balance	99,614,331,727
<b>Accumulated amortisation:</b>	
Beginning balance	78,692,388,577
Amortisation for the year	18,519,803,170
Ending balance	97,212,191,747
<b>Net carrying amount:</b>	
Beginning balance	20,494,553,214
Ending balance	2,402,139,980

## 16. Short-term Trade Payables

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Pteris Global Ltd	-	41,116,492,126
Others	445,707,529,615	364,704,210,802
<b>Total</b>	<b>445,707,529,615</b>	<b>405,820,702,928</b>

## 17. Short-term Advances From Customers

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Supply and installation services	1,299,566,230,195	1,161,916,584,449
Office leasing and related services	2,752,939,228	4,474,849,198
Others	27,182,012,935	2,844,092,537
<b>Total</b>	<b>1,329,501,182,358</b>	<b>1,169,235,526,184</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 18. Statutory Obligations

	VND			
	Beginning balance	Increase	Decrease	Ending balance
<b>Payables</b>				
Corporate income tax	79,563,579,442	192,154,568,194	(206,734,663,097)	64,983,484,539
Value-added tax	1,418,041,207	436,625,475,511	(430,414,123,339)	7,629,393,379
Personal income tax	1,710,257,791	25,884,351,430	(25,431,335,131)	2,163,274,090
Others	1,978,316,490	96,213,281,863	(97,102,316,990)	1,089,281,363
<b>Total</b>	<b>84,670,194,930</b>	<b>750,877,676,998</b>	<b>(759,682,438,557)</b>	<b>75,865,433,371</b>
<b>Receivables</b>				
Corporate income tax	357,312,224	6,442,310,452	-	6,799,622,676
Others	624,809,475	(14,317,324,889)	24,530,560,521	10,838,045,107
<b>Total</b>	<b>982,121,699</b>	<b>(7,875,014,437)</b>	<b>24,530,560,521</b>	<b>17,637,667,783</b>

## 19. Short-term Accrued Expenses

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Costs of supply and installation services	185,577,649,907	187,035,916,121
Interest expense	35,104,364,454	8,112,324,416
Promotions	7,102,853,968	10,685,365,623
Others	55,360,510,635	32,421,722,236
<b>Total</b>	<b>283,145,378,964</b>	<b>238,255,328,396</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 20. Unearned Revenue

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>6,600,000,000</b>	<b>472,467,559</b>
Rentals received in advance from leasing the National Political Publishing House Office Tower (*)	6,600,000,000	-
Others	-	472,467,559
<b>Long-term</b>	<b>215,722,727,273</b>	<b>-</b>
Rentals received in advance from leasing the National Political Publishing House Office Tower (*)	215,722,727,273	-
<b>Total</b>	<b>222,322,727,273</b>	<b>472,467,559</b>

(\*) These are the unamortised amount in accordance with the long-term irrevocable leasing agreement of the National Political Publishing House Office Tower dated 7 December 2017 between Vietnam Property and Infrastructure Joint Stock Company, the Company's subsidiary, and the lessee within 41 years from 2017 to 2058 amounting to VND 275,000,000,000.

## 21. Other Payables

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>78,549,123,480</b>	<b>74,840,997,511</b>
Dividend payables	30,546,717,026	45,191,711,008
Deposits received from office tenants	23,215,103,231	-
Maintenance fund of 6 Nguyen Cong Hoan project	24,000,000	15,076,337,085
Interest expense	3,092,144,000	3,106,584,000
Others	21,671,159,223	11,466,365,418
<b>Long-term</b>	<b>121,854,136,200</b>	<b>141,415,252,040</b>
Deposits received from office tenants	121,820,767,240	141,381,883,081
Others	33,368,960	33,368,959
<b>Total</b>	<b>200,403,259,680</b>	<b>216,256,249,551</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 22. Loans

	Beginning balance	Withdraw	Repayment	Reclassification	Allocation of bond issuance expenses	Ending balance
<b>Short-term</b>						
Loans from banks (Note 22.1)	594,470,465,413	2,035,353,376,573	(2,257,036,355,005)	299,314,075,501	-	672,101,562,482
Current portion of long-term loans (Note 22.2)	356,243,302,783	2,035,353,376,573	(2,018,809,192,375)	-	-	372,787,486,981
	238,227,162,630	-	(238,227,162,630)	299,314,075,501	-	299,314,075,501
<b>Long-term</b>						
Loans from banks (Note 22.2)	899,220,584,250	1,871,653,359,841	(163,331,205,478)	(299,314,075,501)	396,000,000	2,308,624,663,112
Bonds	899,220,584,250	879,573,359,841	(163,331,205,478)	(299,314,075,501)	-	1,316,148,663,112
	-	992,080,000,000	-	-	396,000,000	992,476,000,000
<b>Total</b>	<b>1,493,691,049,663</b>	<b>3,907,006,736,414</b>	<b>(2,420,367,560,483)</b>	<b>-</b>	<b>396,000,000</b>	<b>2,980,726,225,594</b>

VND

#### 22.1 Short-term bank loans

The short-term bank loans bear interest at the average rate ranging from 3% to 7.5% p.a. Details are as follows:

Bankers	Ending balance VND	Original amount USD	Maturity date	Description of collateral
Joint Stock Bank for Foreign Trade of Vietnam				
USD loan	191,269,049,401		From 7 January 2018 to 13 August 2018	Unsecured
VND loan	18,685,949,766	821,449	From 8 March 2018 to 19 March 2018	Unsecured
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	100,685,211,882		From 8 February 2018 to 29 June 2018	Unsecured
Military Commercial Joint Stock Bank	42,905,645,599		From 14 March 2018 to 11 June 2018	Unsecured
ANZ Bank (Vietnam) Ltd.	11,398,135,034		13 March 2018	Unsecured
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	4,699,330,084		From 19 February 2018 to 6 August 2018	Unsecured
HSBC Bank (Vietnam) Ltd.	3,144,165,215		04 February 2018	Unsecured
<b>Total</b>	<b>372,787,486,981</b>			

B09-DN/HN

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 22. Loans (continued)

The long-term bank loans and domestic straight bonds bear interest at the average rate ranging from 4.42% to 9.3% p.a.

#### 22.2. Long-term bank loans

Details of long-term bank loans are as follows:

Bankers	Ending balance VND	Maturity date	Description of collateral
<b>HSBC Bank (Vietnam) Ltd.</b>			
VNM140408CM	186,657,658,582	26-Aug-19	Land use rights; building and amount receivable from office lease of REE Tower at 9 Doan Van Bo Street, District 4, Ho Chi Minh City ("REE Tower")
VNM141190CM	30,666,666,665	29-Jun-18	
VNM 170276CM	495,000,000,000	24-Jul-24	
<b>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade Of Vietnam</b>			
021C16	519,823,413,366	2-Feb-28	Land use rights and assets forming in the future of the project Etown Central at 11 Doan Van Bo Street, District 4, Ho Chi Minh City, including building and structure and other asset rights relating to the project amounting to VND 1,177,591,000,000
<b>Vietnam International Commercial Joint Stock Bank</b>			
0112.HDTD.625.15.VIB	27,760,000,000	29-Jun-20	Receivables from rental contracts at all buildings and dividend received from Thu Duc Water B.O.O Corporation in accordance with Shareholder Certificate No. 004/CD-TDW
0100.HDTD.625.16.VIB	355,555,000,000	30-Sep-21	Receivables from rental contracts and dividend received from Thu Duc Water B.O.O Corporation during 5 years
<b>Total</b>	<b>1,615,462,738,613</b>		
<i>In which:</i>			
<i>Current portion</i>	299,314,075,501		
<i>Non-current portion</i>	1,316,148,663,112		

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 22. Loans (continued)

### 22.3 Domestic straight bonds

Details of this bond as at 31 December 2017 are as follows:

Arrangement organization	Amount VND
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh Branch	950,000,000,000
Vietcombank Fund Management	50,000,000,000
Bond issuance expenses	(7,920,000,000)
Allocation of Bond issuance expenses	396,000,000
<b>Total</b>	<b>992,476,000,000</b>
<i>In which:</i>	
<i>Non-current portion of long-term bond</i>	<i>992,476,000,000</i>

On 28 September 2017 and 18 October 2017, the Company issued 1,000 bonds with Total value of VND 1,000 billion (the par value per bond is VND 1 billion) which were bought by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh Branch ("VCB") and Vietcombank Fund Management ("VCBF").

These bonds will be repaid after five (5) years from the date of issuance.

The Company has the obligation to repurchase these bonds before maturity date from date of issuance as follows:

- 250 issued bonds on the date-end of twenty four (24)-month period from the issuance date;
- 250 issued bonds on the date-end of thirty six (36)-month period from the issuance date;
- 250 issued bonds on the date-end of forty eight (48)-month period from the issuance date; and
- 250 issued bonds on the date-end of sixty (60)-month period from the issuance date.

The proceeds from the bonds were used for the purpose (1) investing in the Company's projects; (2) financing working capital of the Company. As at 31 December 2017, the bonds are owned by VCB and VCBF.

These bonds are secured by 74,896,260 shares of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company which are owned by the Company (Note 14.3).

## 23. Provisions

Provisions represent the provisions for warranties of installation projects, goods and provision of maintenance, setting and repairing. Details of movement in provisions are as follows:

	VND			Total
	Goods warranty	Installation project warranty	Maintenance, setting and repairing provision	
Beginning balance	430,850,824	31,629,107,894	5,920,547,057	37,980,505,775
Add: Provision provided during the year	4,600,471,793	25,378,585,847	-	29,979,057,640
Less: Reversal of provision during the year	(4,646,570,435)	(17,643,462,497)	(5,920,547,057)	(28,210,579,989)
Ending balance	384,752,182	39,364,231,244	-	39,748,983,426
<i>In which:</i>				
<i>Short-term</i>	384,752,182	11,172,707,908	-	11,557,460,090
<i>Long-term</i>	-	28,191,523,336	-	28,191,523,336

B09-DN/HN

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 24. Owners' Equity

### 24.1 Increase and decrease in owners' equity

	Share capital	Share premium	Other owners' capital	Treasury shares	Foreign exchange difference reserve	Investment and development fund	Undistributed earnings	Total
<b>Previous year</b>								
Beginning balance	2,696,168,100,000	1,050,489,310,786	42,598,429,318	(31,342,660)	835,448,479	194,784,660,605	2,349,535,745,815	6,334,380,352,343
Net profit for the year	-	-	-	-	-	-	1,093,237,014,487	1,093,237,014,487
Issuance of new shares for dividend payment	404,420,310,000	-	-	-	-	-	(404,420,310,000)	-
Dividend declared	-	-	-	-	-	-	(269,614,063,000)	(269,614,063,000)
Appropriation to bonus and welfare funds	-	-	-	-	-	-	(3,305,644,472)	(3,305,644,472)
Foreign currency differences	-	-	-	-	287,397,590	-	-	287,397,590
Repurchase of shares	-	-	-	(51,684,000)	-	-	-	(51,684,000)
Others	-	-	(42,598,429,318)	-	-	43,334,159,785	461,107,440	1,196,837,907
Ending balance	3,100,588,410,000	1,050,489,310,786	-	(83,026,660)	1,122,846,069	238,118,820,390	2,765,893,850,270	7,156,130,210,855
<b>Current year</b>								
Beginning balance	3,100,588,410,000	1,050,489,310,786	-	(83,026,660)	1,122,846,069	238,118,820,390	2,765,893,850,270	7,156,130,210,855
Net profit for the year	-	-	-	-	-	-	1,377,087,391,977	1,377,087,391,977
Dividend declared (i)	-	-	-	-	-	-	(496,081,481,600)	(496,081,481,600)
Appropriation to bonus and welfare funds	-	-	-	-	-	-	(2,276,649,536)	(2,276,649,536)
Fund contribution	-	-	-	-	-	1,726,750,180	(1,726,750,180)	-
Foreign currency differences	-	-	-	-	(23,316,434)	-	-	(23,316,434)
Others	-	-	-	-	-	-	(500,500,220)	(500,500,220)
Ending balance	3,100,588,410,000	1,050,489,310,786	-	(83,026,660)	1,099,529,635	239,845,570,570	3,642,395,860,711	8,034,335,655,042

(i) In accordance with the Resolution of the Annual General Meeting No. 02/2017/DHCD-NQ dated 30 March 2017, the Company's shareholders unanimously approved the Proposal of Board of Directors ("BOD") to pay dividend for existing shareholders at 16% par value per share. The Company finalised the Company's shareholders list on 1 March 2017 to pay dividend at 16%, equivalent to VND 496,081,481,600.



## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 24. Owners' Equity (continued)

## 24.2 Capital transactions with shareholders and distribution of dividends

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Contributed capital</b>		
Beginning balance	3,100,588,410,000	2,696,168,100,000
Issuance of new shares for dividend payment	-	404,420,310,000
Ending balance	3,100,588,410,000	3,100,588,410,000
<b>Dividends</b>		
Dividends declared	496,081,481,600	269,614,063,000
Issuance of new shares for dividend payment	-	404,420,310,000
Dividends paid during the year	491,809,672,080	266,652,937,470

## 24.3 Shares

	VND	
	Number of shares	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Issued shares</b>		
Issued and paid-up shares	310,050,926	310,058,841
Ordinary shares	310,050,926	310,058,841
<b>Treasury shares</b>		
Ordinary shares	-	(7,915)
<b>Shares in circulation</b>		
Ordinary shares	310,050,926	310,050,926

The Company's shares are issued with par value of VND 10,000 per share. The holders of the ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

## 24.4 Non-controlling interests

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	565,011,007,076	348,639,776,328
Capital contributed from non-controlling interests	36,495,030,000	-
Increase due to acquisition of new subsidiaries	-	195,531,129,288
Net profit for the year	145,737,788,776	80,422,189,315
Appropriation to bonus and welfare funds	(1,423,350,464)	(2,194,355,528)
Dividend declared	(86,375,299,797)	(45,613,159,380)
Others	(503,629,296)	(11,774,572,947)
Ending balance	658,941,546,295	565,011,007,076

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 24. Owners' Equity (continued)

## 24.5 Earnings per share

Basic earnings per share are calculated as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Net profit after tax attributable to ordinary equity holders (VND)	1,377,087,391,977	1,093,237,014,487
Less: Distribution to bonus and welfare fund (*)	-	(2,276,649,536)
Net profit after tax attributable to ordinary equity holders for basic earnings (VND)	1,377,087,391,977	1,090,960,364,951
Weighted average number of ordinary shares	310,050,926	310,052,790
Earnings per share (VND/share)		
- Basic	4,441	3,519
- Diluted	4,441	3,519

(\*) Net profit used to compute earnings per share for the year ended 31 December 2016 was restated following the actual allocation to bonus and welfare funds from 2016 retained earnings.

Net profit used to compute earnings per share for the year ended 31 December 2017 was not adjusted for distribution to Bonus and welfare funds from 2017 profit as the Shareholders Meeting's Resolution is not yet available.

There were no potential dilutive ordinary shares as at the balance sheet date.

## 25. Revenue

## 25.1 Revenues from sale of goods and rendering of services

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Gross revenues</b>	4,999,235,436,523	3,663,193,468,551
<i>Of which:</i>		
Revenue from mechanical and electrical engineering services	2,377,127,923,100	1,739,425,930,442
Revenue from real estate activities	952,168,756,452	771,898,608,624
Revenue from selling of goods	948,149,408,723	733,299,026,291
Revenue from producing and distributing electric	721,789,348,248	418,569,903,194
<b>Less</b>	(4,062,020,590)	(3,830,862,783)
Sales returns	(4,062,020,590)	(3,830,862,783)
<b>NET REVENUES</b>	4,995,173,415,933	3,659,362,605,768
<i>In which:</i>		
Revenue from mechanical and electrical engineering services	2,377,127,923,100	1,739,425,930,442
Revenue from real estate activities	952,168,756,452	771,898,608,624
Revenue from selling of goods	944,087,388,133	729,468,163,508
Revenue from producing and distributing electric	721,789,348,248	418,569,903,194

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 25. Revenue (continued)

#### 25.2 Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Dividends income	55,637,531,900	29,766,599,324
Interest income	108,467,235,069	91,448,008,611
Gain from disposal of investments	7,512,195,958	49,875,170,303
Foreign exchange gains	2,346,078,568	4,591,874,110
Others	576,899,738	374,782,961
<b>Total</b>	<b>174,539,941,233</b>	<b>176,056,435,309</b>

### 26. Costs of Goods Sold and Services Rendered

	VND	
	Current year	Previous year
Cost of mechanical and electrical engineering services	1,947,252,662,544	1,332,732,157,223
Cost of real estate activities	365,081,979,308	287,191,544,867
Cost of selling of goods	811,764,496,200	614,046,721,587
Cost of producing and distributing electric	441,675,417,464	243,758,858,202
<b>Total</b>	<b>3,565,774,555,516</b>	<b>2,477,729,281,879</b>

### 27. Finance Expenses

	VND	
	Current year	Previous year
Interest and allocation of bond issuance expenses	105,038,480,959	60,159,491,918
Loss from disposal of investments	33,602,834,140	222,979,854
Provision for investments	134,977,587,647	1,424,519,524
Foreign exchange losses	929,969,978	4,194,248,525
Others	230,451,871	1,668,134,197
<b>Total</b>	<b>274,779,324,595</b>	<b>67,669,374,018</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 28. Selling Expense and General and Administrative Expenses

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Selling expenses</b>	<b>94,594,129,849</b>	<b>89,024,177,119</b>
Labour cost	50,028,071,581	43,140,284,589
External services	2,532,122,314	28,604,418,165
Others	42,033,935,954	17,279,474,365
<b>General and administrative expenses</b>	<b>241,824,868,262</b>	<b>220,293,412,913</b>
Labour cost	143,978,379,985	116,855,703,201
External services	32,589,516,719	26,493,981,894
(Reversal of provision) provision	(2,189,653,323)	5,244,194,982
Others	67,446,624,881	71,699,532,836
<b>Total</b>	<b>336,418,998,111</b>	<b>309,317,590,032</b>

### 29. Production and Operating Costs

	VND	
	Current year	Previous year
Raw materials	1,670,046,997,877	1,453,412,310,295
Expenses for external services	1,091,840,211,055	535,165,450,875
Labour costs	550,695,137,744	345,248,962,764
Depreciation and amortisation (Note 10, 11, 13, 15)	130,117,592,892	139,556,922,833
Other expenses	488,191,114,623	313,663,225,144
<b>Total</b>	<b>3,930,891,054,191</b>	<b>2,787,046,871,911</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 30. Corporate Income Tax

The Group, except for Transorient Pte. Ltd., and Eastrade International Ltd., has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 20% of taxable profits earned.

Transorient Pte. Ltd., established in Singapore, has the obligation to pay CIT at the rate of 17% of taxable income. Transorient Pte. Ltd. is entitled to 75% reduction on CIT for taxable income up to SGD 10,000 and 50% reduction on CIT for taxable income up to SGD 290,000.

Eastrade International Ltd. was established in British Virgin Islands and is exempt from CIT in accordance with the BVI Business Companies Act.

The tax returns of the Group are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

#### 30.1 CIT expenses

	VND	
	Current year	Previous year
Current tax expense	192,154,568,194	214,935,033,326
Deferred tax expense (income)	6,167,238,721	(12,840,333,566)
<b>Total</b>	<b>198,321,806,915</b>	<b>202,094,699,760</b>

Reconciliation between CIT expense and the accounting profit multiplied by CIT rate is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Accounting profit before tax</b>	<b>1,721,146,987,668</b>	<b>1,375,753,903,562</b>
At CIT rate applicable to the Group	344,229,397,534	275,150,780,712
<i>Adjustments to increase (decrease)</i>		
Share of profit from associates	(143,786,272,435)	(77,569,016,288)
Goodwill amortization	3,703,960,634	6,452,320,121
Non-deductible expenses	4,638,035,184	3,100,617,799
Add back tax losses of subsidiaries	658,323,977	-
Adjustment for under accrual of CIT in prior years	-	826,717,147
Taxable dividend income from oversea subsidiaries	39,527,419	108,023,874
Tax on income from oversea activities	-	(21,423,740)
Dividends income not subject to CIT	(11,127,506,380)	(5,953,319,865)
Effect of change in applicable tax rate	(33,659,018)	-
<b>CIT expense</b>	<b>198,321,806,915</b>	<b>202,094,699,760</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 30. Corporate Income Tax (continued)

#### 30.2 Current tax

The current tax payable is based on taxable profit for the year. The taxable profit of the Group for the year differs from the profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

#### 30.3 Deferred tax

The following are the deferred tax assets and liabilities recognised by the Group, and the movements thereon, during the current and previous years

	Consolidated balance sheet		Consolidated income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Provision for doubtful receivables	10,394,872,566	10,458,449,060	(63,576,494)	978,495,005
Provision for obsolete inventories	5,070,517,322	5,043,782,369	26,734,953	(3,509,309,946)
Accrued operating expenses	14,051,058,668	18,909,969,388	(4,858,910,720)	11,407,717,242
Provision for investments	1,226,938,823	1,446,827,816	(219,888,993)	-
Unrealised profit	1,669,480,240	1,264,388,565	405,091,675	1,138,802,649
Unbilled contract profit	(1,100,820,387)	(1,067,623,956)	(33,196,431)	639,404,567
Others	87,463,878	1,510,956,589	(1,423,492,711)	2,185,224,049
<b>Net deferred tax assets</b>	<b>31,399,511,110</b>	<b>37,566,749,831</b>		
<b>Net deferred tax income (expense)</b>			<b>(6,167,238,721)</b>	<b>12,840,333,566</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 31. Transactions and Balances with Related Parties

Related company transactions include all transactions undertaken with other companies to which the Group is related, either through the investor, investee relationship or because they share a common investor and thus are considered to be a part of the same corporate group.

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

Related parties	Relationship	Transactions	VND	
			Current year	Previous year
Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	Associate	Dividend income	179,751,024,000	237,705,633,000
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	Associate	Dividend income	98,484,342,000	90,265,594,000
Thu Duc Water B.O.O Corporation	Associate	Dividend income	42,253,308,000	46,948,120,000
Thu Duc Water Supply Joint Stock Company	Associate	Dividend income	2,628,304,000	16,138,392,000
Srok Phu Mieng Hydropower Joint Stock Company	Associate	Dividend income	5,401,862,550	10,803,725,100
Doan Nhat Mechanical Electrical Joint Stock Company	Associate	Dividend income	12,411,630,000	8,523,900,000
Binh Dien Hydropower Joint Stock Company	Associate	Dividend income	1,973,980,000	-
Ninh Binh Thermal Power Joint Stock Company	Associate	Dividend income	5,684,100,000	5,684,100,000
Saigon Real Estate Joint Stock Company	Associate	Dividend income	11,406,559,816	5,334,263,200
Nui Beo Coal Joint Stock Company	Associate to 28 December 2017	Dividend income	4,844,553,450	5,284,967,400
Deo Nai Coal Joint Stock Company	Associate to 27 December 2017	Dividend income	1,409,881,600	2,305,260,000
Gia Dinh Water Supply Joint Stock Company	Associate	Dividend income	1,333,281,600	1,714,219,200
Trung An Water Supply Joint Stock Company	Associate to 21 March 2017	Dividend income	-	725,100,000
Tan Hiep Water Investment Joint Stock Company	Associate	Capital contribution	-	(24,000,000,000)
Nha Be Water Supply Joint Stock Company	Associate	Dividend income	1,527,470,000	-
Song Ba Ha Hydropower Joint Stock Company	Associate	Dividend income	75,200,000,000	-
Vinh Son – Song Hinh Hydropower Joint Stock Company	Associate	Dividend income	43,329,650,000	-

Amounts due to and due from related parties at the balance sheet dates were as follows

Related parties	Relationship	Transactions	VND	
			Current year	Previous year
Other short-term receivables				
Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	Associate	Dividend income	-	59,917,008,000
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	Associate	Dividend income	-	17,906,244,000
				77,823,252,000

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 31. Transactions and Balances with Related Parties (continued)

#### Terms and conditions of transactions with related parties

The sales to and purchases from related parties are made on terms equivalent to those that prevail in arm's length transactions.

Outstanding balances at 31 December 2017 are unsecured, interest free and will be settled in cash. For the year ended 31 December 2017 and 31 December 2016, the Company has not made any provision for doubtful receivables relating to amounts owed by related parties. This assessment is undertaken each financial year through the examination of the financial position of the related party and the market in which the related party operates.

#### Transactions with other related parties

Remuneration paid to members of Board of Management and Board of Directors during the year is as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Salaries and bonus	21,770,589,367	13,768,861,250

### 32. Commitments

#### 32.1 Operating lease commitments – when the Group is a lessee

The Group leases land for its plant in Tan Binh Industrial Zone and offices under operating lease agreements. The minimum lease commitment as at balance sheet date under the operating lease agreements is as follows:

	VND	
	Ending Balance	Beginning Balance
Less than one year	8,083,720,844	12,315,920,781
From one to five years	21,271,342,739	1,147,590,646
Over five years	171,852,787	1,223,191,645
<b>Total</b>	<b>29,526,916,370</b>	<b>14,686,703,072</b>

#### 32.2 Operating lease commitments – when the Group is a lessor

The Group leases out its assets under operating lease arrangements. The future minimum rental receivables as at the balance sheet date under the operating lease agreements is as follows:

	VND	
	Ending Balance	Beginning Balance
Less than one year	315,029,947,482	309,106,978,931
From one to five years	260,803,373,377	260,392,753,042
Over five years	-	2,079,289,875
<b>Total</b>	<b>575,833,320,859</b>	<b>571,579,021,848</b>

# Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

## 33. Segment Information

For management purposes, the Group is organised into business units based on their products and services, and has five reportable operating segments as follows:

- ▶ Supply and installation services;
- ▶ Sale of goods;
- ▶ Real estate;
- ▶ Power; and
- ▶ Water

Management monitors the operating results of its business units separately for the purposes of making decisions about resources allocation and performance assessment. Segment performance is evaluated based on operating profit or loss which in certain aspects, as explained in the table below, is measured differently from operating profit or loss in the consolidated financial statements. Group financing, including finance costs and finance revenue, and income taxes are managed on a Group basis and are not allocated to operating segments.

B09-DN/HN

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 33. Segment Information (continued)

The segment results for the year ended 31 December 2017 are as follows:

	VND					
	Supply and installation services	Sale of goods	Real estate	Power	Water	Consolidated
<i>Sales</i>						
Total segment sales	2,939,507,869,594	1,059,861,461,695	1,029,438,346,898	721,789,348,248	-	5,750,597,026,435
Inter-segment sales	(562,379,946,494)	(115,774,073,562)	(77,269,590,446)	-	-	(755,423,610,502)
<b>Total</b>	<b>2,377,127,923,100</b>	<b>944,087,388,133</b>	<b>952,168,756,452</b>	<b>721,789,348,248</b>	<b>-</b>	<b>4,995,173,415,933</b>
<i>Results</i>						
Segment profit after tax	321,678,293,373	37,116,709,608	479,882,614,208	611,246,963,524	94,108,991,873	1,544,033,572,586
Unallocated loss after tax						(21,208,391,833)
<b>Total profit after tax</b>						<b>1,522,825,180,753</b>
In which:						
Shareholders of the parent						
Segment profit after tax	321,669,890,958	37,114,772,754	406,578,152,641	538,823,975,584	94,108,991,873	1,398,295,783,810
Unallocated loss after tax						(21,208,391,833)
Non-controlling interest	8,402,415	1,936,854	73,304,461,567	72,422,987,940	-	145,737,788,776
The segment assets and liabilities for as at 31 December 2017 are as follows:						
Segment assets	2,343,961,334,591	534,009,047,068	2,912,333,069,113	5,559,985,384,188	1,323,241,772,465	12,673,530,607,425
Unallocated assets						1,621,136,741,507
<b>TOTAL ASSETS</b>						<b>14,294,667,348,932</b>
Segment liabilities	2,033,506,608,492	346,879,527,023	1,020,518,623,522	555,635,595,739	693,160,000,000	4,649,700,354,776
Unallocated liabilities						951,689,792,819
<b>TOTAL LIABILITIES</b>						<b>5,601,390,147,595</b>

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 33. Segment Information (continued)

The segment results for the year ended 31 December 2016 are as follows:

	VND						
	Supply and installation services	Sale of goods	Real estate	Power	Water	Consolidated	
<b>Sales</b>							
Total segment sales	2,137,359,192,327	1,043,956,202,469	841,031,246,188	418,569,903,194	-	4,440,916,544,178	
Inter-segment sales	(397,933,261,885)	(314,488,038,961)	(69,132,637,564)	-	-	(781,553,938,410)	
<b>Total</b>	<b>1,739,425,930,442</b>	<b>729,468,163,508</b>	<b>771,898,608,624</b>	<b>418,569,903,194</b>	<b>-</b>	<b>3,659,362,605,768</b>	
<b>Results</b>							
Segment profit after tax	296,473,923,127	30,945,699,236	432,779,460,183	333,106,903,523	64,262,858,021	1,157,568,844,090	
Unallocated profit after tax						16,090,359,712	
<b>Total profit after tax</b>						<b>1,173,659,203,802</b>	
In which:							
Shareholders of the parent							
Segment profit after tax	296,466,449,137	31,564,836,495	397,189,449,139	287,663,061,983	64,262,858,021	1,077,146,654,775	
Unallocated profit after tax						16,090,359,712	
Non-controlling interest	7,473,990	(619,137,259)	35,590,011,044	45,443,841,540	-	80,422,189,315	
The segment assets and liabilities for as at 31 December 2016 are as follows:							
Segment assets	2,079,124,709,230	557,169,968,815	2,319,084,646,500	5,393,400,605,385	61,680,482,836	10,965,583,412,766	
Unallocated assets						431,051,763,807	
<b>TOTAL ASSETS</b>						<b>11,396,635,176,573</b>	
Segment liabilities	1,901,837,430,605	244,331,831,794	601,800,299,110	759,357,039,991	15,082,080,000	3,522,408,681,500	
Unallocated liabilities						153,085,277,142	
<b>TOTAL LIABILITIES</b>						<b>3,675,493,958,642</b>	

## Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

as at and for the year ended 31 December 2017

### 34. Contingent Asset

On 28 September 2011, the Company entered into a Restructuring Deed to transfer all of its ownership in Vung Ang II Thermal Electricity Company ("VAPCO"). According to this Deed, all risks and rewards of the Company in VAPCO were passed to the buyer on 14 November 2011. Proceeds from disposal amounting to VND 153,323,885,510 were fully collected and this amount is non-refundable in any circumstances.

Also in accordance with this agreement, the Company may receive USD 3,779,832 in addition to said proceeds upon the occurrence or non-occurrence of uncertain future events not wholly within the control of the Company. All parties will complete related administrative procedures at the completion date of the Deed. Accordingly, management accounted this amount as contingent asset and accordingly disclosed in the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 18 - Provision, Contingent assets and liabilities.

### 35. Reclassification Of Corresponding Figures

Certain corresponding figures on the consolidated income statement for the year ended 31 December 2016 have been reclassified to reflect the presentation of the current year's consolidated income statement. Details are as follows:

	VND		
Items	As previously presented	Reclassification	Reclassified amounts
<b>For the year ended 31 December 2016</b>			
Finance income	685,070,057,689	(509,013,622,380)	176,056,435,309
Shares of (loss) profit of associates	(121,168,540,938)	509,013,622,380	387,845,081,442

### 36. Event After The Balance Sheet Date

In accordance with the Decision of Board of Directors No. 03/2018/QD-HDQT-REE dated 29 January 2018, the Company's Board of Directors has approved the interim 2017 dividends by cash at the rate of 16% of par value. Accordingly, the expected payment date is 27 April 2018.

Except for the event as disclosed above, there has not been any other significant matter or circumstance that has arisen since the balance sheet date that requires adjustment or disclosure in the consolidated financial statements of the Group.

Pham Thi Uyen Phuong

Preparer  
9 March 2018

Ho Tran Dieu Lynh

Chief Accountant



Nguyen Thi Mai Thanh

General Director



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH Refrigeration Electrical Engineering Corporation (REE)

📍 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
364 Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ 84-28-3810 0017 / 3810 0350 📠 84-28-3810 0337

✉ ree@reecorp.com.vn 🌐 www.reecorp.com



CTCP Dịch Vụ & Kỹ thuật  
Cơ điện lạnh R.E.E  
R.E.E Mechanical & Electrical  
Engineering JSC

📍 Tòa nhà REE, 364 Cộng Hòa, Phường 13  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
REE Building, 364 Cong Hoa Street, Ward 13,  
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ 84-28-3810 0017

📠 84-28-3810 4469

✉ ree@reeme.com.vn

🌐 www.reeme.com.vn



CTCP Điện máy R.E.E  
R.E.E Electric Appliances JSC

📍 Tòa nhà REE, 364 Cộng Hòa, Phường 13  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
REE Building, 364 Cong Hoa Street, Ward 13,  
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ 84-28-3849 7227

📠 84-28-3810 4468

✉ info@reetech.com.vn

🌐 www.reetech.com.vn



CTY TNHH Quản lý và  
Khai thác Bất động sản R.E.E  
R.E.E Real Estate Co., Ltd.

📍 Tầng lửng, tòa nhà e.town 1  
364 Cộng Hòa, Phường 13,  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Mezzanine, e.town 1 Building,  
364 Cong Hoa Street, Ward 13,  
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ 84-28-3810 4462

📠 84-28-3810 6816

✉ sales@etown.com.vn

🌐 www.etown.com.vn



CTCP Bất động sản R.E.E  
R.E.E Land Corporation

📍 Tòa nhà REE, 364 Cộng Hòa, Phường 13  
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
REE Building, 364 Cong Hoa Street, Ward 13,  
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ 84-28-3813 0151

📠 84-28-3813 0161



CTCP Hạ tầng và  
Bất động sản Việt Nam  
Vietnam Infrastructure  
Investment & Development JSC

📍 Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences  
6 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh,  
Quận Ba Đình, Hà Nội  
2nd Floor, Platinum Residences Building,  
6 Nguyen Cong Hoan Street, Ngọc Khanh Ward,  
Ba Dinh District, Ha Noi

☎ 84-24-3938 6682

📠 84-24-3938 6683

✉ info@viid.vn

🌐 www.viid.vn



CTCP Thủy điện Thác Bà  
Thac Ba Hydro Power JSC

📍 Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình,  
Tỉnh Yên Bái  
Thac Ba Town, Yen Binh District,  
Yen Bai Province

☎ 84-216-3884116

📠 84-216-3884167

🌐 www.thacba.com.vn



CTCP Phát triển  
Điện nông thôn Trà Vinh  
Tra Vinh Rural Electric  
Development JSC

📍 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9,  
Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
68 Nguyen Chi Thanh Street, Ward 9,  
Tra Vinh City, Tra Vinh Province

☎ 84-294-3680076 / 6520688

📠 84-294-3850017

🌐 www.diennongthontv.com



**Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh**  
*Refrigeration Electrical Engineering Corporation*